NĂM THỨ MƯỜI SÁU • #184 • AUGUST 2004

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

BÊN TRỜI HOA CHẨU NỞ **HỒ MINH DŨNG**

GIẤC MƠ THỰC VẬT **HOÀNG QUÂN**

BA THÁNG TRƯỚC BẦU CỬ TỔNG THỐNG MỸ

CỔ LŨY

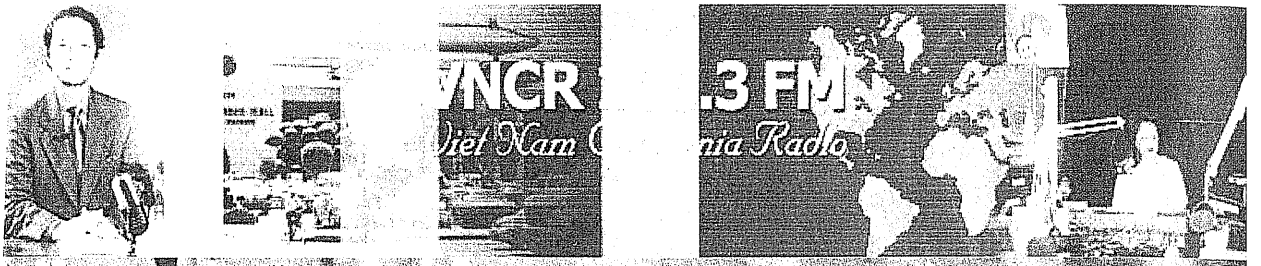

Mời Độc giả Thế Kỷ 21

(Nhiều bài đăng trên tạp chí **Thế Kỷ 21** được sử dụng trong các chương trình với sự bảo trợ của **Thế Kỷ 21**)

vào nghe đài VNCR và đọc tin hàng ngày

WWW.RADIOVNCR.COM

Nghe Chương Trình Cũ

Để nghe được VNCR Internet Radio với chất lượng âm thanh rõ và trung thực, quý vị phải có **Windows Media Player 9.0** hoặc mới hơn.

WindowsMedia Player 9 Series FREE

Quý vị đang dùng **Windows Media Player 9.0**

Nghe Đài Theo Ngày

◂ Tháng 4 Năm 2004 ▸

S	M	T	W	T	F	S
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

5AM đến 8AM — NGHE TIN TỨC PHÁT LẠI
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

12PM đến 4PM — NGHE TIN TỨC TRỰC TIẾP
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

Đọc tin

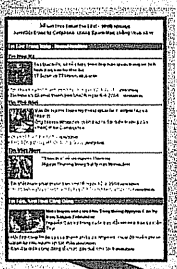

Email miễn phí

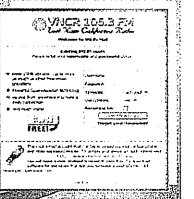

VNCR 106.3 FM

Vietnam California Radio (Orange County)

Thứ hai-thứ sáu: 5:00 AM đến 8:00 AM
(Giờ California) 12:00 PM đến 4:00 PM

KXMX 1190 AM

Los Angeles & Orange County

Thứ Bảy: 1:00 PM đến 12:00 AM
Chủ nhật: 2:00 PM đến 12:00 PM
(Giờ California)

KSON 1240 AM

San Diego

Thứ Bảy & Chủ nhật:
12:00 PM đến 7:00 AM
(Giờ California)

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

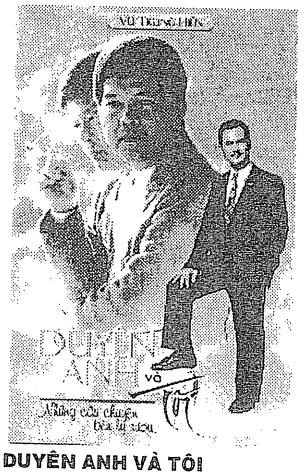

DUYÊN ANH VÀ TÔI
Những câu chuyện bên ly rượu
VŨ TRUNG HIỀN
Tác giả là người em kết nghĩa với nhà văn Duyên Anh, và cuốn sách này là ghi chép những chuyện trò giữa hai người được thu băng vào tháng 8 năm 1995, lần trò chuyện cuối cùng trước khi Duyên Anh qua đời. Các ghi chép này rất trung thực, không cắt xén hoặc thêm thắt, coi như phản ảnh đúng con người "nguyên chất" của nhà văn Duyên Anh, một nhà văn có tài của văn học Việt Nam. Giá 20 Mỹ kim.

CÔ BÉ BÊN GIÀN HOA GIẤY ĐỎ
Tập truyện ngắn của **PHONG THU**
Năm 1975, tác giả tập truyện này, chỉ mới là một cô gái 16 tuổi. Cô đã trải qua giai đoạn đổi đời vào lứa tuổi thơ mộng nhất của mình, và đã học bao bài học đắng cay trong chế độ mới. Một số truyện trong tập này phản ảnh những bức xúc, phẫn nộ, chán chường của tuổi trẻ miền Nam sau khi tiếp xúc với chế độ cộng sản vừa độc tài, vừa gian dối, thủ đoạn. Giá 15 Mỹ kim.

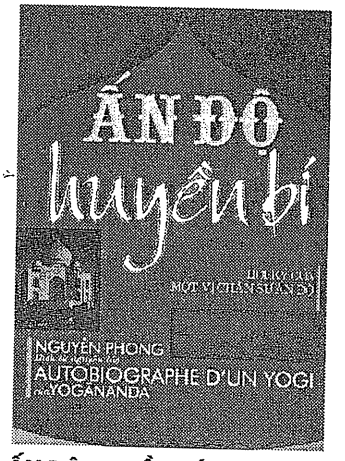

ẤN ĐỘ HUYỀN BÍ
YOGANANDA, *bản dịch của* **NGUYÊN PHONG**
Cuốn sách kể biết bao kinh nghiệm lạ lùng về những thành tựu tâm linh của những vị chân tu người Ấn Độ, mà người phàm thường chỉ diễn tả bằng hai chữ "huyền bí." Nhưng một tôn sư Ấn Độ đã nói: "Chỉ có sự giới hạn trong tầm hiểu biết hiện tại của chúng ta, chứ không có giới hạn trong các hiện tượng tự nhiên của tâm linh và vũ trụ." Tu tập tâm linh có thể mở ra một thế giới mênh mông các khả năng kỳ lạ của con người. Giá 13 Mỹ kim.

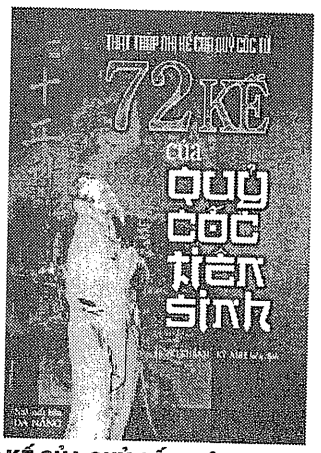

72 KẾ CỦA QUỶ CỐC TIÊN SINH
HỒNG KHÁNH KỲ ANH *biên dịch*
Quỷ Cốc Tử là một nhân vật gần như huyền thoại của lịch sử Trung Hoa, đã để lại một cuốn sách về mưu kế, sách lược, và trong số đồ đệ của ông có bốn người nổi tiếng là Tôn Tẫn, Bàng Quyên, Tô Tần và Trương Nghi. Căn bản tư tưởng về kế sách của ông dựa vào sự biến hóa, vận dụng theo lý luận âm dương, căn cứ trên những quan hệ mâu thuẫn đối đãi nhau, như sáng tối, hư thực, thuận nghịch, cương nhu... nhờ thế sát với thực tại, dẫn đến thành công. Giá 11 Mỹ kim.

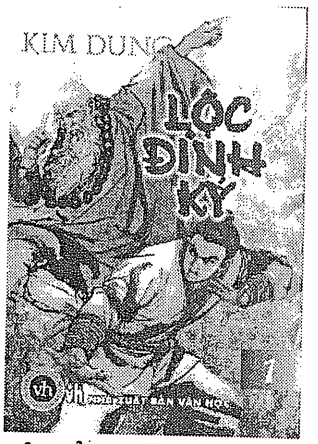

LỘC ĐỈNH KÝ
Nguyên tác của **KIM DUNG,**
bản dịch **CAO TỰ THANH**
Đây là một bản dịch mới, khác với bản dịch đã lưu hành ở miền Nam trước 1975, vì không chỉ lưu ý về mặt ngôn ngữ, văn tự mà còn cả về văn bản, văn hóa, và văn chương. Về cách trình bày cũng khác, không như loại "sách kiếm hiệp ba xu," mà in trên giấy quý, đóng bìa cứng, trân trọng như loại tác phẩm có giá trị cao.
Giá trọn bộ 5 cuốn: 95 Mỹ kim.

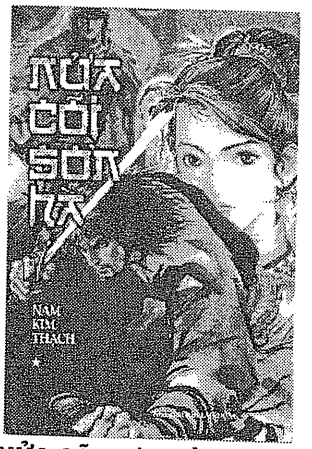

NỬA CÕI SƠN HÀ
Nguyên tác của **NAM KIM THẠCH,**
bản dịch **NHẤT GIANG**
Sách kiếm hiệp Trung Hoa gay cấn, hấp dẫn, các động tác, tình huống nối nhau diễn ra liên tiếp. Người đọc bị cuốn hút liên tục nhờ các đối thoại rất linh động, các đấu pháp biến ảo nhưng rất thật, và câu chuyện rất lôi cuốn, đã đọc rồi thì không thể rời ra được. Sự hấp dẫn kéo dài suốt cả 6 cuốn của bộ sách.
Giá trọn bộ: 63 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí **THẾ KỶ 21**
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel: (714) 585-4666 - (714) 839-8746
Email:tapchitheky@aol.com (trị sự) theký@kicon.com (biên tập

Tạp chí THẾ KỶ 21: *Một tặng phẩm đầy ý nghĩa*

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Media Mail (Air Mail)	**US $50.00**	**US $90.00**	
Hạng nhất / First Class	**US $64.00**	**US $120.00**	
Canada	**US $68.00**	**US $130.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $88.00**	**US $170.00**	
	US $90.00	**US $170.00**	Mới (New)
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $98.00**	**US $185.00**	
	US $106.00	**US $196.00**	Mới (New)

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11 năm 2002 (Effective Nov. 1, 2002)

Suyễn, mất ngủ, đau bao tử, dị ứng mũi v.v... ĐỪNG LO đã có THUỐC CHUYÊN TRỊ RẤT HIỆU QUẢ

GẦN 40 NĂM KINH NGHIỆM PHỤC VỤ QUÍ THÂN CHỦ TRONG CÁC LÃNH VỰC SỨC KHỎE - SỰ NGHIỆP - TÌNH YÊU THEO Ý MUỐN

Prof. PUNG NAVANN nguyên Y Sĩ riêng của Tổng Thống Cộng Hòa Cao Miên với hơn 600 loại thuốc Bào Chế Thiên Nhiên, được chế biến kỹ lưỡng theo công thức đặc biệt riêng của Prof. Pung Navann, đem về uống ngay.
** Tất cả các loại thuốc Bào Chế 100%Thiên Nhiên củaProf. Pung Navann tuyệt đối không có hóa chất, không có chất thuốc tây (như thuốc giúp ngủ hoặc thuốc an thần), không có chất thuốc cầm chừng bớt đau (như chất Aspirine, Motrine, Tylenol, Cortisone...) vì vậy, không thể nào làm cho mục xương. Tuyệt đối không có chất kích thích, không có chất làm cho bị ghiền.*

Prof. Pung Navann là người đầu tiên có các loại thuốc bào chế 100% thiên nhiên

CHUYÊN TRỊ

- Tạo cho da thịt hồng hào, tươi mát. - Bổ gan, mát gan; Bổ phổi, mát phổi.
- Đả thông kinh mạch. - Tăng cường và phục hồi sức khỏe.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa đau cổ, mỏi cổ; đau vai, mỏi vai, đau lưng, mỏi lưng, đau thắt lưng, mỏi thắt lưng, và đau dưới thắt lưng [gồm phong thấp đau nhức (Rheumatism) hoặc khớp xương sưng nhức đỏ nóng không phải vì khí hậu (Goût).]
- Chữa trị và phòng ngừa đau nhức tứ chi, đau nhức toàn cơ thể.
- Ăn ngon, Ngủ ngon, tinh thần thoải mái. - Giải trừ cơ thể bị uể oải.
- Làm cho những người tay chân bị lạnh và sợ lạnh được ấm lại như tuổi trẻ.
- Làm cho khỏ bị cảm. - Làm cho khỏi đổ mồ hôi tay và chân.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa các loại Nhức đầu kinh niên.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa Di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm, bất lực, nữ giới lãnh cảm,
- * Có thuốc đặc biệt trị các bệnh phụ nữ như: Kinh nguyệt không đều, có kinh quá sớm hoặc quá trễ, hoặc khi sớm khi trễ, đường kinh quá nhiều, đường kinh qúa ít, có kinh trên 7 ngày mà chưa dứt. đau bụng khi hành kinh, ra máu giữa chu kỳ đường kinh, tắt kinh (vì không mang thai), sa tử cung.

* Trong thời gian hành kinh: 1. Vú căng chướng và đau. 2. Nhức đầu. 3. Cơ thể hoặc khớp xương đau nhức. 4. Đi cầu nhiều lần hoặc tiêu chảy. 5. Lỡ miệng. 6. Nổi mề đay phong ngứa. 7. Chóng mặt, choáng váng. 8. Tánh tình nóng nảy, quạu cọ hoặc tâm tính thay đổi (như la mắng, vui buồn vô lý).

Ngoài ra: còn có thuốc chuyên trị những triệu chứng khi sắp hoàn toàn tắt kinh (trên 40 đến trên 50 tuổi)

- Trị huyết trắng. Chữa trị cho những cô gái hoặc đàn bà âm đạo bị khô, để cho thuận lợi việc giao hợp.
- Không mệt mỏi sau khi giao hợp. - Giúp cho dương vật được cứng cáp.
- Giúp cho tuổi trẻ được sức khỏe tốt, trí nhớ tốt, đầu óc tỉnh táo và sáng suốt.
- Giúp cho người già cả (gồm Nam và Nữ) ăn ngon, ngủ ngon. Khỏe khoắn. Không sợ lạnh, làm ấm lại như tuổi trẻ và trường thọ v.v...

NGOAI RA THUỐC CÒN ĐẶC BIỆT CHUYÊN CHỮA TRỊ:

a) Các loại bệnh bao tử gồm: loét bao tử (Gastric Ulcer); loét dạ tràng (Duodenal Ulcer).
b) Các chứng ho kinh niên, đờm nhiều, nặng ngực, khó thở hoặc bệnh hen suyễn.
c) Viêm mũi kinh niên (Chronic sinusitis) hoặc dị ứng mũi kinh niên (Chronic Nasal Allergy).
d) Các loại bệnh gan.
e) Các loại mụn và nám (trên mặt, trước ngực, sau lưng hoặc các nơi khác trên cơ thể). Phần lớn đều biến mất sau một thời gian dùng thuốc.
f) Táo bón kinh niên; Trĩ nội, trĩ ngoại.
g) Bệnh tiểu đường, rất hiệu quả cho những người mới bị (Ngoại trừ bệnh nhân đã phải chích insuline)
h) Triệu chứng khô môi, khô miệng, khô cổ, viêm cổ.
i) Bệnh áp huyết thấp; bệnh áp huyết cao j) Bệnh chảy máu cam
k).Viêm đường tiểu (cả nam lẫn nữ) như: Tiểu ra máu hoặc đi tiểu thấy rát và đau, sau khi thông qua phòng lab hoá nghiệm nước tiểu phát hiện có máu trong nước tiểu - Tiểu ra thấy đục - Tiểu ra thấy sạn nhỏ màu nâu đậm. Bị mắc tiểu hoặc lúc muốn tiểu mà kèm hãm không nổi

- Viêm nhiễp hộ tuyến cấp tính hoặc chậm tính. Nhiếp hộ tuyến sưng to làm cho đi tiểu khó khăn và sau khi đi tiểu rồi còn bị nhiều thêm đôi chút.
- Gần 40 năm nghiên cứu thành công về các bệnh nan y và các bệnh bất trị; Nay Prof. Pung Navann đã nghiên cứu thành công thêm thuốc chuyên trị triệu chứng rụng tóc và mọc tóc.

Prof. Pung Navann

- Nguyên Y Sĩ riêng của Thái Tử Sisowath Monireth (cậu ruột của Quốc Vương Norodom Sihanouk) Chủ tịch Hội Đồng Tối Cao của Hoàng Cung Cấm Bắt.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Thống Chế Lon Nol, Tổng Thống nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Quốc Trưởng Cheng Heng, nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Ủy viên Bộ Y Tế Nước Cộng Hòa Cao Miên.

THUỐC BÀO CHẾ THIÊN NHIÊN CỦA PROF. PUNG NAVANN
BÁN TRỰC TIẾP KHÔNG QUA MỘT TRUNG GIAN
NÀO HẾT ĐỂ TRÁNH SỰ GIẢ MẠO
Chỉ được bán tại:
12812 Valley View St. # 30, Garden Grove, CA 92845 USA
Nhận gởi thuốc khắp nơi trên thế giới.
Nói bảy thứ tiếng Việt, Miên, Anh, Pháp, Bắc Kinh, Triều Châu và Quảng Đông.
Xin gọi số: Tel: (714) 891-3588

Kính gởi Bác Sĩ PUNGNAVANN:
Thưa bác sĩ, tôi tên là Trần Thị Kim Thắm, hiện cư ngụ tại thành phố Riverside. Tôi bị chứng bịnh mất ngủ, ban đêm thức nhiều lần, đã nhiều năm qua tôi ăn uống không biết ngon. Gần nhất là năm 1995, tôi lại mang thêm chứng bịnh đau bao tử, ănk hông tiêu, bị nghẹn, tôi đã đi chữa trị nhiều bác sĩ nhưng bịnh cứ trở lại mãi. Tôi được nghe danh tiếng của Bác Sĩ Pungnavann và tìm đến gặp bác sĩ. Qua hai tuần uống thuốc của bác sĩ và theo đúng lời chỉ dẫn, bệnh tình của tôi đã giảm hơn 50%, rồi 4 tuần sau đó, sức khỏe tôi đã bình phục và đến tuần thứ 5 bệnh tình tôi đã dứt hẳn, ăn ngon, ngủ yên giấc và không còn bịn nghẹn như trước nữa. Quả thật hiệu nghiệm. Gần 1 năm nay, bệnh tôi không trở lại. Tôi không biết nói gì hơn, xin thành thật cảm ơn Bác Sĩ và cầu chúc cho bác sĩ được trường cửu để cứu nhân độ thế. Kính chào Bác Sĩ.
PS: Xin Bác Sĩ phổ biến để những người có bệnh có dịp may chữa trị.
K.T.

Kính gởi Bác Sĩ Pungnavann,
Tôi Sơn Nguyễn hiện ở tiểu bang Minnesota thành phố Brooklynn Center, tôi bị bệnh phong tê thấp từ Việt Nam, sang Hoa Kỳ được 5 năm, chân tay bị đau nhức và ra mồ hôi ở tay và bàn chân. Riêng hai mắt cá chân cứ sưng lên và đỏ làm cho đau nhức không đi lại được. Tôi đã đi rất nhiều bác sĩ chữa trị nhưng không hết. Tôi nhờ bác sĩ PungNavann ở California chữa trị cho tôi, nay tôi đã lành bệnh không còn sưng và đau nhức tay chân, không còn ra mồ hôi. Nay tôi viết mấy hàng chữ gửi đến Bác Sĩ lời cảm ơn đã giúp cho tôi được khỏi bệnh và tôi cũng xin giới thiệu với bà con nếu ai bị bệnh giống tôi nên đến Bác Sĩ PungNavann để được giúp đỡ.

Bịnh Suyễn kinh niên chú ý

Tôi tên là Dương Thu Hà hiện cư ngụ tại Dallas-Texas bị bịnh suyễn suốt hơn 30 năm nay, mấy tuần nay uống thuốc của Bác Sĩ Pung Navann bịnh tôi đã khỏi nhiều không còn khó thở và khò khè như trước. Tôi được ngủ ngon giấc không phải thức dậy bơm thuốc nữa. Tôi vui mừng lắm, viết vài dòng cảm ơn Bác Sĩ đã chữa được chứng bịnh ngặt nghèo của tôi từ mấy chục năm qua. Tiện đây tôi cũng giới thiệu đến độc giả xa gần, nếu quí vị nào có chứng bịnh kinh niên này đừng e ngại uống thử vài tuần xem sao. Sẽ thấy được kết quả và chừng đó sẽ tin là tôi nói đúng sự thật. Một lần nữa xin cảm ta vị Bác Sĩ Pung Navann rất nhiều.

Thư này em viết cho Bác Sĩ và mong Bác Sĩ đăng lên báo để đồng bào Việt Nam ở hải ngoại được biết đến sự may mắn được hết bệnh kể từ khi uống thuốc và lòng thương người của Bác Sĩ này.

Kính gởi Bác Sĩ Pung Navann,
Tôi bị bệnh dị ứng mũi đã hơn 10 năm... Sáng nào tôi cũng bị nhảy mũi và nghẹt không thở được, đêm nào tôi cũng phải dùng thuốc xịt mũi ít nhất là hai lần mới thở được, và tôi cũng có đi khám rất nhiều Bác Sĩ Mỹ để chữa trị, nhưng bệnh mũi của tôi chỉ đỡ khi dùng thuốc, khi hết thuốc thì đâu cũng vào đó, nhưng có một ngày tôi đọc báo thấy có thân chủ viết thư khen tặng Bác Sĩ Pung Navann - là một Bác Sĩ rất hay và trị bệnh như thần, tôi nghe vậy đành thử xem sao có câu ôphước chủ may thầyọ và tôi đến phòng mạch B.S Navann và những điều làm cho tôi vừa ý nhất là B.S Navann rất thành thật và tiải thích cho tôi biết tường tận cách trị bệnh của B.S, và cho tôi biết phải uống bao nhiêu lần thuốc và cách trị liệu thế nào để bệnh dị ứng mũi của tôi khỏi hẳn. Sự thật lúc đầu tôi cũng không tin tưởng lắm nhưng tôi nghĩ tôi phải thử mới biết, thành ra tôi nghe lời theo sự chỉ dẫn của B.S Pung Navann và kết quả ngoài sức tưởng tượng của tôi... Sau khi tôi uống thuốc do B.S chỉ định thì bệnh mũi của tôi hết hẳn... và sau đó không hề tái phát. Tôi rất vui mừng và tôi có vài lời cám ơn B.S Pung Navann và thành thật chúc B.S Navann thành công trong sự bào chế thuốc để cứu nhân độ thế.
Kính thư

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Tay tiên gió táp mưa sa*
Khoảng trên dừng bước thảo và bốn câu
Họa phẩm của họa sĩ **Nguyễn Quỳnh** 1998, Watercolor, 17.5" x 23.5"
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Tôn Nữ Thu Nga**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 184 – Tháng Tám 2004

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
7. Hệ thống bầu cử Tổng Thống Mỹ cần thay đổi – **Ngô Nhân Dụng**
13. Thêm một xét xử phi lý của Hoa Kỳ: tôm VN bán phá giá – **Nguyễn Quốc Khải**
19. Thuyết "Bush" và thực tế - **Hoàng Quế**
23. Ba tháng trước bầu cử Tổng Thống Mỹ – **Cổ Lũy**
VĂN HÓA – LỊCH SỬ
30. Duyệt lại chính sách của Hoa Kỳ trong cuộc chiến VN 1945-1954 – **Lê Xuân Khoa**
36. Thuốc đánh răng và phần mềm – **Nguyễn Đức Tường**
40. Thần thoại Bách Việt – **Phan Quốc Sơn**
44. Phật giáo và hư vô chủ nghĩa – **Trần Doãn Nho** và **Chân Phương** dịch
82. Vu Lan – **Tôn Nữ Thu Nga**
102. Câu chuyện âm nhạc – **Sơn Điệm Vũ Ngọc Ánh**
108. Sự ngụy tạo tài liệu lịch sử của thực dân Pháp – **Nguyễn Quốc Trị**
VĂN
71. Giấc mơ thực vật – **Hoàng Quân**
75. Bên trời hoa chẩu nở – **Hồ Minh Dũng**
85. Bí quyết hạnh phúc gia đình – **Nguyễn Ái Nhân**
91. Phố Hội của tôi – **Phạm Thành Châu**
115. Đi Tàu – **Phạm Xuân Đài**
THƠ
43. Tôi, con đò nhỏ – **Hà Việt Hùng**. 73. Cuối chân mây mờ tỏ – **Lê N. Khái**. 79. Vòng tay của mẹ – **Việt Trang**. 90. Về trễ – **Nguyễn Văn Cường**. 95. Qua phố – **Sương Mai**. 106. Cúi mặt – **Lưu Trọng Tưởng**
MỤC THƯỜNG LỆ
5. Bạn đọc viết
6. Thư trị sự
48. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
54. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Từ Nguyên**
63. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Bức tranh

Truyện Bức Tranh của Xuân Đỗ trong số báo vừa rồi rất xuất sắc. Một câu chuyện tình nhẹ nhàng giữa một cô gái người Hoa của phố cổ Hội An với người sĩ quan văn hóa Phù Tang, trong bối cảnh những ngày cuối của đệ nhị Thế chiến. Người đọc có cảm tưởng tác giả kể một câu chuyện thật đã xảy ra tại thành phố cổ kính này, vì nhiều yếu tố lịch sử phù hợp với câu chuyện: cộng đồng người Trung Hoa cư ngụ tại đây đã lâu đời, các tổ chức kháng Nhật trong Thế chiến 2 của họ là có thật (nhạc sĩ La Hối đã bị hiến binh Nhật bắt giết), các di tích của người Nhật lưu lại từ ba, bốn thế kỷ trước đã lôi cuốn người sĩ quan Nhật sáng tác bức tranh... Các tình tiết có thể do tác giả hư cấu, nhưng sự phù hợp lịch sử được sử dụng rất khéo, tạo nên nét cảm động của câu chuyện.

Hà Kỳ Lam (Philadelphia)

Ý kiến về một ý kiến

Đọc bài "Hệ thống dọc, hệ thống ngang" của tác giả Tôn Thất Thiện trong Thế Kỷ 21 số 182, tôi rất khoái chí, tôi thấy mình tâm đắc hoàn toàn các ý tưởng của ông. Thế nhưng khi đọc bức thư của ông Nguyễn Gia Tiến trong mục Bạn Đọc Viết, Thế Kỷ 21 số 183 thì tôi thấy ý của ông cũng rất hay, dù nội dung không đồng ý với bài của ông Tôn Thất Thiện!

Và tôi giật mình về sự ba phải của mình: nghe ông A nói cũng gật, nghe ông B cãi lại cũng cho là hay. Vậy chắc hẳn chính tôi đang có vấn đề. Bèn xem lại cả hai bài.

- Mục đích bài "Hệ thống dọc, hệ thống ngang" là nêu nguyên nhân sự trì trệ của Việt Nam với ý hướng tìm một giải pháp thoát khỏi trì trệ: thay vì quốc gia chỉ có một hệ thống dọc như thời phong kiến và thời cộng sản hiện nay, thì nên có một hệ thống hiện đại hóa, dọc lẫn ngang. Tôi cho đây là một cái nhìn rất chiến lược của một thức giả, hầu tìm một phương thuốc cho căn bệnh trầm kha hàng trăm năm của Việt Nam.

- Bức thư của ông Nguyễn Gia Tiến không bàn về giải pháp được tác giả bài trên đề nghị, mà bàn về một vấn đề khác: bênh vực những phẩm chất của đạo nho, và chú ý phân biệt hệ thống dọc của đạo nho khác với hệ thống dọc của cộng sản. Ông cho rằng nội dung Khổng giáo rất tốt "chưa cần phải vứt bỏ đi ngay."

Tôi đồng ý với ông Nguyễn Gia Tiến về một số phẩm chất tốt đẹp mà Khổng giáo đã để lại trong con người Việt Nam (cũng như người Tàu, người Nhật) hiện nay. Nhưng đó là những cái tốt đẹp trong các nguyên tắc về phương diện tu thân và tề gia. Chứ trị quốc và bình thiên hạ thì e đã lỗi thời lắm, thời dân chủ ngày nay mà còn "quân quân, thần thần" thì ai mà chịu cho nỗi! Và cũng đừng đưa câu "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" ra để mà nói rằng "ta" đã có ý niệm dân chủ từ khuya rồi. Thực sự ý niệm rất dân chủ này của Mạnh Tử chưa bao giờ được biến thành một cơ chế áp dụng vào cơ cấu chính trị phong kiến của Tàu hay Việt. Nhiều lắm nó chỉ là một châm ngôn đạo đức cho các vị minh quân mà thôi. Mà châm ngôn đạo đức thì cũng rất mơ hồ, người dân mà dám rục rịch phạm tội khi quân (dù là minh quân) thì phải bị chém đầu tức khắc!

Nhưng phẩm chất tốt đẹp (ngày nay hẳn nhiên chỉ một cách tương đối thôi) về phương diện tu thân tề gia là một chuyện, hệ thống chính trị Khổng giáo là chuyện khác hẳn. Điều đáng thảo luận về bài viết của ông Tôn Thất Thiện là: có nên giữ cái *hệ thống dọc* chính trị Khổng giáo cũng như cộng sản hay không? Cái hệ thống dọc đó có mang lại nguy cơ làm cho đất nước trì trệ hay không? Còn *hệ thống ngang-dọc* mà tác giả TT Thiện đề nghị có giá trị hay là đáng vứt đi?

Riêng tôi, dù không chủ trương "vứt bỏ" hết một số điều tốt đẹp của quá khứ nho giáo, về phương diện chính trị quốc gia tôi thấy dứt khoát phải chặt bỏ cái *hệ thống dọc* rất lỗi thời để thay vào đó là sự tiến bộ hàng ngang, cả xã hội được tự do, đời sống công dân phát triển, tinh thần tự do dân chủ sẽ giúp cho nước mạnh, dân hạnh phúc.

Tô Minh Cơ (New York)

Giáo chủ và tông đồ

Trong cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) của Trung Hoa do Tôn Dật Tiên lãnh đạo, công việc đầu tiên khi cách mạng thành công là người ta kéo đổ tượng của Khổng Tử. Dân chúng Trung Hoa đang khát khao tiến bộ và tự do, muốn chấm dứt chế độ quân chủ, và nhìn Khổng Tử như là biểu tượng của cái lực ì bảo vệ cho quân quyền suốt mấy ngàn năm. Cuộc cách mạng đó mở đầu cho một nước Trung Hoa mới.

Kể ra cũng tội cho ông Khổng Tử. Tư tưởng của ổng từ thượng cổ là để làm cho nước Trung Hoa đang phân chia manh mún và loạn lạc lung tung được ổn định, và nâng trình độ đạo đức của con người lên một tầm mức mới. Cái kỷ cương ổng muốn lập ra trước hết là giáo dục

tinh thần của mọi người, để tất cả, vua, quan, dân chúng tự giác biết nhiệm vụ của mình mà tạo ra một xã hội an lạc, ổn định. Dưới cái nhìn của một người thống nhất thiên hạ bằng vũ lực và muốn cai trị bằng luật lệ sắt máu là Tần Thủy Hoàng thì ba cái lý thuyết nhân bản của Khổng Tử chỉ là thứ tào lao của mấy anh trí thức, cần dẹp bỏ tận gốc rễ!

Nhưng những triều đại sau, nhất là từ đời Tống trở đi, thì tư tưởng của Khổng lại biến thành công cụ để giữ vững nền phong kiến. Với hệ Tống Nho, tư tưởng phơi phới nhân bản của Khổng Tử trở thành giáo điều ràng buộc, xiềng xích, mà nếu Khổng Tử có sống dậy thì chắc ông cũng phải vận động một cuộc cách mạng khác để phá bỏ. Giáo chủ nói một đằng, nhưng khi tông đồ đi truyền đạo, tức là đi vào thực tế tổ chức, thì phải phịa ra nhiều cái khác có khi đi ngược lại ý muốn đầu tiên của giáo chủ! Xưa nay đều thế cả. Giữa lý thuyết và thực tế có nhiều cái khác biệt rất rùng rợn. Karl Max mà biết số người mà mấy ông Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Pol Pot... đã giết và vô số tội ác khác mấy ổng đã làm nhân danh chủ nghĩa Các Mác của ông thì chắc là ông sẽ bị... tâm thần luôn!

Trở về chuyện Khổng Tử. Việc kéo đổ tượng Khổng Phu Tử trong cách mạng Tân Hợi là điều cần cho công cuộc vận động chính trị lúc đó. Cần gây ấn tượng mạnh để tạo tâm lý dứt khoát cho dân chúng vốn hàng ngàn năm chìm đắm trong các câu "Tử viết..." Đó là chính trị. Nhưng về lâu về dài, sức mấy mà nước Trung Hoa dám phủ nhận nhà triết học, nhà tư tưởng Khổng Khâu! Đó là vốn liếng quá lớn của nước Tàu kim cổ.

Về chuyện Dọc Ngang trong bài viết của ông Tôn Thất Thiện và các phản bác của ông Nguyễn Gia Tiến đề nghị nên nhìn theo chiều hướng chính trị và văn hóa như vừa trình bày.

Lê Văn Tùng-Giang
(San Jose)

Trại tiếp cư mới

Mấy ngày gần cuối tháng Bảy, đọc một cái tin quá đặc biệt: một số người Bắc Hàn không biết bằng cách nào lại chạy đi "tị nạn" tại Việt Nam, và cuối cùng được Việt Nam trao cho nhà cầm quyền Nam Hàn!

Không ngờ ở đời lại có chuyện tréo cẳng ngỗng như vậy! Một nước chuyên "sản xuất" ra người tị nạn lại bắt đầu tiếp nhận người tị nạn, mặc dù chỉ cho tá túc tạm thời trước khi họ được một nước thứ ba cho định cư. Khi con dân của mình trốn đi tị nạn thì bắn theo, chưởi rủa không thiếu một lời xấu xa nào, không ngờ có ngày chính mình cũng phải đóng vai "nhân đạo" đối với kẻ tị nạn của nước khác – mà lại là nước anh em xã hội chủ nghĩa của mình mới là éo le chứ!

Ngặt nghèo hơn nữa là Việt Nam hiện vẫn đang sản xuất cái món người bỏ nước trốn đi, đó là người Thượng ở Cao nguyên Trung Phần. Không biết cai trị thế nào mà lúc nào cũng có người dân sống không nổi phải trốn đi. Và đối với những người trốn đi này thì bài bản vẫn như cũ: chưởi bới, vu cáo, tìm cách thông đồng với Cao Miên để bắt lại trừng trị. Mánh mung như vậy mà cũng can đảm đóng vai "tiếp cư" dân Bắc Hàn thì tài thật!

Hay là do tình anh em xã hội chủ nghĩa? Hay là... *Có tiền việc ấy mà xong nhỉ*... Có thể lắm! Chứ với đám cộng sản Việt Nam mà nói chuyện "nhân đạo" thì chắc tới... Tết Công Gô!

H.T.V. (Internet)

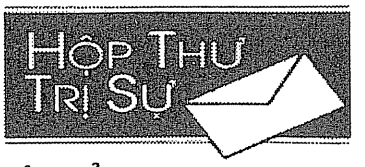

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Huynh Loc CA – Tran Minh Huy CA – Tran Loi CA – Nguyen Manh Khai Canada – Nguyen Van Loc Ca – Nguyen Quynh Phuong Belgium – Bonnyrigg High School Australia – Radio Free Asia DC – Hai Duong Canada – Tran Gia Diem TX – Nguyen Tan Vinh Norway – Nguyen Dinh Luu Norway – Truong Thi Kim Anh Norway – Doan Trinh CA – Paul Bechtold Library IL – Nguyen Nga My OH – Vu Thi An TX – Nguyen Van Toan CA – Trinh Nhu Hoa TX – Do Kim Bang CA – Nguyen Cong Thanh CA – Le Huu Chi CA – Nguyen Thiep CA – Nguyen Van Kim France – Nguyen Thu Giao CA – Nguyen Van Trung VA – Le Cong Mung CA – Trinh Tay CA – Tran Thi Cham Phuong CA – Nguyen Thu Huong CA – Nguyen Hung Quang CA – Nguyen Giao OK – Ewing Diep FL – Trinh Tan CA – Huynh Huu Uy CA – Tran N. Phieu TX – Do Charles CA – Lam Van Yen CA – Thai Phong CA – Ho Phu Bong FL – Khuu Kim Thanh OR – Nguyen Van Hien CA – Ho Van Phong MA – Nguyen Viet Lang Canada

ĐỘC GIẢ MỚI

Le Tuan Canada – Luu Trong Tuong CA – Le Van Thai CA – 4NP Vietnamese Books Australia - Periodicals Dept King CNTY LIB SYST WA – Vu Thi My Canada – Nguyen Duc Thuan TX

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Swets Information Services NJ – Luu Phuong TX – Do Quyen Australia

HỆ THỐNG BẦU CỬ TỔNG THỐNG MỸ CẦN THAY ĐỔI

NGÔ NHÂN DỤNG

Vào năm 2000, những đêm trình diễn sôi nổi nhất của các đại hội đảng Dân Chủ và Cộng Hòa trung bình tin đại hội chính trị chiếm 15 phần trăm giờ coi ti vi của những gia đình. Đại hội đảng ngày càng bớt hấp dẫn vì ai cũng biết trước kết quả. Tháng Bảy đảng Dân Chủ họp ở Boston để "tấn phong" Nghị sĩ John F. Kerry làm ứng cử viên của đảng. Tháng này, đảng Cộng Hòa sẽ họp ở New York để vinh danh Tổng thống George W. Bush. Năm 1831 là lần đầu tiên nước Mỹ có một đại hội đảng để chọn ứng cử viên tổng thống – cái đảng Anti-Mason đó bây giờ không mấy người nhớ tên nữa. Cho tới đầu thế kỷ trước, việc họp đại hội chọn ứng cử viên tổng thống vẫn còn sôi nổi. Năm 1912, đảng Dân Chủ phải bầu đi bầu lại 46 lần mới quyết định chọn được ông Woodrow Wilson, sau đắc cử. Nhưng từ khi có thể thức "bầu cử sơ bộ" để từng tiểu bang chọn trước, thì gần tới ngày đại hội mọi người đã đoán được ai sẽ được nhiều phiếu nhất rồi.

Một số tiểu bang sẽ quyết định

Thời gian tranh cử chính thức giống như một vở kịch ba màn. Màn thứ nhất là thời gian trước ngày đại hội của hai đảng. Các cử tri Mỹ đặt câu hỏi chính, là "Ông tổng thống (hoặc đảng) đương nhiệm có đáng cầm quyền thêm bốn năm nữa không?" Màn thứ nhì khởi sự từ lúc các đảng tổ chức đại hội chọn ứng cử viên, dù đại hội là những màn trình diễn thuần túy vì ai cũng biết trước kết quả. Nếu câu trả lời cho câu hỏi thứ nhất là "NO" thì đại hội sẽ trở thành sân khấu cho đảng đối lập trình bầy các chương trình trị quốc của họ. Lúc đó, câu hỏi của người dân sẽ là, "Ứng cử viên đối lập này có đáng lên làm tổng thống hay không?" Màn thứ ba thường bắt đầu sau những ngày nghỉ lễ Lao động Mỹ, đầu tháng Chín, gay cấn nhất là những cuộc tranh luận trên truyền hình. Đến lúc này mới thật sự là đối đầu tranh cử, vì số dân chúng coi các cuộc tranh luận năm nay chắc sẽ đông đảo.

Trong quá khứ, các vị tổng thống đang cầm quyền muốn tái cử mà đến khoảng tháng Sáu vẫn không được 50 phần trăm dân chúng ủng hộ thì rất khó thắng. Ba người đã thất nhật bại gần đây là Tổng thống Ford năm 1976 (45%), Tổng thống Bush (cha) năm 1992 (37%), Tổng thống Carter năm 1980 (32%). Những người đã được tái cử là Reagan năm 1984 (54%), Nixon năm 1972 (56%) và Clinton năm 1996 (được 58% dân ủng hộ vào tháng Sáu). Tất nhiên, đó chỉ là kinh nghiệm quá khứ, mà trong kinh nghiệm đó cũng có lúc vị tổng thống đương nhiệm tái đắc cử dù chỉ được 39 phần trăm dân ủng hộ vào thời điểm này, đó là ông Harry Truman, năm 1948. Vào giữa năm ông rất yếu, nhưng sau đó đã "vùng lên" và thắng.

Tổng thống Bush hiện nay đang đứng ngang ngửa với Nghị sĩ Kerry, đến cuối tháng Bẩy mỗi người được khoảng 47, 48 phần trăm dân ủng hộ. Trong cuộc nghiên cứu dư luận của nhật báo *Wall Street* (phỏng vấn từ ngày 19 đến ngày 21 tháng Bẩy) có 46 phần trăm cử tri nói ông Bush xứng đáng được tái nhiệm, 47 phần trăm nói không. Cuộc phỏng vấn của báo *USA Today* cũng trong thời gian trên cho thấy 48% dân Mỹ nghĩ là ông Bush đáng được tái cử, vẫn dưới 50 phần trăm. Một nhược điểm của ông Kerry là dân Mỹ không biết rõ về ông ta, như họ biết về ông Bush. Trong cuộc nghiên cứu của đài CBS và báo *New York Times* vào cuối tháng Sáu có 40 phần trăm dân chúng không có ý kiến nào về ông Kerry cả. Trước ngày đại hội đảng Dân Chủ vẫn còn một phần ba dân Mỹ không hiểu ông Kerry là người thế nào. Năm 1992 cũng vào thời điểm tháng Sáu, có 44 phần trăm dân Mỹ không có ý kiến nào về ứng cử viên Clinton cả, mà ông đã thắng với trên sáu phần trăm số phiếu toàn quốc vào cuối năm đó.

Kết quả ai được vào ngồi ở Tòa Bạch Ốc vào tháng Hai năm 2005 không phải do số phiếu cử

tri toàn quốc, mà do số phiếu cử tri đoàn của các tiểu bang, ai được 270 phiếu trong số 538 phiếu cử tri đoàn toàn quốc thì sẽ thắng. Đó là cách tổ chức bầu cử tổng thống của nước Mỹ, không giống ai, sẽ trình bầy trong phần dưới.

Hiện nay ông Kerry coi như chắc thắng ở 10 tiểu bang, trong đó có New York và California, tổng cộng 10 tiểu bang đó có 165 phiếu cử tri đoàn. Ông Bush đã nắm chắc được 22 tiểu bang, với 182 phiếu cử tri đoàn. Còn lại 18 tiểu bang coi như chưa chắc ai thắng, tổng cộng 191 phiếu cử tri đoàn. Trong 18 tiểu bang đó, có những tiểu bang mà năm 2000 đa số chọn ông Al Gore, năm nay cũng đang nghiêng về ông Kerry nhưng ông Bush vẫn còn hy vọng ở vài nơi như New Mexico, Pennsylvania. Trong số những tiểu bang năm 2000 đã bỏ phiếu cho ông Bush, năm nay có sáu tiểu bang ông Kerry đang nhắm giật lấy, là Missouri, Flodida, West Virginia, Ohio, New Hampshire, và Arizona. Ông Bush đang đi vận động ở Pennsylvania, mà từ trước đến nay không ứng cử viên Dân Chủ nào đắc cử nếu để mất Pennsylvania – nhưng có người được tiểu bang này mà vẫn thua. Cũng vậy, xưa nay chưa ứng cử viên Cộng Hòa nào đắc cử nếu không chiếm được Ohio. Cho nên có người tính gọn lại là hai ông Bush và Kerry ông nào chiếm được ba tiểu bang Ohio, Pennsylvania, và Florida thì chắc sẽ thắng.

Phương cách bầu Tổng thống rất cũ

Nước Mỹ là quốc gia có hệ thống dân chủ lâu đời nhất thế giới, với một bản hiến pháp cổ nhất vẫn còn được áp dụng, chứng tỏ các nhà lập quốc đã nhìn rất xa nên đưa ra các quy tắc khá tổng quát và linh động. Tuy nhiên các thủ tục bầu cử ở Mỹ được xếp đặt từ hơn 200 năm trước và những năm sau đó, bây giờ đã trở nên lỗi thời. Điều nguy hiểm là cách bầu cử đó không phản ảnh đúng tinh thần dân chủ, khiến nhiều cử tri không thiết tha đến việc bỏ phiếu. Nước Mỹ cần thay đổi để tránh các nhược điểm này.

Thay đổi thủ tục bầu cử là điều rất khó khăn vì có nhiều điều đòi hỏi phải thay đổi hiến pháp. Hơn nữa, thay đổi được hay không là do những người đang nắm quyền quyết định, tức các dân biểu, nghị sĩ cũng như các vị tổng thống. Mà chính những người này đang được lợi nhờ biết sử dụng guồng máy bầu cử hiện hành, rất khó thuyết phục họ thay đổi. Tuy nhiên, người Mỹ vẫn cần biết các khuyết điểm của hệ thống bầu cử để tìm cách thay đổi từng bước một, nếu phải vận động hàng thế kỷ mới có kết quả cũng vẫn phải tiến hành.

Nhật báo *USA Today* đã phân tích số tiền chi tiêu về quảng cáo trên truyền hình ở bốn tiểu bang miền Trung Tây cao hơn hẳn số tiền chi trung bình trên toàn quốc, cao hơn cả các tiểu bang được coi là vận động gay go nhất. Có 17, 18 tiểu bang được coi là gay go, tập trung ở miền trung Tây và miền Tây trừ California, mấy tiểu bang quanh ngũ đại hồ, và Florida, tổng cộng họ chiếm 180 phiếu cử tri đoàn trên con số 538 phiếu của cả nước Mỹ. Ông Kerry đã cho chạy 405 lần quảng cáo so với mỗi phiếu cử tri đoàn ở các tiểu bang đó; ông Bush cho chạy 393 lần. Nhưng có bốn tiểu bang đặc biệt, số lần quảng cáo còn tăng lên, có khi cao gấp rưỡi, là Iowa (Bush 598 lần, Kerry 548), Missouri (Bush 466, Kerry 494), Ohio (Bush 470, Kerry 476), và Wisconsin (Bush 545, Kerry 593).

Tại sao có tình trạng chênh lệch trong việc vận động như vậy? Vì tại nhiều tiểu bang tới nay số phận đã được an bài biết đa số sẽ bầu cho ai rồi, cả hai ứng cử viên Bush và Kerry chỉ lo tranh cử ở những nơi nào họ còn hy vọng kiếm được thêm phiếu để thắng, dù thắng với một tỷ số thấp. Vì theo thủ tục bầu cử tổng thống Mỹ nếu thắng ở tiểu bang nào họ sẽ được hưởng tất cả số phiếu cử tri đoàn của tiểu bang đó. Năm 2000 ông Gore thắng ông Bush 366 phiếu trong số 600 ngàn phiếu ở New Mexico và chiếm trọn 5 phiếu cử tri đoàn tại đó. Còn ông Bush hơn ông Gore hơn 500 phiếu ở Florida cũng hưởng 25 phiếu cử tri đoàn. Những cử tri "chưa quyết định" ở các tiểu bang còn đang ngang ngửa hiện được các ứng cử viên tìm đến.

Còn quý vị sống ở California hay Texas sẽ ít được thấy các ứng cử viên tổng thống đến thăm tiểu bang mình, trừ khi họ tới để gây quỹ tranh cử hồi đầu năm! Có ba tiểu bang đông dân nhất nhưng ít được tới vận động vì đa số dân nghiêng hẳn về một đảng, là California, New York (Dân Chủ) và Texas (Cộng Hòa.) Có gần hai triệu rưỡi người ghi tên đảng Dân Chủ ở Texas, nhưng họ biết là lá phiếu của họ không có ảnh hưởng nào trên kết quả bầu cử vì Tổng thống Bush sẽ thắng ở Texas, chiếm hết 34 lá phiếu cử tri đoàn ở đó. Ngược lại, có 8 triệu rưỡi người theo đảng Cộng Hòa ở California và New York, nhưng lá phiếu bầu của họ cũng không thay đổi gì hết nếu ông Kerry thắng, được lãnh 55 phiếu cử tri đoàn California và 31 phiếu của New York.

Trong số 130 triệu cử tri ở Mỹ, chỉ có lá phiếu của những người ở 17 tiểu bang còn chưa biết

chắc sẽ ngả về bên nào. Họ chiếm khoảng 15 phần trăm dân số Mỹ nhưng sẽ quyết định ai làm tổng thống trong bốn năm sắp tới. Có những lá phiếu nặng ký hơn các lá phiếu khác, và như vậy thì không thể gọi là phản ảnh đúng tinh thần dân chủ, mỗi người một lá phiếu như nhau được.

Tất cả chỉ vì phương pháp chọn vị tổng thống của nước Mỹ đã đặt ra từ hơn 200 năm không còn thích hợp nữa. Trong lịch sử Mỹ đã có bốn lần vị tổng thống đắc cử nhờ chiếm đa số phiếu cử tri đoàn nhưng thua đối thủ khi đếm tổng số phiếu dân đã bầu cho họ; lần sau cùng là năm 2000 ông Bush thua ông Gore hơn nửa triệu phiếu nhưng sau khi Tối cao Pháp viện phán chấp nhận kết quả ở Florida, ông Bush được 271 phiếu và thắng, ông Gore chỉ được 267 phiếu. Tình trạng này có thể sẽ xẩy ra nhiều hơn trong tương lai vì tình trạng dân Mỹ ngày càng chia làm hai phe, theo hai đảng, số người trung dung ôn hòa bớt đi. Chúng ta biết rằng không có hệ thống bỏ phiếu nào hoàn hảo, nhưng nếu thấy có thể sửa đổi được thì nên sửa đổi.

Lối bầu theo cử tri đoàn thành hình từ lúc lập quốc, rồi được cải thiện thêm, theo nhu cầu của nước Mỹ thời xưa. Thay vì dân chúng trực tiếp bầu một ứng cử viên tổng thống, người Mỹ để cho mỗi tiểu bang chọn. Khi nước Mỹ ra đời, các tiểu bang ký tên đều muốn bảo vệ các đặc tính và quyền lợi của riêng mình, cách bầu này bảo vệ quyền của tiểu bang. Và cũng vì lý do các nhà lập quốc muốn đề phòng những thế lực kinh tế, tài chánh có thể khuynh loát ở các tiểu bang lớn. Vì các tiểu bang lớn nhỏ khác nhau, cho nên khi một ứng cử viên thắng ở tiểu bang lớn thì được hưởng nhiều phiếu cử tri đoàn hơn tiểu bang nhỏ; cũng như số dân biểu Hạ viện nhiều hay ít tùy theo dân số. Các tiểu bang nhỏ thấy quyền hành của họ bị giảm, vì dân số họ thấp. Để yên lòng các tiểu bang nhỏ, người ta cho tăng hai phiếu cử tri đoàn đồng đều cho mỗi tiểu bang, không kể đến dân số. Điều này cũng giống như cho mỗi tiểu bang có hai nghị sĩ Thượng viện, dù lớn hay nhỏ. Vì vậy, số dân biểu Hạ viện là bao nhiêu thì số phiếu cử tri đoàn cộng thêm hai phiếu nữa. Cả nước Mỹ năm nay sẽ bầu 435 dân biểu, cả nước có 538 phiếu cử tri đoàn vì thêm cho thủ đô Washington D.C. ba phiếu.

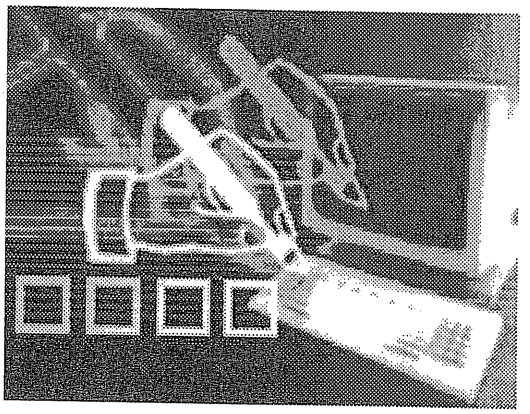

Vì tình trạng đó cho nên mới sinh ra cảnh 8 triệu rưỡi người Mỹ theo đảng Cộng Hòa ở California và New York không thể gây ảnh hưởng trên kết quả bầu cử tổng thống năm nay; trong khi đó dưới 2 triệu người ở New Mexico, 3 triệu người ở Iowa, 5 triệu người ở Missouri hay Wisconsin, 11 triệu người ở Ohio nắm trong tay những lá phiếu quyết định. Nếu Nghị sĩ Kerry thắng được ở hai tiểu bang Ohio (20 phiếu) và Missouri (11 phiếu) thì ông hy vọng đắc cử dù thua phiếu ông Bush do dân trực tiếp bầu. Cũng như năm 2000, ông Bush đã chiếm được 25 phiếu của Florida, nếu ông Gore chỉ thắng thêm một tiểu bang New Hampshire, với 4 phiếu, thì ông đã thành tổng thống rồi!

Hậu quả trên chính sách quốc gia

Phương thức bầu cử bằng "cử tri đoàn" ở Mỹ khiến cho những lá phiếu ở một số tiểu bang nhỏ có trọng lượng nặng hơn các tiểu bang khác đông dân hơn; và điều này khiến chính sách của các đảng về những vấn đề của quốc gia cũng bị thiên lệch. Ngoài ra, tình trạng này kéo dài sẽ khiến cho chính trị nước Mỹ ngày càng trở nên phân cực, nghĩa là quốc dân bị chia ra thành hai đối cực, những chủ trương cực đoan được đề cao ở mỗi đảng, những người có thái độ ôn hòa, trung dung ở trong cả hai đảng ngày càng bị lu mờ. Tình trạng đó còn bắt nguồn từ những lý do khác, như phương pháp chia các đơn vị bầu cử cũng như cách chọn lựa ứng cử viên tổng thống của hai đảng hiện nay.

Một thí dụ là chính sách trợ cấp nông sản. Trong tổng sản lượng toàn quốc Mỹ, nông nghiệp chỉ đóng góp 1.4 phần trăm. Các ngành kỹ nghệ góp phần 22 phần trăm, các ngành dịch vụ 70 phần trăm. Nhưng tất cả các chính phủ Mỹ, dù thuộc đảng Dân Chủ hay Cộng Hòa đều chăm chắm giữ nguyên các món tiền trợ cấp cho những nhà nông. Nghĩa là tất cả mọi người đóng thuế phải trợ cấp cấp các nông gia, dù họ không biết. Hai

năm trước Tổng thống Bush đã ký một đạo luật trợ cấp gần 120 tỷ mỹ kim trong sáu năm cho các nông gia, để bảo đảm giá 15 nông sản, những món nào bị xuống thấp dưới một mức tiêu chuẩn định trước thì được trợ cấp. Giá tiêu chuẩn đó lại được nâng lên theo nhu cầu, thí dụ giá bắp được tăng 8 phần trăm trong năm ngoái; trong khi vật giá nói chung tỷ tăng thêm 2 phần trăm. Chính sách trợ cấp nông sản này bắt đầu từ thời kinh tế khủng hoảng 1930 để giúp các nhà nông nghèo, nhưng sau đó không chính phủ nào dám bỏ vì áp lực của các nông gia, mặc dù các lý do đưa tới chính sách đó không còn nữa. Chính sách không những thiếu công bằng vì đem tiền của những người dân này trợ cấp cho người khác khá giả hơn họ, mà còn có thể làm thiệt hại cho kinh tế quốc dân nữa.

Các nông gia Mỹ hiện đang là những người khá giả trong nước chứ không nghèo. Những thống kê gần đây nhất cho biết năm 1999 tài sản trung bình của một gia đình nông gia là 563,000 mỹ kim, cao gấp đôi tài sản trung bình của những gia đình sống trong các ngành công nghiệp hoặc dịch vụ. Việc trợ cấp giá cho nông phẩm là ngược lại với quy tắc thị trường, lại có hại cho chính các nhà nông. Hai năm trước đây, các nông gia ở Cansas và Nebraska bị hạn hán, chỉ bán được rất ít do đó cũng được trợ cấp ít, trong khi đó các trại chủ ở Minnesota và Iowa được mùa vẫn được trợ cấp khi bán nhiều hơn.

Một món trợ cấp đặc biệt là cho các nhà trồng bắp ở Ohio để chế ra chất ethanol, một hóa chất để pha thêm vào xăng. Món trợ cấp này được đặt ra khi nước Mỹ lo thiếu xăng vì cuộc khủng hoảng năng lượng đầu thập niên 1970. Từ đó tới nay các nghị sĩ và dân biểu tiểu bang Ohio nhất quyết bảo vệ món trợ cấp này, dù những lý do lúc đầu không còn vững nữa. Các nhà trồng bắp nhân đó trồng rất nhiều, và bắp thặng dư được bán rẻ hơn giá thị trường quốc tế, giúp các công ty thực phẩm bán nhiều sản phẩm bắp hơn. Có người cho rằng chính vì các nhà trồng bắp được trợ cấp giá nên họ bán rẻ, các nhà biến chế bắp cũng được lợi, làm ra các thức ăn, uống rẻ tiền chỉ khiến dân Mỹ ngày càng mập phì hơn, hơn 50 phần trăm coi như có bệnh mập.

Vì nhiều nhà nông tập trung ở các tiểu bang miền Trung Tây, trong đó có những tiểu bang như Ohio, Iowa, Illinois, vân vân, từ nhiều năm nay vẫn được coi là luôn luôn tranh đua ngang ngửa giữa hai liên danh Cộng Hòa và Dân Chủ, cho nên cả hai đảng đều phải bảo vệ các món trợ cấp nông sản. Tổng thống Bush đã bị nhóm trong đảng Cộng Hòa chỉ trích vì trợ cấp hàng trăm tỷ cho các nhà nông, trái với quy tắc kinh tế tự do và cạnh tranh. Các đại biểu Dân Chủ cũng không phản đối chính sách đó vì họ cũng không muốn mất lòng các nông gia. Một lá phiếu ở Ohio nặng gấp 10 lần một lá phiếu ở Texas, quan trọng gấp năm lần một lá phiếu ở California, theo cách so sánh của tuần báo *Business Week*. Cho nên đảng nào cũng muốn bảo vệ quyền lợi các nông dân ở Ohio, ít nhất là không làm gì để họ ghét mình, tức là không dám bãi bỏ các trợ cấp! Những nhà trồng lúa mì ở South Dakota không đáng kể, những người trồng khoai ở Idaho cũng không cần săn sóc, vì các tiểu bang này thế nào cũng dồn đa số phiếu cho ứng cử viên George W. Bush! Nhưng các nhà trồng bắp ở Ohio thì cần được ưu đãi! Chính sách quốc gia đã thiên lệch cho một số người và bất lợi cho tất cả mọi người khác. Chỉ vì cách bầu cử theo lối cử tri đoàn khiến có mấy tiểu bang Trung Tây nặng ký hơn! Nếu dân Mỹ bầu tổng thống theo lối trực tiếp thì mỗi lá phiếu ở bất cứ tiểu bang nào cũng có giá trị như nhau!

Các đề tài cực đoan và chia rẽ

Cuối cùng trong những tiểu bang gọi là ngang ngửa đó cũng chỉ có một số nhỏ thực sự là chưa quyết định bầu cho ai. Những người "chưa quyết định" trong những tiểu bang "chưa quyết định" sẽ quyết định ai làm tổng thống Mỹ trong bốn năm tới. Số người chưa quyết định chiếm khoảng 5 phần trăm dân số Mỹ, theo hãng Zogby nghiên cứu dư luận. Chính nhóm thiểu số ở các tiểu bang ngang ngửa chỉ có khoảng 2.5 phần trăm cử tri, nhưng họ sẽ quyết định ai sắp làm tổng thống nước Mỹ.

Ở Ohio, có những người trong khu kỹ nghệ ở Cleveland mà đảng Dân Chủ thấy dễ chinh phục nhất, và các ứng cử viên Kerry-Edward sẽ phải đưa ra những chính sách như "cấm xuất cảng giếp," vì biết có vài trăm ngàn người ở Ohio mất việc trong mấy năm qua. Nhưng chính sách cấm đoán đó là "bảo hộ mậu dịch," hoàn toàn trái với chủ trương tự do mậu dịch mà chính ông Kerry vẫn ủng hộ trong 18 năm ở Thượng viện! Ngược lại, dân Ohio ở vùng nông thôn quanh thành phố Cincinnati có tinh thần bảo thủ về văn hóa, tôn giáo đã được các ứng cử viên Bush và Cheney chiếu cố, họ đề cao các giá trị tôn giáo như cấm phá thai, cấm hôn nhân đồng tính. Cũng vì vậy

mà Tổng thống Bush từ tháng Hai đã nêu lên vấn đề tu chính hiến pháp Mỹ để cấm hôn nhân của những người đồng tính, dù ông biết việc thay đổi hiến pháp là một điều khó xẩy ra. Cần hai phần ba các đại biểu quốc hội đồng ý và ba phần tư các quốc hội tiểu bang thông qua mới thay đổi được hiến pháp Mỹ. Biết việc đó không thành nhưng đảng Cộng Hòa vẫn đưa một dự án ra quốc hội đòi thay đổi hiến pháp, chỉ vì họ muốn các đại biểu đảng Dân Chủ phải công khai bỏ phiếu chống. Nhân đó, họ sẽ tố cáo các nhà chính trị đảng Dân Chủ là không chịu bảo vệ giá trị của gia đình! Quốc hội Mỹ và công chúng đã bỏ nhiều thời giờ thảo luận một vấn đề mà ai cũng biết không thể giải quyết được, chỉ vì đảng Cộng Hòa cần chinh phục một số công dân có tinh thần bảo thủ mà các công dân đó nắm những lá phiếu quyết định. Hiện có nhiều tiểu bang ở Mỹ đã không công nhận hôn nhân đồng tính. Trong năm qua nhiều tiểu bang do đảng Cộng Hòa kiểm soát vẫn đưa thêm những "đề án" cho dân chúng bỏ phiếu trong tháng Mười Một này về vấn đề có thay đổi cả hiến pháp tiểu bang cấm hôn nhân đồng tính hay không. Đó là một cách nhắc nhở cử tri phải chọn; từ đó nhắc họ biết là ứng cử viên George W. Bush cũng ủng hộ ý kiến sửa hiến pháp. Hành động này sẽ giúp cho Tổng thống Bush được thêm rất nhiều phiếu. Nền chính trị của nước Mỹ đã trở thành phân cực, với các khẩu hiệu cực đoan, chính vì lối bầu tổng thống theo cử tri đoàn khiến một số tiểu bang trở nên quan trọng hơn hẳn các tiểu bang khác.

Hiện tượng trên khiến số nhiều người Mỹ ở các tiểu bang mà "số phận đã an bài" không quan tâm đi bầu nữa. Trong thập niên 1970, trước ngày bầu cử có 40 tiểu bang được coi là "chưa quyết định." Hiện nay chỉ có nhiều nhất là 17 tiểu bang, mà con số có thể còn thấp hơn, sau khi các chiến dịch vận động khiến cử tri một số tiểu bang quyết định, vì các vấn đề họ quan tâm nhất. Một số cử tri có thể không bằng lòng việc điều khiển chiến tranh Iraq của Tổng thống Bush hoặc bất mãn vì chính sách kinh tế của ông, nhưng sẽ bỏ phiếu cho ông chỉ vì ông tỏ ra quyết tâm chống hôn nhân đồng tính. Có những người khác không đồng ý với ông Kerry trên nhiều vấn đề, nhưng lại chọn ông chỉ vì ông tỏ ra muốn bảo vệ giếp cho dân Mỹ. Năm 1976 chỉ có 27 phần trăm dân Mỹ sống trong những vùng coi là đa số "đã quyết định" chọn một ứng cử viên tổng thống trước ngày bỏ phiếu. Năm nay, riêng ba tiểu bang New York (Dân Chủ), California (Dân Chủ), và Texas (Cộng Hòa) đã biết trước kết quả từ bây giờ, họ gồm 44 phần trăm dân số Mỹ. Như vậy thì người dân ở các tiểu bang đó sẽ thờ ơ, nếu họ cũng không quan tâm đến các vấn đề khác cũng được bỏ phiếu trong ngày bầu cử. Năm 1960 có hơn 63 phần trăm dân Mỹ đi bỏ phiếu, năm 2000 chỉ có 54.5 phần trăm. Ở Indonesia, cuộc bầu cử tổng thống gần đây có tới 82 phần trăm dân chúng đi bầu. Người Mỹ có ý thức chính trị cao không kém gì dân Indonesia, nhưng phương pháp bầu cử đã làm nhiều người chán làm bổn phận công dân. Nước Mỹ đứng hàng thứ 139 khi so sánh tỷ lệ cử tri có đi bỏ phiếu với các quốc gia khác. Đây không phải là một dấu hiệu tốt cho đời sống dân chủ.

Nếu mỗi liên danh được 269 phiếu

Dân Mỹ bầu tổng thống ở từng tiểu bang, ai thắng tiểu bang nào thì được tất cả số phiếu của tiểu bang đó, gọi là "phiếu cử tri đoàn," trừ ở hai nơi là Maine (4 phiếu) và Nebraska (5 phiếu) thì chia theo tỷ lệ phiếu bầu. Có tất cả 538 phiếu cử tri đoàn, nếu mỗi liên danh được 269 phiếu thì sao?

Chuyện này có thể xẩy ra được. Năm 2000, Tổng thống Bush chỉ thắng ông Al Gore với 537 lá phiếu dân bầu trong số các phiếu hợp lệ ở Florida, nhờ đó ông được hưởng tất cả 25 phiếu của tiểu bang này, lên làm tổng thống (năm nay Florida sẽ được 27 phiếu cử tri đoàn vì dân số cao hơn). Florida nằm trong một danh sách 17 tiểu bang "ngang ngửa" mà hồi năm 2000 các ông Gore và Bush chỉ hơn thua nhau khoảng 5 phần trăm số phiếu trở xuống.

Tuần báo *Economist* đã làm mấy con tính cho thấy kết quả mỗi bên 269 phiếu có thể xẩy ra. Thí dụ hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa vẫn giữ được tất cả các tiểu bang họ thắng vào năm 2000 trừ 17 tiểu bang ngang ngửa thì đổi tay, trước Dân Chủ nay Cộng Hòa, và ngược lại. Khi đó chúng ta sẽ thấy ông Bush được 269, ông Kerry được 269 phiếu cử tri đoàn. Một thí dụ khác là giả thử kết quả ở các tiểu bang năm 2000 bầu cho đảng nào năm nay vẫn như cũ, trừ hai tiểu bang New Hampshire (4 phiếu cử tri đoàn) và West Virginia (5 phiếu) đổi tay, hồi năm 2000 ông Bush thắng với tỷ số trên 6 phần trăm, năm nay đa số bầu cho ông Kerry. Khi đó mỗi ông cũng sẽ được đúng 269 phiếu cử tri đoàn! Tiểu bang West Virginia từ lâu nay vẫn chọn đảng Dân Chủ trừ năm 2000; còn tiểu bang New Hampshire thì hiện nghiêng

về ông Kerry!

Cả hai giả thiết kia không đến nỗi quá hoang đường, có thể xẩy ra lắm. Hai liên danh đang đi vận động ráo riết chỉ cốt để thắng ở các tiểu bang ngang ngửa này. Liên danh Bush-Cheney đã chi 90 triệu đô la riêng cho quảng cáo truyền hình, còn Kerry-Edwards chi ít hơn nhưng các tổ chức ủng hộ họ thì lại chi nhiều, bù lại cũng ngang ngửa. Hai phần ba các món tiền đó chi trong 20 địa điểm, cho khoảng 10 chương trình ti vi nhắm vào các đối tượng rõ rệt. Cả hai đều nhắm vào các giờ tin tức, những sô như Today (NBC,) Oprah, Wheel of Fortune, Dr. Phil, mà phần lớn là các "cụ" trên 55 tuổi, nhất là các bà. Nhưng Liên danh Bush-Cheney chọn những chương trình khác như các phim bộ về cảnh sát: NYPD Blue, Cops, Law& Order, vì đa số khán giả là đàn ông, tuổi trung niên trở lên. Ngược lại liên danh Kerry-Edwards chọn các chương trình như Living Up with Ali & Jack, Judge Judy, People Court, và Late Show with David Letterman, vân vân. Đó là những chương trình thu hút những khán giả phụ nữ và Letterman thì nhiều giới trẻ coi. Liên danh Bush cũng chọn các chương trình đặc biệt như Golf Channel, Fox Sport mà khán giả có khuynh hướng bảo thủ, còn ông Kerry quảng cáo mạnh trong các chương trình của người Mỹ gốc Phi châu. Cả hai đều muốn củng cố địa bàn cơ bản của họ.

Với cuộc tranh đua ngày càng ráo riết như vậy, việc hai liên danh bằng phiếu nhau có thể xẩy ra! Hiến pháp Mỹ đã dự trù trường hợp này phải làm gì, nhưng nếu thi hành năm nay thì cũng nhiều chuyện rắc rối thú vị.

Khi hai ứng cử viên tổng thống đứng đầu bằng phiếu cử tri đoàn như nhau, theo Tu chính án số 12 các dân biểu Hạ viện (mới đắc cử) sẽ chọn một trong ba người cao phiếu nhất, năm nay có thể gồm cả ông Bush, ông Kerry và ông Nader. Nhưng, vẫn theo hiến pháp Mỹ, trong việc chọn lựa này mỗi tiểu bang chỉ được bỏ một phiếu thôi. Họ họp nhau, đa số dân biểu mỗi tiểu bang sẽ quyết định chọn. Nếu theo đúng thủ tục này thì chắc chắn ông Bush sẽ thắng! Vì ông thắng ở nhiều tiểu bang hơn, trong đó có nhiều tiểu bang rất thưa dân. Hai tiểu bang Nam và Bắc Dakota phe ông Bush cũng có hai phiếu bằng hai tiểu bang California và New York phe Kerry!

Nhưng câu chuyện sẽ rắc rối hơn vì hiến pháp ấn định Thượng viện sẽ bầu phó tổng thống riêng. Trong cuộc bầu cử năm nay chưa biết đàng nào sẽ chiếm đa số ở Thượng viện mà hiện nay Cộng Hòa được 51, Dân Chủ được 49. Nếu như đảng Dân Chủ thắng thêm hai ghế (mà chuyện này có thể xẩy ra) thì trên nguyên tắc họ có thể chọn một vị phó tổng thống từ đảng Dân Chủ! Nước Mỹ có thể sẽ có ông Bush làm tổng thống, ông Kerry hay ông Edwards làm phó! Nhưng các ông này chắc sẽ không nhận, và theo phép lịch sự chính trị thì các nghị sĩ Dân Chủ cũng sẽ không làm như vậy. Chắc họ sẽ chọn một người thuộc đảng Cộng Hòa để cho hai ông chánh, phó khỏi tranh chấp lôi thôi. Giống như thời 1972 Hạ viện chọn một ông Ford, đảng Cộng Hòa, làm phó tổng thống cho ông Nixon, sau khi ông Agnew từ chức vì tai tiếng tham nhũng. Nhưng nếu họ không chọn ông Cheney như ý ông Bush muốn (ông Cheney đã văng tục trước mặt một nghị sĩ Dân Chủ gần đây) mà lại chọn ông John McCain hay bà Olympia Snowe, hai người Cộng Hòa nhưng thường bất đồng ý kiến với ông Bush, thì sẽ rắc rối! Không lẽ ông tổng thống lại nói thẳng là mình không thích ông, hay bà phó mà Thượng viện chọn!

Một tình trạng khác, đặc biệt hơn, là nếu hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa đều được 50 ghế ở Thượng viện, đảng Dân Chủ có thể được 49 ghế cộng với một nghị sĩ độc lập. Khi đó vị chủ tọa Thượng viện sẽ bỏ lá phiếu quyết định, mà người chủ tọa chính là ông Cheney, phó tổng thống đương nhiệm! Khi đó ông Cheney sẽ bỏ lá phiếu chọn chính mình làm phó tổng thống! Rất có thể ông Cheney sẽ tỏ ra mình không màng danh vọng, hoặc lấy lý do sức khỏe, chọn một người khác thay thế mình. Người đó sẽ là ai? Lúc đó là một cuộc tranh cử phó tổng thống giữa các nhà chính trị đảng Cộng Hòa để cho ông Bush chọn, và ông Cheney bỏ phiếu!

Nhưng đến đó vẫn chưa hết rắc rối. Tu chính án số 12 nói rằng Thượng viện phải có đủ hai phần ba Nghị sĩ hiện diện mới đủ túc số bỏ phiếu chọn ông/bà phó. Nếu các nghị sĩ đảng Dân Chủ không bằng lòng người mà ông Bush muốn, họ có thể bỏ ra ngoài không họp nữa. Thượng viện sẽ không đủ túc số để bỏ phiếu! Nước Mỹ sẽ có một thời gian không có phó tổng thống, việc tuyên thệ của ông tổng thống có thể bị trì hoãn. Hai đảng sẽ phải mặc cả với nhau trong hậu trường, và như vậy thì dân chúng càng chán ngán chính trị, vì họ không được bầu ai làm tổng thống cũng như phó tổng thống thật sự. Khi đó, dân Mỹ sẽ thấy càng nên thay đổi cách họ chọn người đứng đầu ngành hành pháp. Phương cách cũ đã lỗi thời rồi!

THÊM MỘT XÉT XỬ PHI LÝ CỦA HOA-KỲ: TÔM VIỆT-NAM BÁN PHÁ GIÁ

Khác Biệt Giữa Hai Vụ Kiện Cá Trê Và Tôm

NGUYỄN QUỐC KHẢI

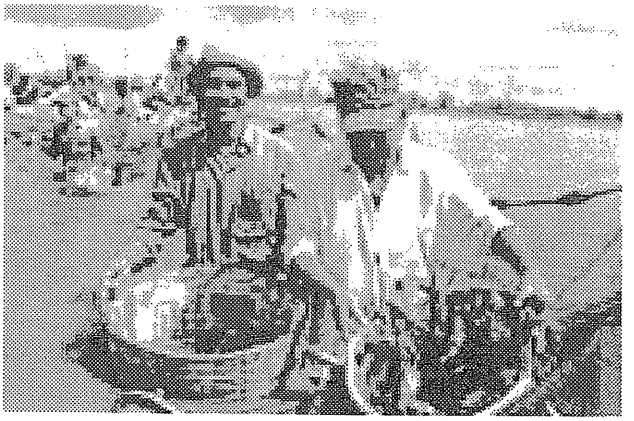

Một lần nữa Hoa-Kỳ lại dùng luật chống bán phá giá để chèn ép nông dân nghèo sống bằng nghề nuôi tôm tại Việt-Nam sau vụ cá tra / cá trê mới xẩy ra vào năm 2002/2003. Hành động này chẳng mang vinh quang gì cho một cường quốc kinh tế chủ trương tự do mậu dịch như Hoa-Kỳ và luôn luôn khuyên Việt-Nam nên cổ phần hóa các xí nghiệp quốc doanh. Ít ra về mặt pháp luật Hoa-Kỳ chứng tỏ đã và đang khuyến khích chính sách chống bán phá giá để hạn chế nhập cảng. Riêng trong năm 2003, Hoa-Kỳ đã xử dụng biện pháp chống phá giá 15 lần để tăng thuế nhập cảng từ thực phẩm, rượu, vật liệu xây cất, cho đến đồ điện tử.

Sau gần năm tháng điều tra, vào ngày 6.7.2004 vừa qua Bộ Thương Mại Hoa Kỳ (Department of Commerce viết tắt là DOC) đã phán xét rằng Việt-Nam và Trung Quốc bán tôm dưới giá thị trường. DOC định thuế phạt tạm thời như sau: 12.11% - 93.13% đối với tôm Việt-Nam và 7.67% - 112.81% đối với tôm Trung Quốc. Kể từ khi quyết định này dược đăng vào công báo "The Federal Register" cho đến khi chính phủ Hoa-Kỳ có quyết định chính thức sau cùng dự trù vào đầu năm 2005, Sở Quan Thuế Hoa-Kỳ chưa thu thuế phạt nhưng được lệnh bắt buộc các nhà nhập cảng Hoa-Kỳ phải ký quỹ tương đương với số thuế phạt. (1)

Kỹ Nghệ Lưới Tôm Tại Hoa-Kỳ

Nguyên đơn trong vụ kiện tôm là Liên Minh Tôm Miền Nam (Southern Shrimp Alliance viết tắt là SSA) gồm khoảng 13,000 hội viên sống về nghề bắt tôm ngoài biển trong vùng Vịnh Mễ Tây Cơ và vùng duyên hải Đông Nam Hoa-Kỳ giáp ranh với tám tiểu bang: North Carolina, South Carolina, Georgia, Florida, Lousiana, Alabama, Mississippi và Texas (2). Theo SSA số người Việt di dân qua Mỹ chiếm từ 45% đến 80% của số người hành nghề lưới tôm tại Hoa-Kỳ và nhóm ngư dân này bị thiệt hại nhiều nhất vì khu vực kinh tế này đi xuống (3).

SSA than phiền rằng hơn 10 năm nay nhiều công ty đánh tôm Hoa-Kỳ phải bán tầu và đóng cửa, tỉ lệ thất nghiệp tăng vì khó cạnh tranh với tôm nhập cảng. Giá sỉ của tôm trên thị trường nội địa Hoa-Kỳ giảm 40% trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến năm 2003 theo sự khiếu nại của SSA (4). Thật sự giá tôm đã giảm từ 2001 cho đến nay trên thị trường thế giới chứ không riêng gì tại Hoa-Kỳ, vì mức sản xuất tăng trong khi mức tiêu thụ tại các thị trường chính giảm theo

một báo cáo của Cơ Quan Lương Nông Quốc Tế (FAO) (5). Thái Lan trước đây là một quốc gia đứng đầu về kỹ nghệ sản xuất tôm. Nhưng từ 1992, ngôi vị của Thái Lan bị thách thức bởi một số nước khác như Trung Quốc, Ấn Độ, Argentina, Brazil, Canada, Indonesia, Madagasca, và Bangladesh. Việt-Nam gia nhập kỹ nghệ nuôi tôm vào giai đoạn sau với chiều hướng phát triển đều đặn.

Theo FAO, tôm nhập cảng vào Hoa-Kỳ bắt đầu tăng từ 1996 đến nay (6). Trị giá tôm thu hoạch được của Hoa-Kỳ giảm trên 50% từ 1.25 tỉ Mỹ kim vào năm 2000 xuống còn 560 triệu Mỹ kim vào năm 2002 cũng theo SSA (7). Chính phủ Liên Bang Hoa-Kỳ đã dành một ngân khoản 17.5 triệu Mỹ kim để trợ giúp kỹ nghệ lưới tôm bành trướng thị trường, phát triển hệ thống tiếp thị với hi vọng rằng những công ty đánh tôm Hoa-Kỳ sẽ tìm cách hòa giải để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên SSA vẫn tiến hành thủ tục kiện bán phá giá (8). Chính phủ của Tiểu Bang Louisiana dành riêng 350,000 Mỹ kim cho Louisiana Shrimp Association (LSA) để trang trải một phần phí tổn pháp lý lấy từ trong số tiền trợ giúp 1.2 triệu Mỹ kim cấp cho những người hành nghề lưới tôm ở Louisiana (9). Theo SSA phí tổn có thể lên đến 6.5 triệu Mỹ kim (10). Mục tiêu của SSA là giảm tôm nhập cảng hàng năm vào Hoa-Kỳ xuống còn 2.4 tỉ Mỹ kim so với con số nhập cảng của 2002 là 3.4 tỉ Mỹ kim (11). Hiển nhiên là những trợ giúp tài chánh của liên bang và tiểu bang là những yếu tố quan trọng đã đưa đến quyết định kiện bán phá giá của SSA.

Ngoài ra, DB Ron E. Paul của tiểu bang Texas đã đệ trình Quốc Hội Hoa-Kỳ một dự luật mang tên là "Shrimp Importation Financing Fairness Act" (H.R. 2406 ngày 10.6.2004). Dự luật này không nhằm cải tiến và phát triển kỹ nghệ lưới tôm tại Hoa-Kỳ - một điều cần thiết - nhưng lại dùng thế lực tài chánh để trừng phạt những nước nghèo xuất cảng tôm. Dự luật này đề nghị cấm cho các nước xuất cảng nhiều tôm quá một số lượng hạn định được nhận tài trợ của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Ngân Hàng Xuất Nhập Cảng (Export—Import Bank of the U.S.), và Công Ty Tư Nhân Đầu Tư Hải Ngoại (Overseas Private Investment Corporation). Cho tới nay dự luật này vẫn còn nằm ở Tiểu Ban về Tiền Tệ Quốc Nội và Quốc Tế, Thương Mại và Kỹ Thuật (Subcommittee on Domestic and International Monetary Policy, Trade, and Technology) (12).

Mức Tiêu Thụ Tôm Tại Hoa-Kỳ

Nhờ nhập cảng, tôm không còn là một món ăn xa xỉ đắt tiền và đã trở thành một món "đồ biển" phổ thông nhất tại Hoa-Kỳ. Đặc biệt là mức tiêu thụ tôm tại các gia đình có lợi tức hàng năm thấp dưới 15,000 Mỹ kim lại tăng nhiều nhất (45%) hơn các gia đình khác (13). Khoảng 90% tôm tiêu thụ tại Hoa-Kỳ được nhập cảng. Theo một nghiên cứu của cơ quan National Marine Fisheries Service, mức tiêu thụ tôm trung bình của mỗi đầu người ở Hoa-Kỳ đã tăng từ 2.5 lbs vào năm 1995 lên đến 3.7 lbs vào năm 2002. Các con số của Sở Thống Kê thuộc Bộ Lao Động Hoa-Kỳ cũng cho thấy rằng mức tôm bán ra tại các tiệm bán thực phẩm đã tăng gấp đôi từ 1995 và lên đến 2.9 tỉ Mỹ kim vào năm 2002. Chi phí trung bình về tôm mỗi đầu người là khoảng 14 Mỹ kim vào năm 1995 và 25 Mỹ kim vào năm 2002 (14).

Một điều nghiên 200 hệ thống nhà hàng tại Hoa-Kỳ trong thời gian năm năm từ 1999 đến 2003 cho thấy rằng các món ăn có tôm đã tăng vọt 47% tại các tiệm ăn phổ thông nhất nước Mỹ. Các món khai vị có tôm tăng 39%. Các món sà lát có tôm tăng 90%. Các món ăn chính có tôm tăng 40%. Các con số thu thập được từ tháng 6 đến tháng 12 năm vừa qua cho thấy rằng 67% tôm tiêu thụ dùng làm các món ăn chính, 14% cho các món khai vị, 9% cho các món sà lát, phần còn lại dùng cho súp, sandwich, v.v. (15).

Ảnh Hưởng Của Việc Áp Đặt Thuế Phạt "Bán Phá Giá"

Theo một nghiên cứu của ASDA và Consuming Industries Trade Action Coalition (CITAC), giá tôm bán lẻ trên thị trường Mỹ sẽ tăng từ 30% đến 44% vì thuế chống bán phá giá (16). Hậu quả có thể là mức tiêu thụ tôm ở Hoa-Kỳ sẽ giảm đi một phần ba. Một nghiên cứu khác cho thấy rằng giá tôm của Hoa-Kỳ sẽ tăng 28% do hậu quả của việc áp đặt thuế chống phá giá. Đối với tôm nhập cảng từ sáu nước xuất cảng chính, giá sẽ tăng 84%. Trong khi đó giá tôm nhập cảng từ những nước khác sẽ gia tặng 19% (17).

Theo dữ liệu của ITC do CITAC/ASDA Shrimp Task Force báo cáo, kỹ nghệ sản xuất tôm của Hoa-Kỳ chỉ tạo được 13,000 việc làm (18). Trong khi đó theo một nghiên cứu của ASDA và CITAC, việc tiêu thụ tôm và các dịch vụ liên hệ tạo 250,000 việc làm và đối với mỗi việc làm của kỹ

nghệ sản xuất tôm Hoa-Kỳ lại có 20 việc làm liên hệ đến việc chế biến và phân phối tôm. Sự kiện tăng giá tiêu thụ do việc áp đặt thuế phạt "bán phá giá" sẽ làm mất một số việc làm và làm tăng chi tiêu của giới tiêu thụ (19).

Tiền Thuế Phạt Bán Phá Giá Lọt Vào Tay Ai?

Khi các chính trị gia kêu gọi hợp tác kinh tế giữa các nước, họ thường mô tả mọi phe đều có lợi cả. Cụm từ thường dùng là "win-win." Nhưng vụ tôm là một trường hợp "win-lose" lớn. Kẻ thắng đậm là kỹ nghệ lưới tôm Hoa-Kỳ. Không những họ nhận được bao cấp của chính phủ như đã trình bầy ở trên để trang trải một phần phí tổn luật sư và nghiên cứu và có lợi vì giá tôm tăng mà họ còn được hưởng tiền thuế phạt những công ty nhập cảng tôm "bán phá giá." Theo luật "Continued Dumping and Subsidy Offset Act of 2000" (Luật Đền Bù Tiếp Tục Bán Phá Giá và Bao Cấp năm 2000) của Hoa-Kỳ ban hành vào năm 2000 thường được gọi tắt là Tu Chính Án Byrd (Byrd Amendment), phe thắng kiện bán phá giá gồm những tổ chức đứng đơn kiện hay tích cực hỗ trợ sẽ được chia nhau trọn vẹn số tiền phạt (20).

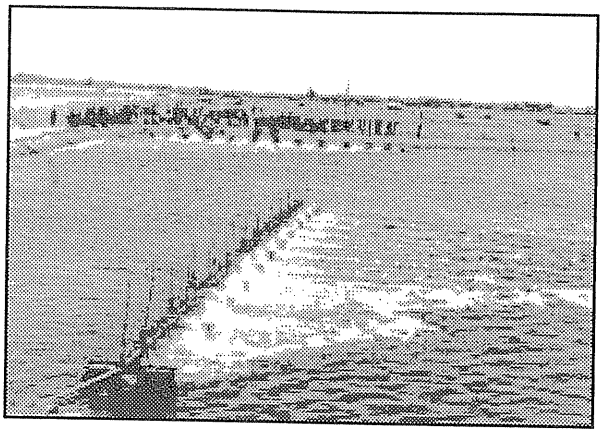

Mặc dầu WTO đã xử vào năm 2002 rằng luật của Mỹ trái với luật thương mại của WTO và đã định 27.12.2003 là thời hạn cho Hoa-Kỳ thu hồi đạo luật này. Mặc dù có sự thúc đẩy từ phía hành pháp dưới thời Tổng Thống Bill Clinton và George W. Bush, Quốc Hội Mỹ chưa có một quyết định nào (21). Theo luật của WTO, các quốc gia liên hệ có quyền tăng thuế nhập cảng đối với hàng hóa của Hoa-Kỳ để trả đũa. Trong thời gian ba năm từ 2001 đến 2003 trên 750 triệu Mỹ kim tiền phạt thu được đã được phân phối cho các công ty, nghiệp đoàn và tổ chức Hoa-Kỳ liên hệ. Số tiền phạt sẽ được giải ngân lên đến khoảng 890 triệu Mỹ kim theo ngân sách quốc gia cho năm 2004 (22). Từ năm 2005 cho đến 2014 số tiền là sẽ vào khoảng 3.8 tỉ Mỹ kim theo dự đoán của Congessional Budget Office viết tắt là CBO (Sở Ngân Sách Quốc Hội) (23).

Cũng như những tài trợ của liên bang và tiểu bang đã đề cập ở trên, Tu Chính Án Byrd đã khuyến khích các ngành kỹ nghệ Hoa-Kỳ bị hàng nhập cảng cạnh tranh dùng luật chống bán phá giá để giải quyết tình trạng suy thoái. Theo một phúc trình của ITC, về vụ tôm có 32 công ty chế biến và 185 công ty lưới tôm đã đứng đơn kiện. CITAC ước tính rằng mỗi năm tiền phạt thu được lên đến 180 triệu Mỹ kim và nếu chia đồng đều số tiền này ra thì mỗi nguyên đơn sẽ nhận được 829,493 Mỹ kim.

Công ty nhận được chia tiền phạt "bán phá giá" nhiều nhất đến nay là The Timken Company có trụ sở tại tiểu bang Ohio chuyên làm phụ tùng xe hơi. Riêng trong năm 2003 công ty này đã nhận được 72.5 triệu Mỹ kim. W.R. "Tim" Timken, Jr. và gia đình đã đóng góp tất cả 1.1 triệu Mỹ kim cho chiến dịch tranh cử của một số chính trị gia kể cả TNS Mike DeWine (CH, OH), người chủ chốt hỗ trợ đạo luật sau này mang tên Tu Chính Án Byrd (24).

Tu Chính Án Byrd bao cấp một số công ty nhưng làm thiệt hại một số công ty khác và đặc biệt là giới tiêu thụ. Hậu quả của nó là làm cho việc phân phối vốn, nhân lực và các tài nguyên kém hiệu quả và làm cho khả năng cạnh tranh của Hoa-Kỳ suy yếu. Mặc dầu vậy, muốn hủy bỏ Tu Chính Án Byrd phải có sự chấp thuận của Quốc Hội. Điều này không phải dễ dàng. Năm 2004 là năm bầu cử lớn của Hoa-Kỳ. Vào tháng 2 năm ngoái, 68 Thượng Nghị Sĩ Hoa-Kỳ đã ký vào lá thư gửi cho Tổng Thống Bush để bầy tỏ lập trường ủng hộ Tu Chính Án Byrd (25).

Kỹ Nghệ Nuôi Tôm Tại Việt-Nam

Việt-Nam là một trong sáu nước xuất cảng tôm nhiều nhất sang Hoa-Kỳ. Hiện nay Việt-Nam đứng thứ ba chỉ sau Thái Lan và Trung Quốc về số lượng. Việt-Nam có 37 công ty sản xuất và xuất cảng tôm (26). Một trong hai công ty lớn của Hoa-Kỳ đầu tư vào Việt-Nam là American Technologies, Inc. (ATI) của ông Đinh Đức Hữu, một di dân Việt-Nam sang Hoa-Kỳ trước 1975. Trong ba năm qua trị giá tôm của Việt-Nam bán

cho Hoa-Kỳ gia tăng trung bình mỗi năm khoảng 100 triệu Mỹ kim. Từ 380 triệu Mỹ kim vào năm 2001 và 477 triệu Mỹ kim vào năm 2002, tôm Việt-Nam xâm nhập thị trường Hoa-Kỳ đã lên tới 588 triệu Mỹ kim vào năm qua, gấp hơn 10 lần trị giá cá tra / cá trê xuất cảng qua Hoa-Kỳ trước khi Hoa-Kỳ hạn chế nhập cảng cá cũng bằng cách chống phá giá (27). Trị giá tôm bán cho Hoa-Kỳ chiếm 16% thị trường và bằng khoảng một nửa tổng số tôm xuất cảng của Việt-Nam (28).

Tôm Việt-Nam rẻ hơn tôm Hoa-Kỳ vì nuôi trong các nông trại như năm quốc gia khác là Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, và Ecuador. Ngoài ra, giá nhân công ở Việt-Nam rẻ. Khí hậu thích hợp ở Việt-Nam cho phép nghề nuôi tôm hoạt động quanh năm từ ngoài Bắc, qua miền Trung, xuống đến Cà Mau. Trong khi đó, ngư dân Hoa-Kỳ dùng tầu ra biển bắt tôm phải chịu phí tổn cao hơn. Giá nhân công đắt đỏ hơn các nước Á châu và Nam Mỹ. Thời tiết không thuận tiện vì toàn khu vực lưới tôm nằm trong vùng hoành hành của bão tố hàng năm từ tháng 6 đến tháng 11 (29).

Những Khác Biệt Giữa Hai Vụ Kiện về Tôm và Cá Trê

Có nhiều khác biệt giữa hai vụ kiện bán phá giá tôm và cá trê. Trước tiên phải nói đến con số bị cáo. Trong vụ kiện cá trê, Việt-Nam là bị cáo duy nhất. Trong vụ tôm SSA truy tố hai bị cáo trong giai đoạn đầu là hai nước có nền kinh tế phi thị trường là Trung Quốc và Việt-Nam. Bốn bị cáo kế tiếp sẽ là Thái Lan, Ấn Độ, Brazil, và Ecuador. Sau chót những nước xuất cảng tôm ít hơn nhưng cũng rất có thể bị chiếu cố là Mexico, Venezuela, Guyana và Indonesia. Ba quốc gia có số lượng tôm nhập cảng vào Hoa-Kỳ ít hơn 3% rất có thể không bị kiện là Bangladesh, Honduras, và Belize. Trong 13 nước này, chỉ có Việt-Nam là chưa là hội viên của Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới (World Trade Organization viết tắt là WTO). Trung Quốc cũng mới gia nhập WTO vào năm 2001. Tất cả 11 nước còn lại đều là hội viên từ khi WTO mới thành lập vào năm 1995 với một biệt lệ là Ecuador gia nhập vào năm sau.

Rút kinh nghiệm về vụ cá trê, nhà cầm quyền Hà-Nội lần này phản ứng với ít xúc động và ít ồn ào. Trái lại họ xử xự với nhiều lý trí và óc thực tiễn, chú trọng vào mặt pháp lý hơn. Việt-Nam đã chọn công ty Willkie Farr & Gallagher làm đại diện pháp lý trong vụ kiện tôm. Willkie Farr & Gallagher không những có nhiều kinh nghiệm về bán phá giá mà còn quen đối phó với Dewey Ballantine, công ty pháp lý đại diện cho kỹ nghệ lưới tôm của Hoa-Kỳ. Việt-Nam đã thành công trong việc vận động DOC xử dụng Bangladesh thay vì Ấn Độ như SSA đã yêu cầu để so sánh giá cả. Chi phí của kỹ nghệ tôm Bangladesh tương đối thấp hơn Việt-Nam.

Việt-Nam có hai bất lợi so với những nước khác. Vì là một nước có nền kinh tế phi thị trường cho nên Việt-Nam trở thành một đối tượng dễ bị lạm dụng bởi luật chống bán phá giá qua phương pháp tính giá cả của DOC dành cho những nước phi thị trường. Vì chưa phải là hội viên WTO, nên Việt-Nam không thể mang vụ kiện này ra xử trước tòa án của WTO. Việc tranh chấp do DOC và International Trade Commission (ITC) xử không phải là một vụ kiện (trial) như người ta thường thấy tại các tòa án độc lập, mà chỉ là một vụ xử có tính cách hành chánh gọi là điều trần (hearing) không có bồi thẩm đoàn. Mặc dù đôi bên đều có luật sư cố vấn, nhưng quan tòa hành chánh (administrative judge) ăn lương của Bộ Thương Mại vừa giải thích luật của Bộ Thương Mại vừa dựa vào bằng chứng do thanh tra cũng của Bộ Thương Mại cung cấp. Do đó tính chất độc lập, minh bạch, và công bằng không thể so sánh với các vụ kiện tụng của ngành tư pháp.

Vụ cá trê chỉ có một sản phẩm duy nhất là filê đông lạnh. Trong khi đó, vụ tôm có nhiều sản phẩm khác nhau gồm có tôm bình thường và lớn (shrimp và prawn), đông lạnh hay để trong hộp, bắt ngoài biển hay nuôi trong ao hồ, còn sống hay đã nấu chín, có vỏ, đầu và đuôi hay không, có ướp muối hoặc trộn gia vị hay không. Nói tóm lại tất cả thực phẩm có tôm bị liên lụy trong vụ kiện ngoại trừ không phải là món ăn làm sẵn (prepared meal), tôm tươi hoặc xấy khô, và những loại tôm nước lạnh (cold water shrimp). Nhiều sản phẩm khác nhau trong vụ tranh tụng tôm đã gây rất nhiều khó khăn cho những công ty Việt-Nam.

Khác với vụ cá trê, quyết định của SSA đưa trường hợp tôm nhập cảng ra kiện đã gặp sự chống đối mạnh của một số hiệp hội phân phối, nhà hàng và bán lẻ tại Hoa-Kỳ. Theo American Seafood Distribution Association (ASDA), kỹ nghệ lưới tôm tại Mỹ có phẩm chất thấp, tiếp thị kém hiệu quả, và không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu nội địa. Mức sản xuất tôm của kỹ nghệ tôm nội

địa chỉ cung cấp được 12% nhu cầu tiêu thụ trong nước (30). Ô. Wally Steven, chủ tịch của ASDA, tuyên bố rằng thuế phạt bán phá giá là một thứ thuế thực phẩm đánh vào hải sản số một của giới tiêu thụ tại Hoa-Kỳ (31).

Phòng Thương Mại Hoa-Kỳ tại Hà-Nội (American Chamber of Commerce viết tắt là AMCHAM) tuyên bố rằng hành động pháp lý của SSA không thay đổi được một sự thực là phí tổn nuôi tôm tại các nông trại của những nước xuất cảng thấp hơn cách bắt tôm bằng lưới như tại Hoa-Kỳ. Dịch vụ nhập cảng tôm đã tạo 130,000 việc làm trong kỹ nghệ phân phối, chế biến thực phẩm và tiệm ăn. Thuế phạt phá giá sẽ ảnh hưởng đến người tiêu thụ và làm thiệt hại nền kinh tế (32). Mặt khác nó sẽ không giúp gì cho kỹ nghệ thu hoạch và biến chế của Hoa-Kỳ (33).

Mức thuế phạt bán phá giá tương đối vừa phải đối với tôm Việt-Nam. Đa số tôm Việt-Nam sẽ phải chịu một mức thuế trung bình là 16% so với mức thuế bán phá giá do SSA yêu là từ 30% đến 267% (34). Mức thuế phạt trung bình đánh vào cá trê là 60% và có hiệu lực từ năm 2003 sau khi Việt-Nam thua kiện (35). Quốc Hội Hoa-Kỳ còn ra luật buộc các tiệm bán cá trê Việt-Nam phải dùng nhãn hiệu "Basa Tra" để phân biệt với cá trê của Hoa-Kỳ mặc dù họ hàng cá trê có tới khoảng 2,000 giống. Từ đó đến nay, cá Basa Tra chưa có cơ hội xuất hiện trên thị trường Hoa-Kỳ. Ít nhất tôm Việt-Nam chưa bị Quốc Hội Hoa-Kỳ đổi tên là "Tép."

Kết luận

Nhờ nhập cảng và mức cung cầu chênh lệch trên thị trường quốc tế mà trong vài năm qua giá tôm giảm xuống đáng kể ở Hoa-Kỳ cũng như nhiều nơi khác. Tôm đã từ một xa xỉ phẩm trở thành một trong những hải sản phổ thông nhất đối với dân Mỹ. Cũng như trường hợp cá trê, Việt-Nam hiển nhiên không bán phá giá tôm. Việt-Nam ở thế mạnh hơn trong vụ kiện tôm vì Hoa-Kỳ khó tìm được bằng chứng bán phá giá. Ngoài ra, thuế phạt không những chỉ gây bất lợi đến những nước xuất cảng tôm mà còn ảnh hưởng đến giới tiêu thụ và các kỹ nghệ liên hệ tại Hoa-Kỳ. Việt-Nam nhận được những hỗ trợ mạnh của các giới này. Ngoài việc lên tiếng phản đối biện pháp chống phá giá và trình bầy kết quả của một số công trình nghiên cứu, những tổ chức phi chính phủ ở Hoa-Kỳ đã vận động tích cực với cả hai ngành hành pháp và lập pháp, nhất là với giới tiêu thụ. Tuy nhiên trước sự chống đối của Quốc Hội Hoa-Kỳ và lập trường ủng hộ thiếu cương quyết của Hành Pháp, cơ may để DOC thay đổi bản án rất là mong manh. Việt-Nam rất khó thắng được vụ kiện thứ hai.

Ngoài ra có hai bất lợi khác là Việt-Nam có nền kinh tế phi thị trường và chưa trở thành hội viên của WTO. Sự cộng tác hứa hẹn trước đây giữa những nước bị cáo đã không thành sự thật. Ngoài dầu thô, quần áo, và hàng dệt, thủy sản là nguồn lợi tức xuất cảng lớn của Việt-Nam. Vì tôm sản xuất của Hoa-Kỳ chỉ đủ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu nội địa, Việt-Nam sẽ có thể tiếp tục xuất cảng tôm qua Hoa-Kỳ, mặc dù số lượng sẽ bớt đi. Nếu ba giới nhập cảng - bán sỉ, bán lẻ, và tiêu thụ chia đều phần thuế gia tăng, giá tiêu thụ tôm Việt-Nam sau cùng ở Hoa-Kỳ sẽ chỉ tăng khoảng 5%. Nếu có đủ con số thống kê, người ta có thể tính toán kỹ lưỡng và đưa ra tiên đoán chính xác hơn. Do đó thiệt hại cho nông dân Việt-Nam về vụ tôm không đáng kể. Một giải pháp cho trở ngại hiện nay liên hệ đến thị trường Hoa-Kỳ là Việt-Nam cần mở rộng thị trường tiêu thụ ở quốc nội và ở những quốc gia khác, đặc biệt là Nhật Bản, Tây Ban Nha, Pháp, Ý, và Anh Quốc.

Từ giữa năm 2000, khu vực Kỹ nghệ của Hoa-Kỳ đã mất gần ba triệu việc làm. Năm vừa qua, riêng đối Trung Quốc, Hoa-Kỳ đã chịu một cán cân thương mại thiếu hụt tới 124 tỉ Mỹ kim (36). Năm 2004 là năm bầu cử lớn. Kinh tế và nhất là việc làm sẽ là những đề tài gây chú ý cho mọi cử tri. Dù có thiện cảm với Hà-Nội chính quyền Bush sẽ phải ưu tiên bảo vệ kinh tế của Hoa-Kỳ.

Biện pháp chống bán phá giá và duy trì bao cấp nông phẩm ở các nước kỹ nghệ đã làm thiệt hại các nước nghèo một cách đáng kể. Sự bất bình đẳng này một phần đã làm Hội Nghị WTO tại Cancun đổ vỡ và đang làm hoạt động của WTO bị đình trệ. Theo kế hoạch đã được có từ lâu, vòng đàm phán hiện hành dự trù hoàn tất vào đầu năm 2005, nhưng xung khắc về quyền lợi của hai nhóm nước giầu và nghèo cho thấy mục tiêu này sẽ không thể thực hiện được.

Qua kinh nghiệm bị kiện phá giá lần thứ hai với Hoa-Kỳ, người ta hi vọng Việt-Nam thấy rõ hơn một nhu cầu thực tiễn là phải cải tổ kinh tế sang hẳn hệ thống thị trường, tư hữu hoá những xí nghiệp quốc doanh mà tư nhân có khả năng quản trị, ưu tiên là những công ty thuộc khu vực xuất

cảng. Ngoài ra Việt-Nam cần chuẩn bị kỹ lưỡng để gia nhập WTO hầu tránh những khó khăn tương tự trong tương lai. Thị Trường Chung Đông Á là một giải pháp mới nên được cứu xét trước tương lai bất ổn của tổ chức WTO.

14.7.2004

Chú thích:

1. Department of Commerce, "Fact Sheet — Preliminary Determinations in the Antidumping Duty Investigation on Certian Frozen and Canned Warm water Shrimp from the People' Republic of China and the Socialist Republic of Vietnam," Washington, DC, July 2004.

2. CITAC, ASDA, và một bài báo của Neil King, Jr. trên the Wall Street Journal (July 7, 2004) tường thuật rằng có 13,000 người sống về nghề lưới cá tại Hoa-Kỳ. Trong khi đó theo một bài báo của Paul Magnusson trên Business Week (July 8, 2003) có 70,000 người.

3. Margie Mason, "Vietnamese-American shrimp farmer caught in bitter battle," the AP, February 18, 2004.

4. Elizabeth Becker, "Bush Accuses Vietnam and China of Dumping Shrimp on U.S. Market," the New York Times, July 7, 2004.

5. FAO, "Shrimp Commodity Update," July 2003.

6. FAO, "Shrimp Commodity Update," July 2003.

7. Cain Burdeau, "Ruling on Shrimp Tariffs Does Little to Lift Spirits of Fishermen," AP, July 7, 2004.

8. Financial Times, "U.S. Seafood Distributors Protest Anti Dumping Lawsuits For

Shrimp," August 15, 2003.

9. Paul Magnusson, "Peeled and Eaten by U.S. Shrimpers," Business Week, July 8, 2004.

10. Financial Times Information, "Exporters Do Not Dump Shrimp in the U.S.," August 22, 2003.

11. U.S. Bureau of Census as reported by The Southern Shrimp Alliance in "Analysis of How Consumers Have Failed to Benefit from Dumped Shrimp Imports," Final Report: July 2004.

12. Ron E. Paul, "Shrimp Importation Financing Fairness Act — H.R. 2406", U.S. 108th Congress, Washington, DC: June 10, 2003.

13. Consuming Industries Trade Action Coalition, "U.S. Shrimp Sales at Grocery and Other Similar Stores Have Been Growing," Washington, DC: June 2004.

14. Consuming Industries Trade Action Coalition, "U.S. Shrimp Sales at Grocery and Other Similar Stores Have Been Growing," Washington, DC: June 2004.

15. Diane Fox, "Shrimp on Chain Menus — A 5-Year Review (1999-2004) of Menu Mentions and Pricing Activity," Food Beat, Inc., June 2004.

16. Nelson Antosh, "Seafood Struggle Shrimpers strike back," Houston Chronicle, July 3, 2004

17. Nelson Antosh, "Seafood Struggle Shrimpers strike back," Houston Chronicle, July 3, 2004.

18. CITAC/ASDA Shrimp Task Force, "Will jobs be imoacted ?" http://citac.info/shrimp, June 2004.

19. CITAC/ASDA Shrimp Task Force, "Will jobs be imoacted ?" http://citac.info/shrimp, June 2004.

20. Gọi theo tên người chủ chốt đỡ đầu cho Đạo Luật là TNS Robert Byrd (DC, W.VA).

21. Paul Magnusson, "Peeled and Eaten by U.S. Shrimpers," Business Week, July 8, 2004.

22. Letter of the House of Representatives, the Congress of the U.S. to the General Accounting Office, dated April 30, 2004, signed by four congressmen: Philip M. Crane, Jim Ramstad, John A. Boehner and Judy Biggert.

23. The Yankee Trader, "The Byrd Amendment: For and Against," May 2004.

24. The Yankee Trader, "The Byrd Amendment: For and Against," May 2004.

25. Kenneth J. Pierce, "Looming Shrimp Trade Restraints — Motivations, Biases and Politics of the U.S, Antidumping Law," Willkie Farr & Gallagher, LLP, February 10, 2004.

26. Vietnam News Briefs, "U.S. DOC Lists Vietnam's Obligatory Defendants in Shrimp Lawsuit," February 27, 2004.

27. ITC Dataweb, the U.S. International Trade Commission.

28. Thanh Quang, "Tom dong lanh Viet-Nam co the se gap kho khan nhu ca tra van basal," RFA, Bangkok: 01.08.1003.

29. National Oceanic and Atmospheric Administration, "the 2003 North Atlantic Hurrican Season — a Climate Perspective," National Weather Service, Camp Springs, Maryland: December 29, 2003.

30. Dan McGovern, "Louisiana governor pledges $600,000 to shrimp anti-dumping petition — on certain conditions," The Market Place, The Wave News Network: November 12, 2003.

31. Paul Blustein, "Shrimp Duties Imposed — Commerce Department Says Asian Imports are Dumped," Washington Post, July 7, 2004.

32. Con số của CITAC/ASDA Shrimp Task Force là 250,000 việc làm.

33. Le Thuy, "Shrimp Anti Dumping Case Threatens VN US Trade, Says Amcham," The Saigon Times Daily, February 23, 2004.

34. Thanh Quang, "Vietnam co it kha nang thang vu kien tom do Hoa-Ky khoi to," RFA, 16.01.2004.

35. Vietnam News Briefs, "AMCHAM Vietnam Protests ITC Ruling in Shrimp Case," February 20, 2004.

36. Leigh Strope, "U.S. Imposes Tariffs on Shrimp imported from China and Vietnam," The Associated Press,: July 6, 2004.

THUYẾT "BUSH" VÀ THỰC TẾ

HOÀNG QUẾ

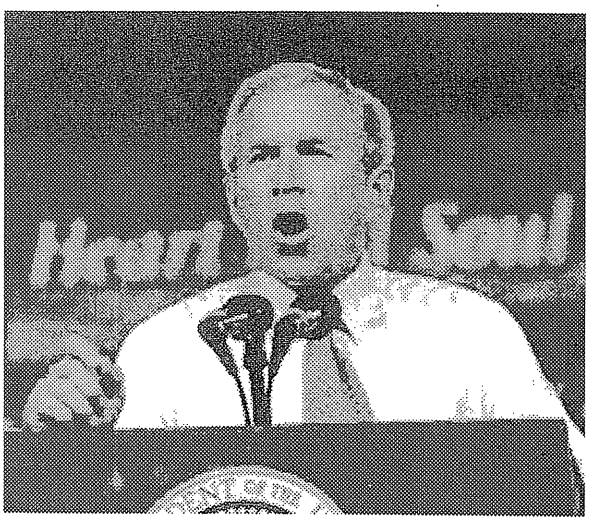

Ngày 28 tháng 6, 2004 chính phủ Mỹ đã trao chủ quyền lại cho Thủ tướng Allawi chính phủ lâm thời Iraq. Một trang mới bắt đầu. Trong 15 tháng qua, thuyết "Bush" đã được thử với thực tế của Iraq. Đã đến lúc có thể xem xét thuyết này ra sao, khi so với thực tế.

Thuyết Bush có thể tóm trong bốn ý chính:

- Mỹ sẽ ra tay trước (tiên hạ thủ) để tránh bị tấn công
- Mỹ sẽ đơn phương ra tay, một mình nếu cần, hay với một số đồng minh
- Mỹ quyết chống khủng bố
- Gây dựng dân chủ thay đổi bộ mặt Trung đông.

Trên thực tế, thuyết này đã gặp nhiều trở ngại, xem như thất bại ba trên bốn mục tiêu đã nêu, và mục tiêu còn lại, vấn đề gây dựng dân chủ tại Trung đông, có lẽ cũng nên xét lại.

Ta lần lượt xem lại từng điểm.

1. Tiên hạ thủ

"Tiên hạ thủ" là điểm chính trong thuyết của Bush nhưng lại không có chỗ đứng trong luật quốc tế. TT Bush đã tuyên bố thuyết này trong bài diễn văn ông đọc tại trường võ bị West Point năm 2002. Theo ông "chính sách kiềm chế" không đủ để bảo vệ nước Mỹ do đó chính phủ Mỹ có quyền ra tay trước.

Các người ủng hộ thuyết này cho là thuyết ra tay trước có thể thay đổi các chính quyền tại Iran, Syria hay Bắc Hàn và Iraq.

Theo Ted Galen Carpenter của viện Cato, thì chuyện thay đổi các chính quyền bằng vũ lực đã tiêu tan khi thuyết Bush được thử lửa tại Iraq. Theo ông Carpenter thì thuyết "tiên hạ thủ" đã bị sụp đổ nếu không nói là tiêu tan và kinh nghiệm Iraq sẽ "chủng ngừa" Mỹ về việc lấy các quyết định "hấp tấp" trong tương lai.

Hiện nay chính phủ Bush đã phải cố gắng thuyết phục các nước khác là Mỹ sẽ không tấn công các nước trong trục "ma quỷ." Chính phủ Bush sẽ dùng ngoại giao để giải quyết các tranh chấp về khí giới hạt nhân với Iran và Bắc Hàn. Theo họ thì chính phủ Bush chỉ ra quyết định đánh Iraq là vì Saddam Hussein đã có 10 năm để tuân theo nghị quyết của LHQ nhưng đã không làm.

Theo những người ủng hộ thuyết này như ông Robert Kagan của Viện Canergie về Hòa bình thì thuyết này chưa phải là hoàn toàn không đúng, vì vũ lực là một thực tế trên thế giới và Mỹ phải phòng ngừa chống khủng bố.

2. Ra tay đơn phương

Chính phủ Bush cho là có quyền ra tay đơn phương hay với một số đồng minh nhỏ khi có nguy cơ bị đe dọa. Tại LHQ, trước khi đánh Iraq, TT Bush đã nói là ông sẽ làm việc với Hội đồng bảo an LHQ, nhưng việc "ra tay sẽ không thể tránh" được nếu Saddam Hussein không tuân theo nghị quyết của LHQ.

Khi Mỹ và đồng minh đã không giải quyết được vấn đề bình định và tái lập an ninh và trật tự tại Iraq, chính phủ Bush đã phải rút lui, nhờ LHQ giải quyết giùm vấn đề chọn chính phủ Iraq với đại diện của TTK Liên Hiệp quốc ông Branami. Mỹ cũng phải nhờ LHQ giúp viết lại Hiến Pháp cho Iraq.

Theo Mark Schneider của nhóm International Crisis Group, thì hành động đơn phương không mấy thành công trong thế giới ngày nay. Mọi nước đều cần đồng minh. Mặc dù Mỹ có đồng minh nhưng các nước này chỉ có hiện diện một cách tượng trưng mà thôi.

đầu gia tăng tại Iraq, tại Arập Saudi và tại nhiều nước khác. Nhờ vụ Mỹ đánh Iraq cho nên Al Qeada lại có thể tuyển mộ thêm người.

Mỹ đã lầm khi họ cho là Iraq tài trợ khủng bố. Afghanistan mới là nơi cần giải quyết khủng bố. Những người ủng hộ chính phủ cho sai lầm là khi

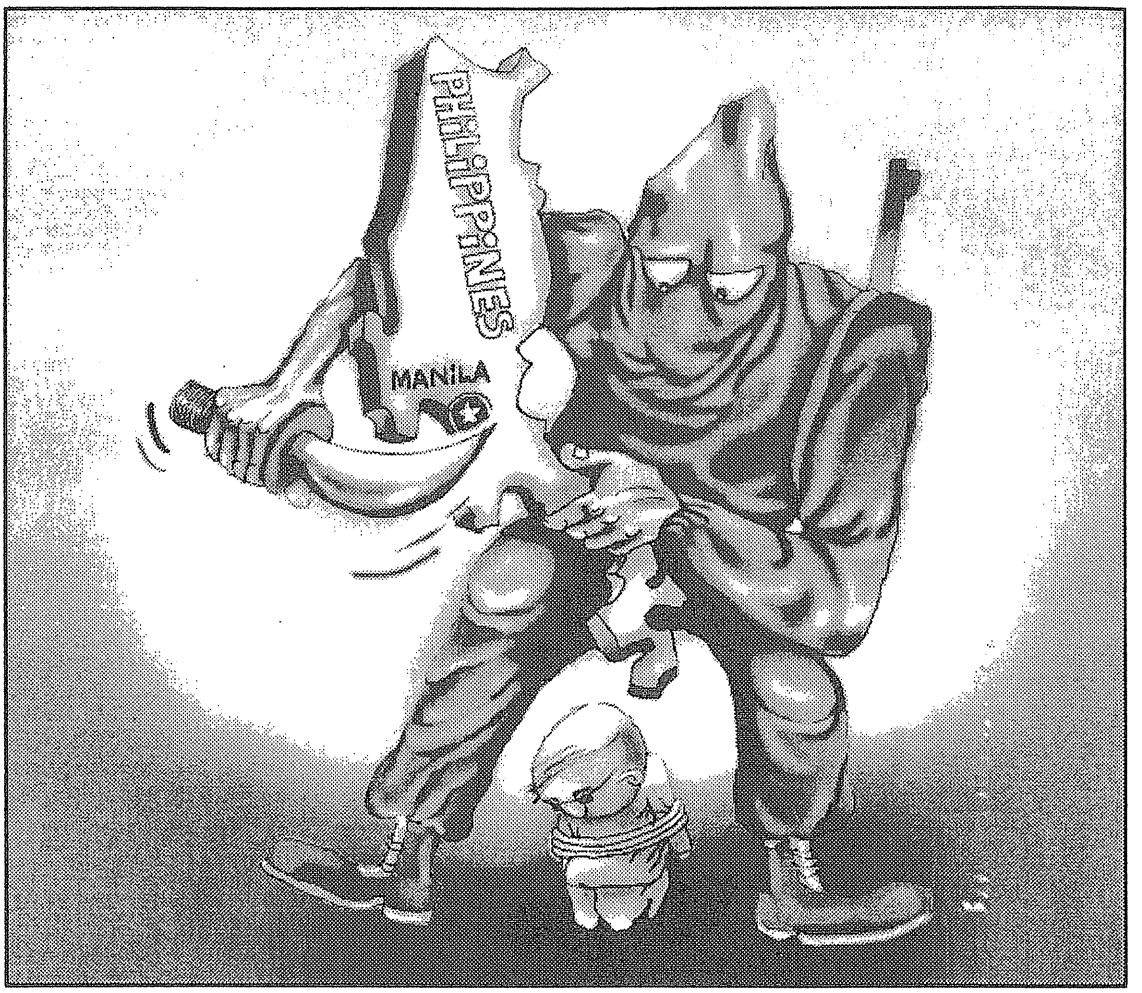

3. Chống khủng bố

TT Bush đã nhằm Iraq ngay sau khi đánh Afghanistan nhưng thực tế cho thấy là Iraq không có các vũ khí hủy diệt hàng loạt và không có liên hệ giữa Saddam Hussein và Al Qaeda. Việc này đã làm dư luận công chúng Mỹ và thế giới không mấy tin lời của Mỹ và không ủng hộ cuộc chiến Iraq nữa. Hơn nữa Mỹ mất tín nhiệm trên thế giới, điều mà phải mất nhiều năm mới giải quyết được.

Ngược lại, chiến tranh Iraq mang nhiều tai hại cho Mỹ trong vấn đề chống khủng bố. Các vụ đánh bom tự sát, các vụ bắt cóc con tin và chặt

thực hiện chính sách chứ không phải chính sách sai lầm.

4. Gây dựng dân chủ cho Trung đông

Thuyết Bush muốn mang dân chủ cho trung đông, cho thế giới Hồi giáo; dân chủ tại Irq phải thành công, và từ đây làn sóng dân chủ sẽ tràn lan khó chặn được. Theo ông Bush thì "Dân chủ là làn sóng tương lai cho mọi nước."

Mặc dù TT Bush vẫn nói về dân chủ nhưng các nước Trung Đông đã chán nản, với việc Mỹ chiếm Iraq và cung cách Mỹ cư sử với Israel và Palestine. Theo các chuyên gia của phe dân chủ và cộng hòa, việc xây dựng dân chủ tại Trung

đông sẽ chậm chạp.

Ý tưởng dân chủ là một thứ có thể nhập cảng từ bên ngoài xem ra bị lung lay. Mọi cải cách chỉ đến từ bên ngoài rất khó thành công. Sau khi có mặt hơn nửa thế kỷ tại Trung Đông, việc Mỹ đánh Iraq làm tổn thương cho vai trò trọng tài của Mỹ tại đây.

Vụ Iraq cho thấy là chính sách của TT Bush tại Trung Đông bị mất tín nhiệm. Theo TT Bush, nếu bỏ được cái gai Iraq thì sẽ giải quyết vấn đề Israel và Palestine dễ dàng, nhưng trong thực tế thì ngược lại. Kết quả cho thấy là TT Bush nay đã phải thay đổi chính sách ngoại giao, phải ve vãn NATO, phải làm hòa với mọi nước Âu châu. Theo ông Carpenter thì "chính phủ Bush tưởng là họ có mọi câu trả lời, nhưng thực tế cho thấy một cách đau đớn là Bush chẳng có câu trả lời nào cả."

Các hậu quả của chính sách Bush ra sao tại quốc ngoại và quốc nội?

Hậu quả tại quốc ngoại

Hậu quả đầu tiên là trong cuộc gọp NATO tại Thổ Nhĩ Kỳ, chính phủ Bush đã mất uy thế ngoại giao và phải trả giá khá cao. TT Bush đã không thể kéo NATO vào Iraq được vì chính sách đơn phương của Mỹ.

Theo Cliff Kupchan của trung tâm Richard Nixon, thì TT Bush đã phải xét lại chính sách ngoại giao và các nước đã ra nhiều điều kiện cho Mỹ, cũng chỉ vì chính sách đơn phương trước đây. Theo ông Kupchan thì các nước trên thế giới ngày càng nghi ngờ thái độ của Mỹ và vì bị dư luận quốc nội ép, chính phủ Bush đã "hạ giọng." Hình ảnh của TT Bush trên thế giới khá rõ: hiện nay Mỹ khó tìm được bạn trên thế giới.

Chính phủ Bush có phần thực tế hơn. Sau khi "lobby" khá nặng NATO, Mỹ chỉ nhận được lời hứa huấn luyện quân sự mà thôi, không có nước nào mang quân vào giúp Mỹ tại Iraq. Cũng nên nhớ là ông Rumsfeld đã "chửi xỏ" các nước Âu châu. Nay Mỹ đang phải nuốt các lời chửi này.

Bây giờ ngày càng nhiều các nước giám từ chối Mỹ. Theo TNS Carl Levin tiểu bang Michigan, thì các nước NATO không mấy ưa chính sách đơn phương. Theo ông Ivo Daalder của viện Brookings Institution, cựu cố vấn an ninh của chính phủ Clinton, các nước không chịu chơi kiểu Mỹ nữa và sẽ không giúp Mỹ gỡ rối tại Iraq, không muốn cho TT Bush có cơ hội tái đắc cử.

Tại nhiều nước, khi các tranh đấu nhân quyền đòi bỏ đạo luật "khẩn cấp" giam giữ không xét xử, thì nay họ đang bị kẹt vì trường hợp Mỹ. Các người tranh đấu nhân quyền cho là các nước như Trung Quốc, Nga, Egypt, vv. cũng sẵn sàng dùng đạo luật Patriot kiểu Mỹ để khủng bố các người đòi nhân quyền. Theo bà Zainah Anwar một phụ nữ tranh đấu cho nhân quyền tại Malaysia thì nếu nước Mỹ cũng tin vào luật giam cầm mà không xét xử thì làm sao bà có thể đòi chính phủ Malaysia làm việc này?

Chính ngoại trưởng Colin Powell cũng nói đến hậu quả không lường được trong việc xi-căn-đan về tù nhân tại Iraq.

LHQ đã từ chối không cho gia hạn miễn tố cho quân đội Mỹ (sau vụ nhà tù Al Greib) tại tòa án quốc tế. Việc này không có mấy ảnh hưởng trên thực tế vì Mỹ không tham dự tòa án quốc tế, nhưng cho thấy Mỹ bị tổn hại về tinh thần. Theo Đại sứ Chile tại LHQ, ông Heraldo Mudoz, thì chính phủ đã đổi chính sách vì họ thấy là LHQ mới có "danh chính ngôn thuận" trong khi phe đồng minh của Mỹ không có.

Hậu quả tại quốc nội

Một trong những điều chính phủ Bush "tự cho" trong việc chống khủng bố là có quyền giam không xét xử vô hạn định những người bị tình nghi khủng bố sau 11 tháng 9. Hơn nữa chính phủ nói có thể giam cầm vô hạn định người nước ngoài tại Guantanamo, vì là "phe địch."

Mới đây, qua hai phán quyết, Tối Cao Pháp Viện đã từ chối ủng hộ chủ trương của chính phủ Bush về việc "bắt giữ và giam cầm bất cứ kẻ tình nghi" khủng bố nào sau ngày 11 tháng 9 mà không cho họ tiếp xúc với luật sư hay được mang ra xét xử trong thời gian bị thẩm vấn. Đây là điều rất tốt, nó cho thấy chính phủ không thể có quyền vô hạn.

Người Việt ta ai cũng nhớ những năm tại trại cải tạo khi cán bộ CS có những câu "khi nào cải tạo tốt thì sẽ được khoan hồng cho về" nhưng yếu tố nào cho biết là cải tạo tốt? Như vậy là không có luật gì cả, quyền con người không được bảo vệ.

Tại Mỹ còn có Tối cao pháp viện, còn có luật bảo vệ người dân kể cả cho người nước ngoài bị Mỹ giam cầm. Chính phủ Bush đã phải chấn chỉnh lại về mặt chính trị và luật pháp, sau khi phán quyết của Tối Cao Pháp Viện được xem là đòn nặng đánh vào cách chính phủ Bush dùng việc giam cầm mà không được luật bảo vệ trong chính sách chống khủng bố của TT Bush hiện nay.

Chính phủ và bộ tư pháp phải chấn chỉnh theo phán quyết của Tối Cao Pháp Viện về trường hợp của hàng trăm tù nhân đã bị giam giữ trên hai năm nay ở Guantanamo. Trước đây các phạm nhân này không được khiếu nại về tình trạng của họ, viện cớ là vì họ là người ngoại quốc và không giam trên đất Mỹ. Nay Tối Cao Pháp Viện đã tuyên bố là mặc dù là chiến tranh chống khủng bố nhưng chính phủ Mỹ phải theo luật và các người bị bắt có quyền được luật Mỹ bảo vệ.

Phán quyết của tòa Tối cao nhằm bảo vệ quyền của các tù nhân Mỹ và nước ngoài. Tòa không đặt lại quyền TT lãnh đạo chiến tranh nhưng đặt giới hạn cho quyền của hành pháp. Việc xếp tù nhân vào loại "địch – enemy combatant" không có nghĩa là không được luật bảo vệ.

Tòa phán là luật bảo vệ nhân quyền "habeas corpus" sẽ được áp dụng cho các người bị bắt. Tòa phán là bất cứ người nào bị bắt đều có quyền chống việc bị giam mà không được xử tại tòa, chính phủ không thể giam người mà không cho phép họ gặp luật sư. Phán quyết trên cho thấy nước Mỹ là nước thật sự Pháp trị.

Chính phủ Mỹ đã phải cho phép các luật sư đến thăm 13 người bị giam tại Guantánamo Bay, Cuba. Phán quyết của tối cao pháp viện đã cho phép các luật sư dân sự thăm các người bị giam.

Vừa đây, Thượng nghị viện khi thông qua ngân sách quốc phòng đã bắt buộc chính phủ Bush phải áp dụng công ước Geneva về tù nhân chiến tranh. Trong tu chính án cho luật ngân sách, TNS Patrick Leahy kêu gọi chính phủ Bush phải tiết lộ tù binh và mang ra xử, hơn nữa còn báo cáo cho Hồng thập tự về những tù binh quân đội Mỹ cầm giữ.

Hậu quả chính sách Bush

Nói tóm tại quốc ngoại cũng như tại quốc nội, thanh danh của chính phủ Bush bị tổn thất nặng nề, nhất là phải nhượng bộ sau khi có phán quyết của Tối cao pháp viện.

Tại Trung Đông, mặc dù Mỹ đã trả lại chủ quyền cho Iraq nhưng bị tổn thất thanh danh, vì đã hồ đồ về vũ khí hủy diệt hàng loạt hay sự liên hệ của Saddam với Al Qeada. Nhiều người tại Mỹ cho là TT Bush đã nói dối quần chúng hay là đã "thổi phồng" mối nguy cơ của Iraq trong khi nước này không phải là đe dọa cho Mỹ.

Trong trận chiến Iraq, ngoài tổn thất về tiền bạc, mạng sống của binh lính, còn có các tổn thất về tinh thần, về thanh danh nước Mỹ nữa.

Theo cựu đại sứ Mỹ tại Pháp, ông Felix Rohatyn, vụ lạm dụng tù binh tại nhà tù Abu Ghraib, vụ giam tù binh tại Guantánamo Bay mà không có ngày thả, và đạo luật "Patriot Act" đã làm mất thanh danh và gây tổn hại tinh thần cho Mỹ.

Về một số điểm, vụ Iraq giống Việt Nam. Chúng ta còn nhớ khi Việt Cộng đã dùng AK 47 thì quân đội VNCH vẫn phải dùng thứ súng cổ lỗ Garrant M1 từ thời đệ nhị thế chiến. Lý do là Mỹ tưởng một khi đã đổ bộ vào Việt Nam thì có thể thay Việt Nam làm mọi chuyện. Thời đó, TNS J. William Fulbright đã gọi chính sách này của Mỹ là "the arrogance of power." Ngày nay một số lý thuyết gia neoconservatives đứng đằng sau TT Bush tưởng là dân chúng Iraq sẽ đón mừng quân Mỹ khi họ chiếm Iraq. Các lý thuyết gia này cùng những người như Paul Wolfowitz không chịu nghe ai vì họ tin vào Ahmad Chalabi, tin là có thể "giải quyết sạch - trọn gói" một lần vấn đề Iraq. Vì chính sách ấy mà Mỹ tổn thất nặng, nhất là về tinh thần.

Nếu một số nước lớn khác cũng áp dụng thuyết "tiên hạ thủ" của Bush thì thế giới sẽ ra thế nào? Đừng nói đâu xa, nếu Trung Quốc cũng có chính sách tương tự, và một ngày kia bỗng "ra tay" với Việt Nam, lấy cớ phải thu hồi ngay quần đảo Trường Sa chẳng hạn, thì ta có thấy cái "thuyết" này hợp lý không?

Một điều rất tốt là các nhà lãnh đạo Mỹ đều bị dân chúng đánh giá qua lá phiếu bốn năm một lần. Liệu TT Bush có còn được dân chúng tín nhiệm sau bốn năm lãnh đạo như vừa qua hay không? Cuộc tranh cử giữa hai đảng đang hồi ngang ngửa, còn độ bốn, năm tháng nữa thì sẽ có câu trả lời.

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU:
BA THÁNG TRƯỚC BẦU-CỬ TỔNG-THỐNG MỸ

CỔ LŨY

Đầu tháng Mười-một tới bầu-cử tổng-thống Mỹ sẽ diễn ra với bao nhiêu hy-vọng và lo-sợ quanh khắp nước Mỹ và thế-giới. Dù có lý-luận thế nào người ta không thể phủ-nhận tầm quan-trọng của cuộc bầu-cử này. Sau bốn-mươi năm Chiến-tranh Lạnh đế-quốc Nga Xô-viết đã tan-rã; trên thế-giới chỉ còn một nước mà chính giới thức-giả bảo-thủ Mỹ cũng gọi là đế-quốc Hoa-Kỳ (một "Pax Americana," tên đặt bởi Giáo-sư Ronald Steel gần bốn thập-niên trước để mô-tả đế-quốc Mỹ đồng-hóa toàn-cầu, to lớn gấp bội đế-quốc La-Mã "Pax Romana" ngày xưa và cả đế-quốc Anh "Pax Britanica" trong thế-kỷ 19), với sức mạnh bao-trùm về quân-sự, kinh-tế, chính-trị và văn-hóa—và, đây là lần đầu tiên trong lịch-sử thế-giới, hoàn-toàn không có đối-thủ. Lần đầu tiên trong lịch-sử nhân-loại Tổng-thống Mỹ đương nhiên trở thành người có quyền-uy hơn bất cứ ai trên mặt trái đất. Tổng-thống Mỹ là ai và sử-dụng quyền-uy này như thế nào là mối bận tâm của cả thế-giới.

Sau cuộc tấn-công khủng-bố vào Nữu-Ước và Ngũ-giác-đài ngày 11 tháng Chín năm 2000, tổng-thống George W. Bush, thường tự xưng là người "bảo-thủ nhân-ái" ("compassionate conservative," trong ngôn-ngữ chính-trị Mỹ có nghĩa là một người bảo-thủ ủng-hộ quyền-lợi của giới giầu-có, giới kỹ-thương lớn, mạnh về quốc-phòng và thiên về tôn-giáo cũng như bảo-thủ về mặt xã-hội—nhưng cũng biết nghĩ đến giới trung-lưu và nghèo-khó) biến thành người tân-bảo-thủ (neo-conservative) hung-hăng hiếu-chiến. Sau cuộc tấn-công chống khủng-bố vào A-Phú-Hãn (Afghanistan), rồi đến xâm-lăng Iraq không có đồng-ý của Liên-Hiệp-Quốc, và những đe-dọa "thay đổi chế-độ" nhằm vào Bắc-Hàn và Ba-Tư (Iran) và Syria, cả thế-giới lên tiếng phản-đối thái-độ và chính-sách kẻ cả đơn-phương hành-động (unilateralism) của chính quyền Bush, coi thường công-pháp quốc-tế và khuôn cách ngoại-giao.

Cùng với ngọn triều lo-sợ và căm-hận khủng-bố trong dân-chúng Mỹ chính-quyền Bush gia-tăng những biện-pháp cứng-rắn về mặt đối ngoại, hạn-chế cũng như vi-phạm những quyền tự-do căn-bản có hiến-pháp bảo-vệ cho người sống trên đất Mỹ, và thi-hành những chính-sách kinh-tế bảo-thủ. Trong hai năm sau khủng-bố đa-số người Mỹ (có khi đến bảy-mươi phần trăm) ủng-hộ những biện-pháp và chính-sách này, tạm quên đi những khó-khăn kinh-tế mỗi ngày một gia-tăng. Nhưng từ giữa tháng Bảy 2003, hơn một năm trước bầu-cử tổng-thống, những nứt-rạn chính-trị bắt đầu đe-dọa chính-quyền Bush. Cuối tháng Chín một thăm-dò dư-luận dân-chúng đáng tin-cậy do công-ty truyền hình CNN *(Cable News Network), nhật-báo* USA Today *và viện nghiên-cứu dư-luận quần chúng* Gallup *cho thấy mức ủng-hộ ông Bush chỉ còn năm-mươi phần trăm, mức thấp nhất từ khi ông Bush đắc-cử tổng-thống năm 2000. Năm cuộc thăm-dò dư-luận khác sau đó cũng cho thấy mức ủng-hộ chính-quyền nằm giữa 45 đến 53 phần trăm. Thăm-dò dư-luận đặt ông Bush cạnh ứng-viên Dân-chủ đối-lập John F. Kerry, sau bầu cử sơ bộ của đảng Dân-chủ, hoặc hỏi dân có bầu cho ông Bush một nhiệm-kỳ nữa, đều cho thấy kết-quả hơn một nửa phản-đối, dưới một nửa ủng-hộ với mức sai lạc +3 hoặc _3 . Giống như trong cuộc bầu-cử năm 2000, dân-chúng Mỹ hiện nay chia làm hai khối tương-đương nhưng khác-biệt hẳn nhau —và bầu-cử nửa năm tới lại mang đến bao nhiêu hy-vọng cũng như lo-sợ cho tất-cả mọi người.*

*Bài sau đây nối tiếp theo bài viết dài "*Một Năm Trước Bầu-Cử Tổng-Thống Mỹ," *THẾ-KỶ 21, tháng Mười-hai 2003 và tháng Ba 2004. Tuy nhiên, theo đề-nghị của tòa-soạn THẾ-KỶ 21 và để tránh in đứt đoạn người viết xin gói-ghém những phát-triển và ghi-nhận quan-trọng vào khuôn-khổ*

nguyệt-san. Người đọc có thể tùy-nghi tìm-hiểu thêm qua các nhật-báo, tuần-báo, tập-san, sách vở và truyền-thông điện-tử (electronic media, như truyền-thanh, truyền-hình, vi-tính, vân vân) rất dồi-dào ở Hoa-Kỳ và thế-giới. Cổ Lũy

Trong tuần lễ đầu tháng Bảy, chưa tới bốn tháng trước bầu cử và khoảng ba tuần trước đại hội toàn quốc đảng Dân-chủ, tin tức về bầu cử nổi bật nhất là việc ứng viên tổng thống Dân-chủ, nghị sĩ John F. Kerry (tiểu bang Massachusetts), chọn lựa ứng viên phó tổng thống cùng liên danh, nghị sĩ John Edwards (tiểu bang North Carolina). Với chọn lựa này đi với đại hội đảng trong cùng tháng, giới truyền thông Mỹ xem tháng Bảy là "tháng của đảng Dân-chủ" hay "tháng Kerry" với ý rằng tin tức về ông Kerry và đảng Dân-chủ sẽ chiếm phần lớn "mặt tiền" (front page) hay "tin nổ" (breaking news) đưa liên danh Kerry-Edwards và đảng Dân-chủ ra mặt khắp nơi (media exposure) làm quen với cử tri toàn quốc (name recognition) —nói chung là có lợi cho liên danh và đảng Dân-chủ. Nhưng có lẽ đây chỉ là cái nhìn cục bộ; về lâu dài và rộng lớn hơn nhiều yếu tố quan trọng chi phối bầu cử tổng thống đầu tháng Mười-một tới.

ỨNG-VIÊN PHÓ TỔNG-THỐNG

Sau gần bốn tháng kín đáo nghiên cứu và suy nghĩ, đầu tháng Bảy ông Kerry đưa ra chọn lựa John Edwards đứng chung liên danh Dân-chủ từ một danh sách ngắn gồm các nhân vật Dân-chủ như dân biểu Dick Gephardt (tiểu bang Missouri), nghị sĩ Bob Graham (tiểu bang Florida), thống đốc Tom Vilsack (tiểu bang Iowa) và ngay cả nghị sĩ Cộng-hòa John McCain (tiểu bang Arizona), người từng tranh cử sơ bộ đảng Cộng-hoà gắt gao với ứng viên George W. Bush cách đây bốn năm. Phe Dân-chủ rất là thoải mái và hoan hỷ với chọn lựa John Edwards.

Với ông Edwards đây được xem là chọn lựa an toàn và có lợi nhiều cho ông Kerry. Ông Edwards là người miền Nam Hoa-Kỳ, sinh ở tiểu bang South Carolina và trưởng thành cũng như hiện là nghị sĩ đại diện North Carolina. Phe Dân-chủ hy vọng liên danh Kerry-Edwards, với một nhân vật miền Nam, có thể gây khó khăn cho "Chiến lược miền Nam" (Southern Strategy) của đảng Cộng-hòa nhằm khống chế miền Nam Hoa-Kỳ bảo thủ bắt đầu từ thời tổng thống Richard Nixon (cuối thập niên 1960 tới giữa thập niên 1970) . Trong kỳ bầu cử năm 2000 ông Bush đã nắm hết mười-ba tiểu bang miền Nam. Nay liên danh Kerry-Edwards hy vọng có thể thắng hoặc ngang ngửa với liên danh George Bush-Dick Cheney ở khoảng năm tiểu bang miền Nam — hay ít nhất cũng buộc liên danh đối lập phải bỏ nhiều tài nguyên nhân lực và thì giờ vào những tiểu bang nói trên, và do đó sẽ lơ là phần nào nỗ lực nhắm vào các vùng Đông, Đông-Bắc, Trung-Tây, Tây và Tây-Nam Hoa-Kỳ. Nhưng cũng suy nghĩ theo chiều hướng này, phe Cộng-hòa nói rằng với ông Edwards và hy vọng mới ở miền Nam phe Dân-chủ cũng sẽ phải đổ dồn thì giờ, nhân lực và tài nguyên vào miền Nam, và cũng sẽ lơ là nhiều vùng khác.

Một lợi điểm khác với chọn lựa Edwards — dù lần đầu tiên ra tranh cử mức toàn quốc— là ông từng ngang ngửa với ông Kerry trong kỳ bầu cử sơ bộ đảng Dân-chủ, được kể là người xứng đáng thứ nhì sau ông Kerry. Với tuổi trẻ (năm-mươi-mốt), tài hùng biện của một luật sư chuyên tố tụng, khuôn mặt ăn ảnh với nụ cười tươi tắn thường trực (một lợi điểm lớn trong thời đại truyền thông điện tử chú trọng vào hình ảnh hơn là chữ in, và cử tri Mỹ nói chung không chịu đọc và suy nghĩ chín chắn— và nhất là để bù cho khuôn mặt khắc khổ với đầy vết nhăn cũng như phong cách thận trọng cách biệt của ông Kerry) ông Edwards là người vận động tranh cử rất hữu hiệu —dù kinh nghiệm chính trị mức toàn quốc còn rất non, mới được sáu năm. Tuy là triệu phú nhờ nghề luật (so với tài sản của ông Kerry và vợ, ông Bush và Cheney ông Edwards xem ra không đáng kể) ông Edwards có gốc gác con nhà lao động vươn lên, gợi đến nỗ lực cá nhân và tinh thần nhiệt thành lạc quan về hệ thống kinh tế và giá trị xã hội Mỹ.

Nhược điểm chính của ông Edwards, mà ông Bush nêu ra ngay, là ông thiếu kinh nghiệm về ngoại giao và an ninh quốc gia. Đây là điều cử tri Mỹ có thể lưu ý chú trọng nhiều, nhất là sau vụ tấn công khủng bố 11 tháng Chín; hơn nữa, câu hỏi được đặt ra là ông có sẵn sàng lên nắm chức vụ tổng thống một khi tổng thống có mệnh hệ nào hay không. Ông Kerry cũng vội vàng nêu ra ngay ông Edwards có sáu năm kinh nghiệm trong các ủy ban tư pháp, quốc phòng và tình báo ở Thượng viện —nhiều kinh nghiệm về an ninh, quốc phòng và ngoại giao hơn ông Bush khi ông rời chức vụ thống đốc tiểu bang Texas bước vào

tòa Nhà Trắng. Có vẻ như ông Bush muốn so sánh ứng viên phó tổng thống Edwards "non nớt" với phó tổng thống Dick Cheney, một người dồi dào kinh nghiệm chính trị trải qua hơn ba thập niên ở nhiều vị trí cao cấp và quan trọng trong và ngoài chính quyền. Ông Bush nói, "Ông Cheney có thể là tổng thống [ngay tức khắc];" ông Kerry trả lời, "Đúng, ông Cheney từng là tổng thống ngay từ ngày đầu [của chính quyền Bush]," với ý rằng ông Bush chỉ là bộ mặt bên ngoài, ông Cheney ở bên trong nắm toàn quyền chính sách và quyết định của chính quyền. Đây không chỉ là ngôn ngữ qua lại giữa hai đảng đối lập trong một cuộc tranh cử ngang ngửa gắt gao với nhiều dư âm sát phạt cay đắng từ kỳ bầu cử năm 2000; ông Kerry muốn chiếu ánh sáng tiêu cực về phía ông Cheney mà ngay cả nhiều nhân vật phe Cộng-hòa từng nêu ra: ông Cheney có thể thành một nhược điểm cho liên danh Cộng-hòa trong kỳ bầu cử tới. Ông Cheney có nhiều người trong giới bảo thủ ủng hộ và rất thành công trong công tác vận động tranh cử trong giới cử tri "nòng cốt" Cộng-hòa ("base"—giới kỹ thương lớn, người giầu có, giới chống phá thai, giới tự xưng là trọng giá trị gia đình, ủng hộ tự do buôn bán và sử dụng vũ khí, người Tin-lành cực đoan. Nhưng ông chỉ quen vận động tranh cử trong môi trường thân thiện với khán thính giả cùng một chiều suy nghĩ với mình, chẳng hạn nói chuyện ở viện nghiên cứu thân chính quyền như American Heritage, American Enterprise Institute, hoặc một số hội cựu chiến binh chọn lựa. Ngoài môi trường này ông cảm thấy không thoải mái và khá ngại ngùng. Trong một tranh cử gắt gao, với hai phe đối lập ngang ngửa ông Cheney không lôi cuốn được cử tri độc lập và những người chưa biết chọn bên nào (fence sitting) —điều mà phe Dân-chủ hoan hỷ tin rằng ông Edwards có thể làm được.

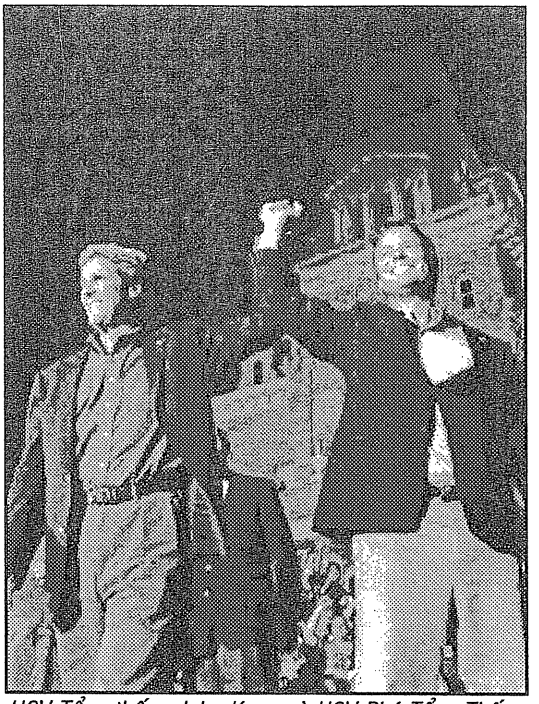

UCV Tổng thống John Kerry và UCV Phó Tổng Thống John Edwards

Về mặt cá nhân ông Cheney là người kín đáo riêng biệt, khác hẳn với ông Bush và nhất là Edwards, với lối nói buồn tẻ nhai lại và cái cười nửa miệng. Giới truyền thông không mấy cảm tình với ông gần giống như với tổng thống Richard Nixon trước đây (có tên hiệu là "Tricky Dick" hay "Richard lắt léo," với chữ "Dick" rút gọn từ "Richard" và cũng mang nghĩa cái giống của phái nam). Dù đúng hay sai, giới truyền thông ghét hay coi thường Nixon lúc ông còn sinh thời; đối với ông Cheney họ ghét hoặc có phần khó chịu vì thái độ "trịch thượng," quyền lực hơn hẳn tổng thống, hay tiếng tăm ông Cheney đi liền với những xì-căng-đan liên quan đến đại công ty Halliburton, ảnh hưởng của nhóm tân bảo thủ (neo-conservative), dàn cảnh chiến tranh Iraq, lãnh tụ lưu vong đầy lem nhem Ahmad Chalabi, Al Qaeda và Saddam Hussein, CIA, vũ khí có tầm tác hại lớn (WMD—xin xem lại những bài về Iraq trên Thế-Kỷ 21 trong năm 2003 và 2004, cùng người viết) và nhất là thái độ coi thường dư luận bẻ ngược xuôi sự thật đã rành rành (cho đến nay ông vẫn là người độc nhất trong chính quyền tiếp tục xác nhận có WMD ở Iraq và "liên hệ" Saddam Hussein-bin Laden trong vụ 11 tháng Chín).

Các nhân vật nòng cốt tòa Nhà Trắng tuyên bố ông Bush sẽ không bỏ ông Cheney khỏi liên danh và cũng không muốn ông Cheney thay đổi cho hợp với tình hình. Mới đây tuần san *Newsweek* cho thấy một liên danh Bush-Cheney không có hy vọng mấy, đồng thời liên danh Bush với ngoại trưởng Colin Powell (dù là da đen) sẽ đánh bại Kerry-Edwards dễ dàng. Tuy nhiên ông Powell đã mất nhiều vốn liếng chính trị vì đã phải làm nhiều điều mà nhiều người và chính ông biết là sai lầm để phục vụ chính quyền ông Bush — dù ông Bush luôn luôn đi liền với ông Cheney và

tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld và coi thường ông Powell. Cũng theo tờ *Newsweek* giả thiết liên danh Bush với nghị sĩ McCain sẽ ngang ngửa với Kerry-Edwards. Nhiều nhà quan sát lưu ý rằng sau khi từ chối liên danh "đoàn kết" Dân chủ-Cộng hòa với ông Kerry, ông McCain xuất hiện vận động cùng ông Bush. Nhưng ông McCain có nhiều khác biệt và ngay cả mâu thuẫn với ông Bush, và cố duy trì những mâu thuẫn khác biệt này để cho đảng Cộng-hòa và đa số dân chúng ở cả hai đảng chán liên danh Bush-Cheney, sau bốn năm tới, có một chọn lựa khả dĩ đương đầu nổi với phe Dân-chủ. Ông McCain có vẻ như nhắm vào bầu cử 2008 hơn là hiện nay, khi ông có thể chiếm "một mình một chợ," với hai lý do là đảng Cộng-hòa không còn ai ăn khách (ông Jeb Bush, em ông Bush và hiện là thống đốc Florida có tham vọng, nhưng không mấy hy vọng tranh cử 2008), hoặc có gì mới mẻ (so với những nhân vật Dân-chủ hấp dẫn như Edwards hay bà nghị sĩ Hillary Clinton), và dù ông Bush có thắng hay bại trong kỳ tới ông Cheney chắc chắn không ra ứng cử, hoặc đảng Cộng-hòa chắc chắn sẽ không chọn ông ra ứng cử tổng thống.

Nhiều nhà quan sát chính trị phân biệt rõ giữa ông Cheney và Edwards trong vị trí phó tổng thống: ông Cheney rất có giá trị trong việc cầm quyền trị nước, nhưng không có lợi khi tranh cử; ông Edwards ngược lại rất có giá trị khi liên danh ra tranh cử, còn cầm quyền trị nước thì chưa rõ dù hiện nay rõ rệt là yếu hơn ông Cheney về mặt kinh nghiệm. Chọn lựa Edwards cũng cho thấy ông Kerry chú trọng vào chiến lược quốc nội, khác với chiến lược chú trọng vào ngoại giao của ông Bush. Đây là cái năng động (dynamics) thường thấy trong chính trị bầu cử Mỹ: chính quyền hiện hữu thường chọn nhấn mạnh ngoại giao hoặc nội trị tùy theo khi nào có lợi cho mình trước mắt dân chúng; phe đối lập cũng xoay chuyển chọn lựa nhấn mạnh tùy nghi. Chính quyền đương nhiệm thường nhắm làm nổi bật khía cạnh ngoại giao khi gặp khó khăn trong các vấn đề nội trị; ngược lại, chính quyền sẽ nhấn mạnh nội trị nếu ở mặt này chính quyền có thành tích đáng nêu ra. Thành tích nội trị nói tổng quát thường quyết định kết quả bầu cử.

NỘI-TRỊ VÀ NGOẠI-GIAO

Sau vụ tấn công khủng bố 11 tháng Chín chính quyền Bush gần như đương nhiên chọn lựa nhấn mạnh mặt ngoại giao làm chiến lược tranh cử — mặc dù ông Bush hoàn toàn không có chút kinh nghiệm ngoại giao quốc tế nào trước đó— với đề tài chống khủng bố quốc tế, Al Qaeda, bin Laden, WMD, Saddam Hussein, hòa bình "Trung Đông," vân vân , rất hợp thời (tâm lý quần chúng oán ghét và lo sợ "khủng bố Hồi-giáo") và đây rất có lợi cho chính quyền với chiến thắng quân sự chớp nhoáng ở A-Phú-Hãn (Afghanistan) và sau đó là Iraq. Một lý do rõ rệt khác là về mặt nội trị (kinh tế: công ăn việc làm, thị trường chứng khoán, giảm thuế cho người giầu có, công nhân thất nghiệp; xã hội: bảo hiểm y tế, người già, an sinh xã hội, tôn giáo và luân lý, môi sinh, giáo dục, bất công xã hội, phân chia chủng tộc, di cư, vân vân) chính quyền gặp khó khăn liên tục ít nhất là trong ba năm đầu nhiệm kỳ. Trong cái năng động tranh cử, phe Dân-chủ đối lập gần như đương nhiên nhắm vào thành tích nội trị đầy nhược điểm của chính quyền —nhưng vẫn không thể lơ là mặt ngoại giao vì chính quyền triệt để khai thác mặt này, nhất là chiến tranh "chống khủng bố quốc tế," có vẻ như nhược điểm lớn của phe Dân-chủ.

Nhưng khoảng hơn ba tháng sau thành công quân sự chớp nhoáng ở Iraq, từ tháng Bảy 2003 chính quyền Bush bắt đầu gặp khó khăn về ngoại giao trên trường quốc tế vì những phản đối chiến tranh và xâm chiếm Iraq không ngừng khắp thế giới, những xì-căng-đan WMD, tình báo, Halliburton, du kích kháng chiến Iraq và Hồi giáo nói chung, sách nhiễu tra tấn tù nhân, cùng những "sa lầy" quân sự và nhất là chính trị mỗi lúc một lớn rộng ở Iraq (xin xem bài về chiến tranh Iraq suốt 2003 và 2004 trên THẾ-KỶ 21, cùng người viết). Với đà này mức ủng hộ chiến tranh trong nước bắt đầu mong manh; ứng viên tổng thống Dân-chủ sáng chói nhất trước đây thống đốc Vermont, bác sĩ Howard Dean, ra ứng cử với chủ trương rõ rệt phản đối chiến tranh kịch liệt, tạo hứng khởi và tự tin cho phe Dân-chủ còn rụt rè về "chống khủng bố." Ông Dean không được chọn làm ứng viên tổng thống, nhưng công lớn của ông với đảng Dân-chủ là "hiện tượng Dean" đẩy mạnh phong trào dân chúng (grass roots) "lấy lại đất nước" ("Take back America" —ý nói chính quyền Bush đã bán đứng đất nước cho các đại công ty kỹ thương và giới đại phú, kể cả việc đi vào Iraq) và nhất là chuyển vận ý hướng chống chiến tranh Iraq trong quần chúng Mỹ thành một chọn lựa lương tâm— mở đường cho các ứng viên Dân-chủ khác mạnh dạn hơn (tuy nhiên, cho đến

nay hai ông Kerry và Edwards vẫn không dám ra mặt chống đối chiến tranh; liên danh vẫn cố đi hàng hai khi nói đến chiến tranh Iraq: ủng hộ chiến tranh—nhưng không làm như ông Bush!).

Một yếu tố bất ngờ là từ tháng Ba 2004 cho tới tháng Sáu 2004 mặt kinh tế có vẻ sáng sủa hơn cho chính quyền với khoảng một-triệu-hai người Mỹ tìm lại được công ăn việc làm. Phe Dân-chủ hơi xính vính vì thành tích nội trị này. Tuy nhiên, còn gần hai triệu người chưa tìm được công ăn việc làm, hơn bốn-mươi triệu người không có bảo hiểm y tế, và chính quyền còn hơn ba tháng chờ đợi những bất trắc kinh tế trước bầu cử (tháng Sáu vừa qua, sau ba tháng gia tăng đều đặn, số người tìm được công ăn việc làm vẫn tiếp tục, nhưng chỉ có hơn một trăm ngàn người —khoảng một nửa con số chính quyền dự đoán).

Với những phúc trình tới tấp trong hai tháng Sáu và Bảy của Ủy-hội Toàn-quốc Điều-tra Vụ 11 Tháng Chín dưới quyền cựu thống đốc (New Jersey) Cộng-hòa Thomas Kean, và Ủy-ban Tình-báo Thượng-viện dưới quyền nghị sĩ Cộng-hòa (Kansas) Pat Roberts (và thêm Ủy-ban Quân-lực Thượng-viện dưới quyền nghị sĩ Cộng-hòa John Warner, Ủy-ban Ngoại-giao dưới quyền nghị sĩ Cộng-hòa Paul Lugar) đạp đổ hoàn toàn hai lý do chính chính quyền Bush nại ra để tấn công Iraq (WMD và liên hệ giữa Saddam Hussein và bin Laden), chuyện Iraq không còn là ưu điểm nữa mà gần giống như một cái nợ (liability). Nhưng quay trở ra nhấn mạnh chuyện kinh tế nội trị ba tháng trước bầu cử —"thay ngựa giữa cuộc đua"— cũng gây nhiều phân vân cho chính quyền.

Một dấu ngoặc về các ứng viên thứ ba có thể khuấy phá cả hai đảng chính cho thấy phe Dân-chủ bị đe dọa từ phía ứng viên Độc-lập (Independent) Ralph Nader từng lấy gần ba triệu phiếu của ứng viên Dân-chủ Al Gore năm 2000 từ những người cấp tiến bất mãn với đảng Dân-chủ. Bất ngờ bên phía Cộng-hòa cũng bị đe dọa vì ứng cử viên Tự-do (Libertarian) Michael Badnarik với khả năng thu hút phiếu của cử tri Cộng-hòa khó chịu với liên danh Bush-Cheney và nhất là phiếu của người đứng ngoài hai đảng chính. Tuy nhiên, nói chung mối đe dọa Nader và Badnarik chưa đi đến mức đáng kể.

BÀI HỌC DÂN-CHỦ: PHẢN-ỨNG NGƯỢC LẠI HÀNH-PHÁP

Sau ba năm trấn ngự chính trường Hoa-Kỳ chính quyền Bush như đang đi vào giai đoạn chậm chân lại, đúng vào lúc cần gia tăng nỗ lực và vận tốc đi đến mục tiêu —nói chung là cần "chạy nước rút" đến đích (home stretch). Đây có vẻ là hoàn toàn ngoài ý muốn của chính quyền; đây cũng có thể là một cái năng động đáng chú ý trong môi trường dân chủ Mỹ. Dĩ nhiên chính quyền thấy những gì cần làm trong thời gian này, nhưng những điều kiện bên ngoài hầu như không cho phép —nhất là trong môi trường dân chủ như ở Hoa-Kỳ.

Như chúng ta biết, giữa thế kỷ 18 (đúng ra là năm 1748) nhà khoa học chính trị Pháp Montesquieu quan sát những phát triển và lối sống dân chủ ở nước Anh và đưa ra nguyên tắc phân chia quyền hành nhà nước (separation of power): quyền hành trong nước dân chủ phải chia giữa ba nhánh (hành pháp với chính quyền, lập pháp với quốc hội, và tư pháp với các tòa án) ngang hàng và độc lập, với nhiệm vụ và quyền lực thật sự nhằm canh chừng kiểm soát lẫn nhau ("check và balance") để không cho một nhánh nào quá mạnh đến độ làm mất quyền tự do của người dân. Dĩ nhiên hầu như tất cả các nước trên thế giới —từ độc tài đảng trị (như các nước phát-xít, cộng sản, đảng PRI bảo thủ nắm quyền ở Mễ-Tây-Cơ sáu-mươi-chín năm, Quốc-dân đảng ở Đài-Loan hơn nửa thế kỷ, vân vân) tới chính quyền quân nhân (như ở Miến-Điện hay hơn ba-mươi năm Suharto ở Nam-Dương, và nhiều nơi ở Phi châu), chính quyền của giới ưu quyền (oligarchy, đầy rẫy từ Tây sang Đông); dân chủ kiểu Tân-Gia-Ba và Mã-Lai-Á xem dân như con trẻ trong nhà (paternalistic democracy); cho tới dân chủ thiên xã hội (Bắc và Tây Âu, Gia-Nã-Đại lẫn Úc và Tân-Tây-Lan), vân vân —đều nói mình có dân chủ với đủ lệ bộ ba nhánh theo nguyên tắc phân chia quyền hành nhà nước. Ngay cả chính quyền chuyển tiếp ở Iraq do Hoa-Kỳ đặt để (và được chính quyền Bush xem là khuôn mẫu "dân chủ cho Trung-Đông") cũng ba nhánh đầy đủ, nhưng vừa lên nắm quyền đã tái lập án lệnh xử tử và đe dọa thiết quân luật toàn thể hoặc một phần quốc gia! Tuy nhiên đây không có ý chê bai chính quyền hay người dân Iraq, hay những nước trong hoàn cảnh tương tự: không phải nước nào hay xã hội nào cũng có đầy đủ điều kiện chính trị, kinh tế và xã hội cũng như truyền thống văn hóa (dân chủ Tây phương đã chập chững từng bước từ năm 1215 ở nước Anh với đại hiến chương *Magna Carta* buộc vua chúa phải rôn trọng luật pháp và quyền của người dân) để thật sự có dân chủ —

và quan trọng hơn nữa là sống nếp sống dân chủ (democratic way of life— ví dụ dễ thấy là nhiều người di cư tới Hoa-Kỳ với ước vọng dân chủ, nhưng vẫn không hoặc chưa học nếp sống dân chủ dù đã sống ở Hoa-Kỳ bao thập niên). Như thế muốn thấy rõ dân chủ phải xem thật sự có "check và balance" hay không.

Sau vụ tấn công tháng Chín 2001, với ngọn trào lo sợ và oán hận "khủng bố" trong quần chúng uy thế và quyền hành của chính quyền Bush (hành pháp) đi lên hơn bao giờ hết. Từ một chính quyền tương đối yếu vì không chiếm được đa số phiếu của người đi bầu, với mục tiêu chính là giảm thuế cho người giầu có, chính quyền triệt để khai thác tình hình nhằm gom góp quyền lực về nhánh hành pháp và thi hành những chính sách và quyết định cực kỳ bảo thủ, lấn lướt nhánh lập pháp và tư pháp đến mức có thể gọi là vi phạm hiến pháp và nếp sống dân chủ. Một sĩ quan cấp tá trường Sinh-ngữ Quân-đội Mỹ ở Monterey, California, bị biện pháp kỷ luật vì ông nhận xét, "Chính quyền này chẳng có kế hoạch gì hết [ngoài việc giảm thuế], và cũng chẳng đi đến đâu. Bỗng nhiên biến cố Mười-một tháng Chín đưa đến!" Sự thật làm mất lòng và đôi khi dễ gây lụy.

Chính quyền làm áp lực nhánh lập pháp và tư pháp sau biến cố 2001 đưa đến những giảm thuế lớn lao đầu tiên cùng những "sáng kiến" cải tổ giáo dục; rồi đến luật Ái-quốc (Patriot Act) với quốc hội răm rắp cho phép tấn công A-Phú-Hãn, luật an ninh phi trường, cùng những biện pháp chống khủng bố khác —với nhiều vi phạm hiến pháp rõ rệt mà Tối-cao Pháp-viện không thắc mắc. Với khí thế "ái quốc" và chống khủng bố tổng thống Bush xông xáo vận động tranh cử thành công cho các nghị sĩ dân biểu Cộng-hòa năm 2002. Bù lại các vị này nhiệt thành ủng hộ những nghị trình của hành pháp: những biện pháp dễ dãi với giới kỹ thương lớn và các đại phú nhằm thúc đẩy kinh tế, kế hoạch giảm thêm thuế cho nhà giầu có tiền đầu tư thị trường chứng khoán, cải tổ Medicare giúp nhà sản xuất thuốc tây hơn là bệnh nhân già yếu. Và nhất là giới lập pháp, ngay cả đảng Dân-chủ đối lập không dám ho he khi chính quyền tấn công Iraq (2003) với những lý do mập mờ —và sau này bị chứng minh là hoàn toàn sai lầm hoặc giả tạo. Năm 2004, sau ba năm đầu nhiệm kỳ đạt được phần lớn những gì mình muốn từ phía quốc hội, chính quyền bắt đầu gặp khó khăn với hai nhánh lập pháp và tư pháp. Với những vấn đề chính trị và quân sự nan giải cũng như liên tiếp những xì-căng-đan mặt ngoại giao, nhất là ở Iraq và A-Phú-Hãn, chính quyền bắt đầu (dù mặt kinh tế nội trị có vẻ đi lên, dân chúng vẫn không mấy lạc quan) gặp phản ứng cứng rắn từ hai phía lập pháp và tư pháp. Mới đây Tối-cao Pháp-viện (U.S. Supreme Court) phán quyết chính quyền không thể giam giữ người bị nghi ngờ là khủng bố vô hạn định nếu không buộc tội rõ ràng và không cho nghi can quyền liên lạc với luật sư để kháng án như hiến pháp qui định rõ ràng. Phán quyết này nhằm giải thoát gần sáu trăm người Hồi giáo bị giam giữ từ năm 2001 tại căn cứ Mỹ Guantanamo Bay trên đất Cuba và đưa đến hàng loạt kiện cáo của các nghi can tố giác những ngược đãi, đòi tự do và bồi thường thiệt hại lớn lao (tuy nhiên, quốc hội với đa số dân cử Cộng-hòa vẫn cho phép chính quyền thu góp hồ sơ, tài liệu từ các thư viện, hiệu sách và cả chợ búa để theo dõi dân chúng đọc sách báo gì và mua bán thức gì —đây là giấc mơ của các chính quyền độc tài chuyên chế khắp thế giới, nhưng chỉ có chính quyền Mỹ mới đủ phương tiện kỹ thuật và tình báo để thực hiện giấc mơ này).

Lúc còn ưu thế trước đây ông Bush tuyên bố với ký giả Bob Woodward của nhật báo *Washington Post,* "Tôi không cần phải giải thích những điều tôi nói. Cái hay của tổng thống là như vậy. Có lẽ nhiều người phải giải thích cho tôi tại sao họ nói điều này điều nọ, nhưng tôi không nghĩ là tôi cần giải thích gì cả." Nghị sĩ Dân-chủ Robert Byrd, từng đại diện dân chúng West Virginia từ thời 1953, hơn nửa thế kỷ trong quốc hội, không che dấu nỗi bất mãn, "Tôi chưa từng thấy có một chính quyền nào như vậy. Kiêu căng lộng hành quá độ. Tổng thống đang nói đến dân chúng nước này. Câu nói cho thấy rõ hơn tôi có thể giải thích mức coi thường dân chúng là chủ đất nước này." Các dân biểu nghị sĩ khác trong giới lập pháp thuộc cả hai đảng không phản ứng mạnh mẽ như ông Byrd qua lời nói; nhưng sang năm thứ tư của chính quyền giới lập pháp nói chung bắt đầu gây khó dễ cho ông Bush. Quốc hội nay không chịu làm luật theo ý chính quyền (hành pháp có quyền đề nghị —bills— quốc hội làm luật hành pháp muốn) về gia tăng sản xuất nhiên liệu, giới hạn người tiêu thụ kiện cáo giới kỹ thương, tiếp tục giảm thuế má và cải tổ di trú —và nhất là không chấp nhận tu chính án ngăn cấm hôn nhân giữa người đồng tính do ông Bush đề nghị để lấy phiếu giới tôn giáo bảo thủ. Giới dân cử Dân-chủ nay

đoàn kết chặt chẽ và ương ngạnh hơn với hành pháp; giới dân cử Cộng-hòa lại chia rẽ giữa thượng và hạ viện, giữa người ôn hòa độc lập và bảo thủ ngoan ngoãn với chính quyền, giữa tổng thống và các lãnh tụ dân cử cùng đảng như đã nói trên. Nghị sĩ Cộng-hòa John Warner (Virginia), chủ tịch ủy ban quân lực, với hỗ trợ của nghị sĩ Cộng-hòa John McCain (từng là tù binh nhiều năm ở hỏa lò Hà-Nội thời chiến tranh Việt-Nam), nhất quyết không chờ đợi và đòi lôi cả chục nhân vật cao cấp bộ Quốc phòng ra điều trần ít nhất là bẩy lần về những sách nhiễu tra tấn tù nhân Iraq trước khi tướng George Fay hoàn tất phúc trình —cả điều trần lẫn phúc trình sẽ xảy ra đúng thời điểm tranh cử bất lợi cho ông Bush.

Trở lại với ông Montesquieu; ông không sống lâu để chứng kiến sự thành hình của quyền thứ tư xem ra rất là quan trọng cho dân chủ, ngoài ba quyền đã nói trên. Ở Tây Âu và Bắc Mỹ quyền thứ tư nằm trong tay giới trí thức (intelligentsia) báo chí truyền thông (media) dù hiến pháp không có qui định điều này; Hoa-Kỳ và Anh không có truyền thống tôn trọng giới trí thức như các nước Tây Âu (và một số nước Á châu nằm trong văn hóa Khổng-Mạnh cũng như châu Mỹ La-tinh chịu ảnh hưởng văn hóa châu Âu) nhưng có giới truyền thông độc lập lâu đời. Chỉ với trợ lực của giới trí thức trong và ngoài đại học, với uy tín và đạo đức nghề nghiệp cùng với thái độ dấn thân đứng về phía quần chúng chống lại áp bức xách nhiễu của giới có quyền —*công cũng như tư* (trong xã hội tư bản hay "thị trường tự do" mối đe dọa lớn nhất đến quyền lợi và tự do của dân chúng đến từ phía tư —các đại công ty kỹ thương và dịch vụ như ngân hàng, hãng bảo hiểm, hãng đầu tư chứng khoán, công ty luật pháp chỉ chuyên lốp-bi ngược lại công lý, hãng GM, năm công ty dầu hỏa gần như độc quyền thế giới, Enron, Halliburton, vân vân— hoặc chính quyền bị chi phối mạnh mẽ bởi giới tư như chính quyền Bush hiện nay. Ứng viên Ralph Nader, con một di dân Lebanon và một luật sư tốt nghiệp từ Harvard nhưng không hành nghề, đã thấy rõ điều này và chống đối kịch liệt từ thời 1960) —giới báo chí truyền thông mới có và giữ được quyền hành lớn lao trong xã hội hậu kỹ nghệ (post-industrial). Giới báo chí truyền thông đã vượt qua giai đoạn trình bày sự thật như sự việc xảy ra trong cõi chân không (Có lẽ là một ảo tưởng hoặc tự dối khi nói điều này: báo chí truyền thông không thể ghi nhận và nói về, viết về mọi thứ ; luôn luôn có những chọn lựa, và thêm nữa là thời điểm sự việc được đem ra trình bày. Ví dụ như ba hệ thống truyền hình có thể nói lớn nhất thế giới với tầm ảnh hưởng vĩ đại: ABC, thuộc đại công ty Walt Disney, CBS, thuộc đại công ty Viacom, và NBC, thuộc đại công ty General Electric, có nửa tiếng mỗi ngày —trừ bớt tám phút quảng cáo đắt giá— để nói về tin trong nước và quốc tế !). Một số tờ báo uy tín và phổ biến ở Hoa-Kỳ như tờ *New York Times, Washington Post, Los Angeles Times, Chicago Tribune, Time, Newsweek,* vân vân, hầu như luôn luôn đóng vai trò đối lập hoặc "quan ngự sử" (hoặc "tả phái," hiểu theo nghĩa rộng là không hùa cùng bất cứ chính quyền hay thế lực nào đang cầm quyền, với mục đích vô tư bảo vệ quyền lợi và tự do của người dân). Một ví dụ trong quá khứ là hai ký giả Bob Woodward và Carl Berstein của tờ *Washington Post* cùng giới báo chí truyền thông nói chung đã đóng vai trò chính trong việc hạ bệ tổng thống Richard Nixon (1974) lạm quyền và phạm pháp. Ngược lại trong gần ba năm qua giới báo chí truyền thông, như ông Moisés Náim, chủ bút tập san quan trọng *Foreign Policy* ở Luân-Đôn, viết trên tờ *Financial Times* tương đối bảo thủ, "Cả phóng viên lẫn người bình luận đã quá dễ dãi với chính quyền Bush... Họ không đặt câu hỏi liệu có thể có dân chủ tự do ở Iraq không, hoặc Hiệp ước Genève [bảo vệ tù binh] có thể gạt qua một bên trong cuộc chiến chống khủng bố, quá dễ dãi với những chuẩn chi tiền bạc [cho chính quyền dùng trong chiến tranh "chống khủng bố "]... Một số nhà báo quá nể sợ chính quyền đến độ ghi chép hoàn toàn tin tức lý luận chính quyền đưa ra như máy cóp-pi." Chỉ mới đây giới báo chí truyền thông mới quay trở lại vai trò nắm quyền thứ tư và bắt đầu hạch hỏi chính sách cùng hành động của chính quyền và những đại công ty quyền thế như Halliburton lạm dụng chiến tranh và phí phạm tiền thuế của người dân. Một hiện tượng phản kháng ít thấy nữa là một loạt sách vở của giới trí thức, chuyên viên ra đời phê bình chỉ trích chính quyền đang tại chức (thường những sách vở này được xuất bản sau nhiệm kỳ tổng thống) đồng thời với cả chục bộ phim ảnh cùng một chiều hướng ra mắt khán giả.

Thái độ thay đổi này cùng những thay đổi bên hai nhánh lập pháp và tư pháp cho thấy cái năng động trong chính trị Mỹ và nó sẽ ảnh hưởng không nhỏ vào bầu cử tháng Mười-một tới.

NĂM MƯƠI NĂM SAU HỘI NGHỊ GENÈVE

DUYỆT LẠI CHÍNH SÁCH CỦA HOA KỲ TRONG CUỘC CHIẾN VIỆT NAM 1945-1954

LÊ XUÂN KHOA

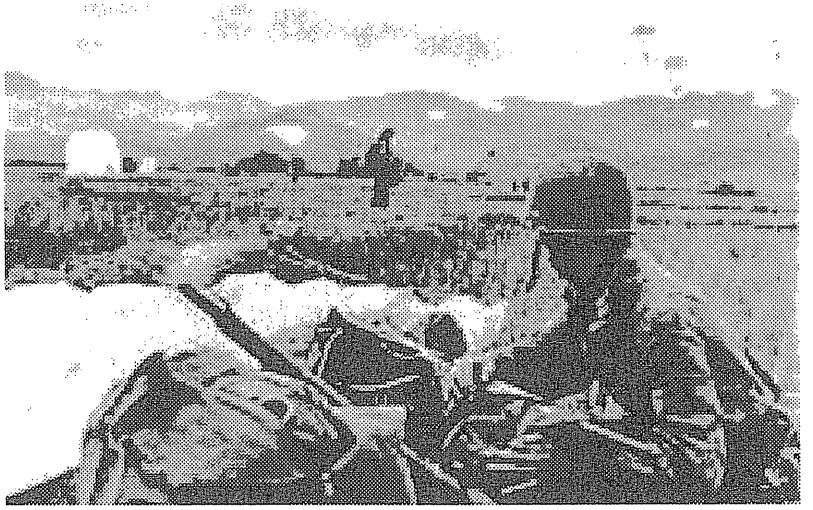

Sau khi Đệ nhị Thế chiến chấm dứt, chính quyền Truman quá chú trọng vào việc ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản ở Châu Âu nên đã bỏ rơi chủ thuyết Roosevelt và phạm phải những sai lầm trầm trọng trong chính sách đối với phong trào đòi độc lập của các dân tộc Á-Phi, đặc biệt là các cựu thuộc địa của Pháp ở Đông Dương. Hậu quả của chính sách sai lầm này là sự ra đi của Pháp sau Hội nghị Genève 1954 và Hoa Kỳ phải tham dự vào chiến tranh Đông Dương lần thứ hai trong hai mươi năm với một chuỗi những sai lầm khác.Những trang sau đây được trích từ tập I cuốn "Việt Nam 1945-1995: Chiến tranh, Tị nạn và Bài học lịch sử" *sẽ được phát hành vào tháng tới.*

Chính sách của Mỹ đối với Việt Nam trong giai đoạn 1945-1954, qua bảy năm dưới chính quyền Truman và mười chín tháng đầu tiên dưới chính quyền Eisenhower, thực ra là chính sách của Mỹ đối với Pháp ở Đông Dương, vì ngay cả sau khi Hoa Kỳ đã công nhận chính phủ Bảo Đại năm 1950, mọi vấn đề quan trọng về Việt Nam, Cam-bốt và Lào vẫn chỉ được giải quyết giữa Mỹ và Pháp. Đây là một sai lầm nghiêm trọng của Hoa Kỳ vì chỉ thừa nhận một quốc gia trên giấy tờ mà không thừa nhận chủ quyền của quốc gia ấy trong thực tế. Điều này không những không giúp được gì cho nguyện vọng độc lập của các dân tộc Đông Dương mà đã thực sự giúp cho Pháp làm mất uy tín và chính nghĩa của phe quốc gia trong cuộc chiến đấu chống cộng sản.

Không phải Hoa Kỳ không nhận thấy cái nghịch lý trong chính sách của mình là một mặt ủng hộ Pháp trở lại Đông Dương, một mặt lại muốn cho các nước Đông Dương được độc lập. Hoa Kỳ cũng biết là Pháp còn nặng đầu óc thực dân, không thành thực trao trả độc lập cho các cựu thuộc địa, và chỉ lợi dụng chiêu bài chống Việt Minh cộng sản để khôi phục chủ quyền ở Đông Dương. Tuy nhiên, mọi khuyến cáo của Hoa Kỳ đều vô hiệu và Hoa Kỳ vẫn phải chiều chuộng Pháp vì cần có sự tham gia của Pháp vào Cộng Đồng Phòng Thủ Châu Âu (European Defense Community – EDC).[1] Từ đầu năm 1947, tân Ngoại trưởng George Marshall, sau khi phân tích tình hình Đông Dương đã nhận ra chính sách mâu thuẫn và thế kẹt của Hoa Kỳ, nhưng ông cũng chỉ biết than thở: "Thật tình, chúng tôi chẳng thấy có giải pháp nào để đề nghị."[2] Khi Dean Acheson lên làm Ngoại trưởng, ông đã dứt khoát ủng hộ Pháp trong suốt nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống

Truman (1948-1952). Bị Pháp bắt chẹt, Hoa Kỳ cứ tiếp tục sống với nghịch lý đó cho tới cuối cuộc chiến năm 1954.

Sai lầm căn bản của Hoa Kỳ thể hiện trên cả hai khía cạnh tinh thần (danh nghĩa chống cộng) và vật chất (viện trợ quân sự và kinh tế) trong chính sách đối với Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng.

Trước hết, Hoa Kỳ chỉ trông cậy vào Pháp trong công cuộc ngăn chặn cộng sản ở Đông Dương. Làm sao mà một cựu đế quốc đang chiến đấu để giành lại quyền lợi của mình ở một cựu thuộc địa lại có được chính nghĩa bảo vệ cho nhân dân của chính cựu thuộc địa ấy? Những nhà làm chính sách của Hoa Kỳ, trừ phe thiểu số trong Vụ Viễn Đông ở Bộ Ngoại giao, không hiểu rằng đông đảo quần chúng ủng hộ Việt Minh không phải vì ý thức hệ mác-xít mà chính vì lòng thù ghét thực dân Pháp và niềm khao khát được độc lập và tự do. Giới lãnh đạo Hoa Kỳ hồi đó không biết rõ về Việt Nam mà chỉ có một khái niệm mơ hồ và ngớ ngẩn về Đông Dương như một khối dân tộc lạc hậu, cần được Pháp bảo trợ và hướng dẫn về độc lập, dân chủ trong một thời gian vài ba chục năm. Họ không nhận biết được rằng Việt Nam đã có một lịch sử lâu dài chiến đấu cho độc lập và tự do, và sau gần một thế kỷ dưới sự đô hộ của Pháp, Việt Nam đã có một tầng lớp trí thức có kinh nghiệm và hiểu biết sâu sắc về văn minh Tây phương và chính trị quốc tế. Hầu hết số trí thức này cùng với những nhà cách mạng còn sống sót qua những cuộc tàn sát thời Pháp thuộc là những nhà ái quốc chân chính nhưng đã không có được thời cơ hoặc đã không thể cạnh tranh với Việt Minh vì những lý do đã nói đến ở chương đầu. Một số người theo Việt Minh vì chống Pháp, một số người hợp tác với Pháp vì không thấy có lựa chọn nào khác để chống lại cộng sản, một số khác không chấp nhận Việt Minh nhưng cũng không tin tưởng ở sự thành thực của Pháp nên quyết định không tham gia chính trị hoặc ngưng hoạt động để chờ thời, do đó trong giai đoạn lịch sử này có một lớp người được mệnh danh là "nhân sĩ trùm chăn."

Mặc dù đặt nhiều hi vọng vào Hoa Kỳ, Bảo Đại đã không được Hoa Kỳ thật tình ủng hộ và sẵn sàng bỏ rơi sau 1954, lý do chính vì ông bị coi là đã hợp tác với Nhật và là một "bù nhìn" của Pháp. Hoa Kỳ và những người chống ông đã không hiểu được rằng, sau cuộc đảo chính 9 tháng Ba 1945, Bảo Đại chỉ nhân cơ hội Pháp bị lật đổ để xây dựng một nước Việt Nam độc lập. Chính phủ Trần Trọng Kim do Bảo Đại thành lập là những người thực sự yêu nước, đã làm hết sức mình để giúp đỡ dân chúng và đã đem lại độc lập và thống nhất cho dân tộc trước khi Nhật đầu hàng Đồng Minh. Trong khi chưa có thể hợp tác với Đồng Minh, họ đã không làm điều gì chống lại Đồng Minh. Trái lại, họ còn là nạn nhân của bom đạn do phi cơ Mỹ đánh phá những đường giao thông tiếp tế và cơ sở sản xuất, làm thiệt hại đời sống của nhân dân về mọi mặt.

Ngày 18 tháng Tám, đồng thời với việc chính phủ Trần Trọng Kim thành lập "Ủy Ban Cứu Quốc" kêu gọi các chính đảng đoàn kết để bảo vệ nền độc lập của xứ sở, Bảo Đại gửi thư cho Tổng Thống Truman và các nhà lãnh đạo Đồng Minh (ngoại trừ Stalin,) kêu gọi ủng hộ Việt Nam độc lập. Trong thư gửi Truman khi de Gaulle sang Hoa Kỳ, Bảo Đại viết:

Nhân dịp vị lãnh đạo Chính phủ Lâm thời của nước Pháp sắp thảo luận với Ngài về tương lai của Đông Dương, tôi hân hạnh kính tin để Ngài rõ là các Quốc gia Đông Dương đã tuyên cáo độc lập và quyết tâm bảo vệ nền độc lập của họ.

Về phần dân tộc Việt Nam, chúng tôi không coi người Pháp là kẻ thù; chúng tôi tôn trọng quyền lợi kinh tế của họ, nhưng chúng tôi sẽ vận dụng toàn lực để chống lại việc Pháp tái lập chủ quyền trên lãnh thổ Việt Nam bất cứ dưới hình thức nào.

Chế độ thuộc địa không còn thích hợp với chiều hướng lịch sử hiện tại. Một dân tộc như Việt Nam với trên hai ngàn năm lịch sử và một quá khứ huy hoàng không thể chấp nhận sống dưới sự đô hộ của một dân tộc khác.

Nước Pháp phải tuân theo nguyên tắc bình đẳng mà cường quốc Hoa Kỳ đã tuyên cáo và bảo vệ. Nước Pháp phải vui lòng nhìn nhận điều đó để tránh khỏi thảm họa chiến tranh trên đất nước chúng tôi.[3]

Đáng tiếc là chính quyền Truman đã thiếu hiểu biết về tình hình ở Việt Nạm và gạt bỏ lời kêu gọi chính đáng này.

Bảo Đại không phải là một nhà cách mạng mà chỉ là một ông hoàng quen thụ hưởng cuộc sống vật chất, nhưng Bảo Đại cũng là một người yêu nước, chống chính sách thực dân và những hứa hẹn giả dối của Pháp. Ngay sau khi được tin Nhật đầu hàng Đồng Minh, Bảo Đại đã kêu gọi "những nhà ái quốc hữu danh và ẩn danh" nên mau mau ra giúp nước để "đương đầu với một cuộc tái hồi ngoại thuộc." Lúc đó, trước khi Việt Minh giật được chính quyền, đương kim Hoàng đế đã phát biểu một lời nói lịch sử: "Trẫm để

hạnh phúc của dân Việt Nam lên trên ngai vàng của Trẫm. Trẫm ưng làm dân một nước độc lập hơn làm vua một nước nô lệ. Trẫm chắc rằng toàn thể quốc dân cùng một lòng hi sinh như Trẫm."[4] Ngay cả Hoàng Hậu Nam Phương cũng gửi thông đệp kêu gọi thân hữu trên thế giới ủng hộ cuộc chiến đấu chống Pháp của dân tộc Việt Nam: "Bản thân tôi đã từ bỏ không luyến tiếc mọi đặc quyền của một Hoàng hậu để sát cánh cùng với chị em phụ nữ của tôi giúp cho chính phủ —mỗi người tùy theo khả năng của mình— bảo vệ chính nghĩa thiêng liêng của nền độc lập của chúng tôi. Hiện nay máu đang đổ ra rất nhiều . . . nhiều nhân mạng đã phải hi sinh chỉ vì lòng tham của một số người Pháp thực dân . . . . Nhân danh 13 triệu phụ nữ Việt Nam, tôi kêu gọi các thân hữu của cá nhân tôi, những người bạn của Việt Nam, hãy lên tiếng đòi tự do và quyền làm người (cho chúng tôi) . . . . Hãy yêu cầu chính phủ của các bạn can thiệp để thiết lập một nền hòa bình công chính, một bổn phận tối quan trọng đối với nhân loại được toàn thể dân tộc chúng tôi biết ơn."[5]

Đáng tiếc là Bảo Đại đã không biết áp dụng chiến thuật "gậy ông đập lưng ông" tức là bắt chẹt Pháp bằng chính thế võ mà Pháp đang sử dụng đối với Mỹ, vì Pháp không thể có giải pháp nào khác hơn là "giải pháp Bảo Đại." Nhược điểm và sai lầm của Bảo Đại là mặc dù chống đường lối của Pháp nhưng cuối cùng vẫn để cho Pháp lèo lái. Nếu ngay từ đầu, Bảo Đại dứt khoát đòi Pháp trả lại Nam Kỳ với một lịch trình rõ rệt trao lại độc lập hoàn toàn cho Việt Nam thì chính nghĩa mới sáng tỏ so với hiệp định Sainteny–Hồ 6 tháng Ba 1946 và tạm ước Hồ–Moutet 14 tháng Chín 1946. Ngoài ra, Bảo Đại đáng lẽ không nên chấp nhận việc Pháp đưa Nguyễn Văn Xuân và Trần Văn Hữu ra làm thủ tướng mà phải nhất định thành lập lấy một chính phủ gồm những nhà ái quốc chân chính để lôi cuốn được sự tin tưởng của nhân dân. Việc Bảo Đại sau này nhận tiền hối lộ của Bình Xuyên và ủng hộ trùm "mafia" Bảy Viễn cũng là một lỗi lầm trầm trọng của một con bài chính trị bị bỏ rơi.

Cũng đáng tiếc là lúc đó Việt Nam chưa có những người biết làm *lobby* và *public education* ở Hoa Kỳ để vận động các nhà làm chánh sách cũng như dư luận ở xứ này, giải thích cho họ hiểu và ủng hộ những đòi hỏi chính đáng của Việt Nam, đồng thời thấy rõ hơn hậu quả tai hại của việc chọn lựa Pháp lãnh đạo các dân tộc Đông Dương chống cộng sản. Mặc dù trong xã hội Hoa Kỳ còn nhiều kỳ thị và bất công, chính phủ và nhân dân Mỹ rất tôn trọng hiến pháp và các nguyên tắc dân chủ, đặc biệt là có khuynh hướng binh vực kẻ yếu thế. Thí dụ, một sai lầm lớn của Mỹ là đã công nhận Việt Nam mà không hề tham khảo ý kiến của Việt Nam, nhất là không bao giờ mời Việt Nam tham dự những phiên họp với Pháp để lấy những quyết định về Việt Nam. Chỉ cần một lá thư của Quốc trưởng hay Thủ tướng Việt Nam gửi Tổng thống Hoa Kỳ hay một bài báo của Đại sứ Việt Nam trên tờ *New York Times*, than phiền rằng Mỹ đã kỳ thị hoặc coi thường chủ quyền của các dân tộc Đông Dương, cũng có thể làm cho chính quyền cảm thấy lầm lỗi và Việt Nam sẽ được dư luận bênh vực. Phe quốc gia Việt Nam có nhiều lý do vững chắc để thuyết phục Hoa Kỳ đáp ứng đúng nguyện vọng độc lập và tự do của dân tộc. Giả thử Hoa Kỳ thực sự giúp cho "giải pháp Bảo Đại" được thành hình với sự hợp tác của những nhà ái quốc chân chính, thay vì để cho nó biến thành "giải pháp Pha-lang-sa" như lời than phiền của Bảo Đại[6] thì có thể đã lôi cuốn được sự ủng hộ của đa số nhân dân. Quan hệ hợp tác giữa Bảo Đại với Pháp là tình trạng "đồng sàng dị mộng". Ông cần có sự giúp đỡ của Hoa Kỳ để thực hiện giấc mộng của mình. Một khi Bảo Đại đã có cái thế để bắt chẹt lại Pháp thì Hoa Kỳ sẽ không phải lo bị Pháp làm yêu làm sách nữa.

Về vấn đề viện trợ kinh tế và quân sự, lúc đầu Hoa Kỳ chỉ chú trọng viện trợ quân sự cho Pháp, mãi đến 1951 Hoa Kỳ mới thúc đẩy Pháp thành lập quân đội Việt Nam, nhờ mối đe dọa của Mao Trạch Đông. Trước đó, cho đến khi Hiệp định Hạ Long được ký kết hồi tháng Sáu 1948, toàn quốc chỉ có vài chục ngàn địa phương quân dưới quyền điều khiển của các tỉnh trưởng. Một năm sau, quân lực Việt Nam có được hai mươi ba ngàn người, trong đó có hai tiểu đoàn chính qui. Mọi việc vẫn tiến hành rất chậm chạp. Ngày 30 tháng Mười Hai 1949, gần mười tháng sau Hiệp định Elysée, Cao Ủy Léon Pignon mới ký thỏa ước quân sự ấn định các nguyên tắc thành lập quân đội Việt Nam. Tháng Hai 1951, tân Cao ủy kiêm Tổng tư lệnh de Lattre de Tassigny hứa sẽ lập cho Bảo Đại một quân đội tân tiến nhất ở Viễn Đông, nhưng để đổi lại, Bảo Đại phải chấp thuận cho Trần Văn Hữu lập chính phủ.[7] Tháng Bảy năm đó, một số đơn vị tác chiến của quân lực Việt Nam tham dự cuộc diễn binh kỷ niệm ngày 14.7 của Pháp tại Hà Nội dưới quốc kỳ Việt Nam với

ý nghĩa một đạo quân đồng minh của Pháp. Ngày 16, Bảo Đại ký nghị định động viên toàn quốc. Mãi đến tháng Ba 1952 mới có một sĩ quan thân Pháp, thiếu tướng Nguyễn Văn Hinh, được cử làm tham mưu trưởng quân lực Việt Nam bên cạnh tướng Raoul Salan là người thay thế tướng de Lattre mới qua đời. Cuối năm đó, Bảo Đại than phiền với tướng Salan về sự chậm trễ trong việc tổ chức quân đội Việt Nam nhưng Salan chỉ hứa sẽ cho Bảo Đại nhiều quyền hơn ở miền Nam.[8]

Đầu năm 1953, khi tướng Henri Navarre sang thay Salan, quân đội Việt Nam mới thật sự được thành lập. Với sự chi viện của Mỹ, Navarre quyết định thành lập chín tiểu đoàn quân đội các Quốc gia Liên kết và gọi đây là chương trình "nhuộm vàng" (hay 'hoàng hóa')[9] quân đội để có đủ nhân lực chiến đấu với quân đội Việt Minh trong những trận đánh qui ước. Quốc Hội Mỹ lần đầu chấp thuận ngân sách 400 triệu đô-la, chỉ vài tháng sau lại tăng thêm 385 triệu cho tài khóa 1954. Tính đến cuối năm 1953, số tiền viện trợ cho Pháp đã lên tới 500 triệu và Hoa Kỳ vẫn cung cấp mỗi tháng mười ngàn tấn vũ khí, đạn dược. Chương trình này rốt cuộc không thành công vì đã quá chậm và kế hoạch Điện Biên Phủ của Navarre bị lâm nguy. Ngoài ra, binh sĩ Việt Nam không có tinh thần chiến đấu, như Phó Tổng thống Nixon đã nhận xét trong chuyến đi Việt Nam cuối năm 1953: "Các tướng lãnh Pháp không tin cậy những đơn vị độc lập của dân bản xứ, và dân bản xứ không muốn chiến đấu dưới sự lãnh đạo của người Pháp."

Về kinh tế, Hoa Kỳ chính thức viện trợ cho Đông Dương năm 1950, chỉ mấy tháng sau khi Mao Trạch Đông làm chủ lục địa Trung Hoa. Chính sách này do Dân biểu Charles Deane đề nghị với Tổng thống Truman sau khi lên tiếng cảnh cáo rằng muốn đánh bại chủ nghĩa cộng sản ở Á châu không thể chỉ dùng sức mạnh quân sự mà phải có một cách tiếp cận toàn diện. Hoa Kỳ phải cố gắng làm giảm bớt nạn nghèo đói và phải ủng hộ những phong trào dân tộc tự chủ. Deane viết: "Nếu chúng ta trung thành với truyền thống tự do của chúng ta và, với lòng nhiệt thành của sứ mệnh truyền giáo, gắn liền chính sách ở Viễn Đông của chúng ta vào những nguyên tắc thăng tiến tự do và nâng cao mức sống vật chất cũng như nhân phẩm của con người, chúng ta không thể chỉ ngăn chặn cộng sản mà phải nhất quyết đẩy cộng sản vào thế thủ."[10] Tuy nhiên, vì đã quyết định đi với Pháp và tin tưởng một cách sai lầm ở khả năng và uy tín của Pháp đối với các nước Đông Dương, Tổng thống Truman và Ngoại trưởng Acheson đã chỉ viện trợ kinh tế cho Liên Hiệp Pháp, không đúng với đề nghị của Dân biểu Deane. Trong bản tuyên bố sau khi họp với bộ trưởng quốc phòng Pháp René Pleven ở Paris ngày 8 tháng Năm 1950, Acheson đã lập luận rất lạ lùng rằng "Việt Nam, Cam-bốt, và Lào đang được hưởng độc lập trong khối Liên Hiệp Pháp" và loan báo: "Chính phủ Hoa Kỳ tin tưởng rằng không làm gì có độc lập hay dân chủ ở bất cứ nơi nào bị đế quốc Sô-viết thống trị, vì vậy quyết định viện trợ kinh tế và quân sự cho các Quốc gia Liên kết Đông Dương và nước Pháp để giúp cho các nước này có thể phục hồi sự ổn định và thực hiện công cuộc phát triển hòa bình và dân chủ."[11]

Trong chuyến đi hồi tháng Chín/Mười 1951 để tìm hiểu tình hình Trung và Viễn Đông, dân biểu John F. Kennedy (Tổng thống tương lai) có ghé thăm Việt Nam và cũng nhận định tương tự như dân biểu Deane. Mặc dù không ưa Bảo Đại, Kennedy đồng ý với quyền Đại sứ Edmund Gullion là Hoa Kỳ cần phải áp lực Pháp để cho Việt Nam được tự do hơn. Ông cũng tán thành việc viện trợ quân sự trực tiếp cho chính phủ Bảo Đại thay vì chuyển hết viện trợ qua tay Pháp. Ông nhấn mạnh đến sự quan trọng phải liên kết với dân chúng chứ không phải với chính phủ và lo ngại rằng Hoa Kỳ đã tự đồng nhất với chính sách thuộc địa của Pháp. "Chúng ta liên minh

với những người bạn Tây Âu và chúng ta sẽ giúp họ tự bảo vệ lấy xứ sở của họ. Nhưng giúp đỡ và bảo vệ những ước vọng thuộc địa của họ lại là một chuyện khác. Đó là vấn đề của họ, không phải của chúng ta."[12]

Cũng nên biết thêm rằng trong năm 1953, khi Bảo Đại nhận thấy chi phí quân sự của Mỹ giúp cho Pháp ở Việt Nam quá tốn kém, ông muốn Mỹ viện trợ trực tiếp cho Việt Nam. Mặc dù Hoa Kỳ đồng ý, chính phủ Pháp không chịu chấp thuận yêu cầu này. Tổng thống Vincent Auriol tuyên bố về viện trợ Mỹ: "Chúng ta muốn họ giúp chúng ta ở Đông Dương nhưng không để cho họ can thiệp vào đó."[13] Năm 1950, sở dĩ Bảo Đại bị tướng de Lattre de Tassigny ép phải để cho Trần Văn Hữu (thân Pháp) làm Thủ tướng thay cho Nguyễn Phan Long (độc lập) cũng là vì có dư luận cho rằng Mỹ sẽ viện trợ trực tiếp cho Việt Nam. Sau vụ nhượng bộ này, Bảo Đại phàn nàn với Lãnh sự Mỹ ở Hà Nội: "Tính chất độc lập của chính phủ này là cái gì? ở chỗ nào? Một chính phủ có thể độc lập mà không có ngân sách được không?"[14] Mặc cho những khuyến cáo trên đây, Hoa Kỳ vẫn tiếp tục ủng hộ Pháp vì "không còn có cách nào khác" như kết luận của một nhà phân tích trong Bộ Ngoại giao: "Hoa Kỳ phải đứng trước sự chọn lựa là trợ giúp cho Pháp ở Đông Dương hay đương đầu với sự bành trướng của cộng sản trên phần đất còn lại của Đông Nam Á và có thể lan xa hơn về phía Tây."[15] Một lần nữa, Ngoại trưởng Acheson lại phát biểu còn lạ lùng hơn cả lần tuyên bố năm 1950. Tháng Hai 1952, khi được chủ tịch Ủy ban Ngoại giao Thượng viện Tom Connally hỏi xem vấn đề Đông Dương có thể để cho Liên Hiệp Quốc giải quyết hay không, Acheson trả lời rằng Đông Dương "không còn là vấn đề mâu thuẫn giữa người Pháp và người Việt. Người Việt Nam đã có mọi tự do và cơ hội mà họ có thể sử dụng hay mong muốn. Thật ra họ đã có nhiều hơn là họ có thể sử dụng hay mong muốn." Ông cũng nhấn mạnh rằng mục đích của Hoa Kỳ là "giữ cho [người Pháp] tiếp tục làm chuyện họ đang làm, tức là đảm nhận trách nhiệm tiên quyết trong cuộc chiến đấu [chống cộng sản] ở Đông Dương, và không để cho họ chuyển lại trách nhiệm đó cho chúng ta."[16]

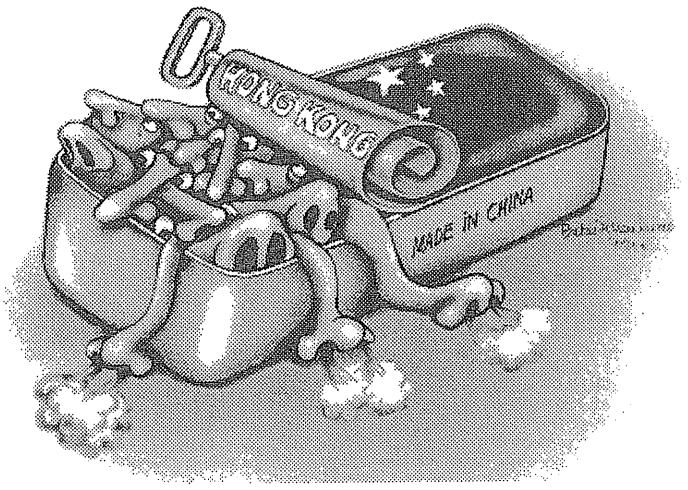

Đầu năm 1953, khi đảng Cộng Hòa lên cầm quyền dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Dwight D. Eisenhower, Hoa Kỳ vẫn thấy không có sự chọn lựa nào khác hơn là ủng hộ Pháp trong cuộc chiến tranh chống cộng sản ở Việt Nam. Tình hình lúc đó đã quá trễ để xây dựng cho Việt Nam một quân đội độc lập được trang bị đầy đủ, huấn luyện tinh nhuệ và có một hệ thống chỉ huy cao cấp. Chương trình Navarre, như đã chứng tỏ, chỉ có mục đích lập những tiểu đoàn bổ sung cho quân đội Pháp, và đã thất bại. Quan trọng hơn nữa là không thể kịp tổ chức một chính quyền mới có đủ chính nghĩa, uy tín và kinh nghiệm, có thể lấy được niềm tin của quân và dân để tranh phần thắng lợi với chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh. Như nhận định của Phó Tổng thống Nixon, sau chuyến đi quan sát Đông Dương cuối năm 1953:

Pháp đã thất bại vì không huấn luyện đầy đủ và tạo được niềm tin cho người Đông Dương để họ có thể tự bảo vệ. Pháp đã không tạo được một chính nghĩa —hay một lực lượng nòng cốt— có thể đối phó với những lời kêu gọi ái quốc và chống thực dân của những người Cộng sản. Quân đội Việt Nam sống trong những điều kiện đáng phàn nàn. Họ không có lòng tự tin, không có lãnh đạo làm cho họ phấn khởi. Quan trọng nhất là họ không có một khẩu hiệu tác chiến, một merdeka, để phân biệt giữa việc phải chiến đấu với việc

muốn chiến đấu." Ông kết luận: "Nếu Pháp phải rút ra khỏi cuộc chiến thì Việt Nam —và có thể Lào và Cam-bốt nữa— sẽ bị lôi cuốn đi như vỏ trấu trước cơn gió lốc cộng sản. Do đó, tôi quyết định rằng Hoa Kỳ sẽ phải làm mọi chuyện để tìm cách giữ người Pháp ở lại Việt Nam cho đến khi cộng sản đã bị đánh bại.[17]

Khi Pháp bị vây hãm ở Điện Biên Phủ thì Hoa Kỳ không chịu can thiệp quân sự để giải cứu cho Pháp vì không muốn tham chiến một mình trong khi kế hoạch "hành động hợp nhất" (united action) của ngoại trưởng Dulles lại không được Anh quốc tán thành. Khi Anh và Pháp quyết định tiến hành cùng với Liên Xô và Trung quốc trong việc giải quyết chiến tranh Việt Nam, Hoa Kỳ đành phải miễn cưỡng tham dự hội nghị Genève, dù chỉ để theo dõi và hoạt động hậu trường hơn là thảo luận chính thức.

Thái độ thiếu dứt khoát của Hoa Kỳ đối với tham vọng thực dân của Pháp ở Đông Dương đã đưa tới một chính sách mâu thuẫn và lúng túng trong suốt tám năm của cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ nhất. Hoa Kỳ đã gánh chịu cho Pháp phần phí tổn lên tới 78 phần trăm và kết quả là lãnh luôn trách nhiệm trong cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ hai.[18] Quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa không giống như quan hệ giữa Pháp và Quốc Gia Việt Nam, nhưng sự hợp tác giữa hai nước trong cuộc chiến chống cộng sản lại có những kinh nghiệm và hậu quả đáng buồn khác, tạo thành một "hội chứng Việt Nam" mà mấy chục năm sau chiến tranh vẫn còn ám ảnh tâm tư của những nhà lãnh đạo và các cựu chiến binh Hoa Kỳ.

Chú thích

1. 9 EDC được các kế hoạch gia quân sự Mỹ và Âu châu quan niệm như một liên minh phòng thủ Âu châu trong đó có sự tham gia của quân đội Đức để ngăn ngừa sự bành trướng của Liên Xô. Pháp vẫn lạnh nhạt với kế hoạch này vì không muốn tái võ trang nước Đức, nhưng mặt khác cũng muốn dùng EDC để bắt chẹt Mỹphải viện trợ cho Pháp ở Đông Dương. Rốt cuộc, sau hội nghị Genève 1954, Pháp vẫn quyết định không gia nhập EDC (30.8.1954).

2. Gary R. Hess, *The United States's Emergence as a Southeast Asia Power* (New York:: Columbia University Press, 1987), tr. 206.

3 Dẫn bởi Nguyễn Phú Đức, *The Vietnam War*, bản thảo chưa xuất bản, tập I, trang 102.

4 Trần Trọng Kim, *Một Cơn Gió Bụi* (Sài gòn: Vĩnh Sơn, 1969), tr. 195-196.

5 Bernard Fall, *The Vietminh Regime, Government and Administration in the Democratic Republic of Vietnam* (New York: Institute of Pacific Relations & Cornell University, 1956), tr. 69.

6 "N'ai-je donc pas raison quand on me parle 'd'expérience Bao Dai' de rectifier en soulignant qu'il s'agit d'une 'expérience francaise'?" Bao Dai, *Le Dragon d'Annam* (Paris: Plon, 1980), tr. 285.

7 Không bao lâu, de Lattre dẫn lời của Pignon gọi Trần Văn Hữu là "đồ chó đẻ" (canaille) và chính ông cũng tố cáo Hữu là kẻ bất lương đã biển thủ công quĩ và chuyển ngân bất hợp pháp nhiều triệu đô-la. (Công điện mật 2.11.195 của Đại sứ Heath gửi Bộ Ngoại giao — FRUS, 1951, vol. VI, tr. 539).

8 Bảo Đại, *op. cit.*, tr. 302.

9 Sau này, ở miền Nam, Nixon cũng có một chương trình tương tự gọi là "Việt Nam hoá chiến tranh" nhưng có tính chất toàn diện, trong đó quân đội Việt Nam hoàn toàn thay thế quân đội Mỹ.

10 Thư của Dân biểu Charles Deane gửi Tổng thống Truman ngày 19.10.1949. Dẫn bởi Robert Mann, *A Grand Delusion: America's Descent into Vietnam* (New York: Basic Books, 2001),tr. 63.

11 *Department of State Bulletin* (May 22, 1950), tr. 821.

12 John F. Kennedy's speech, 19.11.1951, trong *Pre-Presidential Papers*, Box 102, JFK Library. Dẫn bởi Robert A. Mann, *A Grand Delusion: America's Descent into Vietnam* (New York: Basic Books, 2001), tr. 85.

13 Bảo Đại, *op. cit.*, tr. 304.

14 Robert D. Schultzinger, *A Time for War: The United States and Vietnam 1941-1975* (New York: Oxford University Press, 1997), tr. 40.

15 Mann, *op. cit.*, tr. 73

16 *Ibid.*, tr. 87.

17 Richard M. Nixon, *RN: The Memoirs of Richard Nixon* (New York: Grosset and Dunlap, 1978), tr. 125-126.

18 Chiến tranh 1945-1954 còn được gọi là Kháng chiến chống Pháp, Chiến tranh giành độc lập hay Chiến tranh Việt-Pháp. Tên gọi chiến tranh 1955-1975 thì phức tạp hơn: CHXHCNVN gọi là Chiến tranh chống Mỹ cứu nước, hay gọn hơn, Chiến tranh của Mỹ (American War); Hoa Kỳ thì dùng tên chiến trường mà gọi là Chiến tranh Việt Nam. Thật ra, cuộc nội chiến bắt đầu từ 1955 khi miền Bắc phát động các phong trào đấu tranh chính trị và chính phủ Ngô Đình Diệm thực hiện chiến dịch "tố cộng" nhằm triệt hạ các cơ sở và cán bộ cộng sản còn ở lại miền Nam. Hoa Kỳ chỉ trực tiếp tham chiến từ 1965 đến 1973. Để tránh ý nghĩa chính trị chủ quan, sách này căn cứ vào tên chiến trường và thứ tự thời gian để gọi hai cuộc chiến là Chiến tranh Việt Nam lần thứ nhất và Chiến tranh Việt Nam lần thứ hai.

Vấn đề trí tuệ:

Thuốc đánh răng và phần mềm

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Năm 1967, tôi cùng anh một bạn đồng nghiệp người Venezuela đi thăm Hội Chợ Quốc Tế Expo 67 tại Montréal. Đến thăm gian hàng Việt Nam, đứng trước một tủ kính trưng bầy mấy tuýp thuốc đánh răng, tôi nghe anh kín đáo khẽ nói một mình, "tội nghiệp." Tháng 5 vừa qua, Thế Kỷ 21 số 181 (và hình như một vài tạp chí khác nữa) đăng bài "Trí Tuệ Việt Nam: Hệ Thống Quản Trị Nội Dung" của ông Lê Lô, trong đó tác giả nói đến mấy phần mềm cho máy vi tính do người Việt thiết kế. Từ bấy đến nay, gần 40 năm, từ thuốc đánh răng đến phần mềm cho máy vi tính, theo cách nhìn chung được nhiều người chấp nhận, ngành công nghệ của Việt Nam đã làm một tiến bộ đáng kể. Không may cho mấy phần mềm được đưa ra trong bài viết, tác giả đã dùng chúng làm nền cho lý luận, mục đích chính là để chỉ trích, lên án chính phủ cùng sự phát triển trí tuệ Việt Nam. Phê bình, chỉ trích một thể chế chính trị là việc riêng và quyền của ông Lê Lô, tôi xin hoàn toàn đứng ngoài, không bình phẩm; ở đây tôi chỉ muốn có vài ý kiến về việc mấy phần mềm cùng tác giả của chúng bị đem làm thảm chùi chân cho bài viết.

Bài viết mở đầu bằng lễ trao giải thưởng lần thứ tư cho cuộc thi Trí Tuệ Việt Nam. Buổi lễ được truyền hình trực tiếp trên cả nước với sự có mặt của nhiều quan chức lớn. Đây là một cuộc thi quan trọng hàng năm, nhằm khuyến khích giới trẻ phát huy tài năng trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Mỗi năm ban giám khảo cho một đề tài khác nhau và đề tài cho năm nay là "Tìm giải pháp cho những vấn đề quanh ta." Giải nhất được trao cho phần mềm Hệ Quản Trị Nội Dung – iCMS (innovative Content Management System); iCMS cũng là tên của nhóm sinh viên, tác giả của phần mềm.

Tác giả Lê Lô đã rất khe khắt với nhóm iCMS và phần mềm này. Trước hết, ông đặt câu hỏi về khả năng tiếng Anh của anh trưởng nhóm, một sinh viên của đại học Ngoại Thương Hà Nội, chê anh ta không rành tiếng Anh, giải thích mập mờ, chỉ nói CMS là thuật ngữ viết tắt của Content Management System mà không nói rõ thêm thuật ngữ đó do "anh hay nhóm của anh 'sáng tạo' ra hay là của người ta và mình mượn." Tuy nói đây chỉ là một tiểu tiết rất nhỏ nhưng ông cũng đã tốn khá nhiều giấy mực cho chi tiết này. Ta sẽ trở lại vấn đề "sáng tạo" và "mượn" ở dưới.

Thông hiểu ngoại ngữ là điều rất hữu ích và đáng quý, nhưng nếu không giỏi thì trời cũng chẳng sụp. Nhân nói về ngoại ngữ, cách đây chừng 15, 20 năm, đại để có ba thứ tiếng Anh: tiếng Anh của Nữ Hoàng, tiếng Mỹ và tiếng Anh dùng trong những cẩm nang chỉ dẫn cách dùng máy móc thông thường, sản phẩm của Nhật. Với thứ tiếng Anh mà có người gọi là *approximatif* này, hàng hóa Nhật đã chinh phục thị trường thế giới, tràn ngập khắp nơi, các công ty Nhật bành trướng, mua luôn cả nhiều công ty rất lớn của Mỹ và, ngày nay, tiếng Anh dùng trong những cẩm nang đó thường là tiếng Mỹ. Người Việt ta coi trọng khả năng ngoại ngữ nhiều quá, một phần có lẽ là vì tinh thần nô lệ đã thấm nhiễm quá sâu trong xương tủy, dân mình dù đã đánh đuổi được bao nhiêu thứ "giặc" mà vẫn không gột sạch nổi. Chữ "tác" đánh chữ "tộ", dù chỉ một lần, là đủ để mang tiếng *dốt*, hỏng cả một đời; còn nói tiếng Pháp thì phải ra vẻ cho nó thành *français métro*.

Sau khả năng ngoại ngữ, ông Lê Lô than phiền về khả năng diễn giải của nhóm iCMS. Tác giả khẳng định rằng người giải thích không thực sự hiểu một cách toàn diện về sản phẩm của họ. Theo ông, giản dị là "Người hiểu vấn đề, cộng thêm một chút bén nhạy, sẽ dễ dàng thoát khỏi những từ ngữ chuyên môn, vượt trên cả các khái

niệm kỹ thuật khô cứng, để đưa ra một hình ảnh dung dị và do đó sáng sủa." Rất đúng trong phần lớn các trường hợp nhưng không nhất thiết phải luôn luôn như vậy; có nhiều ông thầy biết nhiều, rất giỏi nhưng dạy học rất dở. Riêng đối với những người thiết kế phần mềm, sản phẩm của họ có thể ấu trĩ, tầm thường nhưng họ bắt buộc phải biết khá chính xác chức năng của từng dòng, từng đoạn phần mềm trước khi họ định viết. Nếu những phần mềm đó được viết với cùng một mức độ nghiêm túc, thận trọng của nhiều bài viết ta thường đọc trong những tạp chí thì khá chắc chắn chúng sẽ *bom* – tiếng lóng trong nghề "bombed", chết cứng – ngay khi bắt đầu.

Không hài lòng với lời giải thích của những người làm ra nó, ông tóm tắt hộ: "Đây là một công cụ điện tử dùng để xử lý nội dung của văn bản (gồm chữ viết, hình ảnh, cách trình bày). Nó cho phép người dùng lấy tin trên internet xuống, sau đó có thể tùy ý thêm, bớt, cắt tỉa nội dung sao cho vừa ý mình (và nhất là đúng ý lãnh đạo), rồi đưa cái nội dung đã chỉnh sửa đó vô (hay làm thành)... trang web của mình hay trang web của tất cả các báo nằm trong hệ thống truyền thông của nhà nước." Bỏ ra ngoài những chữ mai mỉa không cần thiết, lời giải thích của ông Lê Lô không dễ hiểu hơn lời giải thích của anh sinh viên Nguyễn Thanh Tùng, lý do là vì anh sinh viên dùng một thí dụ cụ thể. Hơn nữa, giải thích của anh ta đầy đủ hơn, một điểm rất nhỏ thôi nhưng rất quan trọng và có lẽ đó là một trong những lý do khiến người ta muốn mua iCMS, anh nói: "Bạn sử dụng *spider* như một con bọ tinh khôn. Bạn sai nó đi tìm các thông tin có nội dung thể thao chẳng hạn, nó sẽ tìm kiếm tất cả các thông tin thể thao mới nhất trên mạng internet sau đó chuẩn hóa dưới dạng *font Unicode*."

Những ai dùng máy vi tính để đọc hay đánh máy tiếng Việt đều biết cần phải có *font* tiếng Việt. Trong thị trường, hiện có cả chục thứ *font* tiếng Việt, một vài hệ thống *font* như VNI rất đắt tiền, và nếu dùng không đúng *font* thì không đọc được vì ta sẽ thấy toàn chữ Ấn Độ hết. *Font Unicode*, sẵn có trong hệ thống điều hành như Windows, có thể dùng để đọc và viết tiếng Việt; do đó, chuyển hóa văn bản từ những *font* tiếng Việt khác sang thành *font Unicode* để thống nhất văn bản là một việc làm cần thiết, hợp lý, rất tiện cho người dùng và rất tự nhiên. Đó là một công việc tầm thường một khi ta đã hiểu. Những chị chủ bút, ông giám đốc hay bất cứ ai có ý định dùng phần mềm này, sớm muộn sẽ nhận biết giá trị của mệnh đề "sau đó chuẩn hóa dưới dạng *font Unicode*."

Theo tác giả bài viết, để được chọn, sản phẩm trong cuộc thi Trí tuệ Việt Nam phải đáp ứng các tiêu chí sắp theo thứ tự quan trọng: "sáng tạo, cập nhật công nghệ, giao diện web, và đặc biệt là có tính thực tiễn cao (tức ứng dụng được)," và ông chỉ bàn tiêu chí thứ nhất: sáng tạo!

Sáng tạo là một từ có tính đàn hồi lớn cho nên dùng nó ta phải thận trọng. Cụ thể là ta muốn những người sinh viên này phải "sáng tạo" đến mức độ nào trong sản phẩm của họ? Ông hỏi: "Có đúng hệ thống quản trị nội dung (Content Management System) là do nhóm sinh viên iCMS sáng tạo, tự mình nghĩ ra không?" Trả lời theo tinh thần câu hỏi thì câu trả lời sẽ là "không!" Không những thế, ông còn muốn biết ngay cả thuật ngữ CMS có do họ "sáng tạo ra hay là của người ta và mình mượn."

CMS, hệ thống quản trị nội dung, là một ý niệm tổng quát, đúng như ông Lê Lô nói, "...rất cũ, chẳng có gì mới cả." Thật vậy, kiếm tìm trên Internet, thí dụ với www.google.com, cụm từ "Content Management System," ta sẽ thấy nó xuất hiện ngót mười triệu lần; còn sách mang tên tương tự, bán như sách giáo khoa, thì có đầy dẫy trên thị trường. Ông tiếp, "Công cụ điện tử này do chuyên viên nước ngoài làm ra từ lâu rồi. Rất nhiều công ty phần mềm nước ngoài đã viết và bán công cụ điện tử này với các tên thương mại khác nhau, thí dụ Absolute News Manager, Managee, siteMpower, expressCMS. Các sản phẩm này đều có công dụng chính đã trình bày ở trên, gồm giúp người dùng phát triển trang web bằng cách sửa nội dung và hình thức (trình bày) trang web của mình, liên kết với các trang web khác để chia sẻ thông tin do đó tăng cường số lượng người vào xem (mục đích chính), hoặc làm sẵn các trang mẫu (template) để người dùng chỉ việc cắt tỉa, thêm hoặc bớt theo ý mình, rồi phóng lên mạng."

Tại sao cần phải có đến bốn công cụ điện tử khác nhau để làm cùng một việc? Suy diễn theo lý luận của ông Lê Lô thì, ít nhất, ba trong bốn công cụ điện tử kể trên (có lẽ cả bốn) không có lý do hiện hữu; còn nếu ta bằng lòng chấp nhận cả bốn thì, vẫn theo lý luận đó, để cho công bằng, ta phải cho phép một công cụ điện tử thứ năm, iCMS, được góp mặt với đời. Luật đào thải cùng tự do cạnh tranh sẽ cho nó một chỗ đứng thích

hợp trong thị trường. Cũng nên chú ý, một trong bốn công cụ kể trên có tên là expressCMS; CMS không là một tên đã được đăng ký, không thuộc về ai, ai cũng có thể dùng được mà không bắt buộc phải nói rõ xuất xứ, do đấy, iCMS. Nếu tôi có một lời nhắn nhủ cho nhóm iCMS thì lời đó sẽ là: nếu muốn tung bán sản phẩm của họ rộng rãi trên thị trường, họ nên truy tìm cẩn thận xem tên iCMS đã có ai dùng và đăng ký chưa? Chỉ cần nhìn trên Internet ta sẽ thấy có đầy dẫy tên sản phẩm hay công ty bắt đầu bằng i hoặc bằng e tiếp theo là mấy mẫu tự viết tắt quen thuộc, thí dụ eBay, iTune và rất có thể iCMS, cách đặt tên này đang hợp thời trang! Họ sẽ gặp nhiều phiền phức nếu đã có người chọn và đăng ký rồi.

Vậy thì sự "sáng tạo" trong iCMS cần phải độc đáo đến mức độ nào? Tất nhiên ta không thể đòi hỏi mấy người sinh viên này phải là những von Neumann hay Turing, những người có công trình khai phá. Cao xa quá! Nhóm sinh viên này không là tác giả, có quyền sở hữu ngay cả đến cụm từ CMS, chứ đừng nói đến ý niệm tổng quát về quản trị nội dung nữa. Nói vậy không có nghĩa là sản phẩm của họ vô giá trị. Sản phẩm của họ không khác gì bốn sản phẩm ngoại quốc kể trên nhưng đặc biệt để dùng với tiếng Việt, trong thị trường Việt. Trước khi thử sản phẩm của họ, ta không thể quyết đoán đó là "một công cụ rẻ tiền theo mọi nghĩa (giá một sản phẩm từ 250 đến 500 đô la kể cả giấy phép), được Trí Tuệ Việt Nam mua về, bỏ thêm ít củ riềng, một mớ lá mơ (Việt hóa) và đồng hô to: sáng tạo!"

Cũng như bốn sản phẩm ngoại quốc kia, trước hết họ phải "đạo" ý niệm tổng quát về hệ thống quản trị nội dung, rồi phân phối, xếp đặt cho hợp lý những chức năng của hệ thống. Nhóm iCMS có thể tìm thấy một vài mã nguồn mở (open source), nhưng điều dễ xảy ra hơn là họ phải tự viết phần mềm cho từng chức năng trong thiết kế của họ, rồi "bỏ thêm ít củ riềng, một mớ lá mơ" để Việt hóa.

Ngay cả đến ý niệm "bỏ thêm ít củ riềng..." cũng chẳng phải là ý niệm nguồn cội, chưa ai nghĩ ra. Tôi đang viết bài này với Microsoft Word, dùng phần mềm của Hội Chuyên Gia Việt Nam gọi là VPS để viết tiếng Việt (có nhiều phần mềm khác làm cùng một việc nhưng tôi dùng VPS vì thói quen). VPS đã ra đời được trên mười năm, hiện nay đã có bản cập nhật số 4.3, có thể tải xuống miễn phí từ Internet. Tất nhiên VPS có bảng mã cho phép đánh máy tiếng Việt, nó cũng có chức năng hoán chuyển một *font* tiếng Việt nào đó ra một *font* tiếng Việt khác trong đó có *Unicode*. Để "bỏ thêm ít củ riềng...", nhóm iCMS phải tự viết tất cả những chức năng này để dùng trong phần mềm của họ. Nếu họ làm được tất cả những việc này một cách xuôi xả, tốt đẹp thì sản phẩm của họ có thể so sánh được với những sản phẩm ngoại quốc kia.

Theo bài "Trí Tuệ Việt Nam: Hệ Thống Quản Trị Nội Dung" thì "những người ngồi trong ủy ban nhân dân (Hải Dương và Hà Tây), cơ quan thi hành chủ trương hiện đại hóa công nghiệp hóa, là những vị có kiến thức zero về 'ngành mũi nhọn,' nói theo chữ của chính phủ. Họ không biết chỉ cần bỏ ra 250 đô là có một sản phẩm CMS (có giấy phép đàng hoàng chứ không cần phải ăn cắp vặt), một sản phẩm đáp ứng mọi 'nhu cầu của ngành mũi nhọn.' Họ là tiêu biểu của cái bệ phóng, của cái nền thiếu kiến thức, trên cái nền đó, sự láo khoét nhởn nhơ chơi đùa." Rất giản dị, vì kiến thức zero, các vị này cần có người mách nước, bỏ ra 250 đô để mua một sản phẩm CMS, nhưng, tiếc thay, sản phẩm này sẽ không đáp ứng mọi "nhu cầu của ngành mũi nhọn": một vài sản phẩm, thí dụ expressCMS, tuy nói trợ giúp đa ngữ (multi-lingual support), nhưng rất có thể, muốn làm một việc tầm thường như đánh máy hai chữ "thể thao," ai đó sẽ phải chỉ cách cho các vị tải xuống từ Internet, miễn phí, thêm một phần mềm, thí dụ VPS, cho tiện việc.

Vân vân...

Tôi chưa hề thấy Hệ Quản Trị Nội Dung iCMS nên không biết nó có làm những công việc đòi hỏi ở nó một cách hữu hiệu, đúng như tác giả của nó đã tả không? Nếu ông Lê Lô đã thử qua và thấy rằng iCMS có nhiều thiếu sót, tính thực tiễn của nó không đủ cao, thí dụ con bọ (spider) của nó chu du, lạc lõng trong Internet như Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai, quên cả đường về, thì điều đó thực đáng phàn nàn. Dẫu vậy, chỉ vì iCMS được giải nhất trong cuộc thi mang tên Trí Tuệ Việt Nam mà từ đó ta rút ra kết luận về trí tuệ Việt Nam thì tôi e rằng hơi vội quá. Còn nếu iCMS chưa được thử qua thì bài viết "Trí Tuệ Việt Nam..." thiếu chính trực.

Việt Nam ngày nay có đến 80 triệu dân, trong số đó ít nhất 75 triệu là những người dân thường,

số còn lại ta tạm gọi là những người dân "không thường." Cũng như bất cứ nước nào trên thế giới, liên hệ giữa những người dân thường và "không thường" là một thứ liên hệ cộng sinh (symbiotic), khi êm ả khi khó khăn, tất nhiên ai cũng phải kiếm sống. Nếu những người dân thường này (mấy cậu sinh viên thiết kế phần mềm, mấy cô ca sĩ, ...) sung sướng nhận giải thưởng nào đó để trợ giúp sản phẩm (việc kiếm sống) của mình thì đó cũng là việc rất thường thôi; tại sao chỉ vì những trăn trở riêng tư mà ta mất bình tĩnh, bất công với họ đến thế?

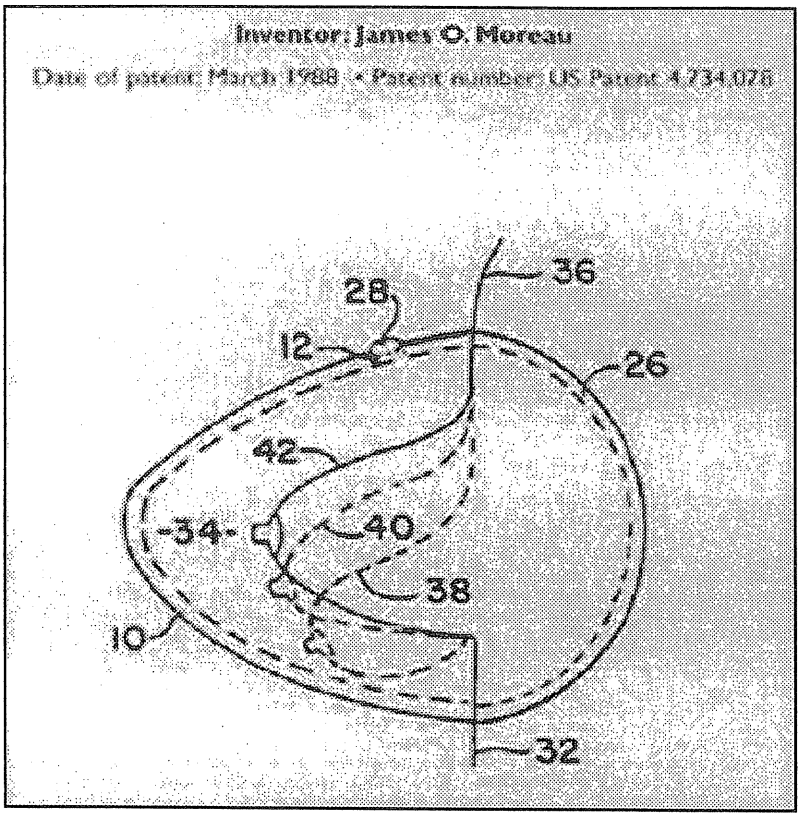

Cũng trong bài viết, tác giả có nói đến một phần mềm khác, Vietkey Linux, với những kết luận tương tự. Tôi cũng có đôi điều để bàn về hệ điều hành này và so sánh với Windows, nhưng bài đã đủ dài nên xin miễn.

Khi viết bài này, tình cờ tôi có cuốn sách mang tên Patently Absurd tôi muốn đọc chung cùng bạn đọc. Trong Patently Absurd có đến gần một trăm bằng sáng chế khác thường. Mở bói Kiều, tôi được bằng có tên Nịt Vú Lỏng, Liquid Brassiere, có bằng sáng chế của Hoa Kỳ mang số US Patent 4 734 078, như hình ở dưới.

Theo lời nhà phát minh: "Tiêu biểu là vú được trợ giúp bởi chất lỏng sẽ có hình dạng tròn, cứng, trẻ trung và hấp dẫn." Ông hồ hởi tiếp: "Chỉ cần thay đổi áp lực của chất lỏng, người đàn bà có thể làm tăng hay giảm một cách dễ dàng độ lớn của vú..." Tuyệt vời! Nhà phát minh không nói làm thế nào để thay đổi áp lực của chất lỏng hay dùng chất lỏng nào. Ta có thể khai thác chi tiết này. Ta sẽ nghiên cứu chất lỏng để dùng; thay vì chất lỏng, có lẽ ta dùng một khí trơ như *argon,* tiện hơn và đỡ phiền khi vú dột, và viết một phần mềm để điều hành áp lực (dùng nhiệt?) cùng nhiều thứ khác nữa, rồi đốt vào trong một *chip* vi tính nhỏ. Nịt vú *hi-tech* này được đặt tên là iBra – innovative Brassiere. Không giống iCMS, chỉ bán quanh quẩn trong thị trường Việt, dự tính là iBra sẽ bán cả triệu triệu trên toàn cầu, không phân sắc tộc hay biên giới. Ta sẽ điều đình trả tiền bản quyền cho nhà phát minh đầu tiên, một xu một *bra*, không "đạo" của ai hết. Có đạo cũng chẳng được, với số tiền kếch sù này, tác giả của nó sẽ chẳng để yên. Nịt vú iBra chắc chắn sẽ mang lại nhiều lợi lớn hơn viết iCMS. Và cũng rất trí tuệ! Càng nghĩ càng thấy hứng khởi, phần mềm có thể được tu bổ, thay đổi trong tương lai; hiện iBra đã có nút **Nhỏ To** để điều khiển kích thước, một nút khác chưa có tên có thể được lập trình để điều khiển một máy rung nhỏ, tạo ra những chuyển động ngang trong khí, chuyển động này có tác dụng xoa bóp làm thư giãn bắp thịt và cho người đàn bà cảm giác khoan khoái. Tóm lại, như tiếng Anh nói, "trời cao là giới hạn," tùy óc sáng tạo của ta, nịt vú được lập trình tinh xảo chẳng thua một lò vi ba. Có lẽ tôi phải đăng ký tên iBra trước, rồi xin bằng sáng chế cho iBra sau.

06/2004

THẦN THOẠI BÁCH VIỆT

PHAN QUỐC SƠN

Bô Lão, người giữ thần thoại Việt

Cho đến trước thời đại biến động trên đất nước ta cách đây hơn nửa thế kỷ, hình ảnh êm đềm trong gia đình của làng xóm Việt Nam vẫn là: Sau bữa cơm chiều của một ngày đồng áng nương rẫy, con cháu quây quần chung quanh ông bà để nghe kể chuyện đời xưa. Đây không những tập tục quen thuộc trong cuộc sống tổ tiên ta mà còn của tất cả những tộc người trên giải đất Bách Việt. Câu tục ngữ "*Ăn cơm mới, nói chuyện cũ*" không phải riêng của chúng ta mà còn phổ biến cùng khắp các dân tộc anh em, người Hán về sau dịch ra thành câu: "*Khất tân cốc, thuyết cựu thoại.*" Cuốn sách đầu tiên Trung Quốc chép về dân tộc phương nam là *Hoa Dương Quốc Chí* của Thường Cừ vào thế kỷ thứ 4, viết: "Theo tục Nam Man, người mà có tài thuyết phục hơn người được gọi là ***Lão***. Đó là người được quyền chủ trì các buổi họp bàn bạc, trong đó họ thường kể chuyện ngụ ngôn, gọi là ***cổ tích di***."

"Cổ tích di" chính là kho tàng thần thoại Bách Việt mà tác giả là các bô lão, họ cũng là người lưu giữ kho tàng Văn Hóa Dân Tộc này để ký thác lại cho con cháu đời sau qua nghệ thuật truyền khẩu.

Thần thoại của bô lão không hẳn là cổ tích thần tiên để "mua vui," vì mỗi câu chuyện trong đó chứa đựng một ẩn đề của người xưa. Những sự biến trong thời chưa có sử chỉ có thể sống còn trong tâm thức và hoài niệm chúng ta qua dạng thần thoại. "*Thần thoại là sự nói lên bằng ngôn ngữ của thần bí: diễn tả những điều có thực không thấy được bằng phương tiện của những điều thấy được*"(J. Schniewind 1953: 47). Định nghĩa này rất gần gũi với quan điểm của giới khảo cổ học rằng huyền thoại là thần tích (sacred tale).

Đối với con người thời ban sơ, vạn vật trần gian đều mang mầu sắc huyền bí. Con người bỡ ngỡ trước các hiện tượng thiên nhiên. Sấm chớp, giông bão, lụt lội, những cơn thịnh nộ thiên tai làm con người kính sợ. Họ dùng trí tưởng tượng mà nhân cách hóa hoặc thần thánh hóa thiên nhiên, "tạo ra thần thánh qua hình ảnh của chính mình" để tự lý giải với mình. Họ dựa vào cái biết trong cuộc sống để sáng tạo nên thế giới không thể biết của thần linh. Đang khi thế giới ấy hình thành thì biết bao truyện linh dị hoang đường được thêu dệt. Thần thoại ra đời như thế.

Tại địa bàn các tộc Việt cổ, một số lượng lớn truyện thần thoại còn được truyền đến các thế hệ con cháu ngày nay qua thuật truyền khẩu và có lịch sử rất xa xưa. Đa số là những *truyền tích* về thời nguyên thỉ, thuở sáng lập Trời và Đất, khai sinh nhân loại, nguồn gốc muôn loài hoặc gốc gác mỗi giống dân, đều được kể rất sống động bằng ngôn ngữ thần thoại.

Tổ tiên người Việt cổ sáng tác đủ loại thần tích quanh nguồn gốc huyền bí của vũ trụ, sự phân hai Trời và Đất. Huyền thuyết "Tổ phụ loài người" của người Nạp Tây kể rằng: Ngày xưa Trời và Đất chia đôi, vũ trụ là chất hơi mầu xanh. Một hôm nọ, bỗng lóe lên một ánh sáng rực rỡ và một âm thanh êm dịu. Âm thanh bèn biến thành một vị thần mang một quả trứng trắng. Trứng nở ra một con gà trắng. Con gà trắng này có mang theo chín vị thần tạo lập ra trời. Thế gian được tạo dựng như thế. Thần thoại dân Nạp Tây gợi cho ta liên tưởng đến một giấc chiêm bao huyễn ảo.

Thần thoại khác của người A Xương thuật rằng thuở ban đầu, vũ trụ ở trong tình trạng *hỗn loạn*, không bóng tối không ánh sáng; không trên không dưới, không điểm tựa để nâng; không sức đẩy, không cương vực, vô giới hạn. Mãi đến thời về sau từ cõi hỗn độn một tia sáng phát ra, bấy giờ bèn có sáng tối, mặt trời mặt trăng mới xuất hiện. Ánh sáng và bóng tối sinh ra ông Già Bà Mạ và vợ ông là bà Già Bà Mị, cùng một đám gồm 30 thiên tướng và 30 thiên binh. Từ đó, thiên đế là ông Già Bà Mạ và thiên địa là bà Già Bà Mị sinh đẻ ra thế gian. Trong lịch sử nhân loại, những thần thoại tương tự như trên phơi bày lòng tin nguồn gốc tạo dựng vũ trụ của người thái cổ. Trời đất có thể nhỏ bé nhưng óc tưởng tượng con người đã nghĩ ra chúng quả là vô giới hạn.

Những sắc dân Bách Việt khác còn có vô số các thần thoại về nguồn gốc loài người. Thần thoại của các Việt tộc như Thái, Mèo (Mông), Đô Long kể rằng Thiên Đế đã lấy đất nặn thành loài người.

Dân tộc Ngõa kể rằng con người sinh ra từ hạt bầu trong trái bầu. Thần thoại người Đức Ngang kể rằng Thiên Đế đã thổi một trận cuồng phong, rải tung ra 120 cái lá. Lá đực và lá cái tìm đến nhau để sinh sản thành các tộc người.

Cho dù tường thuật các sự tích khác nhau về nguồn gốc loài người, nhưng độc đáo ở chỗ những thần thoại này đều mang chung một số các "mẫu thức" (motif): Cơn đại hồng thủy; hôn nhân "loạn luân" giữa hai anh em trai-gái ruột với nhau là hai kẻ sống sót duy nhất sau trận hồng thủy; và con người dùng nỏ bắn rơi mặt trời, mặt trăng. Ý của ông trời luôn luôn chấp nhận cuộc hôn nhân này vì mục đích sinh sản ra nhân loại. Các thần thoại nguồn gốc nhân loại có lẽ là chứng tích của ký ức mờ nhạt về tổ tiên chúng ta thời viễn cổ, chấp nhận hôn nhân cùng huyết thống trong các tập đoàn người ít ỏi ở khắp nơi, vì lý do sinh tồn. Vấn đề nội hôn và ngoại hôn, ý thức "cấm kỵ"(taboo) của luân lý sơ thời trong các xã hội cổ cũng như nguồn gốc nhân loại truyền gửi trong các huyền thoại đầy lôi cuốn ấy là nguồn nghiên cứu phong phú cho ngành dân tộc học.

Tượng gốm nô tì người Côn Luân ôm bình trái bầu nậm. Gốm men nâu làm thời nhà Lý (Đại Việt). Thần thoại lưu truyền trong các dòng Bách Việt lớn, là chúng ta đều sinh ra từ những hạt bầu trong cùng một "mẹ bầu". Sánh với dị bản thần thoại Lạc Việt: mẹ Âu Cơ sinh ra " bọc trăm con." (Sưu tập gốm của Phan Quốc Sơn).

Trong quá trình dài con người chế ngự thiên nhiên, những chuyện về cầy cấy, gieo trồng, chăn nuôi còn là những đề tài chính. Người thời cổ không thể biết được nguồn gốc lúa mạ, gia súc; cho nên qua tâm trí tưởng tượng, họ cho đấy là quà là lộc của trời cho. Rồi đến thời sau đó, con người mới biết tới lễ nghi cúng tế cho trời đất, hoặc cúng lễ thú vật để cầu khấn mỗi vụ mùa.

Nhưng nếu trời không nhận lễ tế, cứ gây thiên tai thiệt hại mùa màng thì sao? Tộc người **Bố Lãng** (tên gọi có thể do chữ Hán phiên âm từ tiếng **Bố Làng**) lưu truyền một sự tích về nông nghiệp như gián tiếp đưa ra lời giải: Ngày nọ, thần Bà Á Thiên không ban cho dân Bố Lãng hạt giống với gia súc nữa thì nhà vua Ngài Lạc Bố Oa sai loài kiến trắng đục thủng thành trì của thần Bà Á Thiên, thần thua trận nên kiến trắng tha về lại ngũ cốc, gia cầm và lục súc cho dân. Đàn bà vốn khôn ngoan và cẩn thận nên được giao việc nuôi gà, đàn ông thì chăn trâu bò. Đàn ông vốn dại dột và lơ đễnh nên ngày nọ trâu bò trốn mất vào rừng. Thế là từ đó về sau đàn ông phải lãnh việc mang tên nỏ vào rừng săn thú.

Ý nghĩa cổ tích này cho ta biết dù con người

trong xã hội nông nghiệp cần được thần ban cho hạt giống và gia súc, nhưng con người cũng có thể hoạch định mưu kế để địch lại thần nếu không được thần ban cho. Ở đây ta thấy con người đã đủ tự tin, muốn làm chủ số phận mình trong cuộc tranh đấu giữa Con Người và Thiên Nhiên. Và thần thánh tức là phóng ảnh của thiên nhiên. Truyện "Ngài Lạc Bố Oa" cho thấy thời phát triển xã hội nông nghiệp của người Bố Lãng. Tại địa bàn đất đai sinh sống lâu đời của người Bách Việt cổ còn rất nhiều chuyện như thế đề cập tới cuộc tranh đấu giữa thần và người. Một huyền tích khác của người Lạp Hỗ đại ý tả ý chí phấn đấu để lật đổ ách thống trị của thần thiên nhiên sau thời đại họ đã tiến sang xã hội nông nghiệp.

Tổ của các tộc Bách Việt: Hạt trong trái bầu hay Chó Bàn Hồ?

Giống như người cổ ở các nơi khác, nhìn quanh những loài không phải là giống người, thì thú vật là loài gần gũi nhất với người Bách Việt. Khi Con Người Văn Hóa chớm xuất hiện, thú vật là đề tài mỹ thuật được tập tành vẽ trên đá, nặn tượng, làm đồ gốmv.v... Rồi thú vật đi vào tâm thức con người: thành những ký hiệu diễn đạt ý niệm siêu hình, tức là biểu tượng đóng vai trò chính qua dạng thức huyền thoại. Trong tự ngữ Hán, người xưa đào được xương khủng long (dinosaur) không biết đây là loài thú gì, vì đã không thấy hiện diện trên mặt đất nữa, nên dùng chữ "tượng" để ví von mà tưởng tượng ra cái không thấy bằng mắt của họ.

Lần đối mặt đầu tiên, dã thú là con mồi của người, hung dữ hơn người, và là thù địch. Phản ứng từ tâm lý mâu thuẫn hơn thua giữa người và thú: đối tượng của chinh phục và sợ hãi, người cổ biểu tượng hóa mối quan hệ giữa người và thú. Vừa thù trở thành thân: có quan hệ huyết thống, người giao phối với rắn, chó, vượn, thuồng luồng v.v...

Khi thực dân Âu Châu đi xâm chiếm thuộc địa, thoạt nghe những huyền thoại như trên, cho rằng các dân tộc bán khai thờ tổ của họ là thú vật. Từ đó thuyết Vật Tổ (Totemism) mới xuất hiện và đã có lần rất thời thượng trong học thuật Tây Phương. Thuyết Vật Tổ thực ra không phải là một phát minh mới mẻ của thực dân da trắng. Từ hai ngàn năm trước, đế quốc Hán da vàng khi xâm chiếm Bách Việt phương nam, do động cơ kỳ thị khinh miệt và trang bị bằng ý thức hệ Hán nho, họ đã không thể nào hiểu nổi ẩn dụ trong "cổ tích nam di" không xếp các dân tộc phương nam vào loại người mà liệt vào "nòi giống của chó, vượn, rắn rết, kiến, sâu bọ, quỷ ma..." Người đại biểu của thánh giáo Hán nho phương bắc bị đày đi làm quan cai trị phương nam là Hàn Dũ đã phát biểu "lũ chúng tựa loài hầu, vượn." Thế nên người Hán Hoa cảm thấy thản nhiên vạch ra chính sách cai trị các giống dân phương nam, và các giống dân không phải Hán ở các phương đông tây và bắc, cũng đối xử như thú vật vậy.

Đến giữa thế kỷ 20, chính sách kỳ thị chủng tộc là tàn tích của chủ nghĩa thực dân hấp hối cáo chung, và đồng lúc thuyết Vật Tổ đã bị Levi-Strauss khai tử trong tác phẩm Mythologiques (Huyền Thoại Luận). Đáng tiếc thay, nhiều học giả Trung Quốc và Việt Nam (trong cũng như ngoài nước) vẫn quyến luyến lanh quanh với hồn ma thuyết Vật Tổ ấy nhan nhản hiện ra trong các khảo cứu về nguồn gốc dân tộc.

Động vật (hay thực vật) đã được sử dụng làm biểu tượng hay ẩn dụ cho luật cấm (taboo) trong quan niệm đạo đức sơ thời của nhân loại. Người nam và người nữ đầu tiên của cùng một gia đình nhân loại không được lấy nhau, vì như thế sẽ phạm tội loạn luân (incest). Và nếu đầu tiên nhân loại chỉ có một người thì sao? Thì "*tức là người ấy phải giao phối với một thực thể biểu tượng bằng một cái gì đó khác với giống người.*" Levi-Strauss gọi đây là một sự "mâu thuẫn thuận lý" (*logical contradiction*). "*Cái gì khác với giống người*" này là cái xương sườn của ông Adam sinh ra bà Eva; cái gì khác với bà Âu Cơ trên đất là ông vua rồng tên Lạc dưới nước v.v...

Nếu ta hiểu được cái "mâu thuẫn thuận lý" này thì ta sẽ giở lại những trang cổ thư của người Hán thuật về thần thoại "Chó Bàn Hồ" của người phương nam và đọc trong ánh sáng mới. Truyện tóm tắt như sau:

Thuở bắt đầu có thế gian, một nhà vua nọ hứa sẽ gả công chúa cho ai chém được đầu kẻ thù của ông, là viên đô tướng của giặc Tây Di. Trong triều không ai làm nổi, chỉ riêng một con chó của nhà vua là hoàn thành được sứ mạng. Nhà Vua buộc lòng giữ lời hứa gả công chúa cho chó. Chó bèn rước dâu về ở một động núi cao phương nam. Về sau nàng sinh được sáu trai và sáu gái, là chư tổ của dân Nam Man. Đám hậu duệ càng sinh sôi nẩy nở lan tràn khắp miền nam sông Dương Tử cả đến biên vực láng giềng và xuống tận vùng thượng du cực nam (tức Bắc Việt sau này). Sách "Đường Thư" viết như vậy.

Nếu ta thay vai trò "chó" bằng nhân vật "người phương nam" thì ý nghĩa nội dung vẫn y nguyên. Phan Huy Chú khi cải chính về địa vực nước Văn Lang, chép: "*Kể ra, Nam Hải, Quế Lâm và một nửa đất Tượng Quận, từ trước khi nhà Tần chưa mở mang đặt quận huyện, dân đều là còn giống Bàn Hồ.*" (*Phan Huy Chú:25*)

Ngày nay tích Bàn Hồ vẫn còn truyền trong tộc người Mông và Dao ở Lĩnh Nam, và người Tráng (Choang) tại Bắc Bộ nước ta. Tục truyền người Dao ở Quảng Đông, giữa mỗi nhà đều lập bàn thờ Bàn Hồ. Người Thổ ở Bắc Bộ ta vẫn còn kỵ húy Bàn Hồ và kiêng ăn thịt chó.

Trong tập "*Sưu Thần Ký*" có một thần tích khác của người Hán Hoa chép lại về con chó tổ phụ này: *Xưa, có một bà cung nữ già thường ốm đau bệnh hoạn. Ngày nọ bà tự cứu chữa bằng cách bắt một con sâu trùng ra từ đầu bà* (có lẽ bắt chí trong tóc?). *Rồi bà bỏ con sâu ấy vào trong quả bầu, lấy khay (chữ Hán gọi là "hồ") đậy lại. Con sâu hóa thành con chó, nên có tên là chó "bầu hồ."* Tích bàn hồ hay bầu hồ của Hoa và Bách Việt xoắn xuýt với nhau tự thời rất xa xưa. "Bầu" là trái bầu nậm, thuộc họ bầu, bí, dưa; hình dạng loại trái của thứ giây leo, đầu trên nhỏ, bụng dưới phình to ra vì mang nhiều hạt. Người Bách Việt cổ sánh trái bầu nậm này như người mẹ vĩ đại mang thai. Trong khi đó, tộc người Ky Nặc kể rằng tổ loài người là một trái bầu khổng lồ mọc từ dây bầu lan tràn từ lũng sâu đến đỉnh cao. Những hạt trong bụng "mẹ" bầu sinh ra đủ mọi tộc người.

Các dị bản như thế lưu truyền trong các chi tộc thuộc hệ Thái, Mông, Tráng kể rằng trái bầu hoặc bí khổng lồ là nơi trú ẩn của cặp anh em trai gái sống sót duy nhất sau cơn đại hồng thủy tàn phá thế gian. Cuộc hôn phối loạn luân do ý Trời, nhờ đó đã tái sinh loài người trên mặt đất (*Stibel Merrigi, 1938: 331-37 và Stein, 1942:50*). Cũng vậy, ta có thể mường tượng cảnh chiếc tàu vĩ đại lênh đênh trong cơn hồng thủy của ông già Noah trong Cựu Ước. Hạt bầu nở mầm thành con người, tựa tựa trứng chim huyền điểu nở ra loài người trong thần thoại Trung Quốc. Huyền thoại của dân Lạc Việt đã gợi hình từ "bầu" ra "bọc" mang một trăm (100) con của mẹ Âu Cơ: Bụng mang dạ chửa, ta còn sử dụng từ ngữ "mang bầu," có lẽ của dân Bách Việt cổ chăng?

Nhưng bầu còn là một đoạn cong của trời tròn, nên gọi là "bầu trời" (hay vòm trời); cái hồ (là cái đĩa, khay, nắp đậy) là nền đất. "Bầu hồ" là chữ chỉ động đá núi phương nam, tổ ấm của chồng chó vợ công chúa sống nuôi con, lớn lên thành các giống người không đội trời chung với người Hoa Bắc. Bầu hồ có phải là dư ảnh của hang động cư trú của người Hòa Bình, lan tỏa đi thành người Đông Nam Á và Nam Trung Quốc? Hay là "thiên động" của đạo Hoàng Lão phương nam, truyền tụng về một thế giới thần tiên ẩn khuất trong rặng núi thiêng Câu Lậu và La Phù ở Lĩnh Nam?

"*Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*" chắc không phải lời của Việt kinh mà của Việt mường, hoặc những người Việt cổ láng giềng anh em bị đàn áp khinh miệt. Bên dưới bề nổi của lời van xin tình thương là lời nhắc nhở bà tiên ông rồng ngự trên cao nhớ về nguồn cội xa xăm mẹ bầu, mẹ bí, mẹ bọc đã sanh các con trên giàn đồi cao lũng sâu quê hương./.

HÀ VIỆT HÙNG

Tôi, Con Đò Nhỏ

Tôi mang nỗi nhớ tròng trành
đầy con đò nhỏ mỏng manh xuôi dòng
có ai nhờ chở qua sông
xin cho tới bến kẻo không có đò.
Ai quên điệu lý, câu hò
quên lời thề nguyện dặn dò trước sau.
Qua sông ai biết nông sâu
biết trong biết đục biết màu phù sa.
Đò tôi chở, nào ngại xa
chỉ ngại nước xuống đò qua hết ngày
tôi xin chở nốt chuyến này
tiếc rằng đò nhỏ không đầy lòng nhau.

Phật giáo và hư vô chủ nghĩa

TRẦN DOÃN NHO và CHÂN PHƯƠNG
dịch từ "Le Grand Christ du vide"
của ROGER-POL DROIT

Chúng ta tưởng là đã hiểu rõ Phật Giáo. Đúng, ở một nghĩa nào đó. Đã có hàng ngàn luận án và các tác phẩm uyên bác cũng như dịch phẩm được xuất bản từ cả trăm năm qua trong toàn thể các nước Tây phương. Liệu chúng ta đã có một cái nhìn chính xác và rõ ràng về thế giới đa dạng này không? Chắc chắn là không. Đơn giản không phải chỉ vì chúng ta có thiếu sót trong những công trình nghiên cứu. Phải xét đến một lý do khác: có một phần tưởng tượng, một mộng ảo dư thừa[1] đã xen vào tri thức này. Chúng ta mơ Phật Giáo cùng lúc chúng ta nghiên cứu nó. Chúng ta gán cho nó những cái vốn là của chúng ta, chúng ta phóng rọi trên nó những thiên kiến của chúng ta: hôm qua là những nỗi sợ hãi, hôm nay là những niềm hy vọng. (Những sợ hãi và hy vọng đó)[2] nói về hoàn cảnh của chúng ta hơn là về thực tế của nó. Vì thế, cần nhắc lại kiến thức về Phật Giáo đã được hình thành như thế nào, trước khi giải thích giấc mơ mà nó gợi lên được cấu tạo ra sao.

Ít có nhà nghiên cứu nào ở Tây Phương tự hỏi đối tượng của tri thức được gọi là Phật Giáo đã được khởi thảo như thế nào. Câu trả lời có vẻ quá hiển nhiên, quá giản dị đến nỗi tưởng như không cần phải đặt ra: Phật Giáo hiện hữu từ khi Phật thuyết pháp và Tây phương biết Phật Giáo dần dần. Chỉ thế thôi. Chắc chắn người ta đã nhìn sơ qua các chủ thuyết tùy theo thời đại, theo nguồn thông tin, theo khả năng ngữ văn và cơ cấu tinh thần của những chứng nhân. Dù vậy, căn bản mà nói, có thể đã có một cái gì đáng gọi là "Phật Giáo" hiện diện và những người Châu Âu hiểu dần dần, như họ đã phát hiện ra những con hải sư có lông hay quần đảo Kerguelen.

Qua lăng kính những câu chuyện của du khách

Không đúng hẳn như thế. Mãi cho đến thế kỷ thứ 18, người ta chẳng cần tìm hiểu xem giáo lý của nhà Phật khác với giáo lý Bà La Môn như thế nào? Hiển nhiên là có các câu chuyện kể của những người du lịch và những nhà truyền giáo. Nhưng chẳng có nghi vấn tổng quát nào được họ đưa ra. Chẳng có ai đứng ra sưu tập những đặc tính phân tán do nhiều người quan sát khác nhau thâu lượm được khi thì được gán cho những người theo chi phái Xaca ở Nhật, khi thì quy cho các nhà sư theo đạo Fo bên Trung Hoa, lúc lại gán cho phái tu hành ở Tích Lan, cho tăng lữ ở Mông Cổ hay Tây Tạng, hoặc các nhà sư Xiêm La và sự thờ phượng thần Sommonacodom như Pierre Bayle gọi hoặc thần Sammonocodom như Voltaire nói. Phật Giáo chưa hiện hữu như một từ loại hay là đối tượng thống nhất của một tri thức khả thể. Các tác giả như Anatole Bailly hoặc Antoine Court de Gébelin muốn mở rộng một cách mông lung một hệ thống những tương đương, theo đó, Phật Giáo "cùng một thứ" như thần Thot của Ai Cập, thần Hermès của Hy Lạp, thần Visnu của Ấn Độ, thần Wotan của những người vùng Scandinave. Vào thời này, người ta xác tín rằng Phật Giáo có trước Bà La Môn giáo. Nó tượng trưng cho một hình thức thờ phượng rất cổ sơ, một loại tôn giáo cổ sơ. Nguồn gốc của nó được cho là ở Ai Cập hay ở Ethiopie hay ở Ấn Độ. Ý tưởng này nhanh chóng tan biến khi một tập hợp những tra vấn mới hình thành.

Những nhà tư tưởng Âu Châu khám phá ra Phật Giáo không phải từ một đối tượng có sẵn đột ngột xuất hiện trong khi đang nghiên cứu. Đó là một tiến trình, qua đó, đối tượng của một tri thức khả thể được kiến tạo bởi những tra vấn quy định cho nó. Phật Giáo được khám phá khi những câu hỏi sau đây được đặt ra một cách rõ ràng: Biên giới giữa thực tế lịch sử và chuyện hoang đường nằm ở đâu trong các tiểu sử về Đức Phật? Vào những lúc nào và bằng các con đường nào mà từ nơi khai sinh là Ấn Độ, tư tưởng Phật Giáo truyền bá đến những xứ Á Châu khác nhau và hiện giờ vẫn

còn tồn tại? Những luận điểm mà quanh đó các khía cạnh đạo đức, tôn giáo cho đến triết học đan kết với nhau là gì? Chung quanh những điểm nào mà các phần kiến tạo của các chi phái hoặc trường phái Phật Giáo khác nhau vận động. (Trả lời) những câu hỏi đó đưa đến việc hình thành ngành Phật giáo học (bouddhologie). Các tra vấn này vạch ra một lãnh vực nghiên cứu khác với các định kiến của những phái bộ truyền giáo và khách du lịch. Những định kiến này quan tâm đến tương quan giữa Phật Giáo với "tôn giáo nguyên thủy" hoặc với "mặc khải nguyên thủy," là giải thích sự ra đời và ý nghĩa của sự sùng bái nó, giả thiết cho rằng Phật Giáo có trước Bà La Môn giáo, và những liên hệ căn bản mà nó có với truyền thống Ai Cập hoặc với một huyền thoại nào đó được xem như người sáng lập, vân vân. (Nhưng rồi) tất cả những điều này biến mất. Biến mất khi nào? Khoảng chừng vào năm 1820.

Lúc này, cuộc nghiên cứu rời bỏ chân trời huyền thoại để đi vào không gian lịch sử. Người ta bắt đầu sử dụng một từ cho đến lúc đó vẫn chưa hiện hữu: bouddhisme. Từ này chưa hề được dùng đến trong bất kỳ ngôn ngữ nào ở châu Âu. Sự ra đời của nó là dấu chỉ cho một đối tượng tri thức mới, đến lúc đó còn vắng mặt. Ở Pháp, Michel Jean Francois Ozeray dùng từ bouddhisme từ năm 1817; Benjamin Constant dùng từ "bouddhaisme" năm 1827; Eugène Burnouf và Christian Lassen dùng từ "bouddhisme" năm 1826 trong tác phẩm "Essai sur le pali." Từ "buddhism" xuất hiện lần đầu trong Anh ngữ qua tựa đề của một tác phẩm của Edward Upham "The History & Doctrine of Buddhism", năm 1829, nhưng người ta đã dùng từ này từ nhiều năm trước đó. Ở Đức, năm 1819, Schopenauer dùng "bouddhaismus," từ còn được dùng cho đến giữa thế kỷ 19, trước khi được thay thế hẳn bởi một từ khác của Hégel được ông sử dụng từ năm 1827: buddhismus."

Cơn ác mộng hư vô hóa

Việc khám phá ra Phật Giáo trước hết bắt nguồn từ sự phát triển của phương pháp đối chiếu, là thứ lý thuyết pha trộn các quy phạm đông phương học riêng biệt. Do sự truyền bá giáo lý Phật Giáo ra khắp Á Châu, và vì sự biến mất của nó ở Ấn Độ vào thế kỷ thứ 11, việc xác định mốc điểm đòi hỏi những tài liệu so sánh từ nhiều lĩnh vực: Trung Hoa học, Tây Tạng học, Nhật học và Mông Cổ học. Những luận điểm Phật Giáo viết bằng tiếng *sanskrit* được Brian tìm thấy ở Népal trong thập kỷ 1820; cùng thời, Burnouf và Lassen đọc được tiếng pali và Jean-Pierre Abel-Rémusat nghiên cứu những bản kinh văn Phật Giáo Trung Quốc; không lâu sau đó, nhà nghiên cứu Hung Alexandre Csoma de Koros học được tiếng Tây Tạng. Đó là một khúc quanh, dẫn Âu Châu từ chỗ mê mờ đến chỗ sáng tỏ.

Phải nhấn mạnh rằng, so với Bà La Môn, việc khám phá ra Phật Giáo quả là chậm trễ biết bao. Có đến nửa thế kỷ cách nhau trong sự nghiên cứu hai tư tưởng, cả về thời kỳ xuất hiện những công trình nghiên cứu nền tảng – 1785-1810 với Bà La Môn, 1835-1850 đối với Phật Giáo – cũng như đối với thời kỳ mà sự hiện diện của nó đạt đến cao điểm trong những cuộc tranh luận tư tưởng. Ngoài ra, sự khám phá Phật Giáo tiến triển từ thời gian gần hơn trở về thời xa xưa hơn. Kiến thức Âu Châu càng đi trực tiếp đến cội nguồn tư tưởng Bà La Môn bao nhiêu thì con đường khám phá Phật Giáo lại diễn ra theo một trật tự ngược với lịch sử phát triển thực sự của nó bấy nhiêu. Người ta bắt đầu nghiên cứu Phật Giáo ở những quốc gia mà tư tưởng Phật Giáo truyền đến chậm (kinh văn Mông Cổ, Nhật, Tây Tạng, Trung Hoa) rồi mới tiến đến những kinh văn cổ xưa hơn, như kinh điển *pali* chỉ thực sự được khám phá sau năm 1880.

Cuối cùng và đặc biệt là, sự khám phá này khiến người ta vô cùng sửng sốt. Những trường phái lý thuyết Bà La Môn giáo, dù khác biệt nhau, đã có thể dành cho những người theo chủ nghĩa lãng mạn Đức những luận điểm gần gũi với các nguyện vọng riêng của họ qua những gì liên hệ tới tương quan giữa bản ngã và tuyệt đối, tới vấn đề phiếm thần hoặc là vấn đề trực giác tri thức. Phật Giáo không thích hợp với những định danh đó. Nó hiện diện trước hết như một lý thuyết làm rối tung lên những phạm trù triết học, phá vỡ những luận điểm căn bản của siêu hình học, mà chủ yếu là sự hiện hữu của chủ thể hay là sự phân biệt giữa hữu thể và vô thể.

Không có gì trong tất cả điều này đủ để giải nghĩa nỗi kinh hoàng đã xâm chiếm Âu Châu lúc bấy giờ. Thực ra, Phật Giáo đã gây nên sợ hãi từ lâu rồi. Rất nhiều nhà tư tưởng tìm thấy ở đó một mối nguy hiểm không tên. Họ cho ông Phật là dấu hiệu của một cơn ác mộng. Nền tảng lý thuyết của ngài, theo họ, là một khát vọng về hư vô, là cái gì bất khả vì tinh thần con người không thể mong muốn đánh mất chính nó. Dẫu vậy, Phật Giáo là có thật: nó xuất hiện cùng thời với văn minh Hy Lạp, số môn đệ của nó vượt xa con số những người theo Thiên Chúa giáo. Khó mà

không kính trọng đạo lý của nó, lại càng không dễ gì đưa nó vào trong một hình thức thần học nào đó. Sự hiện hữu của Phật Giáo gợi nên một cơn mộng dữ. Điều đó giải thích nỗi kinh hoàng (của họ): một điều bất khả, lẽ ra không thể hiện hữu, lại được xác nhận và hiện diện khắp nơi.

Những khuôn mặt thiên thần mới

Giờ thì chúng ta hoàn toàn quên lãng nỗi khiếp sợ xưa cũ này rồi. Tuy thế, ta tìm thấy nhiều chỉ dấu khác biệt về nỗi sợ hãi đó ở các triết gia Đức – Hegel, Schelling, Schopenhauer, Nietzsche và những người khác. Nó cũng để lại dấu vết nơi những người Pháp, từ Cousin cho đến Renouvier, xuyên qua Quinet, Taine, và Renan. Nói chung, dù hơn dù kém, họ đã đặt Niết bàn gần với hư vô, đã xem Phật Giáo như một thứ hư vô chủ nghĩa, đã gắn liền Phật Giáo với chủ nghĩa yếm thế. Có thể trưng dẫn hàng trăm thí dụ. Hégel, trong những phiên bản năm 1827 và năm 1830 của tác phẩm "Encyclopédie" (Bách khoa), trình bày ở đoạn 87: "Hư vô, mà những người theo đạo Phật tôn làm nguyên tắc của mọi sự, là mục đích tối hậu và cứu cánh tối hậu của mọi sự." Trong "Lecons sur la philosophie de la religion," ông giải thích rằng, đối với Phật Giáo, "con người phải tự biến thành hư vô"[3], thừa nhận "sự bình an vĩnh cửu của hư vô"[4]. Tiếp đó, những triết gia xem thứ lý thuyết được truyền giảng bởi một người mà Edgar Quinet đặt tên là "Vị Chúa vĩ đại của cái không" (Le grand Christ du vide) là một thứ "chủ nghĩa cuồng tín hư vô"[5]. Riêng Ernest Renan thì kết luận rằng thứ tôn giáo không thể nhận thức được này "gán cho đời sống một mục tiêu tối cao là hư vô," cái "bộ máy tạo khoảng trống trong tâm linh" này là chỉ dấu rằng có sự hiện hữu của một "giáo hội của hư vô chủ nghĩa"[6].

Schopenhauer không đắn đo ca tụng sự "phù hợp kỳ diệu" giữa Phật Giáo và chủ nghĩa yếm thế riêng của ông. Còn Nietzche thì tố cáo Phật Giáo là nỗi "hoài vọng về hư vô"[7], là "sự phủ nhận tính minh triết của bi kịch"[8]. Ông thống trách sự "suy nhược ý chí" dẫn đến chỗ trốn chạy đau khổ, do đó, không cam chịu mà cũng không yêu thương đời sống, và đặc biệt phê phán niết bàn, tức là cái "hư vô đông phương," mà theo ông là cốt lõi của một tư tưởng còn yếm thế hơn cả Schopenhauer. Dù có một số nét đúng đắn và dịu dàng, theo Nietzche, Phật Giáo chẳng khác gì là một "phủ nhận toàn diện thế giới"[9]. Vậy thì cần phải cho Phật Giáo một "phát súng ân huệ" nếu chúng ta muốn tìm thấy ý nghĩa bi kịch của cuộc sống. Nietzche bảo "Chỉ có bi kịch mới có thể cứu chuộc chúng ta khỏi Phật Giáo." Nhiều bài viết khác cũng đáng được nêu lên. Chẳng hạn như những bài viết của Mainlander và của Von Hartmann, trong giòng tư tưởng của Schopenhauer. Những bài của Schelling trong "Triết học về huyền thoại" (Philosophie de la Mythologie). Những bài của các tác giả Pháp như Cousin, Quinet, Taine, Comte, Gobineau, Amiel hay Renouvier, đáng kể nhất là trong "Triết học phân tích về lịch sử" (La philosophie analytique de l'histoire).

Rõ ràng là tất cả đều được nói ra một cách minh bạch, như trắng với đen. Chỉ cần chịu khó lục lọi trong đống hồ sơ lưu trữ. "Trong khi mâu thuẫn với tất cả thiên tính của chúng ta, Phật Giáo lại có sức lôi cuốn độc hại mà ta không hiểu rõ," Renan nhấn mạnh. Jules Barthélemy Saint-Hilaire, giáo sư đại học Collège de France, bạn thân của Victor Cousin, bộ trưởng tương lai của chính phủ Jules Ferry, là một tác giả nổi tiếng khi còn sống. Trong "Bouddha et sa religion" xuất bản năm 1862, ông xác định rằng các giáo thuyết của Phật thực là "đáng thương hại và phi lý." Hệ thống lý luận của ngài là "gớm ghiếc," dựa trên những "nguyên tắc buồn bã," đầy những "lầm lẫn kỳ quái." Mang "ý nghĩa sầu thảm," nó dẫn đến một cuộc "tự sát về đạo lý." Tóm lại, đó là một tôn giáo "ghê tởm nhất." Không thể nửa vời được: "Chỉ có một sự lên án toàn diện thì mới cân xứng."

Nỗi sợ hãi đó không chỉ riêng ở Pháp. Max Muller, dạy tiếng Phạn tại đại học Oxford, thảo ra một bản tường trình dài về tác phẩm của Barthélemy: "Như người ta đòi hỏi chúng tôi về

điều đó, tin rằng có một nửa nhân loại đã từng muốn hư vô hoàn toàn đưa ta đến chỗ hầu như phải tin rằng có sự khác nhau về chủng loại giữa hai loại người." Ở Tây Ban Nha, Garcia Ayuso công bố một tập sách nhỏ nhan đề "Cõi niết bàn Phật Giáo và những tương quan của nó với các hệ thống triết học khác" (Le nirvana bouddhiste et ses relations avec d'autres systèmes philosophiques) – tức là các hệ thống tư tưởng của Schopenauer và của von Hartmann. Ông viết "Đạo đức và siêu hình của Thích Ca quá nghèo nàn và các lý thuyết của ông ta là quá lạt lẽo và nói chung, quá thiếu nền tảng đến nỗi sự truyền bá giáo lý mạnh mẽ của ông ta chỉ có thể thực hiện được ở nơi các dân tộc đã suy đồi."

Trong sự bối rối về tư tưởng do Phật Giáo gây ra tại Âu Châu thế kỷ thứ 19, thì hư vô chủ nghĩa hóa ra là sợi chỉ dẫn đường đáng tin cậy. Xoay quanh vấn đề hư vô và những ý nghĩa khác nhau của nó đã hình thành nên cơn mộng dữ mà Phật Giáo đóng vai trò trung tâm. Việc sáng lập ra sự "thờ phượng hư vô" khó mà quan niệm được ấy phần nào dính líu đến việc khởi thảo hư vô chủ nghĩa trong tư tưởng triết học Tây phương gần đây. Dính dự vào đó là những vấn nạn mà Phật Giáo và những nghịch lý của nó gợi lên: đó là một tôn giáo thiếu vắng Thượng Đế, một con đường giải thoát không mang tính bất tử, một trạng thái an lạc thiếu nội dung, một luật tắc tách ra khỏi ngôi lời[10], một thứ đạo lý bị tước bỏ siêu việt tính. Góp phần vào đó cũng còn là các phương pháp khám phá kỳ quái và hậu quả chính của nó: tính uyển chuyển bền vững[11] của một lý thuyết bị hiểu sai, vốn chỉ được soi sáng bằng những mảnh vụn nắm bắt được trong sự hỗn độn, do tưởng tượng hơn là xem xét kỹ lưỡng, rồi tái tạo và hoàn tất bằng hư cấu hơn là bằng khoa học. Rốt cuộc, sự khám phá ra Phật Giáo đã là một yếu tố xúc tác. Những hình tượng chính yếu của hư vô chủ nghĩa được xác định và tinh luyện nhờ Phật Giáo trong những suy tưởng về các nghịch lý của nó. Tưởng đang nói về Phật, lúc bấy giờ người Âu Châu chỉ nói về chính họ. Họ góp vào Á Châu những thiên kiến của họ, phóng rọi lên đó sự sợ hãi hoặc nỗi phân vân của họ.

Có một biểu hiện bất thường: một tri thức mới đã tạo ra một cơn mê sảng mới. Trong lúc một ngành khoa học mới xuất hiện thường cắt đứt hẳn với một quá khứ đã trở thành vô ích và mơ hồ thì ngược lại, các công trình của những nhà đông phương học đã không xóa đi được những ảo tưởng xưa cũ. Như một trò chơi kỳ quặc, những dữ kiện được xây dựng vững chắc đã lại nuôi dưỡng những cơn ác mộng quái đản. Sự xuất hiện và phát triển kiến thức bác học về Phật Giáo đã giúp hình thành thêm nhiều ảo ảnh. Trong khi những nhà ngữ học, bắt đầu từ các tác phẩm lưu lạc đó đây, tìm cách xây dựng từng dòng một ý nghĩa khả thể của những văn bản và tái tạo lịch sử của Phật Giáo và các đặc trưng tư tưởng của nó, thì nơi những nhà triết học lại hình thành nên một hình ảnh khác, đầy mâu thuẫn và rối loạn, thứ hình ảnh của "thờ phượng hư vô." Hình ảnh này không phải hoàn toàn bịa đặt, mà được tạo ra từ những chất liệu do chính những nhà đông phương học cung cấp. Cũng giống như những hình tượng của giấc mơ được bố trí khác hẳn với những yếu tố cung cấp từ hiện thực, đến mức khiến cho những ráp nối ấy biến thành quái gở và đầy đe dọa, thì những giấc mơ xã hội này phân tán những dữ kiện của ngành đông phương học đến nỗi rút ra từ đó những điều khác hẳn.

Hình ảnh mà hôm nay chúng ta có về Phật Giáo rõ ràng quy hướng theo một cách khác. Tích cực, an nhiên, giải thoát. Những vị thiền sư Nhật, những đại sư Tây Tạng xuất hiện giữa chúng ta như những kẻ bảo tồn các nguồn suối tri thức có thể giúp phục hồi, ngay cả cứu chuộc, thế giới già cỗi của chúng ta. Hay ít nhất cũng cứu vớt đời sống cá nhân già cỗi của chúng ta. Tuy nhiên, khi người ta đã chìm đắm quá lâu trong cơn ác mộng của thế kỷ 19, thật khó tự mình giải thoát khỏi nỗi hiềm nghi. Chúng ta đã không từng thay thế các con ngáo ộp quá khứ[12] bằng những khuôn mặt thiên thần đó sao? Chúng ta đã không từng thay ngay vào chỗ của những phật tử tôn sùng hư vô thuở xưa bằng những vị lạt ma được xem như là bảo đảm một sự tinh khiết mới đó sao? Khi đảo ngược những cực đối lập của giấc mơ, liệu chúng ta có thoát ra khỏi nó không?

1 excroissance de rêve
2 Những cụm từ nằm trong ngoặc đơn là do chúng tôi thêm vào cho rõ nghĩa
3 Nguyên văn: l'homme doit se faire néant
4 Nguyên văn: l'éternelle paix du néant
5 fanatisme du néant
6 Eglise du nihilisme
7 nostalgie du néant
8 sagesse du tragique
9 vaste "négation du monde"
10 parole divine
11 plasticité durable
12 épouvantails d'hier

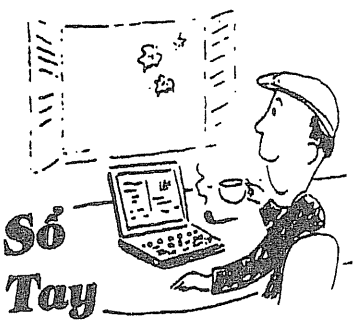

NGÔ NHÂN DỤNG

KINH TẾ MỸ LÊN, SAO DÂN VẪN CHƯA HÀI LÒNG?

Trong một năm bầu cử tổng thống, đáng lẽ tình trạng kinh tế đang lên phải bảo đảm vị tổng thống đương nhiệm sẽ được dân ủng hộ. Nhưng hiện nay các cuộc nghiên cứu dư luận cho thấy dân Mỹ không cho Tổng thống George W. Bush điểm cao về kinh tế. Cuộc thăm dò của Nhật báo *Wall Street* và đài NBC vào tháng Sáu cho thấy 46 phần trăm dân Mỹ ủng hộ cách ông Bush điều hành về kinh tế, với 49 phần trăm chống. Tờ báo này cho thấy sự phục hồi của kinh tế Mỹ trong hai năm rưỡi vừa qua "nghiêng về phía những người Mỹ có lợi tức cao nhất," còn những người trung lưu và lợi tức thấp không được bao nhiêu.

Sự hồi phục biểu hiện rõ ràng nhất trên hai lãnh vực là lợi nhuận các xí nghiệp tăng khiến giá cổ phần trên thị trường chứng khoán cũng lên từ hai năm nay, cả hai đều lợi cho những người thuộc lớp giầu nhất nước. Ngược lại, tiền lương của những người lao động thì không tăng, mà nếu tính cả ảnh hưởng của lạm phát thì lương bổng công nhân Mỹ lại giảm. Chính phủ Bush hai lần cắt giảm suất thuế, năm 2001 và 2003, nhưng lợi ích của những lần cắt thuế đó phần lớn cho người giầu được hưởng, nhất là cắt bớt thuế đánh trên cổ tức (tiền lời các công ty trả cho chủ nhân các cổ phần) và lợi tức đầu tư, do do bán các cổ phần hoặc trái phiếu được giá cao hơn lúc mua.

Khi suất thuế đánh trên cổ tức xuống một nửa và tính từ đầu năm 2003, những người khá giả mới có loại lợi tức đó, họ được hưởng. Tổng số cổ tức ở nước Mỹ đã tăng thêm 11 phần trăm thành ba tỉ mỹ kim kể từ cuối năm 2002. Cổ tức lên nhiều nhờ lợi nhuận các xí nghiệp tăng, và giá các cổ phần cũng tăng theo, những người làm chủ cổ phần giầu thêm. Lợi nhuận các công ty tăng 42 phần trăm kể từ đầu năm 2002, trong khi đó lương bổng người làm việc chỉ tăng được hơn 6 phần trăm. Tính chung, tiền công mỗi giờ ở Mỹ tăng với tỷ lệ 1.9 phần trăm một năm kể từ tháng Tám năm ngoái, tức là từ lúc thị trường nhân dụng khá hơn. Từ đó tới nay, cả nước Mỹ đã tạo được thêm một triệu rưỡi công ăn việc làm. Nhưng trong lúc lương tăng được dưới 2 phần trăm như vậy, thì giá sinh hoạt lại tăng thêm với tỷ lệ 3.3 phần trăm một năm. Nghĩa là khả năng tiêu thụ, mãi lực của người lao động ở Mỹ thật sự đã giảm. Khi giá xăng và thực phẩm tăng lên thì giới lao động và lợi tức thấp chịu thiệt thòi hơn người khá giả, vì hai món này chiếm tỷ lệ rất lớn trong ngân sách chi tiêu các gia đình nghèo, còn trong lớp người khá giả thì hai món đó không đáng kể. Riêng trong tháng Sáu vừa qua, tiền lương của công nhân không thuộc giới quản đốc đã giảm 2.6 phần trăm so với tháng Sáu năm ngoái. Trong khi đó, giới quản đốc thấy lợi tức của họ tăng thêm trên 20 phần trăm trong năm qua, so với năm ngoái. Trong quá khứ, mỗi lần kinh tế phục hồi thì lương bổng giới lao động cũng được tăng vì số người thất nghiệp giảm, ai đi làm cũng có thể tạo áp lực đòi tăng lương. Năm nay thì khác. Vì tỷ lệ thất nghiệp vẫn cao, các công ty khởi sự mướn thêm người cũng chỉ mướn những người lao động lương thấp và bán thời gian, như ở tiệm ăn hoặc bán lẻ.

Chính sách cắt giảm thuế hai lần nghiêng về phía người giầu không thúc đẩy tiêu thụ để kích thích kinh tế như khi giảm thuế cho người nghèo. Những người khá giả có thêm tiền thì cũng không làm gia tăng ngay số đầu tư, mở mang xí nghiệp và tạo thêm công việc. Các khách sạn sang tăng số thu nhập 11 phần trăm trong khi các motel nhỏ chỉ tăng được 3 phần trăm. Cửa hàng sang Bulgari bán những vòng vàng gắn kim cương với giá 5000 đô la thấy số thu nhập tăng 22 phần trăm trong ba tháng đầu năm nay. Cửa hàng quần áo sang Neiman Marcus tăng thu nhập hơn 13 phần trăm. Ở đó quý vị có thể mua những đôi giầy giá 500 đô la. Nhưng công ty Wall Mart bán hàng rẻ thì trong tháng Sáu số thu chỉ tăng 2.2 phần trăm so với năm ngoái. Số thu của công ty Payless Shoe giảm 1 phần trăm dưới số năm ngoái. Thị trường xe hơi cũng vậy. Những xe sang bán được nhiều hơn, xe bình dân bán ít đi.

Các nhà kinh tế chia các gia đình ở Mỹ làm năm tầng, mỗi tầng 20 phần trăm dân số, từ lợi tức thấp nhất đến cao nhất. Tầng lợi tức thấp nhất được hưởng một phần ngàn số tiền thuế

được giảm cho cả nước. Tầng ở trên hưởng hơn 2 phần trăm, tầng thứ ba được hơn 7 phần trăm. Nghĩa là 60 phần trăm dân số được hưởng dưới 10 phần trăm số thuế mà chính phủ không thu nữa. Tầng trên cùng, 20 phần trăm những người giầu nhất, được hưởng 77 phần trăm số tiền thuế cắt giảm, còn 14 phần trăm cho lớp còn lại, những gia đình trung lưu. Nếu sáu mươi phần trăm dân Mỹ thấy kinh tế tăng trưởng mà đời sống của họ không khá hơn, chúng ta có thể hiểu được tại sao.

ĐẢNG DÂN CHỦ MUỐN ĐÓNG VAI ÔNG BỐ LẠC QUAN

Lâu nay dân Mỹ nhìn đảng Dân Chủ như một bà mẹ, đảng Cộng Hòa có vẻ một ông bố. Đảng Cộng Hòa được tiếng là cứng rắn hơn trong chính sách ngoại giao, mạnh bạo về quốc phòng, và Tổng thống Bush hiện nay chỉ được điểm tốt (trên 50 phần trăm dân ủng hộ) trong vấn đề chống khủng bố. Đại hội đảng Dân Chủ ở Boston vào cuối tháng Bẩy tìm cách thay đổi hình ảnh cũ. Họ mời được 12 vị tướng hải, lục, không quân đến ủng hộ ứng cử viên John Kerry, trong đó có hai cựu tham mưu trưởng liên quân. Ông Kerry được nhắc đến nhiều lần với thành tích tình nguyện nhập ngũ và tình nguyện rời bỏ chiến hạm ngoài khơi Việt Nam để xung phong đi đánh trận với các giang thuyền tuần tiễu. Cựu Tổng thống Clinton ngày đầu tiên đại hội đã ca tụng việc tình nguyện nhập ngũ của ông Kerry, so sánh với những người tìm cách tránh né như chính ông Clinton, ông Bush và ông Cheney.

Một hình ảnh khác mà đại hội đảng Dân Chủ muốn xây dựng trong đại hội vừa qua là thái độ ôn hòa trong các vấn đề văn hóa xã hội và lạc quan về kinh tế. Hai ông Kerry và Edwards vẫn nêu tình trạng thất nghiệp còn cao và lợi tức của người nghèo không lên kịp lạm phát làm đề tài chỉ trích chính phủ Bush. Vì vậy, phe Cộng Hòa đã gắn cho họ nhãn hiệu "bi quan." Ở đại hội Boston hai ứng cử viên Dân Chủ đã tìm cách cho thấy họ lạc quan về tương lai kinh tế Mỹ – nếu dân bầu cho họ.

Trong mấy ngày đại hội đảng Dân Chủ không diễn giả nào lên tiếng hỏi Tổng thống Bush "Những vũ khí hủy diệt tập thể đâu?" Cũng không ai nhắc đến các hình ảnh tra tấn tù nhân Iraq trong nhà tù Abu Ghraib. Bài diễn văn quan trọng nhất của ông John Kerry chỉ nói đến tên ông Bush hai lần, một lần để kêu gọi hai bên đừng tranh cử một cách tiêu cực, không nên chỉ trích lẫn nhau. Tại sao các nhà chính trị đảng Dân Chủ lại ôn hòa như vậy? Bởi vì họ không muốn làm phật lòng một mảng cử tri rất quan trọng, những cử tri có thể ngả nghiêng thay đổi ý kiến, ở những tiểu bang có thể nghiêng ngửa chưa biết ai hơn ai. Mặc dù hơn trăm triệu cử tri Mỹ được đi bầu, nhưng các cử tri ở 17, 18 tiểu bang bất phân thắng bại sẽ quyết định giữa ông Bush và ông Kerry ai sẽ được 270 phiếu cử tri đoàn trở lên để làm vị tổng thống sắp tới. Bắt mạch các cử tri đang nghiêng ngửa, rồi bốc đúng thuốc cho họ là chìa khóa thành công.

Vì vậy trong đại hội Boston tháng qua, đảng Dân Chủ chưa bao giờ đoàn kết như vậy. Họ đoàn kết vì những tiếng nói "cực đoan" cứ im thin thít. Những người này không muốn làm mất không khí ôn hòa của đại hội, vì họ ghét ông Bush đến nỗi có thể hy sinh nhịn nói về các đề tài họ thích nhất, miễn là giúp cho ông Kerry đắc cử. Ở Mỹ đã có nhà hài hước nói rằng "Tôi không thuộc tổ chức chính trị nào cả. Tôi trong đảng Dân Chủ!" Nhưng kỳ đại hội này phải nói là được tổ chức rất kỹ, rất kỷ luật.

Đảng Dân Chủ kỳ này không mấy hy vọng chiếm được sáu phiếu cử tri đoàn của tiểu bang Kansas. Đa số trong hơn 2.6 triệu dân chúng tiểu bang này đã nghiêng về đảng Cộng Hòa từ hơn chục năm nay. Nếu hiểu tại họ bị các chủ trương bảo thủ chinh phục thì mới biết tại sao đảng Dân Chủ chỉ đưa ra các thông điệp tích cực trong hai ngày đầu đại hội. Tác giả Thomas Frank xuất bản một cuốn sách, "What's The Matter With Kansas, ..." để giải thích phe bảo thủ đã chinh phục được trái tim dân Kansas như thế nào. Điều mà ông Frank nhận xét là dân Kansas đã bỏ phiếu theo trái tim của họ, chứ không theo cái bao tử, nghĩa là quyền lợi kinh tế. Nếu chỉ quan tâm đến các quyền lợi thì chắc nhiều người dân Kansas đã bỏ phiếu cho các ứng cử viên đảng Dân Chủ. Đảng Dân Chủ thường cổ vũ, bênh vực những người nghèo và thấp cổ bé miệng. Nhưng từ hàng chục năm qua, những người dân được coi là trung dung nhất nước Mỹ ở tiểu bang Kansas đã nghiêng về đảng Cộng Hòa vì những đề tài liên can đến tôn giáo, phong hóa. Họ không lo về lương bổng, thất nghiệp bằng chuyện chống phá thai, chống hôn nhân

đồng tính. Mới chỉ gần đây, hai năm trước dân Kansas mới bầu cho một bà thống đốc đảng Dân Chủ, vì phía Cộng Hòa chia rẽ nhau quá.

Trong cuộc bỏ phiếu bầu tổng thống Mỹ năm 2000, ông Gore thắng ở năm tiểu bang giầu nhất ở Mỹ là Connecticut, Massachsetts, New Jersey, New York và Maryland. Còn ông Bush thắng ở 14 tiểu bang nghèo nhất, trừ New Mexico nơi ông Gore thắng với 365 phiếu. Đảng Cộng Hòa đã chiếm được phiếu của những người công nhân và nông dân, vì họ ghét những vụ xì căng đan của ông Clinton. Ông Frank cho biết một quận (county) nghèo nhất nước Mỹ là McPherson ở Nebraska năm 2000 đã dồn 80 phần trăm phiếu cho ông Bush. Lý do để giải thích tình trạng đó là vấn đề văn hóa, các giá trị luân lý mà đảng Cộng Hòa luôn luôn đề cao. Trong khi đảng Dân Chủ tìm cách thu hút các cử tri chưa quyết định ở những tiểu bang ngang ngửa, thì những người bị thiệt thòi nhất là các nhóm với chủ trương cực tả trong đảng. Những người ủng hộ tự do phá thai, chống bán súng, bảo vệ môi trường bị bỏ rơi không xuất hiện trong đại hội đảng ồn ào như các năm trước.

Trong bốn tháng vận động Nghị sĩ Kerry đã trình bầy những chương trình về y tế, giáo dục, kinh tế, cho thấy ông có các chủ trương khác với Tổng thống Bush. Nói chung, ông hứa hẹn sẽ săn sóc đến giới trung lưu nhiều hơn, các người nghèo nhiều hơn. Ông hứa sẽ bỏ món cắt thuế cho những người có lợi tức trên 200 ngàn đô la một năm, để thâu lại cho ngân sách 800 tỷ bạc dùng vào y tế và giáo dục. Nhưng trong dịp đại hội ở Boston hai ông Kerry và Edwards chú trọng đến các vấn đề khủng bố và chiến tranh Iraq. Và đây là một dịp để họ chứng tỏ lập trường cứng rắn, thái độ cương quyết. Khi ra trước đại hội ông Kerry đợi cho các tràng pháo tay dịu xuống rồi đứng nghiêm, chào theo lối nhà binh, nói như lúc còn là một trung úy, "Tôi, John F. Kerry, xin trình diện làm nhiệm vụ!" Hình ảnh đó đã được tính toán rất kỹ!

Khi ông Edwards nói chuyện với đại hội, ông đưa nắm đấm lên đe dọa tổ chức al Qaeda và các nhóm khủng bố: "Mấy người sẽ không thể lẩn trốn, mấy người không chạy đâu thoát, chúng tôi sẽ tiêu diệt mấy người!" Ngày hôm sau, ông Kerry cũng lên tiếng quả quyết sẽ tiêu diệt các nhóm khủng bố quá khích, với sự hợp tác của các nước đồng minh và các nước Á rập, Hồi giáo. Ông Kerry đề nghị sẽ tăng quân số Mỹ, thêm 40,000 người. Đây có lẽ là một hành động hiếm hoi của một ứng cử viên tổng thống đảng Dân Chủ, để chứng tỏ họ không mềm yếu về quốc phòng. Ông John F. Kerry đã tới hội trường đại hội bằng thuyền, cùng với 13 cựu chiến binh đồng ngũ. Hai cựu chiến binh đã ra làm chứng cho ông Kerry tại đại hội Boston. James Rassman là người người lính biệt kích đã được Kerry cứu sống, sau khi ngã xuống sông giữa lúc bị Việt cộng trên bờ bắn xuống. Một người đồng đội cũ kể lại những giờ phút nguy hiểm mà ông Kerry chứng tỏ là người can đảm, quyết định nhanh chóng để đạt thắng lợi. Có lúc ông Kerry đã làm trái lệnh trên, cho thuyền chạy thẳng về phía địch quân, phóng thẳng vào bờ và lên bờ truy kích, mặc dù đã có lệnh không được lên bờ.

XỬ ÁN TRẦN KHUÊ, PHẠM QUẾ DƯƠNG, NGUYỄN ĐAN QUẾ

Chế độ cộng sản đang cần xin Việt Nam vào WTO, Tổ chức Mậu dịch Thế giới. Họ hiện đang lo bị các nước chống đối vì đảng đàn áp quyền làm người của dân quá đáng. Một bằng cớ là họ mới phải trả tự do cho ông Lê Chí Quang.

Tòa án ở Hà Nội lại tặng cho sử gia Phạm Quế Dương mỗi người 19 tháng tù, giống như một tòa án ở Sài Gòn đã trao cho học giả Trần Văn Khuê. Hai án tù giống hệt nhau, đưa đến kết quả giống hệt nhau, là cả hai nhà tranh đấu cho dân chủ đều sẽ được trả tự do, vì họ đã ngồi tù đủ con số 19 tháng. Mấy người chủ tọa các phiên tòa nghe lệnh trên sao thì làm đúng như vậy, không dám thay đổi, thêm hoặc bớt một, hai ngày, ít nhất để chứng tỏ mình cũng có một cái đầu, có suy nghĩ. Sau đó, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế cũng được đem ra tòa lãnh án 30 tháng tù.

Bản án các phiên tòa trong chế độ cộng sản thường được cấp trên cứu xét và định tội trước, các thẩm phán chỉ có nhiệm vụ diễn tuồng theo cốt truyện "ở trên" trao phó. Một tội danh họ đặt ra cho học giả là "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước." Nếu thật sự một người phạm tội trên thì đáng lẽ phải phạt 19 năm chứ chẳng phải 19 tháng tù! Nhưng vì đây chỉ là một tấn tuồng cho nên tòa án của nhà nước được lệnh của nhà nước xử theo nhu cầu của nhà nước, cho nên bảo 19 tháng

là 19 tháng! Bảo các ông Trần Khuê, Phạm Quế Dương lợi dụng các quyền tự do dân chủ, mà nhìn quanh có thấy cái quyền tự do, dân chủ nào đâu để lợi dụng? Như thế nào thì gọi là "xâm phạm lợi ích của nhà nước?" Nếu cái gì lợi ích cho nhà nước mà lại thiệt hại cho nhân dân, cho đất nước, thì có đáng xâm phạm hay không?

Bản cáo trạng nói rằng hai ông đã sưu tầm, lưu giữ, tán phát nhiều tài liệu "xuyên tạc, vu khống chính sách của nhà nước." Người ta có thể nói một bản văn chính sách bị xuyên tạc, còn nếu nói ai đó "vu khống" chính sách của nhà nước thì không thể hiểu được. Vu khống nghĩa là người ta không làm mà bảo người ta có làm một điều nào đó. Vu khống chính sách, phải chăng có nghĩa là chính sách của nhà nước là không định làm gì cả mà ông Trần Khuê lại vu cho nhà nước, bảo rằng họ có ý định làm một cái gì đó.

Nếu hiểu như vậy thì quả thật các ông Trần Khuê, Phạm Quế Dương mắc lỗi vu khống! Bởi vì hai năm trước đây hai ông cùng đồng bạn đã lập ra một cái hội "Nhân dân giúp đảng và nhà nước chống tham nhũng." Cái tên này hàm ý là đảng và nhà nước đang chống tham nhũng thật — nếu không thì tại sao lại giúp?

Trong chế độ cộng sản không ai hy vọng có một hệ thống tòa án độc lập. Khi họ lập ra những thủ tục như tòa án, thẩm phán, luật sư, vân vân, họ chỉ muốn diễn một tấn tuồng cho giống người ta mà thôi. Trong một bài phỏng vấn đăng trên mạng lưới VietNet ở trong nước phát đi, ông Nguyễn Trọng Tỵ, đứng đầu Luật sư đoàn Hà Nội đã mô tả cảnh tòa án như sau: "Vẫn có hiện tượng luật sư nói cứ nói còn chủ tọa phiên tòa và hội thẩm vẫn cứ nói chuyện riêng với nhau!" Mạng lưới này do đảng chỉ đạo, dẫn dắt, với mục tiêu cho thấy "có nhiều tiến bộ" ở trong nước, chứ không phải có mục đích nói xấu đảng. Nhưng họ vẫn tiết lộ hoạt cảnh tòa án như vậy đó. Nếu các quan tòa cứ mải hỏi nhau chuyện riêng, như chuyện vợ lớn, vợ nhỏ, chuyện mối làm ăn béo hay gầy, vân vân, thì sau đó họ tuyên án làm sao? Họ không nghe thì làm cách nào bác bỏ các ý kiến của luật sư? Ông Nguyễn Trọng Tỵ kể: "Cuối cùng bản án có ghi một câu, 'ý kiến của luật sư đưa ra không có căn cứ nên không chấp nhận'." Không đưa ra lý do cụ thể tại sao không có căn cứ. "Ít bản án nói đến luật sư đưa ra thế này nhưng bị văn bản A hay B nào đó bác bỏ." Các quan tòa không làm thêm những công việc đó là bởi vì có làm thêm cũng không ai tính cho lương giờ làm phụ trội. Làm quan tòa cốt ở sự nhàn nhã, ai lại đi mua lấy việc? Còn phía ủy viên đại diện cho chính phủ buộc tội thì sau khi các luật sư nói xong, chẳng biết họ có nghe không, họ chỉ cần nói một câu, vẫn theo lời ông Nguyễn Trọng Tỵ, "Việc này chúng tôi đã căn cứ vào hồ sơ và thấy đủ căn cứ nên vẫn giữ nguyên như thế!"

Nhưng, luật sư Nguyễn Trọng Tỵ cho biết ở trong nước bây giờ đang thay đổi, tiến bộ nhiều lắm. Ông bảo "Tôi biết Tòa án Tối cao đang chuẩn bị mẫu để cho các tòa án viết bản án cho rõ ràng chứ không chỉ ghi một vài câu" như trước nữa.

Như vậy thì đến tòa án tối cao cũng nhàn. Ở các nước khác các quan tòa phải đi học mòn đũng quần trên ghế trường luật. Còn ở Việt Nam không những các quan tòa được chỉ đạo phải cho mỗi bị cáo bao nhiêu năm tù, mà còn có mẫu sẵn để mà viết theo, chỉ cần điền vào những chỗ trống cho hợp với từng vụ án, chỉ cần viết đúng tên người và số năm khỏi lộn mà thôi! Mà như vậy được coi là một tiến bộ đấy nhé! Ở tòa án Sài Gòn ngày xưa, công tác đó được trao cho những tư nhân, gọi là nghề viết đơn mướn, nhưng các luật gia tự đào tạo ngày xưa đó làm việc vất vả hơn các quan tòa ngày nay nhiều mới có miếng ăn.

TÒA ÁN CĂNG GU RU

Lối xử án mì ăn liền như vậy trên thế giới người ta gọi là "Tòa án Căng gu ru." Không biết tại sao loài người lại đi lăng mạ con đại thử, tức "kangaroo," một con vật biểu tượng của Úc châu bằng cách đặt tên đó.

"Tòa án căng gu ru" bây giờ đã trở thành một tên quốc tế. Mặc dù căng gu ru ở đầy xứ Úc, các nhà ngữ học Úc châu từ chối vinh dự dân họ đặt ra tên loại tòa án đó. Người ta biết mấy cữ 'Tòa án căng gu ru" được nhắc tới lần đầu vào giữa thế kỷ 19, trong thời có cuộc chạy đua tìm vàng ở California! Lần đầu tiên tên gọi này được viết trên giấy là năm 1853.

Nhưng khi nói tới Tòa án căng gu ru, ai cũng hiểu đó là một vụ đem người ra xét xử coi bề ngoài giống như một phiên tòa, nhưng bất chấp pháp luật. Những người đi tìm vàng ở California 150 năm trước, khi bắt được một người bị tố cáo là chiếm chỗ đất mà người khác đã "xí phần" thì họ thường họp nhau lại đem "bị cáo" ra xử,

theo áp lực của đám đông chứ không có luật lệ nào, không cần thủ tục, không có luật sư, cũng không cần nhân chứng. Những phiên tòa xử các ông Trần Khuê, Phạm Quế Dương, và Bác sĩ Nguyễn Đan Quế xứng đáng gọi là "Tòa án Căng gu ru." Vì các người chủ tọa phiên tòa chỉ biết nghe trên bảo sao thì xử vậy, không cần biết gì đến luật lệ. Những phiên tòa xử Giáo sư Nguyễn Đình Huy, các ông Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn cũng đã diễn ra theo phong cách căng gu ru như vậy. Trong phiên xử sơ thẩm ông Nguyễn Vũ Bình, một nhà báo cộng sản muốn góp ý kiến để làm cho đảng sạch sẽ hơn, bà vợ ông được mời đến một phòng xử ngồi đợi, nhưng phiên tòa xét xử chồng bà lại diễn ra ở một phòng khác! Cả hệ thống pháp luật được đem ra để đánh lừa một phụ nữ hiền lành! Thật khó có nước nào phong cách căng gu ru ở trình độ cao như hệ thống tư pháp nước Việt Nam! Các ông Trần Khuê, Phạm Quế Dương, Nguyễn Đan Quế trước đây đã bị ghép cho những tội to lớn như "gián điệp," cuối cùng bị xét xử như những người "lạm dụng những quyền tự do, dân chủ." Chỉ mới nêu ra ý kiến lập một hội chống tham nhũng, mà lại nói rõ "giúp đảng và nhà nước chống tham nhũng" mà đảng với nhà nước lại bắt tội! Thế thì còn ai dám chống tham nhũng nữa? Ông Phan Văn Khải đến một hội nghị giáo dục, mới kêu gọi dân Việt Nam "cùng chính phủ tìm ra đúng nguyên nhân, khắc phục những yếu kém, thúc đẩy giáo dục nước nhà." Bây giờ nếu các ông Khuê, ông Dương, ông Quế mà bàn nhau làm ra một cái hội giúp nhà nước khắc phục sự suy đồi của giáo dục Việt Nam, chắc họ lại được thêm mỗi người 19 tháng tù nữa!

Chúng tôi xin xác nhận mình không có ý nói xấu tất cả các vị quan tòa ở Việt Nam. Họ có thể là những người rất đáng kính trọng trong đời tư; có thể là những người chăm chỉ, hiền lành, sống trung hậu vì đã được cha mẹ dậy dỗ đàng hoàng. Nhưng họ có cái tật là tuyệt đối trung thành với đảng Cộng Sản, chăm chắm làm đúng bổn phận đảng viên đối với đảng. Họ đã chủ tọa các phiên tòa theo phong cách căng gu ru, đưa ra những bản án căng gu ru, vì tất cả hệ thống pháp lý của chế độ cộng sản, từ Nga sô, Trung Quốc, đến Việt Nam, hoàn toàn theo phong cách căng gu ru, một cách không còn chút liêm sỉ nào.

Khi tra cứu để hiểu chữ "kangooroo" trên mạng lưới Google, tôi đã tìm được một câu chuyện tòa án căng gu ru xẩy ra ở Việt Nam, trong một tài liệu của Cơ quan Phát triển Liên Hiệp Quốc. Đây là một dịp hiếm hoi mà người Việt Nam, nước Việt Nam được nhắc đến làm thí dụ về một vấn đề ngôn ngữ cho cả thế giới đọc.

Câu chuyện bắt đầu năm 1992, ở Tuyên Quang. Có hai công an mặc thường phục đi xe đụng một em bé con trai 10 tuổi. Sau đó xẩy ra một vụ ẩu đả giữa gia đình em bé và nhiều tay công an. Một người trong gia đình bị đánh ngất đi. Sáu người trong gia đình em bé bị truy tố ra tòa về tội làm mất trật tự. Họ có luật sư nhưng tòa không cho luật sư nào biện hộ. Công an đã đọc trước tòa một bản lời khai của các "nhân chứng," các nhân chứng này không có mặt tại tòa. Gia đình nạn nhân đưa hai nhân chứng khác tới phản đối những lời khai trong bản báo cáo là sai sự thật, nhưng tòa bỏ qua. Sau đó sáu "bị can" bị phạt mỗi người ba tháng tù treo.

Trong đám sáu bị can có một cô giáo, cô này đã đậu cử nhân luật, cô lên tiếng phản đối phiên tòa không hợp lệ. Cô bị đánh ngay trong phòng xử án, cho tới lúc cô cũng ngất sỉu. Tòa ra lệnh đưa cô trở lại phòng giam để thẩm vấn thêm, nhưng đêm hôm đó cô được tha.

Câu chuyện tưởng là yên, cho tới ba năm sau, 1995, cô giáo trên bị công an đến tận trường bắt. Sau đó, cô lại bị truy tố, đem ra tòa xử, và bị kết án sáu tháng tù vì cái tội ba năm trước đã gây mất trật tự trong tòa. Cô vẫn phản đối cung cách phiên xử trái luật, nhưng tòa án làm ngơ!

Câu chuyện trên, do ông Trần Đình Hoành kể lại, được ghi vào tài liệu của UNPD, rồi được công ty Google nêu lên làm thí dụ về Tòa Án Căng Gu Ru, sẽ tạo thêm "danh giá" cho hệ thống tư pháp Việt Nam, cả thế giới phải biết đến. Dân tộc Việt Nam bốn ngàn năm văn hiến sẽ được khen ngợi là có nền tư pháp căng gu ru nhất thế giới!

NHỮNG TÙ LỚN HÀNH HẠ TÙ NHỎ

Tội nghiệp cho những con kanguru (người Mỹ viết là kangaroo) khi chúng bị đem gán ghép với những phiên tòa giả mạo! Tên gọi "tòa án kanguru" được dùng tại Mỹ nhiều nhất ở trong nhà tù. Trong đó, các tù nhân cũng lâu lâu đem nhau ra xét xử. Nhưng họ vốn là những người vốn không tôn trọng pháp luật lắm; cho nên các bản án do các phiên tòa kanguru phán quyết thường do các tay tù lớn làm trùm ở trong tù ra lệnh. Trong nhà tù nào cũng có cấp

bậc, tù dân khác với tù quan, tù cậu ăn trên tù đầy tớ. Lệnh các cậu bảo sao thì phiên tòa kanguru sẽ phán đúng như vậy! Cảnh này thực cũng chẳng khác gì hệ thống tư pháp ở nước ta bây giờ.

Nhiều người vẫn nói nước Việt Nam là một nhà tù lớn. Chúng ta chỉ cần đọc *Chuyện kể năm 2000* của Bùi Ngọc Tấn là hiểu ý nghĩa câu đó. Nhà văn sau khi được trại cải tạo thả ra, mới thấy sống trong cái nhà tù lớn nó cực hơn là sống trong nhà tù nhỏ!

Trong nước ta bây giờ, chính các lãnh tụ của đảng cầm quyền đang tự bỏ tù họ. Họ đóng cửa thật kỹ không dám mở ra cho các ý kiến, tư tưởng tiến bộ tràn vào trong nước. Họ muốn người Việt ở nước ngoài đem tiền về đầu tư nhưng lại sợ tự do kinh doanh làm cho địa vị các quan chức xuống vì các quan chỉ quen ra lệnh chứ không biết làm ăn.

Nội bộ đảng thì chỉ rình xâu xé nhau, bới móc nhau. Những vụ Sáu Sứ, vụ Tổng cục 2 lâu lâu lại được đem ra chiên xào lại. Lúc nào họ cũng nhòm ngó lẫn nhau, để coi thằng nào sắp ăn thịt thằng nào về tội tham nhũng. Vì bất cứ lúc nào, bất cứ ai cũng có thể bị buộc tội đó hết! Họ sợ. Lãnh tụ sợ mà các đảng viên cao cấp nào cũng sợ! Rút cục, các lãnh tụ và đảng viên cộng sản đang ở trong cái nhà tù kiên cố do họ dựng lên, nhà tù của lòng sợ hãi. Các lãnh tụ đảng Cộng Sản là các tù cậu ăn sung mặc sướng, không phải tù thường dân. Nhưng bên ngoài đảng, tù nhân có khi lại còn sướng hơn ở trong đảng! Chính các lãnh tụ cộng sản thiếu tự do, cho nên họ rất ganh ghét những người dám nói tự do, nêu ý kiến tự do, như các ông.

Nhưng nếu dân tộc Việt Nam không có những người con can trường, trung trực, dám nói, dám làm như các ông Hoàng Minh Chính, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Đan Quế, Phạm Quế Dương, Trần Khuê, vân vân, thì còn gì là nước Việt Nam nữa?

Chính tinh thần không sợ hãi của người dân Việt Nam đang làm cho đảng Cộng Sản lo sợ nên họ phải lùi một bước đối với các nhà tranh đấu như các ông Phạm Quế Dương, Trần Khuê, Nguyễn Đan Quế. Tình trạng kinh tế ở Việt Nam trong mấy năm qua không tiến được nhanh như nhu cầu tăng gia dân số đòi hỏi. Những cảnh phồn hoa ở đô thị chỉ che đậy nỗi nghèo nàn lan rộng khắp các vùng thôn quê, khiến bao thanh niên chỉ mong được xuất cảnh làm việc lao động dù bị bóc lột. Tình trạng giáo dục trì trệ và bế tắc đã được chính ông Phan Văn Khải thú nhận, đưa ra trường những thanh niên tốt nghiệp nhưng không có việc làm. Các công nhân đang lo bị mất việc vì những xí nghiệp quốc doanh thất bại cũng là một mối đe dọa khác. Trong tình cảnh đó, các lãnh tụ càng sợ hãi.

Chúng ta không có các số liệu ở Việt Nam, nhưng theo các tài liệu chính thức của Cộng Sản Trung Quốc thì ở nước này số các vụ nhân dân biểu tình chống đối gia tăng mỗi năm trung bình 10 phần trăm, từ nông dân tỉnh Tứ Xuyên phía tây Nam tới các công nhân ở Liêu Ninh miền Đông bắc. Năm 1993 chính phủ Trung Quốc cho thống kê có 8,700 cuộc biểu tình. Năm 1999 con số chính thức lên tới 32,000 vụ! Năm 2000 lên 40 ngàn vụ. Riêng trong vũng kỹ nghệ nặng ở Mãn Châu, tỉnh Liêu Ninh xảy ra 9,559 vụ biểu tình, tổng cộng 863 ngàn người, trong vòng 2 năm 8 tháng, kể từ đầu năm 2000. Tháng trước, dân chúng Thượng Hải đã biểu tình trước Giao thông Ngân hàng lớn thứ năm của nhà nước. Họ đòi hỏi ngân hàng này bồi thường về vụ đầu tư vào các chứng khoán trị giá 10 triệu mỹ kim mà ngân hàng cổ động trước đây, tới nay không trả được tiền lãi đúng ngày, ngày 2 tháng Bẩy. Khi đụng tới các quyền lợi thiết thực, người dân Trung Hoa cũng không còn sợ công an như cũ.

Trình độ giác ngộ về quyền công dân và quyền làm người của dân Việt Nam chắc cũng không thua kém dân Trung Quốc, mà kinh tế Việt Nam thì thua xa. Đảng Cộng Sản Trung Quốc thành công hơn Cộng Sản Việt Nam trong việc thu hút vốn đầu tư ngoại quốc, hy vọng giữ được mức phát triển đều đặn trong các năm tới. Tại Việt Nam, các xí nghiệp xuất cảng vẫn còn nằm trong phạm vi mang lại lợi nhuận thấp, như nghề dệt may, thủ công, các ngành đánh cá, nuôi tôm. Trong lúc đó các nước chung quanh kể cả Trung Quốc đã tiến sang các ngành công nghiệp tin học, điện tử, sử dụng được các sinh viên kỹ thuật và mang lại mức lời cao hơn. Nếu cứ tiếp tục tình trạng này thì nỗi bất mãn của người dân Việt Nam còn gia tăng thêm và biểu lộ một cách công khai, mạnh mẽ hơn trước. Đó là lý do chính khiến trong đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay đã có những người có khuynh hướng muốn nhường bước trước các phong trào đòi quyền dân chủ, tự do. Mặc dù đảng Cộng Sản vẫn tìm đủ thứ mưu mô để triệt hạ phong trào đối kháng ở trong và ngoài nước, nhưng họ không thể đi ngược lại trào lưu của lịch sử./.

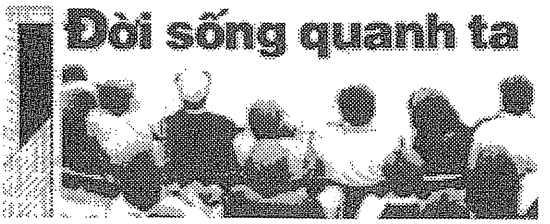

TRÁNH BỊ ĂN CẮP VÌ SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG INTERNET

THANH THẢO

Mấy năm gần đây, từ lúc nhiều hệ thống ngân hàng toàn quốc mở ra dịch vụ ngân hàng bằng điện toán qua mạng lưới Internet, còn gọi là Banking Online, hàng triệu người sinh sống tại Mỹ đã chọn hình thức này làm chuẩn.

Những việc thông thường tốn nhiều thời giờ hàng tháng xưa nay như trả hóa đơn điện, gas, nước, tiền nhà, hoặc tiền thẻ tín dụng giờ chỉ cần khoảng từ 15 đến 30 phút đồng hồ.

Người sử dụng dịch vụ ngân hàng trên mạng điện toán có thể đánh số tiền, số account và ngày trả trên máy điện toán là tiền của mình được rút thẳng từ trương mục của mình trả cho công ty nhận.

Dễ dàng quá tại sao lại có những người không sử dụng dịch vụ ngân hàng trên mạng điện toán?

Chỉ vì chính hình thức ngân hàng dễ dàng này chứa những kẽ hở người sử dụng cần biết nếu muốn tránh trở thành nạn nhân những kẻ gian trên mạng lưới toàn cầu.

Vài tháng nay ngân hàng Bank of America đã tung ra nhiều quảng cáo cho thấy sự tiện dụng của dịch vụ ngân hàng trên lưới điện toán. Điều quan trọng nhất là tiết kiệm thời giờ dành để trả hóa đơn hàng tháng, tránh bị phạt tiền trễ và được bảo đảm an toàn.

Nhưng đổi lại người sử dụng dịch vụ ngân hàng trên mạng điện toán sẽ không còn nhận được những bảng kết toán chi thu hàng tháng (bank statement) bằng giấy như trước đây.

Nếu vì lý do nào đó người chủ trương mục đổi ý muốn nhận lại bảng kết toán hàng tháng, người đó phải thông báo với ngân hàng và đợi hai tháng sau.

Tuy không dùng cùng thời gian tính nhưng đa số các ngân hàng lớn khác cũng áp dụng những chiêu thức quảng cáo tương tự như Bank of America.

Sở dĩ các ngân hàng muốn chuyển dịch vụ ngân hàng từ việc phục vụ tại các chi nhánh, gửi bảng kết toán hàng tháng... thành dịch vụ trên mạng điện toán không dùng đến giấy mực vì các ngân hàng tiết kiệm được rất nhiều tiền trong việc chuyển dịch vụ này.

Nhưng cũng chính vì không có giấy mực để chứng minh, nhiều chuyên gia cho biết quí vị sử dụng dịch vụ ngân hàng trên mạng điện toán cần quan sát trương mục của mình rất kỹ. Đúng như chữ các chuyên gia dùng trong một bài tường thuật trên tạp chí *NewsWeek* là "Canh gác kỹ như Diều Hâu."

Một điều chính quí vị sử dụng dịch vụ ngân hàng trên mạng điện toán cần nhớ nhất là <u>không bao giờ trả lời thư điện toán (e-mail) do ngân hàng gửi</u> cho mình. Lý do, phần lớn số "thư" trông rất giống thư thật này là thư giả mạo do kẻ gian gửi hàng loạt cho hàng triệu người hy vọng sẽ có những người ngây thơ trả lời thư. Với kỹ thuật tinh vi, kẻ gian có thể thu nhặt được chi tiết từ người trả lời thư này để dùng trong những hành vi gian lận trong tương lai. Quí vị cũng nên down-load và in một bản kết toán để dành làm tài liệu.

Điều quan trọng thứ hai là <u>đừng bao giờ tái xác nhận mật mã của mình theo yêu cầu trong thư điện toán của bất cứ cơ quan nào</u>. Nếu quí vị nhận được thư điện toán từ ngân hàng hoặc ngân hàng tín dụng của mình hỏi mình hãy "xác nhận lại" mật mã của mình, quí vị đừng trả lời thư mà hãy gọi điện thoại cho ngân hàng hoặc ngân hàng tín dụng để hỏi cho ra chuyện.

Ngân hàng *Citibank* đã bị những kẻ gian gửi thư điện toán giả mạo hàng loạt kiểu này hồi đầu năm nay. Số người bị gạt lên đến hàng ngàn chứ không phải nhỏ.

Nếu quí vị không muốn sử dụng điện thoại, quí vị cũng có thể tự vào mạng điện toán của ngân hàng mình, nhưng điều quan trọng là <u>chính quí vị phải đánh vị trí điện toán</u> này trên máy điện toán chứ đừng dùng con chuột (computer mouse) bấm vào phần trả lời thư giả mạo.

Điều quan trọng thứ ba là quí vị hãy <u>đọc kỹ bảng kết toán trương mục hàng tháng của mình ngay</u>, đừng để lâu lỡ bị kẻ gian lạm dụng lại phải mất nhiều thời giờ chờ đợi được cứu xét. Thông thường ngân hàng dành cho quí vị 60 ngày để

thông báo những hoạt động mờ ám trái phép nhằm được điều tra. Sau khi xác định hoạt động phạm pháp, đa số các ngân hàng sẽ bồi thường tiền cho nạn nhân nhưng thời gian chờ đợi cũng đủ khiến nhiều hóa đơn không được trả đúng hạn kỳ.

Một điều quan trọng nữa là tuy nhiều cửa hàng như tiệm IKEA có chủ trương hoàn tiền cho quí vị nếu quí vị trả tiền mua hàng bằng hình thức rút thẳng từ trương mục (gọi là "debit") quí vị hãy suy nghĩ kỹ trước khi sử dụng hình thức "debit" này. Lý do là các cửa hàng phải trả tiền huê hồng từ 3% đến 5% cho các ngân hàng tín dụng khi quí vị trả tiền bằng hình thức tín dụng (gọi là "credit"). Nhưng đó là thiệt thòi của các cửa hàng! Đối với người tiêu thụ, quí vị được bảo đảm lỡ mình bị kẻ gian ăn cắp tiền bằng hình thức tín dụng, quí vị được xóa khoản nợ bất chính. Còn nếu bị kẻ gian ăn cắp bằng hình thức rút tiền thẳng quí vị phải chờ tiền của mình được ngân hàng hoàn lại sau thủ tục điều tra kéo dài hàng vài tháng trời.

Không còn lo bị phạt tiền vì trả hóa đơn trễ, không phải tốn quá nhiều thời giờ viết chi phiếu, dán tem, gửi thư qua ngả bưu điện và chờ đợi ngân hàng gửi bảng kết toán trương mục hàng tháng của mình về là những lợi ích của việc sử dụng hình thức dịch vụ ngân hàng trên mạng điện toán. Ai trong chúng ta cũng biết rõ thời giờ là vàng bạc nhưng liệu việc tiết kiệm thời giờ có xứng đáng đổi với sự an tâm hay không là điều mỗi người phải tự chọn.

LÃI SUẤT TĂNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG NHÀ ĐẤT

THANH THẢO

Sau đợt tăng lãi suất hôm 30 tháng Sáu 2004 lên 0.25% nâng mức lãi suất ngắn hạn thành 1.25%, Quỹ Dự Trữ Liên Bang Hoa Kỳ tin rằng mức tăng nhỏ này sẽ không ảnh hưởng bao nhiêu đến lãnh vực tài trợ địa ốc và thị trường mua bán nhà. Lý do, nền kinh tế Hoa Kỳ nói chung đang trong thời kỳ tăng trưởng và thị trường công việc làm cũng phát triển mạnh.

Theo suy nghĩ trên, lãi suất tăng sẽ không ảnh hưởng đến việc mua bán nhà vì nhờ vào nền kinh tế phát triển, mức lương trung bình của người dân Mỹ sẽ phải tăng dẫn đến việc người Mỹ có đủ tiền để dành và hội đủ điều kiện ngân hàng đòi hỏi để mua nhà dù với lãi suất cao hơn. Điều này có đúng không?

Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành ngày 12 tháng Bảy 2004, suy nghĩ trên không đúng khi phân tích tỉ lệ tăng lương so với khả năng trả nợ nhà hàng tháng, đặc biệt nếu áp dụng vào trường hợp người mua nhà lần đầu.

Những người đã từng làm chủ nhà và trả tiền nợ ngân hàng mỗi tháng biết rõ khi đi mượn nợ mua nhà (hoặc tái tài trợ nợ nhà) người chủ nhà thường phải có mức lương trước khi trừ thuế cao gấp 4 lần tiền nhà cộng với tiền thuế đất và tiền bảo hiểm rủi ro.

Thêm vào đó, để dễ hội đủ điều kiện, người chủ nhà thường phải bỏ 20% vốn của mình vào lúc mua nhà, hoặc giữ lại 20% vốn trong căn nhà khi tái tài trợ nợ nhà.

Tuy người Á Đông, nhất là người Việt, có khả năng trả tiền nợ nhà nhiều hơn tỉ lệ 25% mức lương, ngân hàng thường dùng công thức này để quyết định chấp thuận hồ sơ vay nợ dùng nhà để thế chấp, theo chỉ số của Hội Chuyên Gia Địa Ốc Toàn Quốc (National Association of Realtors).

Công thức tính khả năng trả nợ của người chủ nhà kể trên đã được nhiều chuyên gia kinh tế dùng làm tiêu chuẩn từ lâu. Vì vậy, khi Giám Đốc Quỹ Dự Trữ Liên Bang, ông Alan Greenspan, công bố tăng mức lãi suất 0.25% hôm 30 tháng Sáu và hứa hẹn có thể sẽ tăng thêm mức lãi suất trong những lần họp định kỳ sau này nhằm kiểm soát mức lạm phát, nhiều chuyên gia kinh tế phân tích ảnh hưởng của việc lãi suất tăng trên lãnh vực địa ốc.

Theo các chuyên gia kinh tế, nếu tiền lời các ngân hàng cho vay để mua nhà hoặc tái tài trợ nhà được nâng đều đặn vì lãi suất ngắn hạn của Ngân Hàng Trung Ương tăng, theo ước lượng sẽ tăng thêm 1.25% vào cuối năm tới, mức lương của người mua nhà trung bình sẽ phải tăng đến 15% mới cho phép họ đủ khả năng trả nợ nhà.

Tỉ lệ tăng lương 15% là điều khó xảy ra trong vòng 18 tháng vì theo thống kê, mức lương trung bình toàn quốc chỉ tăng có 3% trong trọn năm ngoái.

Dĩ nhiên những người đã và đang làm chủ nhà không đến nỗi gặp khó khăn bao nhiêu khi tiền lời nợ nhà tăng vì họ đã có vốn trong căn nhà đang làm chủ. Việc bán nhà để mua nhà lớn hơn hoặc nhỏ hơn tùy thuộc vào khả năng trả nợ và tình trạng việc làm, nhưng những người đã có nhà không đến nỗi gặp khó khăn bao nhiêu khi phải đương đầu với phân lời cao hơn trước. Với

những người đã từng có nhà, giả dụ họ không hội đủ điều kiện tài chính để trả nợ nhà hàng tháng vì lãi suất tăng, họ có thể đặt nhiều vốn hơn vào nhà, mượn số nợ nhỏ đi là giải quyết được vấn đề.

Chỉ có những người mua nhà lần đầu gặp khó khăn nhiều nhất. Theo chỉ số của Hội Chuyên Gia Địa Ốc Toàn Quốc, mức lãi suất tăng tổng cộng 1.25% đòi hỏi mức lương trung bình của người mua nhà lần đầu là $42,000 một năm so với mức lương trung bình hiện tại chỉ có $31,000 để hội đủ điều kiện mượn số nợ trung bình $145,000. Tại các tiểu bang nhà đất đỏ như California hay New York, số nợ trung bình này chẳng đủ mua một căn trong chung cư. Muốn mượn số nợ để mua nhà lớn hơn họ phải có mức lương cao hơn chỉ số trung bình kể trên nhiều.

Người mua nhà lần đầu có thể đặt tiền vốn vào nhà nhiều hơn bằng cách mượn thêm tiền từ gia đình, hoặc để dành thêm tiền, hay đành chịu mượn loại nợ với lãi suất thả nổi nhằm trả tiền nhà hàng tháng ít hơn. Nhưng nếu lãi suất liên bang tiếp tục tăng, loại nợ có lãi suất thả nổi cũng sẽ tăng theo, khiến việc trả tiền nhà hàng tháng dễ trở thành nguy hiểm.

Chọn lựa khác của người mua nhà lần đầu là mua một căn nhà trong chung cư hoặc nhà hư hại để sửa sang lại. Bằng không họ phải tiếp tục đi thuê nhà.

Các chuyên gia kinh tế nêu quan ngại rằng người mua nhà lần đầu là nguồn khách quan trọng nhất trong lãnh vực địa ốc, việc họ không đủ điều kiện mua nhà sẽ làm trì trệ ngành mua bán nhà nói chung và sẽ gây hậu quả bất lợi không ít cho nền kinh tế Hoa Kỳ. Trừ khi một điều nhiều người lo ngại xảy ra trong lãnh vực nhà đất sẽ trở thành sự thật, đó là việc nhà mất giá.

Các chuyên gia kinh tế tin rằng giá nhà đất sẽ phải giảm nêu vài yếu tố hỗ trợ lý luận của họ.

Thứ nhất giá nhà đã tăng với mức kỷ lục trong vòng từ năm đến bảy năm nay. Tại nhiều tiểu bang miền Đông và Tây Hoa Kỳ khoảng hai năm nay nhiều người mua nhà lần đầu không thể theo kịp sự tăng giá của nhà cửa nên đành phải tiếp tục đi thuê nhà. Nay với lãi suất tăng, số người chưa có cơ hội làm chủ nhà này không còn khả năng mua nhà ngoại trừ khi nhà mất giá như đã từng xảy ra hồi đầu thập niên 1990s tại California.

Tuy việc giá nhà giảm đồng loạt toàn quốc là điều chưa từng xảy ra trong lịch sử Hoa Kỳ, việc nhà từng vùng mất giá theo chu kỳ không lạ gì với những kinh tế gia. Thị trường nhà đất nằm trong quy luật chung của kinh tế, cái gì tăng mãi ắt phải giảm. Giá nhà đất đã tăng lâu rồi, các kinh tế gia hiện đang phân tích giá nhà sẽ giảm vào thời điểm nào và giảm với tỉ lệ bao nhiêu.

Hiện nay nhiều người vẫn nuôi hy vọng thị trường nhà đất sẽ trì trệ thôi chứ không mất giá trong thời gian mức lương trung bình của người Mỹ sẽ tăng (15%?) đủ tạo điều kiện cho người mua nhà lần đầu có cơ hội làm chủ nhà. Dù suy nghĩ trên có khó tin đi nữa đối với người có nhà vẫn còn dễ chịu hơn suy nghĩ trong tương lai nhà sẽ mất giá và người muốn bán nhà sẽ phải cạnh tranh hạ giá tìm người mua hội đủ điều kiện.

CHUYỆN ĂN UỐNG

TRẦN QUÁN NIỆM

Ăn cũng khổ

Khi nói thuốc lá, rượu gây nguy hại đến sức khỏe con người, thì không cần thuyết phục nhiều, người nghe dễ cảm nhận và tin ngay. Nhưng nếu nói thực phẩm cũng gây nguy hiểm không kém thì khó mấy ai tin, còn sửng sốt nữa là khác.

Thức ăn là chất liệu dinh dưỡng cung cấp năng lượng cho các sinh vật lớn bé để tăng trưởng và duy trì sự sống, do đó mọi loài suốt đời lặn lội bương chải vất vả kiếm miếng ăn hàng ngày. Loài người là sinh vật thượng đẳng nên đã biến hành động "ăn để sống" thành một loại nghệ thuật gọi là nghệ thuật ẩm thực mang tính chất văn hóa, bản sắc dân tộc.

Trong đời sống sung túc của xã hội Hoa Kỳ, thức ăn được chế biến ngon lành sạch sẽ, sẵn sàng ngoài siêu thị. Xẹt vào chợ là có cả một xe thức ăn, không như lớp người bán khai phải rình mò, săn bắn, rượt đuổi con mồi hay trồng tỉa, một sương hai nắng vất vả mới có mà ăn.

Ăn nhiều thực phẩm bổ dưỡng hoặc tạp phẩm (junk food) và không hoạt động để xử dụng lượng calorie thâu nhận được, do đó phì mập là hệ quả tất nhiên.

Tháng 7 năm 2004, bệnh phì mập trở thành một quốc nạn. Sở dĩ thế vì chương trình an sinh sức khoẻ (medicare) của nhà nước đã chính thức chấp thuận trả tiền chữa trị những chứng bệnh phát sinh do sự phì nộn. Trình bầy trước Tiểu Ban Thượng Viện, ông Tommy G. Thompson, giám

đốc chương trình y tế nói: "Hàng năm phì nộn đã gây nhiều bệnh tật khiến con người chết sớm. Để chữa trị những chứng bệnh này, tốn phí hàng trăm tỷ đô la mỗi năm. (117 tỷ)." Với chính sách mới này, tập luyện để giảm cân cũng được trợ cấp, thay vì bị bác bỏ như trước đây.

Phì nộn đưa đến đau tim, áp huyết cao, đứt mạch máu não, tiểu đường, vô sinh, sạn mật, tê thấp, các loại ung thư v.v. và bây giờ phì nộn được coi là nguyên nhân của nhiều tử vong, chỉ xếp hàng sau thuốc lá.

Điều khôi hài là ở khắp nơi, người ta thấy bảng cấm hút thuốc nhưng chúng ta chưa thấy ghi bảng cấm ăn.

Theo thống kê mới nhất của Bộ Y Tế thì hai phần ba dân số Mỹ được coi là phì nộn (nặng trên 200 pounds), tuy nhiên những thân hình núng nính những mỡ, to lớn quá khổ như những tạ gạo biết đi mà chúng ta thường thấy trong đám đông hàng ngày chiếm chừng 40%. Tỷ lệ mập trong cộng đồng Đen và Xì còn cao hơn nữa. Con nít đang ở tuổi phát triển đang lẽ thon gọn ít mỡ, cường tráng thì 15% mập phệ và 15% đang tiến đến đà mập phệ trong tương lai. Chủ nhân mập thì đầy tớ cũng theo gương đó, có nghĩa khoảng 25% chó mèo cũng mập mạp, chậm chạp như chủ.

Tỷ lệ người mập trong cộng đồng Việt Nam hầu như rất nhỏ, nhưng những nghiên cứu các sắc dân Á Châu cư ngụ trên đất Mỹ cho thấy, khi đã làm quen với lối dinh dưỡng và đời sống ít hoạt động tại Mỹ, số người mập tăng dần, tuy chưa tới mức báo động.

Gần đây, dân Mỹ bắt đầu thấy sự liên hệ giữa thực phẩm và mập phệ. Nhưng thay vì giảm thiểu ăn uống, hoạt động nhiều hơn, họ tìm ra một đối tượng nào đó để kiện chơi. Và hiển nhiên hơn cả McDonald là nạn nhân đầu tiên của cái xã hội Mỹ ưa đưa nhau ra ba tòa ông lớn này.

Cha mẹ hai cô Jazlyn Bradley (19 tuổi, cao 5 ft 6 nặng 270 pounds) và Ashley Pelman Bradley (14 tuổi cao 4 ft 10 nặng 170 pounds) kiện McDonald vì hai cô ưa "hẩu sực" McDonald (hamburger cùng french fries và các món ngọt béo khác) mỗi tuần ba đến bốn lần. Ông Barber cư dân thành phố NewYork 56 tuổi nặng 272 pounds cũng kiện. Mặc dù toà án hủy bỏ hai vụ kiện này vì nguyên nhân không xác đáng, nhưng McDonald trước đây trong một vụ kiện khác đã phải bồi thường 12 triệu MK vì quảng cáo lừa bịp french fries là thực phẩm gốc thực vật (vegetable food) (1). Với đà này, các tiệm Wendy, Burger King, Kentucky Fried Chicken, Pizza Hut đang lo sốt vó.

Chính quyền Mỹ đang tìm cách quảng bá một đời sống khỏe mạnh hơn, bắt đầu từ ngưỡng cửa nhà trường. Nhưng với TV, trò chơi điện tử, và những tạp phẩm (junk food) ê hề trong tầm tay, con nít thời nay càng ngày càng lười biếng trong các trò chơi thể thao ngoài trời. Tại các khu vực nghèo nơi thành thị, đường phố chật hẹp và nguy hiểm càng khiến bậc cha mẹ muốn con cái ở trong nhà cho an toàn.

Không ăn cũng khổ

Các cô đào xi nê, hoa hậu, người mẫu thời trang cần phô trương vẻ đẹp thon gọn mảnh mai, nên luôn luôn bị nhà sản xuất khuyến cáo, hễ lên cân là mất job, làm các nàng run quá, thấy món ăn ngon lành mà hãi hùng, không dám động tới dù thèm nhỏ rãi. Trí óc bị kiềm chế, đi ngược lại đòi hỏi của cơ thể, khiến sinh rối loạn thần kinh, mắc phải chứng anorexia (không ăn được). Điển hình, cô đào tài tử Mary-Kate Olsen và Hilary Duff vừa mới đây phải vào bệnh viện điều trị cả tháng trời. Người mẫu Carre Otis (34 tuổi, cao 5 ft 10 nặng chưa đầy 100 pounds) thú nhận: "Suốt 17 năm nay tôi ăn uống như để chết đói. Tạng người tôi không mảnh mai, nên tôi phải kiêng ăn, uống đủ loại thuốc hoặc nhịn đói dài dài." Vì ăn uống "điên" như thế, cách đây bốn năm, cô bị xỉu, phải đi mổ tim.

Còn nhớ các cô gái VN ở tuổi dậy thì, muốn giữ eo, trong bàn ăn cơm chung với bố mẹ, ráng ăn bình thường, rồi đợi lúc vắng người, móc cổ họng cho ói ra. Rõ khổ vì làm đẹp.

Ngày nay, ăn thì muốn ăn, tập thể dục thì lười (vì thấy lâu có kết quả), các bà các cô thi nhau đi đường tắt "hút mỡ," giải phẫu thẩm mỹ, khiến các thẩm mỹ viện giải phẫu tha hồ hốt bạc ngàn. Hút xong, đau thấu trời xanh, được ít lâu lại đọng mỡ trở lại, vì chỉ có cách duy nhất duy trì thân hình thon gọn là ăn uống chọn lọc và nhất là tập thể dục đều đều. Đừng quên mỗi lần giải phẫu là một lần nguy hiểm, chắc độc giả còn nhớ cô ca sĩ nổi tiếng một thời, nhân chuyến sang Hạ Uy Di hút mỡ rồi đi luôn.

(1) Khoai tây chắc chắn là thực vật rồi, chỉ khổ một cái là được chiên bằng mỡ béo động vật, lại được tăng cường bằng hóa chất để khoai cứng và vàng ươm. Ăn ngon nhưng độc.

Chuyện Nước Pháp

TỪ NGUYÊN

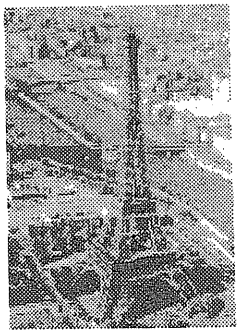

MARIE LEBLANC: TỘI NHÂN HAY BỆNH NHÂN?

Marie Leblanc, 23 tuổi có một con, ở thành phố Aubervilliers, ngoại ô phía đông Paris. Trong thân hình tiều tụy và áo quần rách rưới, chiều thứ sáu ngày 9.7, bà khai với bót Cảnh sát trong thành phố này một chuyện khủng khiếp hãi hùng vừa xảy tới cho bà.

Sáu người thanh niên Bắc Phi và Phi châu đã dùng dao hăm dọa để hành hạ bà trên chuyến tàu RER D, một thứ métro ra ngoại ô, vào khoảng 9 giờ sáng hôm đó. Họ lục soát trong xắc tay của bà, lấy thẻ căn cước, và khi một tên đọc thấy địa chỉ nhà cũ của bà trong Quận 16 Paris, nói rằng đây là khu nhà giàu và của những người Do Thái, chúng xé áo, rạch quần jeans của bà, cắt một lọn tóc «để làm kỷ niệm.» Còn dùng bút nỉ đen kẻ ba chữ vạn Đức quốc xã trên bụng !

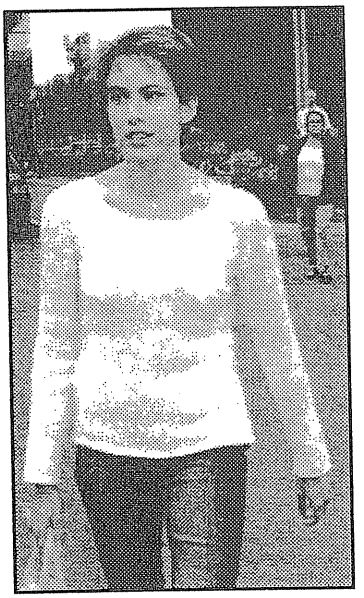

Marie LeBlanc

Theo lời kể, chuyện này diễn ra trước sự hờ hững của những hành khách chung quanh trong vòng mười lăm phút giữa hai ga Louvres và Sarcelles. Chúng lấy của bà thẻ tín dụng và 200 euro. Khi bỏ đi, một tên lật ngửa xe đẩy, trên xe có đứa con gái của bà tên là Léa mới 13 tháng, làm cho đứa bé bị trầy trụa. Một nhà thương tư gần đó đã cấp cho bà giấy chứng nhận về những thương tích trên người bà. Cảnh sát ghi nhận và cho lệnh điều tra.

Ngày hôm sau, được triệu hồi đến bót Cảnh sát của thành phố Cergy-Pontoise, bà lặp lại những lời khai trên đây. Pháp tấn xã, sau khi được sự xác nhận của Tổng nha Cảnh sát Tư pháp, loan tin : thêm một vụ kỳ thị người Do Thái ly kỳ vừa xảy ra tại Pháp. *Sáu người đàn ông đã hành hung một người đàn bà trẻ 23 tuổi mà họ tưởng là Do thái, trên đường tàu RER D, theo nguồn tin của Cảnh sát...* Cả nước Pháp bàng hoàng!

Ly kỳ hơn nữa

Chừng đó, có lẽ đầy đủ để tôi thưa ngay cùng bạn đọc: Vụ hành hung trên đây là chuyện bịa đặt, do đầu óc của bà Leblanc nghĩ ra và tự bà hành động như vậy.

Cắt tóc, rạch vai, cắt xé áo quần, viết chữ vạn bằng bút nỉ... là do chính bà làm lấy, «để cho lâm ly.» Sau hai giờ bị hạch hỏi, bà đã thú nhận điều đó với Cảnh sát ! Ờ, tại sao bà làm vậy, và làm vậy để làm gì?

Cảnh sát trước đó thấy có nhiều yếu tố không ổn trong vụ này nên đã nghi ngờ. Theo sự phân tích của báo chí, các điểm cần tìm hiểu là như sau:

- Không có nhân chứng. Cảnh sát mời gọi những ai chứng kiến cảnh đó xin kêu điện thoại, nếu cần, ẩn danh, tới bót Cảnh sát. Sau nhiều ngày, không có ai kêu. Không lẽ thiên hạ thờ ơ đến mức đó?

- Không có dấu vết trên máy video. Máy video đặt ở ga Sarcelles không có hình của sáu thanh niên Bắc Phi hay Phi châu, và cũng không có hình của bà đẩy xe!

- Không có nhân viên hỏa xa bà đã gặp. Bà khai có báo động với một nhân viên hỏa xa ngồi bán vé. Cảnh sát tìm kiếm không thấy người đó.

- Máy điện thoại cầm tay tiết lộ những điều trái ngược. Chiều hôm đó bà đã gọi chừng sáu bảy lần và tất cả đều từ ga Louvres hay chung quanh nơi này chứ không đi đâu xa.

- Trước đây bà đã từng khai nhiều lần tại bót Cảnh sát những vụ tương tự.

Một nhân chứng tại nhà ga Louvres này cho Cảnh sát hay rằng sáng thứ sáu có thấy một người đàn bà trẻ, khóc lóc, áo quần bị rách. Sau khi điều tra, Cảnh sát biết rằng bà không đi chuyến tàu này mà kêu điện thoại cho người sống chung của mình trong thành phố Louvres.

Chuyện đã xảy ra

Bà Leblanc đã thú thật như thế này: Ngày thứ sáu 9.7, một mình trong nhà với đứa bé, lo buồn, bà lấy dao rạch mặt, cổ và ở bụng. Rạch chiếc áo thun lá, quần jeans và đập chiếc xe của con bé. Bà cắt một lọn tóc và vứt vào thùng rác.

Rồi nhớ lại những hình đã được chiếu trên TV mộ bia người Do Thái bị phá hoại, bà viết thêm những chữ vạn trên bụng. Bà kêu người bạn và kể hết mọi chuyện. Người này khuyên nên đi báo Cảnh sát trong khi chính bà không muốn dính dáng đến nhân viên công lực.

Tại sao có chuyện này? Các nhà tâm lý học lên tiếng giải thích sở dĩ bà Leblanc bịa chuyện như vậy là vì cô đơn, muốn được nhiều người chú ý đến mình. Chuyện còn phức tạp hơn một chút: Bà hứa mua chiếc xe Citroen Xsara của người bạn và đi vay tiền của một cơ quan tín dụng. Cơ quan này không cho vay. Bị từ chối ngang, bà nghĩ rằng với kế hoạch này thể ngân hàng có thể thay đổi quyết định.

Ngay sau khi có tin của AFP về chuyện hành hung và được báo chí tiếp tay chạy trang nhất, cả nước đã có phản ứng. Từ bộ Nội vụ đến Điện Elysée ra đến đại chúng: lên tiếng, lời tuyên bố tố cáo, biểu tình.

Tổng thống Chirac lên tiếng

- 20 giờ thứ bảy, 10.7 : Bộ Nội vụ nhận được phúc trình của Tổng nha Hình cảnh liền trình Đổng lý văn phòng Phủ tổng thống.

- 21 giờ thứ bảy : Bộ trưởng Nội vụ lên án nặng nề hành động bẩn thỉu có tính cách kỳ thị và chống người Do Thái. Ông De Villepin cho biết đã ra lệnh nhân viên công lực tầm nã cấp tốc các hung thủ.

- 21 giờ 11 : Điện Elysée công bố lời của tổng thống Pháp: Tôi rất khiếp đảm khi được biết một vụ hành hung có tính cách kỳ thị mà nạn nhân là một người đàn bà trẻ và đứa con của bà ta. Tôi đã yêu cầu làm mọi cách để tìm bắt những kẻ đã gây ra nhũng cảnh này để xử tội và trừng phạt theo luật.

Hai ngày trước đây chính tổng thống Chirac đã lên tiếng kêu gọi người Pháp nỗ lực hơn để chống lại những hành vi kỳ thị ngày càng nhiều hơn.

- Chủ nhật 11.7 : Hầu hết các nhân vật chính trị của nước Pháp, từ tả sang hữu đều lên tiếng chống lại hành vi tàn bạo và kỳ thị.

- Thứ hai, 12. 7 : Tại Metro Belleville, Quận 20, Paris. Chừng 300 người cùng nhiều nhân vật chính trị tập họp để chống lại hành vi kỳ thị chủng tộc, chống Do Thái.

- Chiều thứ hai, Cảnh sát nêu lên những điều nghi ngờ về lời khai của bà Leblanc...

Bệnh hay tội?

Tội của bà là tội gian dối, luật xử phạt tối đa sáu tháng tù và 7 500 euro tiền vạ. Khi viết những dòng này bà đã được tự do chờ ngày 26.7 ra tòa.

Bà mẹ của bà Marie Leblanc khi được phỏng vấn nói rằng con gái của bà bị bệnh chứ không có tội. «Đồng ý rằng chuyện lừa dối cả nước như vậy là không bình thường. Thế nhưng nếu tìm thấy con tôi bị bệnh tâm thần thì nó phải được quyền chữa trị.»

Trong cuộc họp báo nhân ngày quốc khánh, tổng thống Pháp phàn nàn về vụ bịa đặt đó nhưng ông nói tiếp: Tôi không hề tiếc rằng chúng ta đã phản ứng nhanh chóng đối với vụ này. Thật sự, ông không hề cho biết rằng ông đã phàn nàn bộ trưởng Nội vụ nhanh nhẩu trong vụ này mà không chịu cho điều tra tới nơi tới chốn.

LỄ QUỐC KHÁNH NĂM NAY

Lần đầu tiên được một ngày 14.7 nắng ấm. Năm 2004 để đề cao tình hữu nghị giữa Anh và Pháp, Ngự lâm quân của Nữ hoàng Anh (Grandier Guards) dẫn đầu đoàn diễn hành, theo sau là các trường, các binh chủng Quân đội Pháp như mọi lần. Người coi rất đông và mọi chuyện diễn tiến suông sẻ.

Trong cuộc phỏng vấn truyền hình, tổng thống Chirac cho biết về một số vấn đề dân chúng chờ đợi :

- Sang năm, Pháp sẽ tổ chức trưng cầu dân ý về hiến pháp của Liên Hiệp Âu Châu.

- Năm nay, vì vấn đề ngân sách, tạm ngưng giảm thuế một năm.

- Giờ làm việc vẫn là 35 mỗi tuần. Xí nghiệp và công nhân có tự do thương thảo để sao cho có lợi cả hai bên.

- Khăn quàng Hồi giáo: Có hội đoàn tự nhận là đại diện cho ai đó để không áp dụng luật thì đó là điều không thể chấp nhận.

HAI NGƯỜI MỸ ĐANG LÀ THỜI SỰ

Tuần vừa qua và cả những ngày sắp tới, một «minh tinh» và một nhà sản xuất dẫn đầu thời sự tại Pháp:

Bill Clinton. Cuốn sách mới ra của ông đang

là *best-seller* tại Pháp : 160 000 cuốn (*Ma vie*, 950 trang, 25 euro) bán ra trong ba tuần lễ. Nhà xuất bản Odile Jacob cho biết sách được bán ra mỗi ngày trên dưới 7 000 cuốn và nghĩ rằng sẽ tiếp tục như vậy. Số bán có thể lên đến 200 000 dễ dàng vì cuộc bầu cử tại Mỹ đang gần kề!

Truyền thông tại Pháp và Âu châu được dịp nói đến ông cựu tổng thống hào hoa, nhiều báo có bài so sánh với đường lối của đương kim tổng thống George W. Bush.

Michael Moore: Gần một triệu người đã đi coi cuốn phim (*Fahrenheit 9/11*) của ông. Bắt đầu chiếu tại Paris ngày 7. 7, trong 214 rạp, phim được chiếu cố nhiều đến nỗi nhà phân phối phải thương lượng để phim được chiếu thêm trên 220 rạp.

Tính chung cả nước Mỹ, phim tốn kém 6 triệu đô la, đã thu được 110 triệu đô la. Cũng vì có cuộc bầu cử sắp tới mà Tây đầm đua nhau đi coi. Có người thích, có người không thích nhưng đều rủ nhau đi coi.

RẮC RỐI VỚI DO THÁI

Một câu nói của thủ tướng Do Thái từ đầu tuần đã làm cho tình hình nước Pháp sôi sục trong lúc nạn kỳ thị đang là một vấn đề thời sự. Ông Ariel Sharon khuyên người Pháp gốc Do Thái hãy mau mau đi khỏi nước Pháp để tránh nạn kỳ thị đang lên cao tại đây. Do đâu ông thủ tướng nói câu đó, không lẽ ông không biết rằng chuyện của bà Marie Leblanc (bịa chuyện hành hung vì Do thái) chỉ là khổ nhục kế?

"Nếu tôi có điều gì dặn dò những người anh em ở Pháp, tôi sẽ nói như thế này," ông nói với phái đoàn Mỹ tới thăm Jerusalem mới đây. "Dời nhà qua Do Thái, càng sớm càng tốt," theo bản tin của Associated Press. Chính giới Pháp từ tổng thống, thủ tướng, ngoại trưởng cho tới dân biểu, nghị sĩ đồng thanh phản ứng. Đại cương họ cho lời nói của thủ tướng là một lời sỉ nhục, không thể biện minh được, và như là có âm mưu chống lại nước Pháp.

Thống kê của bộ Nội vụ cho biết những vụ hành hung chống Do Thái có tăng, 510 vụ trong nửa năm 2004 so với 593 vụ cho cả năm 2003, nghĩa là gần gấp đôi. Thế nhưng dựa vào đó để tuyên bố như vậy "không thể chấp nhận được,"lời của Bộ Ngoại giao Pháp.

Thành phần bất hảo?

Chính phủ Pháp đòi thủ tướng Sharon giải thích tại sao giở chứng nói vậy. Sự thực thì ông Sharon cũng có ghi nhận nỗ lực của nhà nước Pháp trong việc ngăn chận những vụ kỳ thị Do thái trên đất Pháp. "Nhưng chừng đó chưa đủ!" Số người Hồi giáo sống ở Pháp mấy năm sau nầy tăng lên hơn 10%, theo phân tích của thủ tướng Sharon.

Tới giữa tuần, báo chí loan tin về phản ứng của tổng thống Pháp. Vốn người trực tính và bạo mồm, Jacques Chirac nói rằng người nói câu đó phải là "thành phần bất hảo" và không nên để ông ta đặt chân tới Pháp. Điện Elysée sau đó nói lại cho rõ nhưng nội dung thông cáo cải chính không nói gì khác hơn:

"Tiếp theo lời tuyên bố của ông Sharon, nước Pháp cho Do thái biết rằng một cuộc viếng thăm của thủ tướng Ariel Sharon tới nước Pháp, thật sự chưa được xác định, sẽ chỉ có thể cứu xét nếu như ông ta trả lời những yêu cầu đã được đặt ra cho ông," lời của bản văn thông cáo.

Nói với thế giới!

Đại diện của Cộng đồng Do thái ở Pháp cũng lên tiếng phản đối thủ tướng Do Thái. Ở hay đi là chuyện của chúng tôi, không mắc mớ chi đến ông, mà chúng tôi muốn ở chứ không muốn dọn nhà về nước!

Trong lúc đại sứ Do Thái tại Paris đi vắng (một cách rất may mắn), nhân vật số hai của sứ quán Do Thái được triệu hồi tới Quai d'Orsay (trụ sở bộ Ngoại giao Pháp). Ông này muốn làm dịu bớt cơn thịnh nộ của Pháp bằng cách giải thích lại lời thủ tướng Sharon.

"Ông Sharon nói như vậy là nói chung cho tất cả, mời gọi tất cả người Do Thái trên thế giới trở về nước." Chứ không riêng chi Pháp. Ông này nói để cho xong chuyện ra về chứ giải thích như vậy có vẻ như không nắm vững hồ sơ!

Do Thái tại Pháp là cộng đồng đông đảo nhất tại Âu châu với 600 000 người và cũng là cộng đồng bị có chuyện lôi thôi nhiều nhất. Bốn tháng đầu năm nay, số người bị hành hung là 50, trong số có 20 em nhỏ, trong vùng Paris, Lyon hay miền nam nước Pháp. Bộ trưởng Nội vụ đã đặt thêm những toán an ninh để ngăn chặn những vụ đó tăng thêm.

Vì tương lai giới trẻ

Số gia đình rời nước Pháp đi Do Thái nhiều hơn trong mấy năm gần đây. Nếu trước năm 2001, mỗi năm chừng một ngàn, năm 2002 có 2 566 người. Một tổ chức của người Do Thái ức đoán số người Do Thái trở về nước có thể lên đến từ 30 000 đến 33 000 người trong một tương lai gần đây.

Lý do của việc trở về Do Thái không hẳn là vì có chuyện kỳ thị chống người Do Thái. Nhiều người nghĩ đến việc giáo dục con cái và tương lai của giới trẻ trong khung cảnh xã hội của Do Thái hơn là ở ngoại quốc.

Các cộng đồng khác không gặp phải vấn đề quan trọng như cộng đồng Do Thái.

VẤN CHUYỆN NGHỈ HÈ

Âu châu đang ở trong mùa hè. Nhiệt độ ban ngày vào khoảng 25-30 độ trong bóng im: không đến nỗi cao lắm! Thỉnh thoảng có mưa giông đưa nhiệt độ xuống thấp hơn. Chưa có dấu hiệu gì... tái diễn nạn hạn hán khủng khiếp của năm vừa qua.

Trong khi nhiều người đua nhau đi nghỉ hè thì cũng có người không đi. Đó là chuyện đương nhiên trong xã hội này, có tự do đi thì cũng có tự do ở nhà. Không đi không hẳn là vì nghèo mà vì không thấy cần thiết phải đi, như không chấp nhận nền văn minh của xã hội bên ngoài áp đặt cho mình, hay là không quen đi nên không đi, thế thôi. Chuyện có vẻ khó tin nhưng là có thật, ghi nhận theo những cuộc điều tra.

Số người không đi đó có lẽ không là bao nhiêu? 16% của dân số tức vào khoảng 10 triệu người, theo cuộc điều tra của Sở du lịch. Cuộc điều tra này đã dựa trên tiêu chuẩn: đi nghỉ nghĩa là bỏ nhà ra đi *ít nhất bốn đêm liền*, theo định nghĩa của Tổ chức du lịch quốc tế. Bốn đêm là quá ít, so với trước đây nghỉ hè là đi mất tiêu luôn một tháng hay là trong mấy năm gần đây, 16 ngày.

Có người ngại ngùng

Họ là ai? Phần đông là những người hưu trí, thất nghiệp, những người có đồng lương thấp nhưng không nhận sự giúp đỡ của các cơ quan xã hội, hay các gia đình quá đông con... Hay là họ ở ngay nơi thiên hạ đua nhau kéo tới, nên khỏi phải đi đâu cho xa xôi!

Không nhận sự giúp đỡ là vì những người này ngại rằng tới nơi mình không hòa mình được đâm ra kỳ cục, nói theo hồ sơ của Hội đồng quốc gia về du lịch. Chuyện cũng lạ, vì chúng ta đã qua thế kỷ 21, đâu còn trong thời 1930 và trong một nước tiền tiến chứ không phải ở Phi châu!

Cơ quan này được đặt ra để khuyến khích dân chúng đi nghỉ hè, nhất là đối với những người năm này qua năm khác sống trong khu nhà xã hội không nghĩ đến chân trời nào xa hơn khu vực mình đang sống. Những người này có nỗi lo sợ phải đi xa. Họ ngại ngùng vì không biết cách sống ở nơi nghỉ hè đó như thế nào. Ngay cả những người được trợ cấp để đi, có người từ chối vì cho rằng chuyện đó không phải của họ.

Giúp dân đi nghỉ

Nhiều cơ quan, tổ chức thiện nguyện được thành lập từ lâu, giúp dân chúng đi nghỉ hè. Ba cơ quan quan trọng nhất là :

- *Quỹ phụ cấp gia đình*: Cấp cho những gia đình có lợi tức thấp những phiếu chi dụng trong những ngày sống nơi nghỉ hè. Năm 2002, quỹ xuất ra 150 triệu euro cho các gia đình này nghỉ hè.

- *Phụ cấp liên đới nghỉ hè*: Thành lập năm 1999, dành cho những người có lợi tức thấp. Mỗi năm có chừng 17 000 người được hưởng.

- *Chi phiếu nghỉ hè* (Chèque-vacances): Xuất hiện năm 1982, chi phiếu giúp người nghỉ hè trang trải các chi phí chuyển vận, ăn ở hay thể dục, thể thao trong kỳ nghỉ hè. Người hưởng thụ chỉ trả một phần nhờ các xí nghiệp hay hội thiện tham gia đóng góp tài chánh vào quỹ này. Trong năm 2001 đã có 1,7 triệu người đi làm được cấp chi phiếu này.

BỜ CÁT VÀO THÀNH

Những người không đi xa bỗng nhiên thấy được an ủi vì được phơi nắng ngay trong thành phố! Đi mươi phút là tới! Nghĩ tới nhu cầu của dân chúng hay là lá phiếu cho kỳ bầu cử tới đây, các ông thị trưởng đã đem bờ biển vào thành phố: chuyện đã được làm như ở Paris để khách nhàn du có nơi lui tới, nghỉ ngơi, trẻ em có nơi chơi đùa, tắm nắng và tắm nước. Trên toàn cõi nước Pháp, 25 thành phố làm vậy mùa hè năm nay.

Quanh Paris và vùng phụ cận có thêm chừng mươi thành phố: Puteaux, Clamart, Montreuil... Tại các tỉnh thì Tourcoing và Toulouse qua năm thứ hai, các thành phố khác bắt đầu chương trình

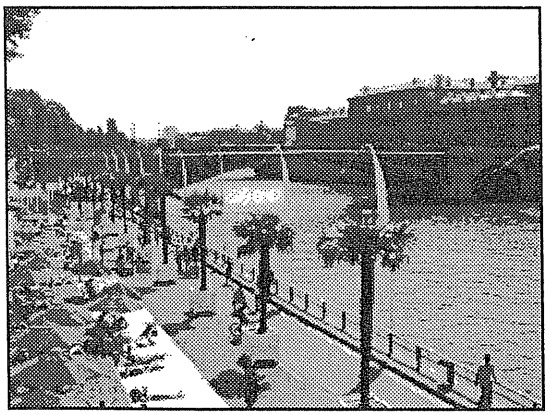

chương trình hè cho dân chúng: Clermont-Ferrand, Bègle, Dijon, Saint-Quentin...

Bên bờ sông Seine

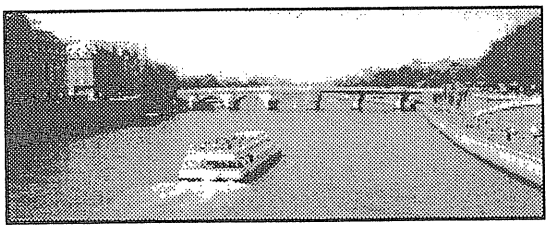

Xôm tụ nhất vẫn là tại Paris :

- Thời gian : Từ 21.7 đến 20.8, từ 7 giờ sáng đến nửa đêm. Các chương trình chấm dứt từ 10 giờ rưỡi đêm.

- Nơi nào: Từ cầu Henri IV tới bờ sông Tuileries, dài ba cây số rưỡi.

- Có gì? Bờ sông Seine biến thành bờ biển thành ba đoạn trải cát, cỏ xanh hay lát ván gỗ. Bốn mươi cây kè đem từ Ý đại lợi, 40 phòng thay áo, 200 ghế vải, 200 dù che nắng...

Có thể nằm đọc sách (có sách truyện cho thuê), phơi nắng, nghe nhạc, bơi trong hồ bơi mới thêm cho chương trình năm nay (Dài 28 thước, rộng 8 thước, sâu 11 thước, nước 25 độ C. Có nhiều máy phun nước và vòi sen để tắm.

- Số người tới: Năm ngoái có ba triệu người tới với Paris Plage này.

Chuyện của Marie Leblanc

HỒI KẾT CUỘC: MARIE HẦU TÒA

Marie Leblanc, người đã dựng đứng câu chuyện bị sáu người thanh niên Phi châu da đen hành hung sáng ngày 9.7 trên chuyến tàu RER, đã ra hầu tòa đầu tuần. Nghĩ rằng bạn đọc muốn biết xem thử tòa đã xử như thế nào, tôi xin thuật lại hồi kết cuộc của chuyện này.

Đi cùng với luật sư, vừa tới tòa án Cergy, người thiếu phụ 23 tuổi có một con đã bị ký giả, nhiếp ảnh bao vây đến khiếp sợ, đã đi ngay vào phòng xử để trốn. Đâu có được! Đây là người đã từng làm bất cứ chuyện gì để được nhắc tới thì nay phải để cho báo chí bao vây, ông chánh án nghĩ vậy. Nên khi phiên tòa vừa bắt đầu, ông tuyên bố rằng phòng này nhỏ quá không đủ cho giới truyền thông tham dự vậy phải qua một phòng xử lớn hơn. Di chuyển qua phòng lớn, cảnh chen lấn giành giựt chụp hình, phỏng vấn lại xảy ra.

Tóc tai, mặt mày đã được sửa sang nên hôm nay bà có vẻ tươi tắn bảnh bao hơn trước. Trong chiếc áo vàng nhạt, quần jean, giày vải, cầm xắc tay, bà ra hầu tòa mà như đi shopping. Bà không có vẻ gì là lo sợ trước tội tày đình đã phạm như ông chánh án nêu ra trong lúc đọc hồ sơ. Tuần trước, bà đã khai ở bót Cảnh sát rằng áo quần bị cắt xé, bị lấy mất bóp, vẽ những chữ thập Đức quốc xã trên bụng, và ngay cả xô tế nhào đứa bé 18 tháng trong xe đẩy... Tất cả những chuyện đó đều do đầu óc bà nghĩ và bà làm ra.

- Tôi đã nói dối, với mục đích chỉ là để cho người khác chú ý săn sóc đến mình, bà nói.

Mô tả như là một người yếu đuối không có bệnh nhưng nói theo y sĩ, người này có đầu óc luôn luôn bày đặt chuyện, và như vậy để lôi cuốn sự chú ý của những người chung quanh.

- Thế bà không làm cách nào khác hơn, chánh án hỏi.

- Tôi muốn Christophe đừng bỏ tôi. Tôi đã nài nỉ ảnh nhiều lần nhưng không được. Với bố mẹ, tôi không bao giờ nói chuyện được với họ. Họ không hiểu tôi. Tôi muốn Christophe phải chú ý, tôi phải làm một cái gì. Không ngờ chuyện tác hại đến mức đó...

Ông chánh án hỏi lại :

- Còn đi khai ở bót Cảnh sát ?

- Tôi tưởng rằng tờ khai sẽ được Cảnh sát cất kỹ trong hộc bàn!

Công tố viện cũng đã buộc tội bị can. Tại sao đầu óc bà lại nhớ tới mấy người Magrébins hay da đen ? Trả lời : Thì bao giờ trên truyền hình vẫn chỉ có mấy người đó bị buộc tội!

Bà đã làm cho nhà nước bị thiệt hại : 85 Cảnh sát, trong suốt cả một ngày kiểm soát 767 hành khách lập 173 báo cáo. Bà đã lấy cắp giờ làm việc của nhân viên công lực. Họ không còn giờ và người để kiểm soát những kẻ thật sự là gian.

Công tố viện đề nghị: sáu tháng tù treo, ba năm theo dõi và chữa bệnh, 2 000 euro tiền phạt. Mười lăm phút sau, tòa tuyên án: Bốn tháng tù treo, hai năm bị theo dõi và phải chữa bệnh. Báo chí cho là khoan hồng. Cầm xắc lên tay, tươi cười (lại được chụp hình) khi đi ra cửa.

Trên đây, tôi có viết *hồi kết cuộc*, bạn đọc hỏi đã *kết* thiệt chưa? Vậy thì xin ghi lại một mẩu đối thoại nhát gừng trước tòa. Quan tòa hỏi :

- Với người bạn trai của bà, liên lạc giữa hai người nay như thế nào?

- Chấm dứt, không còn gì nữa.

- Thế còn đứa nhỏ?

- Giao cho cha mẹ tôi.

- Với cha mẹ, nay đã bớt căng rồi chứ?

- Dạ, cũng đã có nói đôi ba câu.

- Thế bà có thấy cần chữa bệnh?

- Dạ, tuần tới tôi sẽ đi bác sĩ phân tâm./.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

CHÓ

Trong quán nhậu, khách gọi anh bồi:

"Anh ơi, cho hai đĩa thịt dê nhé!"

Cùng lúc đó, một ông khách mới vào quán kêu:

"Cho tôi hai đĩa thịt chó!"

Anh bồi hướng vào bếp la lớn:

"Hai dê ăn thêm, hai chó mới vào!"

Anh bồi không có ý hỗn. Anh chỉ muốn giản tiện công việc bằng cách hà tiện được lời nói nhưng vẫn đầy đủ ý nghĩa làm cho anh bếp hiểu được. Nhưng không phải anh không có lý. Bởi vì một cuộc khảo sát mới đây của Viện Đại Học California ở San Diego cũng "đồng hóa" chó với người!

Nếu chúng ta có óc quan sát, mỗi khi ra đường hay dạo chơi trong công viên, chúng ta sẽ thấy những người dắt chó và chó có điểm giống nhau. Trong số báo tháng Năm vừa qua của chuyên san *Psychological Science*, Michael M. Roy và Nicholas J. S. Christenfeld của Viện Đại Học California ở San Diego đã cho biết là người ta cho rằng chó và chủ của nó có những điểm giống nhau rất nổi bật. Hai nhà nghiên cứu thử làm một cuộc khảo sát bằng cách chụp hình 45 con chó và chủ của chúng, thu thập chi tiết về giống chó và thời gian chó ở với chủ. Sau đó, họ cho 28 sinh viên ghép cặp chó và chủ bằng cách quan sát những điểm giống nhau giữa chó và người. Từ nghiên cứu này, hai tác giả đã kết luận là khi người ta chọn một con chó để nuôi, cũng như khi người ta chọn vợ hoặc chồng, người ta chọn một sinh vật có những điểm tương đồng với mình!

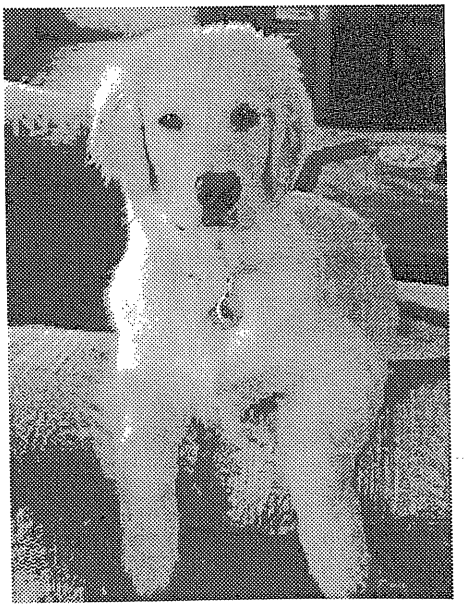

Một chàng nghiện rượu than phiền với bác sĩ:

"Cứ mỗi sáng tôi mở tủ lạnh là lại thấy có một con chó nhìn chằm chằm vào mình."

Bác sĩ gật gù rồi khuyên:

"Uống ít đi và chuyển gương từ tủ lạnh sang chỗ khác nhé!"

Để tránh tình trạng khá phiền phức này, tôi phải nói ngay là tôi không thích chó. Chẳng phải vì từ khi di tản qua Canada, thấy chó được những em đầm thơm như múi mít ôm ấp, cho ngủ chung giường, tôi mới ghét chó. Chẳng lẽ lại ghen với chó! Mà là vì hồi nhỏ tôi đã từng bị những chú cẩu đớp vào chân. Lần tôi nhớ nhất là lần bị chó của bà thím họ sơi tái. Bà thím tôi là người giầu có, nuôi một chú chó berger to như con bò, cao tới ngang vai tôi, nghe nói cho ăn toàn thịt bò! Khi tôi được mẹ sai tới nhà bà thím, tôi run run bấm chuông điện. Đằng sau cánh cửa sắt kiên cố, tiếng chó sủa đã làm tôi muốn bỏ về. Cánh cửa nặng nề được bà người làm kéo ra, tôi rụt rè không dám vào. Bà phải trấn an tôi và đuổi chó đi. Tôi vừa bước chân vào, chú cẩu đã lừa được bà người làm một cú ngoạn mục, đớp vào đùi tôi một phát ngọt sớt. Nghe tiếng la của bà người làm, bà thím tôi mới khệnh khạng bước ra, kéo tôi vào, lấy thuốc đỏ xức vào mấy vết răng chó đã rỉ máu. Khi tôi chào ra về, bà dúi vào tay tôi mấy viên kẹo hạnh nhân... Tây và dặn tôi đừng nói với ai!

Tôi vẫn còn may hơn bác Lê trong truyện ngắn Nhà Mẹ Lê của Thạch lam. Bác Lê nghèo nhưng rất giầu con. Tới 11 đứa lận, đứa lớn nhất mới 17 tuổi, đứa bé nhất còn phải bế trên tay. Nghèo và giầu chênh lệch nhau dữ như vậy nên nhà bác đói triền miên là điều... hợp lý! Bác thương bày con đói nên tới nhà ông Bá giầu nhất làng xin gạo mặc dù cậu Phúc, con trai ông Bá, đã dọa là sẽ thả chó ra đuổi.

"Bỗng có tiếng chân người rầm rập, đến tiếng gọi, rồi lũ trẻ thấy bác Đối và một người nữa khiêng bác Lê vào trong nhà. Trên bắp chân người mẹ, máu đỏ chảy ròng ròng.

Thằng Lê hiểu ngay mẹ nó bị chó ông Bá cắn. Bác Đối đặt người bị thương xuống chiếu rồi ra đi, sau khi dặn:

- Bây giờ bác lấy lá lốt mà rịt cho nó cầm máu. Chó Tây cắn thì độc lắm đấy.

Khi bác đi khỏi, lũ trẻ xúm quanh lấy mẹ. Thằng Hi vừa mếu máo vừa hỏi:

- U làm sao thế u?

Bác Lê nén cái đau, giảng cho con biết:

- Thật cậu Phúc ác quá! Đã không cho thì thôi, lại còn thả chó ra đuổi; tao đã chạy mà không kịp, nên nó cắn phải. May gặp bác Đối, chứ không biết bao giờ mới lê được về đến nhà.

Bác ngừng lại nhìn đàn con ốm yếu, rồi thở dài:

- Thế là mẹ con biết lấy gì mà ăn cho đỡ đói bây giờ?"

Đêm ấy bác Lê lên cơn sốt, rồi mê sảng. Hai hôm sau bác chết!

Chó, nhất là chó tây, dễ ghét như vậy nên nhiều người không thích chó. Chó, vẫn là thứ đi bốn chân, có tắm rửa tới đâu đi chăng nữa vẫn có mùi... chó!

Từ trên xe, hai vợ chồng nhìn thấy một con chó bị thương nằm bên đường. Họ dừng lại, cô vợ ôm nó vào trong xe và nói:

" Anh nhìn này, nó run lẩy bẩy vì lạnh. Em phải làm sao bây giờ?"

" Ủ nó vào giữa hai chân ấy."

" Nhưng mà hôi lắm!"

" Bịt mũi nó lại!"

Mùi chó còn là mùi... ác nữa! Trong xì căng đan về vụ hành hạ tội nhân tại khám đường Abu Ghraib ở Iraq, chó cũng có dự phần vào. Các chú quân khuyển đã được mang tới để dọa tù nhân. Trung sĩ quân khuyển Michael Smith khai là được lệnh mang chó tới địa điểm thẩm vấn tù nhân để trắc nghiệm thử xem chó trận có khả năng hù tù nhân đến... đái ra quần như thế nào. Trung sĩ Smith cho biết là có lúc được lệnh cho chó trận sủa cách người tù hoảng kinh chỉ có 15 phân! Như vậy, chó ác hay là người ác?

Chó vẫn thường được coi như một con vật trung thành và dễ thân thiết với chủ nhất. Người thương chó thì nhiều. Ghét chó như tôi thường vẫn bị dè bỉu là... thiếu văn minh! Cứ thử đi vòng vòng trong một shopping center là biết liền. Thấy bóng một chú chó là mọi người, nhất là các bà các cô, xúm vào ve vuốt đùa giỡn. Trông thật... ngứa mắt! Nhiều người còn thương chó hơn thương con. Một ông bạn tôi mới quen biết đã luôn miệng nói về cậu ấm của ông mà ông thương mến gọi bằng... cậu. Ông tán tụng cậu về đủ mọi điều làm tôi ngạc nhiên. Có ai lại thương con đến mê muội như vậy? Nhưng thôi, thương con là quyền của ông ấy, lấy lẽ chi mà phê phán? Khi tình cờ nói tới chuyện gia đình, tôi mới hỏi về số con của ông, ông ngẩn ngơ. Không, tôi có cháu nào đâu! Cậu là chú... cẩu của ông! Cứ tưởng tượng nếu ông bạn tôi mất chó!

Một người đàn ông đến bót cảnh sát:

"Thưa ông thanh tra, tôi xin trình báo là vợ tôi mất tích. Cách đây một tuần, cô ấy dắt chó đi dạo và không thấy về."

"Ông có thể tả qua vợ ông được không?"

"Cô ấy tóc vàng, mà không hình như tóc đỏ. Không cao lắm, nhưng hình như cũng không phải thấp. Mắt cô ấy mầu xanh lơ, xanh lá cây thì đúng hơn."

"Thôi được rồi, thế con chó của ông giống gì, có to không?"

Người đàn ông nói một mạch không ngừng nghỉ:

"À, giống Bri. Nó cao 65 phân, lông mày hung nhạt, mũi đen, mắt mầu hạt dẻ sẫm, có một vết sẹo nhỏ dưới cằm, nó có đeo một miếng thẻ số ZA 3823976."

Thường khi đi lạc chó biết đường về. Chó vốn là một con vật thông minh. Nó hiểu được tiếng người. Nhưng hiểu được tới đâu? Chú chó Rico, loại *border collie*, 9 tuổi, ở Berlin, Đức, được coi là... thần đồng! Tập san *Science* đã "phỏng vấn" và có bài về chú chó giống *canine* này trong số mới xuất bản. Chú có thể hiểu được nghĩa của 200 từ. Người ta đã thử sai chú bỏ đồ chơi vào trong hộp rồi mang tới cho một người nào đó, chú hiểu và thi hành đúng. Khi đưa cho chú một món đồ chơi, nói tên đồ chơi, chú nhớ được. Một tháng sau, mặc dù chỉ được nghe tên món đồ chơi đó có một lần, chú vẫn lấy ra đúng được món đó khi được sai bảo. Julia Fischer, thuộc Viện Max Planck về tiến hóa nhân chủng, người đã làm thí nghiệm với chú chó Rico, đã cho rằng chó có khả năng học hỏi và suy luận, khả năng mà từ trước tới nay người ta cho là chỉ có ở con người. Trong một thử nghiệm khác, Rico đã được chủ sai vào bếp lấy ra một món đồ, chú đã lấy đúng tới 37 trên 40 lần! Người ta còn thử tài Rico bằng cách để một

món đồ hoàn toàn mới lẫn vào trong bảy món đồ Rico đã biết, rồi nói tên món đồ mới để sai chú lấy ra, cái tên Rico hoàn toàn chưa nghe thấy bao giờ. Vậy mà trong 10 lần thử nghiệm, chú đã lấy ra đúng tới bảy lần. Các nhà nghiên cứu giả thiết là Rico biết suy luận, giống như con nít, rằng những cái tên mới ám chỉ những món đồ mà chú chưa biết tên. Để thử trí nhớ của Rico, người ta không cho chú thấy và không nhắc tới tên những món đồ mới ấy trong một tháng, rồi đặt bốn món đồ mới đó lẫn lộn với bốn món đồ chú đã quen thuộc, bảo chú lấy ra. Trong sáu lần thí nghiệm, chú đã làm đúng tới ba lần. Thành tích 50% đúng này tương đương với trí thông minh của một đứa trẻ ba tuổi! Paul Bloom, một tâm lý gia chuyên về môn phát triển tâm lý của Đại Học Yale đã nhận xét là trí thông minh của Rico thật đáng chú ý nhưng cũng vạch rõ rằng Rico chỉ hiểu được 200 từ trong khi một đứa trẻ 9 tuổi, cùng tuổi với Rico, hiểu được hàng chục ngàn từ và mỗi ngày có thể học thêm được 10 từ mới. Ngoài ra, Rico đâu có nói được! Stanley Coren, một tâm lý gia của Viện Đại Học British Columbia, đã cho biết loại chó *border collie* vẫn được coi là lanh nhất trong giống chó *canine*. Lanh hiểu theo nghĩa là học và làm theo những huấn lệnh của chủ. Sau giống *canine* là các loại giống *poodle, sheepdog, Labrador, papillon, rottweiler,* và chó chăn nuôi ở Úc.

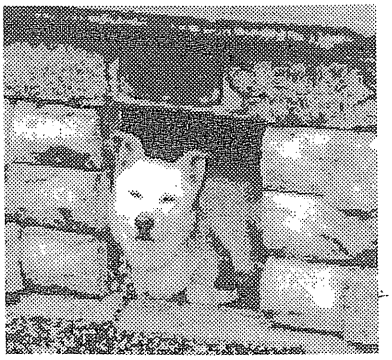

Gần nhà tôi là một gia đình gồm hai vợ chồng mù. Ra đường, mắt của họ là hai chú chó. Tôi mù tịt về chó nên chẳng biết chúng thuộc giống gì nhưng đó là một loại chó được huấn luyện để chuyên dắt người mù. Tôi đã có lần tò mò đi theo xem chú chó... làm ăn ra sao. Chú thành thạo dẫn người khiếm thị tránh những chỗ đường mấp mô, ướt át, nhìn trước nhìn sau khi dẫn chủ qua đường, dắt lên xe buýt, xuống métro. Khi đã lên xe thì nằm phủ phục bên dưới chân chủ, không phá phách, không gầm gừ với người lạ. Mỗi buổi sáng, chồng một con chó, vợ một con chó, dẫn ra đường cho làm vệ sinh. Họ cầm một đầu dây xích, quay vòng tròn cho chú chó xoay quanh theo một vòng tròn tưởng tượng, miệng gọi tên chó, cho tới khi con chó đứng lại, xả đồ thừa. Người chủ mù, không biết bằng cách nào, do xúc giác hay khứu giác, biết ngay là chú chó đã... hoàn tất nhiệm vụ, vội rút chiếc bao nhựa từ trong túi ra, cúi xuống thu lượm "thành quả" một cách chính xác và gọn gàng!

Chó như vậy mới là... chó. Chúng có một tấm lòng. Julia McNicholas, tâm lý gia người Anh, thuộc Đại Học Warwick, trong một buổi thuyết trình tại Royal College of Nursing, đã đề nghị là các bác sĩ phải kê đơn mua thú vật cho người già và người bệnh vì thú vật đã chứng tỏ được khả năng làm giảm huyết áp cao, tránh được sự buồn chán và trầm uất, cũng như có thể cứu được mạng sống của người già và người bệnh. Thú vật gì cũng được: thỏ, mèo, heo, chồn, vẹt... Và nhất là chó. Điều quan trọng là phải hợp với sở thích và tình trạng bệnh của người già hoặc người bệnh. Chẳng hạn như người bị đứt mạch máu, cần cử động tay để hồi phục, nên nuôi loại thú thích quanh quẩn bên chủ để được ve vuốt.

Chó còn làm được nhiều việc khác. Như việc nhà chẳng hạn.

Ngay sau khi bị đuổi việc, người giúp việc liền móc túi lấy năm chục ngàn đồng đưa cho chú chó trong nhà. Bà chủ lấy làm ngạc nhiên:

"Cô có điên không đấy?"

"Tôi không bao giờ quên ơn ai đã giúp đỡ tôi. Con chó này đã giúp đỡ tôi lau chùi chén bát trong suốt thời gian tôi ở đây!"

Rồi còn chó cảnh sát, chó quan thuế, chó tìm người mất tích, chó cứu thương... Chó thật... vạn năng. Chó lao động rất đáng thương. Nhưng chó kiểng thì... nói làm chó gì!

con chó con đã chết
đất đỏ vùi mõm đen...
việc gì phải thương tiếc
phí giấy má ban khen...
chó chết chuyện tưởng hết
còn lắm chuyện là em...
người sống thua chó chết
sống chết ai thòm thèm...
đoạn kết là đoạn tuyệt
có hậu không nhá nhem...
tình tôi dù thống thiết
chó chết hết tòm tem...

(Lê Vĩnh Thọ)

Chó chết hết chuyện. Người ta thường nói như vậy. Nhưng mấy ông bạn nhậu của tôi còn cự nự. Chó chết còn nhiều chuyện lắm. Toàn những

chuyện... thơm lừng!

06/2004

RƯỢU

Ông ngồi với hai ông Tây
Ông kia tên Mạc, ông này tên Cô
Buổi sáng ông chỉ say vừa
Nửa khuya mới tới đúng mùa nho ngon
Tết này ông sáu tư tròn
Nhìn ông tôi thấy vẫn còn Tháng Giêng.

Bài thơ của Nguyên Sa tặng Mai Thảo vào năm 1990, khi Mai Thảo vừa tròn 64 tuổi. Nhắc tới rượu mà quên nói tới Mai Thảo thì... xỉn đứt đuôi rồi! Bởi vì cái thế ngồi đẹp nhất của Mai Thảo là ngồi giữa hai ông tây... lỏng. Ông Martell và ông Cognac. Chỉ cần có thế và chỉ thích có thế.

Khi Mai Thảo sang chơi với anh em viết lách ở Montreal, Phạm Nhuận đã trữ sẵn hàng thùng... chai mờ, tiếng lóng của anh em chúng tôi để chỉ thứ rượu Remy Martin V.S.O.P. được đựng trong chai có màu xanh lá mờ mờ ảo ảo. Chúng tôi ngồi kín một thồi tại nhà hàng tàu nổi tiếng nhất Montreal, đồ ăn đầy bàn, toàn cao lương mỹ vị. Mai Thảo luôn miệng dục anh em ăn. Còn ông cứ tì tì những ly sóng sánh màu hổ phách thơm lừng. Tay ông có tật. Cái tật chỉ thích cầm ly và nhác cầm đũa! Phạm Nhuận, vốn tính hiếu khách, gắp vào cái chén lạnh tanh trước mặt Mai Thảo mỗi thứ một chút và mời. *Anh dùng đi!* Mai Thảo lừ mắt. *Cái thằng này, làm như bố người ta không bằng: Anh dùng đi! Anh ăn đi!*

Rượu tự nó đã là đủ. Mai Thảo bắt được cái đủ đó. Mùi vị đó, nồng nàn đó, sắc mầu đó, nó là sự hoàn hảo. Lẫn vào những thứ khác, nó... trần tục mất! Trần tục như tôi. Biết bao nhiêu lần tôi đã cố gắng uống thứ cognac... trinh nguyên đó mà không xong. Chỉ thấm đầu lưỡi đã thấy cay xè. Thơm thì có thơm nhưng cực cái miệng cái lưỡi quá. Phải pha soda hay Perrier, thêm vài cục đá, rượu nhạt đi, uống mới được. Hồi thập niên 60, mấy anh lính Mỹ qua Việt Nam hay uống whisky pha với Coca-cola. Dân ta bắt chước, uống cũng thấy hay hay. Tôi thử, thấy thích. Vài tháng sau, có dịp qua Thủ đô Hoa Thịnh Đốn, trong một bữa tiệc, khi chủ nhà hỏi thức uống, tôi xin một ly whisky pha Coca-cola. Mấy cặp mắt chung quanh tôi trợn tròn lên. Một bà hỏi ở Việt Nam người ta uống như vậy sao? Tôi cứ chân chất cho biết là thứ thức uống này do mấy anh G.I... nhập cảng vào Việt Nam. Họ nhìn tôi, tôi nhìn họ. Ngỡ ngàng chẳng biết xuất xứ từ mô!

Tôi coi vậy mà còn đỡ. Ông khách du lịch này mới... hết thuốc chữa!

Ông khách du lịch bước vào quán rượu, gọi một món đồ uống thật mạnh. Anh hầu bàn liền mang ra một ly whisky pha soda. Ông khách nhìn thấy bèn cười nhạt.

"Tôi đã nói là thứ gì thật mạnh cơ mà!"

Anh bồi lủi thủi đi vào trong, rót một ly whisky nguyên chất mang ra. Ông khách khó tính lại gắt:

"Anh không hiểu tôi nói gì à? Một thứ thật mạnh!"

Anh hầu bàn bực mình, bèn chế một ly cocktail theo kiểu riêng: 1/3 thuốc tẩy javel, 1/3 axide chrohydric, 1/3 acide sulfuric. Khách ngửi mùi hỗn hợp một hồi, thử nếm rồi nhâm nhi tới cạn ly. Khà một cái, ông khen:

"Được lắm! Ít ra phải như thế này chứ! Đúng là thứ mà tôi thích!"

Hôm sau, ông khách trở lại, anh hầu bàn hồi hộp hỏi:

"Thưa ông, ông khỏe chứ?"

"Khỏe! Này anh bạn, tôi có một chuyện thắc mắc nho nhỏ: anh cho tôi uống thứ rượu gì ngon thì thật ngon nhưng cứ mỗi lần đi tiểu lại có vài lỗ thủng trên mũi giầy vậy?"

Pha phách lăng nhăng như vậy, ông Mai Thảo giận đã đành, ông Hennessy ông ấy còn giận hơn nữa. Cũng như tôi, mỗi lần đi ăn phở, thấy thực khách xịt vào tô phở tương đen tương đỏ, nặn thêm vài múi chanh, trút vào một nguyên một đĩa giá sống là tôi... giận. Ăn như vậy có tội với phở. Cũng như uống như vậy có tội với rượu.

Để làm ra được những giọt hổ phách thơm lừng, công khó lắm. Cognac là một thứ rượu tinh luyện, được lọc đi lọc lại nhiều lần bằng cách đun lên rồi tụ hơi rượu nho cho đọng lại, càng nhiều lần tinh luyện thì càng tốn kém, nhưng càng tạo ra được thứ rượu ngon hơn. Riêng đối với rượu Hennessy, loại V.S.O.P. (*Very Special Old Pale*), mà những anh bạn rượu của tôi gọi đùa là *Verser Sans Oublier Personne* (Rót Không Chừa Một Ai) chỉ mới ra đời vào đầu thế kỷ thứ 19 sau khi được Hoàng Gia Anh đặt riêng. Đó là thứ rượu phối hợp pha chế khoảng 60 loại rượu nho khác nhau trong khu vườn nho riêng của gia đình Hennessy. Rượu sau khi tinh luyện phải được "ngâm" trong những thùng rượu làm bằng gỗ sồi già. *Old Pale* là những thùng đựng rượu cũ, bằng thứ gỗ cổ thụ và đã được chứa rượu nhiều đời rồi.

Đó là những gì mà ông Thomas Leclerc, được

công ty Hennessy cử qua Cali trong tháng Tư vừa qua, thuyết trình cho khoảng gần 30 khách Việt Nam trong giới quảng cáo, nhà hàng và giới truyền thông trong một buổi mời nếm rượu. Xịn hơn VSOP là XO, thứ rượu mà chỉ cầm tới cái chai đã thấy sướng. Sướng hơn nữa là Hennessy Paradis, uống vào như được hưởng... phúc thiên đàng! Phía trên thiên đàng là... Richard Hennessy, thứ rượu mang tên ông tổ sáng lập ra Hennessy. Nó được pha chế bằng 100 loại rượu nho khác nhau, có tuổi ít nhất là 130 năm và đựng trong những chai bằng loại pha lê quý. Sang như vậy nên giá cả cũng sang! Từ 1600 đô Mỹ tới 2000 đô Mỹ một chai. Vào tiệm rượu mà kêu một ly Richard Hennessy sẽ phải móc túi chi không dưới 150 đô Mỹ!

Rượu ngon chỉ nên uống tới lúc vừa lâng lâng, nhích lên một chút là say. Rượu không ngon, say cấp kỳ! Sau 1975 ở Việt Nam, rượu mạnh mà vừa túi tiền chỉ có đế. Không biết người ta pha những chất quỷ quái gì trong rượu mà uống vào là lăn đùng ra lúc nào không biết. Trong một lần nhậu với bạn bè, tôi đã tỉnh trí giữ không uống nhiều, vậy mà chân nam đá chân chiêu lúc nào không biết. Trong đời theo hầu ông Lưu Linh của tôi, chưa bao giờ bị hạ đo ván một cách tức tưởi như vậy.

Cũng trắng như rượu đế, rượu Đại Hàn uống có vị ngòn ngọt, vậy mà cũng... chết. Trong lần qua thủ đô Seoul, đầu thập niên 70, tôi có dịp ngồi trong một bàn tiệc có đủ món ăn chơi. Chân ngồi xếp bằng trên những chiếc gối đặt sát trên sàn nhà gỗ có sưởi ấm ở phía dưới, bàn thấp lè tè la liệt các thứ thịt, cá, sò sống và cả chục loại kim chi. Hầu rượu là các em *kiseng* mặc quốc phục Đại hàn. Ngôn ngữ nói với nhau là ngôn ngữ tay và mắt. Mắt em sóng sánh nâng ly rượu, trao cho anh một ly, em một ly. Ực một cái. Em vội gắp đồ ăn đút vào miệng khách. Rồi lại một ly. Ngọt lịm. Cái ngọt chết người. Em nghệ giả cứ như một nhà ảo thuật làm ly sau lớn hơn ly trước. Từ chiếc ly bằng ngón tay cái, chúng đã được... nâng cấp tới những chiếc ly bằng ly uống nước cam. Rượu sóng sánh trong ánh mắt thôi miên. Ngã lúc nào không biết. Anh ngã em nâng. Em, dạn dầy với nghề nghiệp, vẫn tỉnh bơ như không mặc dù chẳng thèm ăn gian uống ít hơn khách một ly nào cả. Anh, chẳng lẽ lép vế hơn em, cứ tì tì với đôi mắt đong đưa, gục là cái chắc!

Uống rượu mà không say, uổng rượu! Một tay tửu đồ đã phán như vậy. Thi sĩ Tản Đà còn... bài bây hơn.

Đất say đất cũng lăn quay
Trời say mặt cũng đỏ gay ai cười!

Say có cái thần của say. Đi như múa, nói như khiếu, coi trời bằng vung mà trí óc đâu có lẫn. Vẫn làm toán được như thường.

Chồng về khuya, leo lên giường với vợ, nhìn xuống cuối giường thấy có sáu cái chân, hỏi:

"Quái! Mọi khi anh với em chỉ có bốn chân, sao hôm nay lại có sáu?"

"Anh nốc cho lắm rượu vào! Xuống tận cuối giường đếm lại từng cái xem!"

Chồng nghe lời đi xuống cuối giường đếm kỹ từng cái một và công nhận:

"Đúng là chỉ có bốn cái chân, như mọi khi!"

Thế nào là say? Người ta đo mức độ say tùy theo nồng độ chất rượu trong máu:

- 0,05% rượu trong máu: mất khả năng xét đoán, suy nghĩ, tính chủ động, huyết áp tăng.
- 0,08%: huyết áp tiếp tục tăng, khó kiềm chế cử chỉ, cử động không bình thường.
- 0,1%: mất tự chủ, hay đi đi lại lại, miệng nói lắp bắp lung tung.
- 0,2%: thần kinh bị tác động nghiêm trọng, đi bắt đầu lảo đảo, nói to, không mạch lạc, nếu lái xe dễ gây ra tai nạn.
- 0,3%: vùng não bị tổn thương tạo nên nhiều ý nghĩ sai lầm.
- 0,4%: nếu ngủ, khó đánh thức: không chủ động trong hành động.
- 0,5%: ngất, trung khu thần kinh điều khiển sự hô hấp và tuần hoàn, tim bị ngưng lại, dẫn đến tử vong.

Say, chẳng nên rủ chiếc xe say theo. Xe... say trên đường phố hay xa lộ rất dễ nhận biết. Gặp được cảnh sát là may. Không gặp cảnh sát, đường ta ta chẳng đi, cứ lấn sang đường người, tai nạn cầm chắc trong tay. Nhẹ ra thì móc tiền sửa xe, xe mình và xe người. Nặng hơn, có người chết hay bị thương thì... tù. *Hit and run* thì còn chết hơn nữa. Mà khi xỉn, thường chậm suy xét, không nghĩ gì hoặc không thấy xa, rất dễ có khuynh hướng vù! Uống rượu đến vào tù, mất vui đi.

Quan Vân Trường mặt đỏ cũng thành danh
ta đỏ mặt hơn ông, đời lại hỏng
ông cốt cách quỳnh tương, ta hồ đồ rượu dở
cuộc trăm năm đã đến thế – hoang tàn

(Hoàng Lộc)

Cái hại của rượu, cứ gì trên đường phố rong ruổi. Nó hại ngay trong cuộc sống thường nhật của chúng ta.

Trên diễn đàn, giáo sư thuyết trình về tác hại của rượu:

"Các anh nên nhớ, rượu là nguyên nhân dẫn đến sự chia ly của biết bao nhiêu cặp vợ chồng..."

Một thanh niên đứng lên hỏi:

"Xin lỗi giáo sư! Xin giáo sư cho biết cần phải uống bao nhiêu rượu để có thể có được sự chia ly này ạ?"

Rượu và tình. Đó là một cặp bài trùng rất... nam nhi. Em sóng sánh trong rượu hay rượu nồng nàn trong em? Say tình, say rượu, khác gì nhau?

Vẫn thế thôi, anh vẫn như xưa
Bao nhiêu nết xấu quyết không chừa
Thương em những lúc không còn rượu
Nhớ rượu khi tình mây ngớt mưa.

(Lê Vĩnh Thọ)

Rượu, tình, những mê đắm một đời người. Nam vô tửu như kỳ vô phong. Rượu làm ta phơi phới cuộc sống nhưng cũng làm tàn tạ cuộc sống. *"Các anh hãy trông người kia đi ngoài đường. Mặt đỏ gay, mắt lờ đờ, quần áo xốc xếch, chân đi xiêu bên nọ, vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lảm nhảm, chốc lại ngã chúi một cái. Lũ trẻ đi theo sau, reo cười chế nhạo. Thỉnh thoảng anh lại đứng lại, nói những chuyện gì ở đâu đâu. Người qua lại, trông thấy cũng phải tránh xa.*

Người ấy vừa ở hàng rượu ra. Chỉ tham mấy chén rượu mà thành ra say sưa, mất cả tư cách con người, có khi như là con vật vậy, thật là đáng khinh bỉ.

Hỡi các anh, các anh đã trông thấy người say rượu như thế, thì nên lấy đó làm gương mà giữ mình."

Chắc nhiều độc giả thấy đoạn văn trên quen quen. Nó nhắc lại một thời thơ ấu, khi tới trường, cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư trong cặp, lòng vui với những dòng chữ Quốc Ngữ trong sách giáo khoa, khởi đầu cho cuộc thay đổi ngôn ngữ trong nhà trường, từ tiếng Pháp qua tiếng Việt. Những bài học thuộc lòng đầu đời, tôi chắc các bạn cũng như tôi, vẫn còn ở với chúng ta cho tới bây giờ. Bởi vì, những dòng chữ giản dị nhưng trong sáng trên là niềm tự hào của con dân đất Việt ngày đó. Nó làm lòng ta lâng lâng, như vừa nhấp một chút rượu.

Vui với rượu, buồn với rượu, tiếc nuối với rượu... Rượu, bằng cách nào, nó cũng dính với đời sống. Cuộc sống nhiều khi được gấp vào phía trong. Chỉ có ta với ta. Nỗi cô đơn như một thân phận. Những lúc lẻ loi như vậy, rượu bỗng như một người bạn tới với một người bạn. Rượu, như một cứu rỗi. Nhưng chẳng phải chỉ có rượu!

Ngồi tượng hình riêng một góc quầy
Tiếng người: kia, uống cái chi đây?
Uống ư? một ngụm chiều rơi lệ
Và một bình đêm rót rất đầy.

(Mai Thảo)

05/2004

QUẢNG CÁO

Quảng cáo là chuyện chúng ta đều làm cả, dù buôn bán hay không. Này, ông đừng vơ đũa cả nắm chứ! Tôi sống một cuộc sống phẳng lặng, ai biết thì cám ơn, không biết cũng không sao, cớ chi phải quảng cáo? Ấy ông bạn, đừng nóng chứ! Trước khi bước ra khỏi cửa nhà, ông bạn mở tủ quần áo, chọn lựa bộ vừa ý nhất mặc vào người, soi gương chải đầu, cạo râu, xịt chút nước hoa, chơi chút dầu khử mùi vào những nơi cần thiết, xỏ chân vào đôi giầy hợp với thời tiết, để làm chi vậy? Để cho người ta chú ý đến mình. Quảng cáo đấy!

Mỗi tối anh ra ngoài ngồi quán
Vuốt gel anh chải đầu tém
Áo da anh sửa gọng kính
Dáng dấp anh coi như nghệ sĩ

(Đỗ Kh.)

Ông bạn đi cua đào, ngoài việc diện ra, cũng phải cười nói điệu nghệ, trình bầy một cái tôi coi cho hấp dẫn chứ. Không thì ma nào thèm. Quảng cáo đấy!

Giả dụ như ông bạn bán được món hàng là cái thân ông bạn, em gật đầu, ông bạn tiến tới, ra mắt ông bà già của em. Cũng phải "khoe" một chút. Không khoe tài thì cũng khoe của. Nói dóc thêm một chút cho vui cũng không sao. Quảng cáo đấy!

Trong nhà anh lát đá hoa,
Chân tảng đồng bạch, lợp nhà tiền trinh.
Cửa bức bàn anh lồng kính thủy tinh,
Hai bên bức thuận anh chạm tứ linh, rồng chầu.
Nhà anh kín trước, rào sau,
Tường xây bốn mặt, hơn đâu hỡi nàng?
Nhà anh vóc nhiễu nghênh ngang,
Nhiễu điều lót áo cho chàng đi chơi.
Áo nàng anh sắm đủ mười đôi,
Bộ ba áo nhiễu để mặc chơi ngày thường.
Dù nàng có bụng nàng thương,
Thì anh quyết đóng bốn thang giường gỗ lim.

(Ca Dao)

Đó là loại quảng cáo mini. Bán có mỗi một thứ. Bán xong là... phẹc mê bu tích. Loại quảng

cáo thương mại của các vị chỉ thích đếm tiền của thiên hạ lâm ly hơn nhiều. Họ xấn xổ áp đặt bạn phải thò tay vào túi rút bóp ra đổi lấy thứ họ bán, dù bạn có cần hay không! Mở tờ báo ra, quảng cáo ngồi la liệt, trang nọ leo qua trang kia, trang bài cũng phải đeo theo bên nách vài cái quảng cáo. Thậm chí trang bìa, cái mặt của tờ báo, quảng cáo cũng dính kè kè bên hình người đẹp! Mở ti vi ra, cứ dăm ba phút lại quảng cáo. Chương trình càng hấp dẫn, quảng cáo càng nhiều. Mở cái máy thu thanh, nhộn nhịp những nhà hàng, ga ra, thuốc bắc thuốc nam, nha sĩ, bác sĩ... Lái chiếc xe ra đường, quảng cáo nằm bên phải bên trái, quảng cáo nằm trước nằm sau, quảng cáo đu theo xe chạy ngang chạy dọc đập vào mắt. Chóng mặt lắm! Đậu xe bên lề đường, khi ra lại xe, quảng cáo đã nằm chình ình trên kiếng trước. Hỗn thật! Chỗ nào cũng quảng cáo kể cả chốn tôn nghiêm.

Trong vườn hoa nhà thờ, vị linh mục đang đi dạo với một thương gia. Một giáo dân trẻ đi phía sau. Câu chuyện giữa linh mục và vị thương gia có vẻ rất hấp dẫn. Vị thương gia thầm thì:

"Năm chục ngàn đô la!"

"Không được!"

"Một trăm ngàn vậy!"

Im lặng.

"Thôi được, năm trăm ngàn được không?"

Linh mục vẫn không chịu, vị khách lắc đầu thất vọng rút lui. Anh giáo dân tiến lên rụt rè nói với vị linh mục:

"Thưa cha, nửa triệu đô la là một con số không nhỏ đâu! Sao cha lại từ chối?"

Vị linh mục buồn rầu:

"Nhưng con có biết ông ta muốn gì không? Ông ấy đề nghị cha mỗi lần đọc kinh xong, không phải kết thúc bằng tiếng *Amen* mà bằng tiếng *Cocacola*!"

Buôn bán mà không quảng cáo thì còn bán buôn gì nữa. Thời buổi bây giờ, hữu xạ tự nhiên hương coi bộ khó. Ra một sản phẩm, phải đập vào mắt, hét vào tai, dúi vào tay người tiêu thụ. Nếu không, họ hàng nhà nhện có việc làm là cái chắc!

Ai cũng thi nhau quảng cáo thì mắt mũi nào mà biết cho hết. Ông này đập vào tai, bà kia dí vào mắt, cứ như xa luân chiến, đầu óc người tiêu thụ nào mà nhớ cho nổi. Cứ lềnh bềnh tất cả. Quảng cáo hay không quảng cáo, cũng rứa! Không phải vậy, trong một đống lúc nhúc những quảng cáo, anh nào chơi nổi, chơi trội thì ở được lâu trong đầu người tiêu thụ. Muốn nổi, muốn trội, phải cần có chuyên viên. Thế là chúng ta có những hãng chuyên môn nghĩ ra những kiểu quảng cáo mới lạ. Hình thức thế nào cho bắt mắt, nội dung thế nào cho dễ nhớ và nhớ lâu, có các chuyên viên tối ngày ăn xong là ngồi nghĩ cho các nhà thương mại. Chẳng hạn như đưa ra các người mẫu, chỗ nào ra chỗ nấy, sáng như trăng, đẹp như sao, ăn mặc đại khái cho có, cười một miếng, ngôn đội câu. Ăn chết! Ai chẳng thích nhìn người đẹp? Giới mày râu đã đành, giới chị em cũng muốn thân cận với người đẹp cho có cảm tưởng cũng... đẹp lây. Quảng cáo nào cũng lôi người đẹp ra quay tới quay lui. Riết rồi nhàm. Mất... ép phê! Các bà các cô cứ ngày ngày ngắm nhìn những người thon thả xinh đẹp như từ thế giới khác đến đâm ra mặc cảm không muốn nhìn nữa. Mà đã không nhìn thì đâu có khoái cái sản phẩm đi kèm với người mẫu. Một cuộc thăm dò thực hiện cho Công ty mỹ phẩm Anh Dove Firming đã cho kết quả là hai phần ba phụ nữ Anh có mặc cảm sau khi xem các quảng cáo có người mẫu. Người ta vậy, mình vậy. Cũng tủi thân chứ! Công ty này bèn cho ra những quảng cáo với hình ảnh một phụ nữ như vừa kéo ở chợ ra.Trông có vẻ gần gũi hơn, thật hơn.

Hình ảnh chỉ là những thứ gây chú ý một cách chớp nhoáng. Ấn tượng đấy, nhưng dễ bị quên. Mà quảng cáo thì cần phải cho người ta nhớ lâu, ít nhất là lâu tới lúc người ta đi... shopping! Muốn cho quần chúng nhớ lâu, phải cần những cái quảng cáo thông minh. Đọc quảng cáo xong, người ta thấy sảng khoái, thú vị, cười một cái, bỏ vào bộ nhớ liền một khi. Mời bạn thử... nhếch miệng với mấy cái quảng cáo này.

Một cửa hàng kính thuốc:

"Đôi mắt là cửa sổ tâm hồn. Để bảo vệ cho tâm hồn của bạn, hãy lắp kính vào cửa sổ!"

Một hãng nước hoa:

"Sản phẩm nước hoa mới nhất của chúng tôi có hương thơm rất lôi cuốn những người khác giới. Để bảo đảm an toàn cho người sử dụng, kèm theo mỗi lọ nước hoa có một cuốn sách dậy cách tự vệ và thoát ra khỏi đám đông!"

Một thẩm mỹ viện:

"Xin các bạn chớ có tùy tiện mà liếc mắt đưa tình với các cô gái xinh đẹp từ mỹ viện của chúng tôi đi ra, rất có thể cô gái ấy chính là bà ngoại của bạn!"

Khi người ta thích thú với cái ý vị, thông minh, người ta cũng dễ mở hầu bao ra. Cũng như trong giao thiệp hàng ngày, làm cho người ta mở miệng

cười được là người ta dễ mở lòng ra. Thành ra, bạn nào thích đọc phiếm, rất dễ cưới vợ lấy chồng! Cũng quảng cáo đấy, quảng cáo cho... phiếm!

Quảng cáo, phải kiên trì. Cổ nhân đã có kinh nghiệm: đẹp trai không bằng chai mặt. Cứ lì ra là ăn tiền. Quảng cáo thương mại cũng phải lì. Cứ rỉ rả vào tai, cứ chớp chớp vào mắt, món hàng của mình sẽ dễ dàng chui vào trong tiềm thức của khách hàng. Vì vậy, dù sản phẩm của mình dân tiêu thụ đã nhẵn mặt, hàng năm các nhà sản xuất vẫn cứ chi ra những món tiền kếch xù cho quảng cáo. Quảng cáo, quảng cáo và quảng cáo. Quảng cáo đến chết vẫn còn quảng cáo!

Một thương gia đang nằm chờ chết, thều thào đọc chúc thư cho luật sư:

"... Có lẽ cũng phải nghĩ tới các nhân viên của tôi một chút. Hãy chia cho mỗi người làm trên 25 năm, mỗi người nửa triệu đô la..."

Luật sư ngạc nhiên:

"Nhưng hãng của ngài chỉ mới thành lập có 15 năm thôi mà?"

Vị thương gia thở hắt:

"Vâng, tôi nhớ! Nhưng cũng phải quảng cáo chứ!"

Ở Canada cũng như ở Mỹ, chúng ta đang ở vào mùa bầu cử. Bầu cử có cái vui là ra đường thấy ngay các ông lớn dành nhau ôm cột đèn, ngồi trên thân cây hoặc vắt vẻo cười trên vách tường. Quảng cáo đấy! Mà quảng cáo cật lực. Vì món hàng này dễ ôi, qua ngày toàn dân đi bầu là... rác! Bán được hình ảnh mình là bốn, năm năm ấm thân. Cũng tiền cả đấy. Vung tiền ra để bán bộ mặt mình, cuộc buôn bán danh vọng này ai cũng muốn thắng. Hai ông chóp bu Bush và Kerry trong cuộc chạy đua vào tòa Bạch Ốc đã chào hàng ra sao? Chỉ cần coi trên ti vi, nơi có những quảng cáo sống động và kéo được nhiều cặp mắt ngó vào nhất, hai ứng cử viên này đã đổ cả đống tiền vào. Chỉ trong bảy tuần lễ tranh cử sơ khởi trên 18 trong số 50 tiểu bang, hai bên đã ném sơ sơ ra khoảng trăm triệu!

Bầu cử ở Ấn Độ, trong tháng tư, Thủ Tướng Vajpayee quảng cáo bằng cách gọi điện thoại tới từng nhà cử tri. Ông Vajpayee chẳng phải ba đầu sáu tay gì mới làm được như vậy. Ông chỉ cho ghi âm sẵn lời... tự khen rồi gửi tập thể tới các nhà thuê bao điện thoại. Tự quảng cáo, chưa đủ. Các ứng cử viên ở Ấn Độ còn có thói quen dựa hơi các siêu sao điện ảnh hoặc các ca sĩ nổi tiếng. Họ thuê những khuôn mặt của quần chúng này đi quảng cáo dùm. Dĩ nhiên phải trả tiền. Trả nhiều là đằng khác. Từ 50 ngàn đến 500 ngàn rupee một ngày. Muốn qui ra đô Mỹ, cứ chia con số trên cho 43,5 là biết liền!

Ở Nam Dương các ứng cử viên cũng ăn theo ca sĩ. Các cuộc tuần hành vận động thường phải có các ca sĩ đi kèm mới nổi đình nổi đám. Nghe ra có vẻ giống như... sơn đông mãi võ! Ngoài ca sĩ, phải có tí ti cho dân chúng đứng coi cầm tay cho... dễ nhớ. Áo thung, banh, chai nước lọc chẳng hạn. Chắc chắn các món đồ này phải cõng tên và biểu tượng của đảng trên lưng. Ai dại gì mà cho không!

Ứng cử ở Phi Luật Tân ngày nay cũng tốn kém như... Mỹ! Muốn làm nên trò trống phải sơ sơ có trong túi khoảng gần trăm triệu đô Mỹ. Trăm thứ phải chi tiền. Thuê các hãng thăm dò dư luận, quảng cáo trên báo chí truyền thanh truyền hình, tổ chức tuần hành... Ba chục giây quảng cáo trên truyền hình cũng ngốn hết bốn ngàn đô Mỹ. Đặc điểm của cuộc tranh cử tại Phi là tặng thẻ bảo hiểm y tế cho cử tri. Có thẻ trị giá đến 700 đô Mỹ. Một mốt tranh cử khác là phải có... nhạc hiệu tranh cử. Thuê nhạc sĩ sáng tác bản nhạc này cũng vài ngàn đô như không.

Mã Lai, quốc gia Hồi Giáo, có lệ cứ cuối mỗi cuộc tuần hành tranh cử bao giờ cũng phải có buổi cầu nguyện tập thể. Nhiều tiền thì cầu nguyện ở các đại sảnh lịch sự, ít tiền thì nắm áo Đức Mohamed ở các sân vận động.

Ở Nam Hàn, các ứng viên muốn được các cử tri thương thì phải biết cúi đầu, hoặc trình diễn hơn, quỳ gối dập đầu xin bàn dân thiên hạ tha thứ cho những sai sót trong quá khứ. Mốt tự hạ này rất ăn khách vì nó làm mủi lòng các cử tri có lá phiếu trong tay.

Quảng cáo mang nhiều bộ mặt. Mặt nào cũng là mặt... lì! Cứ làm sao bán được hàng là xà và hết. Hàng là bộ đồ lót hay cái bản mặt của ứng cử viên cũng vậy. Quảng cáo "khó" như vậy nên chắc chỉ có trí óc của con người mới nghĩ ra nổi. Đừng tưởng vậy! Con người chẳng hơn gì con gà đâu!

"Quảng cáo có một sức mạnh ghê gớm lắm ông ạ!"

"Sao ông biết?"

"Này nhé! Khi con gà mái đẻ trứng, nó kêu cục tác ầm ĩ. Còn khi con ngỗng đẻ nó lặng im."

"Vậy thì sao?"

"Cho nên trứng gà ai cũng mua, còn trứng ngỗng thì không!"

06/2004

Website: www.songthao.com

Giấc Mơ Thực Vật

HOÀNG QUÂN

Stefan thao thao, say sưa dệt mộng:

- Hãng sản xuất bia này đang phát triển với tốc độ kinh hồn. Năm 2000 họ chiếm 15% thị phần nội địa. Sau hai năm họ đã đạt đến 35%. Ngân hàng mình nhận được thương vụ này là bước một bước thật dài vào thị trường Thái Lan. Khu vực Á Châu tụi mình xem như ăn ngon ngủ yên, không cuống cuồng lo đạt được những con số đã đưa ra. Chẳng cần phải làm ăn với đám khách hàng èo uột của Nam Dương. Khỏi phải quỵ lụy những công ty kênh kiệu của Mã Lai...

Ông xếp Peter quét mắt một vòng đám nhân viên:

- Sao, các vị khác nghĩ thế nào?

Daniel gật gù:

- Ngon quá đi chứ. Mối sộp như vậy, đâu dễ gì gặp hoài.

Rolf tiếp lời:

- Tụi tôi có lời khen Stefan đó. Anh đúng là con gà đẻ trứng vàng cho nhóm Á châu tụi mình.

Xếp Peter quay qua tôi và Michelle.

- Ô, tôi vẫn chưa nghe mấy cô có ý kiến.

Tôi nhìn Stefan, mặt hấn nhơn nhơn, có lẽ đang chờ tôi bốc hấn lên mây :

- Tôi đã xem tổng kết tài chính hãng này. Stefan, anh nói đúng, hãng phát triển nhanh. Nhưng nhìn kỹ bản cân đối tài sản, hãng thuê mướn hầu hết những thiết bị sản xuất. Bất động sản lại cầm cố cho những khoản vay khá lớn. Với doanh số hoạt động chưa tới 300 triệu, mà hãng lại muốn vay ngân hàng mình 200 triệu, tôi thấy không ổn. ..

Stefan nóng nảy cắt ngang:

- Thi à, hãng không cần ngân hàng mình đâu. Biết bao nhiêu ngân hàng khác xếp hàng chờ nhá đèn xanh để nhào vô. Mình đâu cần giữ toàn bộ khoản vay, chủ yếu là những phần phí ban đầu mình nhận được khi thu xếp giao dịch này. Sau đó, mình bán bớt cho các đối thủ, để tạo mối quan hệ tốt đẹp.-Stefan cười nửa miệng -. Này, qua làm tiếp thị bao lâu rồi, sao cứ nhìn khách hàng bằng cặp mắt đa nghi như vậy. Mấy chuyện xem xét, có phòng tín dụng lo. Chớ Thi mà khoán luôn, tụi nó thất nghiệp hết.

Tôi chậm rãi:

- Đương nhiên, xét tín dụng chẳng phải việc của mình. Nhưng đơn đưa qua cho phòng hữu trách, cũng phải có chất lượng chứ. Tôi nghĩ, khả năng đơn này được hội đồng quản trị chấp thuận rất ít, hay đúng hơn là zero.

Stefan xoay xoay cây bút trong tay:

- Thì mình cứ thử đi. No risk, no fun.

- Không. -Michelle lên tiếng, giọng sắc lẻm. - Mình đưa cái đơn này qua, chỉ làm trò cười cho Phòng Tín Dụng. Lần sau người ta sẽ không thèm nhìn vào đơn của nhóm tụi mình.- Michelle mở to cặp mắt xanh biếc nhìn thẳng Stefan.-Tôi thấy dạo này Stefan dẫn "cừu đen" về hơi nhiều đấy nhé. Mình cần khách hàng, nhưng không phải bạ đâu vơ đó.

- ...

Xếp Peter từ tốn:

- Tất nhiên, nếu có được mối giao dịch này, phòng chúng ta sẽ là ngôi sao trong tổng kết quý này. Nhưng vấn đề là được bao lâu? Tôi nghĩ rằng hai "cô tín dụng" của chúng ta có lý. Tiếc thật, tôi không thể ủng hộ thương vụ này. Quay qua tôi và Michelle- Cám ơn hai cô nhé. Tôi luôn luôn đánh giá cao những ý kiến của hai cô.

- ...

Rời phòng họp, xếp vừa khuất bóng, Stefan nổ bùng:

- Shit, shit, ladies, hai cô phá đám quá sức. Có biết tôi đã đầu tư bao nhiêu công sức vào mối này không? Michelle thử kiểm điểm lại từ đầu năm đến giờ có được mấy thương vụ- Stefan cười khan một cách dễ ghét- Chỉ toàn là lượm bạc cắc.

Tôi cảm thấy khó chịu cho Michelle:

- Anh nói vậy nghe sao được, Stefan.

Stefan cười lạnh lẽo:

- Khi nghe Michelle gia nhập nhóm tụi mình, tôi vui. Nghĩ, nhóm có thêm một phụ nữ. Nhưng bây giờ mới hay là Michelle đã làm đầu độc Thi. - Quay qua đám nam đồng nghiệp, Stefan vẫn không giấu được vẻ bực tức còn trên khuôn mặt đỏ gay. -Phải không các bạn, nhóm tụi mình bây giờ chỉ toàn là đàn ông không thôi.

Michelle kéo tay tôi:

- Thôi mình đi xuống hầm uống cà phê đi chị Thi. Nói chuyện với cái Flasche*, bực mình lắm.

Michelle còn vừa cười vừa hát We are the champion.

Dù nhỏ hơn tôi nhiều tuổi, Michelle đã lắm lúc "cứu bồ" cho tôi, những khi chúng tôi "đụng độ." Michelle chẳng ngán mấy màn tấn công của đám nam đồng nghiệp. Có lần, trước khi đi công tác ở Hongkong, Rolf hỏi:

- Mấy em xài đồ lót màu gì để anh lại Stanley Market mua tặng.

Tôi rất bực bội, nhưng chẳng nghĩ ra câu gì trả lời. Michelle rõ từng tiếng:

- Thứ nhất, chúng tôi đi làm không mặc đồ lót. Thứ hai, chúng tôi không xài đồ giả mua ở chợ trời. Thứ ba, Rolf cẩn thận nhé, luật pháp bây giờ xử rất nặng tội sách nhiễu tình dục nơi làm việc. Lần đầu tôi bỏ qua, tái phạm là có chuyện.

Lần khác, Stefan như tình cờ hỏi bâng quơ:

- Tôi là MBA**, Thi cũng vậy chứ?

Tôi thật thà:

- Ừ, tôi ra trường gần 10 năm rồi. Anh chắc tốt nghiệp lâu rồi hả?

Stefan nhếch mép cười, vẻ khoái chí:

- Tôi chẳng cần nhớ làm gì, miễn lúc nào cũng Married But Available là được.

Tôi tức, muốn gầm lên, đồ xà bát. Nhưng chẳng nghĩ ra tiếng Đức là gì cho thích hợp trong lúc đó. Michelle lạnh lùng chen vào:

- Tụi tôi có thêm degree: NFY, never for you. Biết chưa! -Quay qua tôi, -chị Thi, đừng mất thì giờ vì những chuyện nhảm như vậy.

Michelle khinh khỉnh nhìn Stefan, rồi quày quả bước đi.

Stefan bẽ mặt, ráng nói với theo:

- Người ta bảo hoa hồng có gai. Mà ở đây chỉ thấy gai, toàn là gai, chả thấy hoa đâu cả.

Tôi chợt nghĩ, phải chi tôi trang bị được ít gai như Michelle để đốp chát lại với những trường hợp oái oăm như vậy, khỏi phải mỗi lần gặp chuyện, về nhà cứ tức anh ách. Giận cá, mà chẳng tìm ra cái thớt để chém.

Michelle và tôi có nhiều điểm giống nhau. Hai đứa nói tiếng Đức ngòng ngọng nghìu nghịu, dù văn phạm rất chuẩn. Hai đứa cùng đã trải qua nhiều năm ở phòng tín dụng, ngày tám tiếng chỉ mỗi việc phân tích bản báo cáo tài chính, bản cân đối tài sản. Cho nên, bây giờ khi làm tiếp thị, cả hai cứ nhìn khách hàng bằng cặp mắt lom lom nghi ngại. Hai đứa chúng tôi, "một già một trẻ" cùng nhau chèo chống giữa thế giới các nam đồng nghiệp, những quý ông chĩnh choẹ trong bộ đồ vest, chỉ cất cà vạt vào mỗi thứ sáu casual Friday, nhưng vẫn luôn giữ bộ mặt cái rốn của vũ trụ. Thật ra, đám nam đồng nghiệp vui vẻ tử tế với chúng tôi khi chúng tôi tỏ ra "biết điều," hiểu rằng, không những họ đông hơn mà họ còn giỏi hơn. Tôi thấy Michelle thật vững vàng trong hành xử hằng ngày. Tôi có lúc so sánh Michelle như tùng, như bách, gió bão mưa tuyết chi chẳng sợ. Tôi để ý và đôi khi tập bắt chước. Nhưng tôi tự nhận thấy mình lóng cóng, có lẽ bởi bản năng thích nương tựa, thích được che chở vẫn trội trong tôi.

Tôi kể cho Michelle, tôi có mấy áo dài đẹp thướt tha mà không có dịp mặc. Chờ đến thế hệ con cháu, e lúc đó áo lỗi thời. Mấy tên đồng nghiệp trong phòng tôi đều vợ cái con cột (chắc người ta cũng đúng khi nói, sau lưng người đàn ông thành công là hình bóng người vợ (hiền)!). Tôi đùa với Michelle: Michelle là niềm hy vọng của mấy áo dài, mong có dịp xuất hiện trong đám cưới. Michelle nửa giỡn, nửa thiệt: Mọi chuyện nhờ chị đó, em thích lấy chồng người Việt. Tôi ngắm Michelle, thầm nghĩ: Thôi rồi, áo dài của tôi chắc chẳng bao giờ có dịp điệu hạnh ở đám cưới. Michelle trông rất tây, nàng là tây thứ thiệt mà. Tóc nâu, xõa ngang vai. Mắt to, xanh biếc. Dáng người mảnh khảnh, tưởng tượng Michelle mặc áo dài chắc xinh đáo để. Michelle nói tiếng Đức nghe rất chán, nhưng khi líu lo tiếng Pháp, dễ thương hết sức. Ngay cả lúc bực bội, cặp mày thanh tú của Michelle cau lại, tiếng *merde* nghe vẫn không đến nỗi thô lỗ, cục mịch. Tổng kết bảng điểm dựa trên ngoại hình, Michelle được điểm từ khá đến xuất sắc. Nhưng tôi làm sao cắt nghĩa cho Michelle hiểu là thanh niên Việt Nam rất né mẫu người như Michelle. Chiều cao 1m75 có thể là điểm xấu nhưng không phải là điểm quyết định. Mà tính độc lập và ý thức bình quyền nam nữ rõ mồn một trong giao tế của Michelle sẽ làm Michelle bị loại khỏi vòng sơ kết mau chóng.

*

Ngân hàng chúng tôi đang trải qua thời kỳ khó khăn chưa từng có trong lịch sử hơn 100 năm của ngân hàng. Mỗi sáng, chúng tôi lướt nhanh qua những biến động kinh tế khắp thế giới, lại thêm một công ty phá sản. Chúng tôi băn khoăn, không biết công ty này thiếu nợ ngân hàng chúng tôi

bao nhiêu. Kinh tế thế giới đang suy thoái. Chúng tôi không tìm được những giao dịch mới. Những khoản vay đang có, chúng tôi chỉ cầu mong khách hàng đừng làm ăn lụn bại để có tiền trả nợ cho ngân hàng. Chúng tôi nghe phong phanh ngân hàng phải tiết giảm mọi chi phí và sẽ phải giảm nhân lực. Trước khi chúng tôi được nghe tin tức từ "chủ nhân" mình, thì đã đọc trên tít đầu của Thời Báo Kinh Tế, ngân hàng buộc phải giảm tối thiểu 20% nhân lực. Hai đứa chúng tôi có nỗi lo chung như tất cả nhân viên của ngân hàng, nhưng không đến nỗi biếng ăn mất ngủ, bởi rất tin vào khả năng của mình. Chính tôi cũng không hề nghĩ đến điểm đặc biệt không mấy thuận lợi: chúng tôi là thiểu số khiêm tốn trong môi trường do đàn ông thống trị này.

Từ phòng xếp trở về, mặt Michelle đỏ bừng:

- Hey, quý vị thoát tôi rồi đấy nhé. Đơn giản thật, vì tôi còn độc thân, vì tôi còn trẻ, nên tôi phải là người đứng đầu trong danh sách phải ra đi.

Tôi chạy đến Michelle:

- Michelle, bình tĩnh đi. Xếp nói sao?

- Thì như em vừa nói đó. Ông nói, phòng mình sẽ phải "chặt" hai người, chưa biết người thứ hai là ai. Thật ra, em chẳng sợ đói. Em sẽ tìm được việc khác. Nhưng em thấy lối dùng người như vậy, đúng là vắt chanh bỏ vỏ.

Tôi đứng bên cạnh Michelle chẳng biết tìm lời nào nói cho phải. Đám đồng nghiệp còn lại tránh nhìn nhau, đâu có ai muốn mình là người thứ hai trong danh sách đâu.

Tôi bước ra khỏi phòng ông Braun. Trong tai vẫn còn lùng bùng những lời của ông.

- Cô Thi à. Thật khó xử cho tôi. Tôi rất mong muốn cô tiếp tục làm việc với tôi. Nhưng theo con số ở trên đưa xuống, tôi chỉ được giữ ba người. Ông Lohr đồng ý về hưu non. Tôi không còn chọn lựa nào khác. Stefan, Daniel, Rolf, họ đều là những trụ cột tài chánh của gia đình họ, luật pháp xã hội không cho phép hãng sa thải họ. Chồng cô đi làm, ít ra cô vẫn còn chỗ dựa.

Tôi không biết Michelle phản ứng thế nào. Phần tôi, tôi thấy mình như cây chuối bị chém gục. Đầu óc nóng bừng, cổ họng khô rát. Như vậy sao, đã bao lần trước mặt khách hàng cũng như khi tổng kết đánh giá công việc, xếp không ngớt lời khen tôi, mà bây giờ ông chỉ nói rất tiếc mà thôi. Tôi choáng váng, hụt hẫng. Mình chu toàn công việc, hãng vẫn cần công sức của mình nhưng phải buộc mình nghỉ việc chỉ vì mình có tiềm năng và cơ hội... ăn bám được.

*

Hôm chúng tôi hẹn nhau đem giấy thoả thuận nghỉ việc để ký, Michelle buồn buồn:

- So với những con số trong các hợp đồng tín dụng mình đã ký với khách hàng, con số trong văn bản này ít ỏi một cách buồn cười. -Michelle đổi giọng- Nhưng chả sao, tiền bồi thường vẫn đủ cho em du lịch một chuyến thật xa, thật đầy đủ, và vương giả trong thời gian ngắn. Chị cũng phải làm cái gì đó cho mình đi chứ.

Tôi trầm ngâm:

- Mình chưa tính gì đâu Michelle ạ. Mình có gia đình, đã mua nhà, còn nợ nhiều lắm.

Tôi nghĩ đến những bông hoa phong lữ thảo, dã yên thảo, mùa hè đang rộn ràng khoe sắc, bỗng đâu cơn rét bất ngờ đến vào ban đêm, nhiệt độ hạ thấp, những hoa, những lá rũ xuống ủ ê. Có những sáng, trước khi đi làm, đứng ở ban công, cạnh những bồn hoa héo úa, tôi cứ một chút chùng lòng. Gần một thập niên yên ấm nơi ngân hàng

LÊ N. KHÁI

Cuối Chân Mây Mờ Tỏ

Chiếc trực thăng màu đỏ
Bay trong bầu trời xanh
Giống như đóa hồng nhỏ
Hôm nào em cho anh...

Cánh trực thăng làm gió
Trời sáng nắng long lanh
Thi nhau từng giọt vỡ
Xuống lòng anh lạnh tanh!

Em không còn đây nữa
Chỉ còn bầu trời xanh
Và trực thăng màu đỏ
Bay kìa, mỗi lúc nhanh...

Cuối chân mây, mờ, tỏ
Chiếc trực thăng mong manh
Bây giờ: Một chấm nhỏ
Bây giờ... Sương cũng tan!

này, tôi chưa bao giờ mường tượng đến những giá buốt của ngày hôm nay.

*

Michelle viết vi thư cho tôi. Rộn ràng kể về chuyến đi đầy ấn tượng từ Sài Gòn ra Hà Nội. "Em tận mắt thấy quê hương chị. Ở Huế, em đi dạo trong thành nội nhớ lại những lời chị kể về quê nhà. Em không đủ thì giờ tìm hiểu người Việt như đã dự tính. Cho nên, nghĩ cho cùng, những hiểu biết của em về người Việt, vẫn chỉ là những điều em nghe từ chị. Với muôn vàn mỹ cảm. Vậy không chừng mà hay. Chị Thi ơi, còn điều cuối muốn nói với chị, last but not least, em sẽ lập gia đình vào mùa xuân tới. Em sẽ không kiếm việc làm, vì có người tình nguyện nuôi em. Chắc chị rất ngạc nhiên hả. Em sẽ làm cánh hoa tầm gửi, em sẽ bám vào cây đại thụ Francois. Chị thấy đó, cuối cùng em đã thực hiện được lời hứa của em, là để chị có dịp trình diễn chiếc áo dài của chị trong đám cưới."

Tôi ngồi yên trước máy vi tính, đọc thư Michelle lần nữa. Lòng vui nhẹ nhàng, nhớ những câu tiếng Việt Michelle học của tôi, rồi gặp ai cũng thực tập, nói lơ lớ nghe buồn cười. Nhớ những lúc Michelle huyên thuyên kể chuyện bằng tiếng Đức, đôi lúc ngưng ngang câu chuyện đưa ra giả thuyết, nếu chị nói tiếng Pháp như em, hay em nói tiếng Việt như chị thì câu chuyện nãy giờ đậm đà gấp trăm lần. Chẳng biết niềm hạnh phúc làm hoa tầm gửi sẽ ở với Michelle bao lâu. Tôi nhớ, đã nhiều khi giữa những nhọc mệt của công việc làm, giữa áp lực kèn cựa của những nam đồng nghiệp, tôi có lúc ước mơ, làm một nghề gì mình thích, như làm nghề đưa thư, bán bông hoa, cây kiểng. Để thỏa niềm vui và khỏi phải bất thiện vì nhàn cư. Còn lại, tấp vào cây to bóng mát, thưởng thức những hương hoa bốn mùa của đất trời. Tôi muốn được nghe tiếng an ủi vỗ về, được nghe tiếng mời mọc nếu bước chân ngà có mỏi xin em tựa sát lòng anh. Nơi chốn này, người ta không có cảm tình với các loại tầm gửi, bay bay trong gió, nay tấp vào cây này, mai vào cây khác. Tôi cũng vậy. Tôi chỉ muốn làm loại cây tầm gửi như ở quê nhà tôi, chỉ bám một cây và bám suốt đời cho đến khi cây đại thụ chết.

Tưởng tượng tiệm cây kiểng của tôi đầy kỳ hoa dị thảo. Tôi thơ thẩn giữa những chậu kim tước chi, đỗ quyên, trà mi... hết đuổi ruồi lại đốt phong long. Tôi đứng trước chậu hoa cát tường, những cánh hoa mỏng manh màu tím nhạt, màu hồng mơ, màu trắng ngà sầu héo. Nguy quá, hoa như vậy thì mong chi vạn sự cát tường, không chóng thì chầy, tôi thành vô sản thứ thiệt. Hay tôi chuyển qua nghề đưa thư? Không ổn rồi! Từ ngày tôi ở xứ sở này, tôi chưa hề thấy bưu điện đăng tìm người, (nếu có, không chừng tôi đã xin một chân đưa thư thực hiện ước mơ của đời mình.) Thật ra, tôi chẳng có nhu cầu vật chất cao. Chuyện ăn? Tôi có thể ăn cơm với xì dầu bỏ thêm chút bơ mặn ngày này qua ngày khác. Chuyện mặc? Cứ chờ khi nào mấy bà chị tôi sắp sửa đem áo quần cho hội Hồng Thập Tự thì tôi ăn chận, cũ người ta mới mình. Tôi cần áo quần để đến nơi làm việc hoặc đi chợ, chớ có phải đi thi hoa hậu đâu mà gấm lụa lượt là. Ủa, mà coi bộ không ổn. Chồng tôi đâu có dùng thực đơn thanh đạm như tôi được. Anh lắc đầu ngao ngán khi thấy tôi ăn món "quốc hồn quốc túy" này. Con tôi đâu có xài áo quần mấy dì được đâu. Mà đời sống văn minh bây giờ, đâu chỉ cần ăn cho no, mặc cho ấm là đủ đâu. Đâu phải chỉ thêm vào miếng cơm manh áo chút miếng canh manh quần là đủ, mà còn bao nhiêu ràng buộc vật chất khác nữa. Đột nhiên tôi nhớ đến những hoá đơn hàng tháng, những điện, nước, điện thoại, truyền hình, nhớ tờ báo cáo tài khoản mỗi tháng chỉ có một lần tiền vào, còn lại là lê thê những mục bảo hiểm, những trả góp nợ nhà, nợ cửa... Tôi tỉnh mộng, vội vàng "tư duy tư bản chủ nghĩa." Hối hả vào những website jobpilot, stepstone, manpower, lật đật nghiên cứu mục tìm người của những tờ báo có máu mặt kinh tế. Chăm chỉ vẽ vời cái lý lịch nghe cho gồ ghề. Đánh bóng, thổi phồng thêm những khả năng của mình. Lựa tấm hình căn cước ăn ảnh nhất dán lên góc phải... Ước mơ của tôi bây giờ rất chi cụ thể, rõ ràng. Mộng của tôi bình thường đến độ tầm thường. Mong nhận được thư mời đi phỏng vấn. Mong nhận hợp đồng làm việc dài hạn. Mong mỗi cuối tháng trong trương mục có lần tiền vào để trang trải cho hàng chục khoản tiền ra...

Suy cho kỹ, nghĩ cho cùng, tôi cũng toại nguyện với giấc mơ làm tầm gửi của mình. Ngày xa xưa, hoa Phong Lan là loài thực vật sống ký sinh trên những cành cây khác. Mà bây giờ, văn minh đã biến loài hoa này thành những giống hoa hoàn toàn tự lập!

05.2004

* Flasche: cái chai, nghĩa bóng tương tự như chữ thùng rỗng trong thành ngữ thùng rỗng kêu to

* MBA: Master of Business Admistration tương tự như cử nhân kinh tế

Bên Trời Hoa Chẩu Nở

HỒ MINH DŨNG

Riêng tặng Ái Khanh & Xuân Hùng

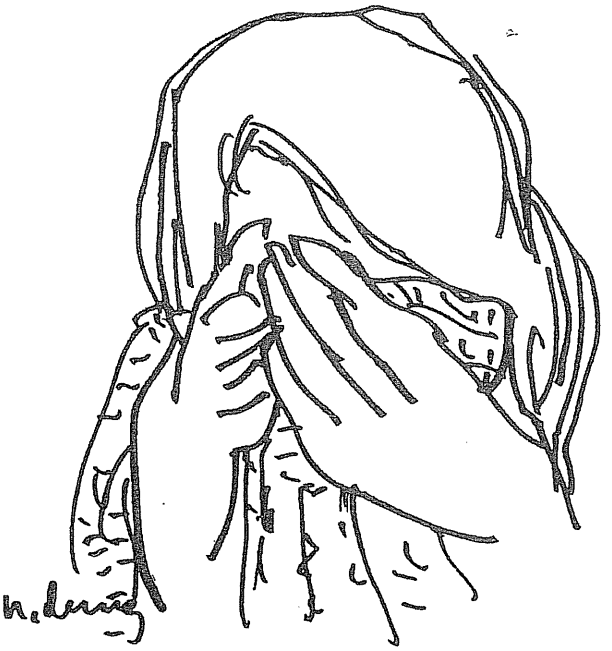

Trong tù, anh Hoàng Vân chỉ làm một việc duy nhất: đổ phân người.

Tuy công việc gọi là thấp hèn, cũng qua một cuộc họp bình chọn căm go của anh em đồng cảnh ngộ, có sự phê chuẩn của cán bộ quản giáo.

Với anh em, anh là người đàng hoàng, mạnh khỏe, nỗ lực trong mọi công tác, không nề hà lánh nặng tìm nhẹ, nín thở qua sông. Với quản giáo, anh là phạm nhân chưa có một biểu hiện đáng ngờ vực, trong những lá thư gửi về thăm vợ con ở Sài Gịn, khi kiểm duyệt, vẫn thấy anh có quyết tâm học tập, tha thiết một ngày về đoàn viên. Hơn thế, anh có một người cô ruột là cán bộ cao cấp trong ngành nông nghiệp. Giao cho anh công việc "tự giác" nầy là tạm... ổn.

Trại giam Vinh Quang do bộ Nội Vụ quản lý, nằm nép mình dưới sườn đồi hẻo lánh. Quanh năm có sương mù bao phủ. Cảnh sắc lúc nào cũng tiêu điều, buồn bã. Ngoài chính trị phạm tiếp nhận từ các trại quân đội sau năm 1975, còn giam giữ hàng trăm tội phạm hình sự nhiều nơi gom về. Họ toàn là những con người xác xơ, ngơ ngáo bị hoàn cảnh lùa vào con đường hoạn nạn, sống khắc khoải, lưng chừng giữa biên giới thiện ác, không biết đời mình rồi sẽ kết thúc ra sao. Nhưng họ bày tỏ mối thân thiện ngay khi đám sĩ quan chế độ cũ lúc sa cơ đến đây, có thể là rước bớt hay chia bớt cho họ những đòn hiểm nghèo, ác liệt, lại có thêm những người bạn đồng hành hào phóng, đa tài. Cục diện đã thay đổi, nhưng âm hưởng hào quang ngày nào vẫn còn đó.

Khi Hoàng Vân đẩy thùng phi phân người ngang qua trước cửa khu giam biệt lập, có hàng chục người già trẻ, ló đầu ra đón mừng hỏ hởi, có kẻ quăng ra cho anh một bao thuốc lào Vĩnh Bảo, có kẻ liệng cho anh vài điếu thuốc lá Sông Cầu... gọi là chút tình nghĩa bất phân ly lúc chim lồng cá chậu. Có kẻ, không kềm được nỗi ấm ức lâu ngày, cất tiếng:

"Đại bàng miền Nam ơi, cánh mới sụm thôi, chưa gãy lìa đâu nhé. To gan lên, sau cơn mưa trời lại sáng choang đó."

Người khác, mái tóc đã hoa râm, nồng nhiệt chen vào:

"Một mai kia, trời có lật, đất có nghiêng về phía mình, các anh đi trước, có chúng tôi theo

sau, nhé."

Về sau, khi có lệnh ban giám thị cấm không cho ra đứng cửa liên hệ nữa, bọn họ lại đục thủng bức tường gạch một lỗ vừa cái đầu người chui ra, chờ anh đi qua, thập thò bắn tiếng:

"May tạm cái khẩu trang bịt mũi miệng. Ở đây tọa bệnh, chỉ có ông trời cứu."

Một đứa khác, mặt còn non choẹt, đứng tên vai bạn, nhú đầu lên khỏi bức tường, nói theo:

"Hôm nào chị trong ra, nhớ cho bọn bên nầy gửi lời thăm và có chi cho hưởng chút xái, đừng quên nghe anh."

Công việc của anh làm không lấy gì phức tạp. Chiều hôm trước đã có trực buồng các đội lấy phân trong cầu tiêu ra đổ vào thùng để bên hông hội trường, chỉ cần cán bộ an ninh trại khám qua coi có kẻ nào liều mạng chui vào đó để trốn trại không, là giao cho anh, anh chỉ việc cầm hai cái cần xe cải tiến có bốn bánh bằng gỗ đẩy đi.

Phân người tù, trong một chế độ ăn uống khắc nghiệt, chia sẻ rất mật thiết với "hoàn cảnh đất nước đang gặp nhiều khó khăn vì tàn dư của chế độ cũ để lại" không lấy gì phức tạp, không gây vất vả nhiều cho anh, chỉ có cái việc hủy nó đi mới nan giải.

Trước đây, khi người tù hình sự đảm trách, chỉ việc đẩy xe ra khỏi đồi chè trục xuống là xong, vài gi? sau từng bầy chim mỏ nhọn lông đen, không biết từ đâu kéo về cắn xé, giành giật kêu chí chóe. Từ khi phái đoàn công an tỉnh sở tại về điều nghiên, thấy khu ruộng lúa phía trước trại còi cọt, không đủ thóc gạo cải thiện bữa ăn cho đám vợ con cán bộ ở khu gia binh bên hông trại, nên đưa ra nhiều kế hoạch cụ thể, trong ấy có phương pháp cổ điển, đốt phân người thành tro rải xuống ruộng. Hoàng Vân là người tù duy nhất được mang theo hộp quẹt trong túi để làm nhiệm vụ đó.

Công việc nầy về sau gây cho anh nhiều vất vả, vốn tính kiên nhẫn, chịu đựng bền bỉ anh cũng lắm phen chùn bước. Nếu phân người được phơi phóng vài ba hôm thì khỏi mất thì giờ nhen nhóm. Nhưng phơi như thế lại mất hai người tù canh chim, biết đâu họ lợi dụng kẽ hở nầy để "khước từ" cải tạo. Mà đâu có phải chỉ có chim ban ngày, ban đêm còn có biết bao sinh vật cần đến cặn bã nầy, lớn như chồn cáo, nhỏ như bọ hung, bọ rầy...

Hôm nhóm bếp đầu tiên, cán bộ quản giáo ân cần nói với anh:

"Điều cốt nhất là phải ngồi trên gió, nghe anh Vân. Hơi độc của khói nầy được ban nghiên cứu nông nghiệp trung ương đánh giá là, có tác dụng làm tổn thương hệ thống thần kinh động vật khi tiếp cận, giống như chất hóa học màu da cam mà đế quốc Mỹ đã sử dụng ở chiến trường. Phân người, xét cho cùng, không có gì đáng ngại, ngoài chất độc hữu cơ của nó. Xã hội mới, không đánh giá hồ đồ việc làm của từng cá nhân, coi trọng thực chất hơn là từ ngữ bề ngoài. Ráng lên anh Vân, mùa đông đến, trời năng mưa, khí hậu ẩm ướt lại cần thiện chí của anh. Kỳ họp đến, tôi sẽ đạo đạt lên ban giám thị cho anh hưởng mức ăn A, lại bồi dưỡng thêm cho anh mỗi tuần nửa ký sắn tươi đã vạt sạch đầu đuôi, hay hai trăm gam sắn khô chưa ngâm nước. Lúc nào vợ ra, tôi sẽ trình lên 'khung' cho anh ra thăm bốn mươi tám tiếng, nhé."

Khi nhận số sắn thêm nầy, Hoàng Vân đem hết cho anh em trong đội đang đói kiệt sức. Còn anh, một cơ thể to lớn, làm việc cực nhọc cũng cần yểm trợ, thì đã có bếp lửa bên cạnh, chỉ đi một vòng giữa đồi núi trung du nầy là có củ mài, gốc chuối rừng, rau dệu, rau tàu bay, bắc gô lên là xong.

Điều làm cho anh khó xử bộc phát sau nầy là, phải tìm ra một phương cách hợp tình hợp lý để đối xử với đám vợ con trong khu gia đình tập thể, thường ra đây la cà, vòi vĩnh xin một ít tro phân về bón hoa màu.

Lúc nào ra, họ cũng vác bộ mặt rầu rầu như vừa rời khỏi đám tang, kèm theo những lời thành khẩn, dịu ngọt, o bế. Có chị mang biếu anh vài viên thuốc ky ninh phòng khi sốt rét, có bác nhân dịp lên lễ đền Hùng đem về tặng anh một vài viên cuội nhẵn bóng gọi là món quà tưởng nhớ tiền nhân. Có anh, trước đây trong đội phòng không, nay điều về coi tù mang đến tặng một miếng inox bằng bàn tay lấy từ thân máy bay B52 bắn rớt, để anh chạm khắc làm vật kỷ niệm ở tù. Đáng nhớ nhất là có mấy em bé bỏ học đến mách nhỏ vào tai anh, nghe thiên hạ bàn tán xôn xao về các lực lượng Phục Quốc trong Nam nổi lên như kiến cỏ và tình nguyện mang thư anh ra tận huyện lỵ bỏ vào thùng thư bưu điện, anh muốn viết gì cho vợ con thì tha hồ.

Khu gia đình cán bộ nầy có riêng một mảnh đất nằm thoai thoải bên bờ suối. Họ trồng đủ các thứ cây: mướp, cà, xu hào, đậu, ớt, gừng, giềng, sả, hành tỏi... Sở dĩ được tốt tươi quanh năm là nhờ anh du di trong một mức độ vừa phải, nếu cán bộ nào phát hiện ra thì anh cũng có lý do biện bạch.

Không phải ai cũng đem theo vợ con đến ở đây, nên chuyện chia rẽ trong nội bộ xẩy ra thường ngày, có khi ngờ vực đến sự cống hiến hy sinh của những người đã có bốn, năm mươi năm tuổi đảng. Nghiệt thay, có những mất mát vô lý mà lực lượng vệ binh rình hoài không bắt gặp được. Thân sắn chưa trỗ nạng ba, khoai lang chưa ra hoa đã đào trốc gốc, cuốc xẻng để ngoài "lô" không cánh mà bay, mấy cái thùng gánh nước tưới cây đội hàn gò chưa làm xong cũng không còn, thậm chí mấy chĩnh nước mắm, mấy thùng mỡ lợn dành cho bếp tù, đêm khuya cũng có kẻ leo tường vào cạy cửa lấy hết.

Trong một xã hội chưa xây dựng lại "bằng mười ngày xưa" thì những hiện tượng ấy có thể xí xóa bỏ qua. Đằng này, khu vực trại giam, trên danh nghĩa cải tà quy chánh, thì chuyện ấy khó coi, tựa hồ như vạch áo cho người xem lưng, nên ban giám thị phải tập trung toàn trại viên lên hội trường làm việc.

Ông giám thị vận dụng hết sở trường nghề nghiệp, nói:

"Gần đây, có những sự vụ việc xẩy ra ngoài ý muốn, chúng tôi đã cho mời chuyên viên trên về điều tra và có kết luận rằng, những dấu chân của những kẻ bất chính đó luôn đi về phía mặt trời lặn, rồi mất tích trong dãy núi đá vôi. Rất có thể, không ai khác hơn là cháu chắt mấy đời của bọn ngụy quân, ngụy quyền trước năm 1954 còn lại chưa gột bỏ hết cái thói ăn bám xã hội đấy. Nhưng, với sự cảnh giác cao độ của quần chúng, với quyền lực sắt thép của đảng, trước sau gì chúng tôi cũng tóm cổ thôi."

Chờ cho hết tiếng vỗ tay của đám vệ binh còn mồi ngồi phía sau, ông giám thị tiếp:

"Tôi nói thật với các anh, chỉ riêng tù chính trị thôi nhé, các anh còn nhớ gì trong lịch sử cổ đại Trung Quốc không, chính cái thằng cha Lưu Bang nước mắt cá sấu kia, trên đường bôn ba lập nên nhà Hán, cũng có lần chui vô nhà một người con gái tên Thích Cơ định trộm gà ăn thịt. Kẻ mà sử sách thường gọi là tráng sĩ thề qua sông Dịch không về, cũng ăn cắp của người hàng xóm cái... mái chèo. Các anh có biết ai không? Kinh Kha đấy."

Ngừng lại, ngó quanh hội trường, thấy đám hình sự đứa ngủ gật, đứa ngáp, đứa gãi ghẻ ngứa, ông giám thị vỗ bàn:

"Ê, chỏng tai lên mà nghe nào. Trưa nay tất cả các anh được ăn nguyên con trâu nặng gần hai trăm rưỡi ký. Lần nầy, trại không bán bộ da cho dân phơi khô làm mặt trống, mà hầm nhừ cho các anh ăn luôn."

Đem miếng ăn ra nhử, nhưng đám người phờ phạc vẫn ngồi im như tượng, giám thị lắc đầu, tiếp:

"Tôi biết các anh đang cần gì, tiêu chuẩn đảng nuôi cũng không đến nỗi nào, hiềm vì lòng dạ con người thường có khuynh hướng ngả về phía tiêu cực, là nguyên nhân chính phát sinh ra những túi tham vô đáy, khi bộ não không nhận thức được thì hệ thống tiêu hóa hùa theo mà khống chế, từ đó mọc ra những gai, rễ níu kéo trì trệ, khó tiến bộ để về với gia đình được. Các anh có biết con rùa treo trên ngọn cây cao, không ăn uống chi

mà bao nhiêu lâu mới chịu chết không?"

Một câu hỏi như thế, dĩ nhiên phía dưới không có tiếng đáp lại. Thân thể họ đã kiệt, lượng máu trong người chỉ bơm thấu được một phần cơ bắp, mắt mờ, tai lãng, nghe lời ông giám thị cũng nhì vịt nghe sấm. Cuối cùng, ông giám thị cũng không chờ câu trả lời ấy nữa, kết thúc buổi nói chuyện bằng cách động viên:

"Bắt đầu từ nay cho đến khi có lệnh mới, mỗi tuần, trưa chủ nhật, các anh được ăn mỗi người một bát cơm trắng. Khi có sự chiếu cố nầy, tuyệt đối cấm không được chụm năm chụm ba đánh cờ tướng ăn thua bằng cách bôi lọ nồi vào mặt đấy. Mặt tù, bôi thêm thứ đen đìu ấy vào, trông không giống ai. Kẻ bất tuân sẽ biệt giam vô hạn định, nhớ chưa. Hết."

Sau buổi lên hội trường, cán bộ quản giáo gọi riêng Hoàng Vân ra đầu hồi, dặn nhỏ: "Dù thế nào đi nữa, anh cũng kín miệng để bảo vệ danh dự chúng tôi. Vạn sự bất như bần, giai do đều phát xuất từ sự thiếu thốn. Không ai muốn bôi tro trát trấu vào mặt. Công tâm mà nói, nếu anh không khôn khéo cho ít nhiều tro phân thì cái rẫy bên bờ suối kia, cây cỏ cú cũng không trồi đầu lên nổi, đừng nói chi chuyện hoa với màu. Tôi đại diện những người anh giúp, cám ơn anh nhiều, nhiều lắm nhé."

Cũng nhờ anh Vân mà nội quy trong đội được nới lỏng đôi chút, hàng tháng những lá thư gửi về gia đình cũng kiểm duyệt qua loa, ngày chủ nhật hay ngày lễ được nổi lửa "cải thiện" sớm hơn năm mười phút. Có ai đó, trong nỗi nhớ thương không dằn được, cất lên vài câu "nhạc vàng" cũng không sao. Đi thu hoạch, có ai nhai trộm một mẩu sắn sống chỉ rầy rà vài tiếng. Khi ra ngoài chặt tre về đan đát có ai trúng gió cũng được phép vào nhà dân xin dầu hôi bôi để cạo. Tóm lại, như lời một vị đại tá, cựu tỉnh trưởng đùa vui: một người đổ phân cả đội được nhờ.

*

Một hôm Hoàng Vân đang lúi húi nhóm lửa để đốt phân thì một cô gái đến, vui vẻ nói chuyện, như đã từng quen biết:

"Anh tù miền Nam nè, em nghe đâu trong đó các anh thèm chất ngọt quá, khi đánh răng nuốt luôn cả kem, phải không?"

Câu hỏi khởi đầu trên đôi môi chúm chím, hiền từ, làm Vân bật cười:

"Phải."

Cô gái ngồi xuống cạnh anh, buông tiếp một tràng câu hỏi:

"Nghe các anh cạo râu bằng mẻ chai, phải không?"

"Phải."

"Giường chiếu các anh ngủ, rệp bò lổm ngổm, không tài nào đếm xuể à?"

"Phải."

"Móng tay dài, các anh dùng răng cắn phải không?"

"Không dùng răng thì dùng gì?"

"Còn móng chân?"

"Cũng thế."

"Nghe người ta kể, khi ăn bắp, các anh cẩn thận đếm từng hột mới bỏ vào miệng nhai, làm chi thế cho mất thì giờ"

"Để kéo dài bữa ăn."

Cô gái không còn giữ nét vui tươi nữa, tỏ vẻ ngao ngán:

"Em còn nghe các anh ăn cả ốc sên, cóc, ễnh ương, chàng hiu, bọ cạp, bọ xít, cào cào, cuốn chiếu, đuông, rắn mai, thằn lằn, mối, kiến, sâu róm nữa, phải không?"

"Con gì ăn được thì ăn, trừ bọ hung."

"Phải, bọ hung nhớp, đừng thèm ăn. Thế có ai ăn rít?"

"Không."

"Vì sao thế anh?"

"Vì tìm không ra."

Cô gái lại cười bày hai hàm trắng ngà. Nụ cười làm nét mặt cô ngây thơ thêm. Lát sau cô hỏi tiếp:

"Vì sao lại lạ đời thế anh nhỉ?"

"Vì chúng tôi là tù, tù bỏ đói."

Cô gái như chợt tỉnh, đưa đôi mắt buồn thiu nhìn qua mấy ngọn đồi đầy hoa chẩu nở. Màu hoa trắng xóa bít kín chân trời. Những áng mây phía sau hoa cũng trắng xóa. Rồi cô chậc lưỡi:

"Hèn gì ai cũng ngán ở tù. Em ở tận ngoài mỏ than Quảng Ninh kia, vào đây thăm người chị lấy chồng công an coi tù đây. Trong làng em, cũng có mấy người đi tù, họ đi luôn, không thấy về. Hồi còn đi học, em học môn vạn vật, được biết không phải loài vật nào cũng ăn được, như gan cóc tía, mật kỳ đà chẳng hạn, các anh đừng xem thường mà bỏ mạng. Cũng may mà ở núi đồi, con cá nóc không bơi lên được, không thì các anh ăn phải, chết hết còn gì?"

"Cô em đừng lo, các anh còn sống nhăn đây. Có chết, thì không phải chết vì... ăn bậy."

Cô gái hiểu ý:

"Biết thế rồi, nhưng cũng phải ráng mà sống

chứ. Em nghe họ đồn, vợ các anh trong Nam đi lấy chồng hết phải không?"

"Có ít thôi, bằng chứng là ngày nào cũng có những người lặn lội ra đây thăm chồng."

"Con cái các anh có người đi bươi những đống rác?

"Con không cha, đói thì đi đâu cũng đi, miễn là không đi giết người, cướp của."

Đăm chiêu một hồi lâu, cô gái lại hỏi, giọng buồn bã:

"Khi anh chị yêu nhau, có nghĩ đến ngày xa nhau, khi anh đã xa lâu như thế nầy rồi, có thương chị ấy không?"

Hoàng Vân khẽ cười:

"Đã gọi là yêu nhau, lúc gần cũng như lúc xa, đều như nhau."

"Thế mà người ta cứ nói, các anh và cả các chị nữa, đều là hạng bạc tình. À, anh nè, bây giờ thì người ta nói con dơi sinh chuột, chuột đẻ ra trứng, trứng nở ra chồn hương còn được nữa là. Riêng bản thân em, dù có đem xuống vịnh Hạ Long trấn nước, cũng không tin con vượn sinh ra người. Tổ tiên mình hẳn phải cao sang, sao nhăn nhó như khỉ được, tính chi nước cờ, buồn quá, phải không anh? Thôi em vào, chị em cho em mang lon đỗ lạc rang nầy ra nhé."

Đi một quãng, cô lại quay lui biếu anh ăn đỡ buồn. Mai em về quê rồi. Chắc là tết nầy lại lên. Hẹn gặp anh lần sau, nói:

"Chuyến sau, thế nào em cũng biếu anh cây dao nhíp để cắt móng tay, móng chân. Mỗi lần cúi xuống cắn móng chân coi chừng gãy cổ, nghe anh."

*

Cuối mùa đông năm ấy, Hoàng Vân lâm bệnh. Cán bộ trại cũng như anh em cùng cảnh ngộ không ai biết anh bệnh gì. Khi không còn sức để gánh vác công việc nữa thì mức ăn của anh trụt xuống hạng B tức khắc, dù ban giám thị trại biết anh có nhiều cố gắng, nay đau ốm, đối xử như thế là bất nhẫn, nhưng điều quan trọng hơn là, cảnh tỉnh cho người khác biết, trong xã hội mới, dứt khoát có làm có ăn, không làm thì nhịn, chẳng thiên vị, ưu đãi cho bất cứ ai.

Trong những ngày ấy thì bà cô từ Hà Nội lên thăm. Nhờ sự chiếu cố đặc biệt của ban giám thị trại, anh được ngồi lên chiếc xe cải tiến trước dùng riêng cho anh chở phân, để hai người tù hình sự đẩy ra thăm cô.

Vừa trông thấy người đàn bà ngồi trong phòng tiếp tân, anh cố ngẩng đầu cao, cất tiếng gọi:

VIỆT TRANG

Vòng Tay Của Mẹ

Gởi con Mai Trang

Từng tháng năm mong đợi
Vẫn nhánh gió làn sương
Tình quê không níu nổi
Bước chân người tha hương

Biệt ly nào cũng vậy
Giọt nước mắt trào mi
Sợi buồn thương thắt ruột
Mẹ đứng lặng. Con đi!

Như chim sâu hiền nhỏ
Thả bên đời tiếng thơ
Như hoa thơm cỏ lạ
Quấn quít mãi quê nhà

Trong vòng tay của mẹ
Vui cười tuổi bé thơ
Trong vòng tay của mẹ
Ngậm ngùi chim bay xa

Áo trắng con đẹp mãi
Cài nguyên một cánh hồng
Bên nhà xưa mòn mỏi
Mẹ tóc trắng như bông

Đà Lạt tháng 9 / 01

"Cô!"

Người đàn bà quay lại, hỏi cán bộ phụ trách thăm nuôi:

"Người ngồi trên xe là thân nhân của tôi?"

Cán bộ chưa kịp trả lời, từ ngoài hành lang, anh lại ráng sức:

"Cháu đây, cô ơi!"

Rời khỏi chỗ ngồi, người đàn bà chậm chạp đi về phía anh, tỏ vẻ ngạc nhiên:

"Cậu là Nguyễn Hoàng Vân đây à. Sao nhận ra tôi?"

"Thấy cô giống bố cháu như đúc."

Vừa nói hết câu, anh khóc rống lên. Một hồi, anh nín bặt, rồi lại khóc thút thít như đứa trẻ thất lạc lâu ngày được gặp mẹ.

Đây là lần đầu tiên kể từ khi vào tù anh khóc.

Năm 1954, anh mới lên sáu tuổi theo cha anh di cư vào Nam, cô đi chiến khu.

Khi anh còn trong quân ngũ, mỗi lần về phép thăm cha, ông đều nhắc, đại khái, sau nầy nếu giải phóng được miền Bắc, nhớ ghé số nhà nầy..., phố nầy..., đó là nơi tổ tiên trú ngụ đã bao đời. Anh chị em bố người nào nét mặt cũng hao hao giống nhau, dễ nhận ra thôi. Nay cha đã ra người thiên cổ, không ngờ gặp cô ở chốn nầy. Anh khóc vì chuyện đời trớ trêu.

Vốn là người từng trải, rất hiểu nỗi lòng tù nhân lúc nầy, người cô an ủi:

"Đừng khóc, cháu. Gặp được cô là điều may. Ít ra, cháu cũng có một người cùng máu mủ đến thăm trong tình cảnh này. Nếu cô đoán không nhầm, chắc có một lúc nào đó, thâm tâm cháu cũng nghĩ rằng, đời cháu với một quá khứ của mình, coi như đã hết, chẳng còn ai ngó ngàng đến. Người ta nói, một giọt máu đào hơn ao nước lã, đối với cô, không phải ao, mà... hồ, đầm. Cha cháu qua đời, cô không gặp mặt. Cô còn nhớ, hồi thơ ấu, hai anh em thường dắt nhau ra con đê Yên Phụ ngắm chiều xuống bên kia sông Hồng. Bầu trời trước mắt ngày ấy mây quấn quít bên nhau, đẹp làm sao cháu ơi. Trong mấy anh chị em, cha cháu thương cô nhất. Cháu cũng có nét giống cha, có điều gầy rạc, xanh xao quá. Hồi mới giải phóng, cô vào tiếp thu cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh có ghé nhà, lúc đó cháu đã tập trung cải tạo rồi. Tội nghiệp vợ cháu, đặt hết niềm tin nơi cô, nhờ cô đứng ra bảo lãnh cho cháu được sớm về. Cháu dâu có ngờ đâu rằng, đối với cách mạng, ai gieo thì nấy gặt, một mình. Vợ cháu cũng có tặng cô một cái đài ba băng, loại Nhật Bản ít hao pin, nay cô còn nghe tốt. Vừa mới đây, vợ cháu có viết thư ra thăm cô và gửi kèm theo tấm ngân phiếu, nhờ cô mua một vài thứ cho cháu ăn tết. Ra năm rộng tháng dài, vợ cháu sẽ ra thăm, chắc là đem theo cả mấy đứa con."

Hoàng Vân bối rối nhìn cô, lúc lâu mới nói được:

"Thuở sinh thời cha cháu thường nhắc đến cô. Cha cháu nói hồi học tiểu học, cô có khiếu vẽ, vẽ hoa sữa, trái sấu giống như đúc."

"Ừ, lớn lên cô chẳng vẽ vời gì được, mà có theo nghề hội họa chăng nữa, suốt đời cũng chỉ ra góc đường ăn cơm tấm và ở nhà tập thể với chuột đó thôi. Thế cháu bệnh gì mà phải có hai người dìu. Bại hả?"

"Cháu cũng chẳng biết bệnh gì."

"Chắc thiếu thốn dồn dập rồi sinh bệnh, có quà nầy cháu cứ bồi dưỡng một thời gian sẽ bình phục. Các vị lãnh đạo cao cấp trong đảng ai cũng có một thời bị tù, lâm trọng bệnh mà về sau không hề hấn gì. Riêng cô đây, hồi đi kháng chiến, khi không xáng xuống bệnh, hai chân sưng vù như cột nhà, tưởng liệt suốt đời, thế mà cũng lành ráo."

Rồi bà ghé vào tai anh, khẽ nói:

"Như thế nầy cũng là may rồi đó cháu. Nhổ cỏ mà không nhổ tận gốc là người ta mong có ngày để cho mặt đất bớt vẻ tiêu điều. Lịch sử nhân loại còn sờ sờ đó, chắc cháu cũng đã nắm, bất cứ một phe thua nào cũng bị phe thắng tàn sát, Tây Sơn với Chúa Trịnh, nhà Nguyễn với Tây Sơn cũng thế thôi, có người bị xẻo từng miếng thịt, lóc từng khúc xương, có người bị cột vào bốn chân voi xé xác, có người bị xẻo mũi, cắt tai, đâm thủng mắt dắt đi bêu ngoài đường. Nay đảng không làm thế, nhưng dĩ nhiên là chịu chế độ uốn nắn khắt khe, thậm chí có khi vô cùng khắc bạc. Cháu nên xác định vị trí của mình, nghe đâu, trước cháu ở trong binh chủng gì ghê gớm lắm, chỗ nào có đối phương thì xông ào tới, coi cái chết nhẹ như lông. Vậy thì nay chiến bại, như thế nầy, cũng không oan ức gì. Cháu nghe lời cô nói có lý không?"

Suy nghĩ một hồi, Hoàng Vân nói:

"Nhưng cháu có cái lý của cháu. Cháu không buồn vì chuyện mình bị tù, nhưng buồn vì cháu không giữ được nơi mình phải giữ. Cháu phải ở vào cái thế chịu bó tay đầu hàng, rồi đâm đầu vô tù, trong khi cháu và đồng đội còn sức và nhiệt huyết để chiến đấu, thế thôi."

"Cô hiểu. Nhưng sự việc đã xẩy ra rồi, chấp nhận nó là điều tối cần. Coi như ách giữa đàng

quàng vào cổ."

Không muốn đả động đến chuyện chính trị nữa, người cô quay lại gọi cán bộ đang đứng nhìn trời nhìn đất ngoài hành lang vào, hỏi:

"Thế đồng chí quản lý phạm nhân, có biết cháu tôi bệnh gì không?"

"Thưa, tôi không phải quản giáo, chỉ thuần phụ trách thăm nuôi."

Sau, Hoàng Vân hỏi thêm:

"Dượng và các em có khỏe không. Cô lên thăm cháu bằng phương tiện gì?"

"Dượng về hưu rồi, các em đã thành gia thất. Cô đi xe đò lên Bến Phà Trang, từ đó vào đây bằng xe trâu. Ngồi trên xe trâu mệt, nhưng có cái thú là được lắc lư, thấy mình chông chênh giữa núi đồi cũng vui, lại giúp mình có dịp hồi tưởng lại thời xuân xanh bay nhảy đã qua. Mỗi lần đi công tác bằng xe con, nhanh, sướng hơn, nhưng cũng có cái giá phải trả: tiếng động cơ ồn ào làm liên tưởng đến những ngày Hà Nội bị rải thảm bom, lòng không yên. Cháu biết năm nay cô mấy tuổi không? Sáu mươi hai rồi đấy, thua cha cháu ba tuổi. Nếu cha cháu ở lại, giác ngộ đi theo tiếng gọi của bác Hồ thì cũng làm ông nầy ông nọ như ai. Số mạng cháu lại khác đi, có khi ngược lại, ngược một trăm tám chục độ với hoàn cảnh nầy, nghĩa là bản thân cô lại nương tựa vào cháu không chừng."

"Sao tóc cô không có sợi nào bạc hết?"

Giữa tình huống nầy, một câu hỏi như thế làm bà cô bật cười:

"Còn làm việc, còn đi đây đi đó, chứ cháu. Đàn bà mà tóc bạc coi như hết thời. Cổ nhân nói, *bất hứa nhân gian kiến bạc đầu (*),* đúng lắm. Nên cô phải nhuộm, dù tốn kém, mất thì giờ, không hợp với trào lưu về nguồn, nhưng thà thế còn hơn. Đây là những thứ cô mua đúng trong thư vợ cháu dặn, vừa vặn số tiền vợ cháu gửi ra. Còn gói nầy, cô tặng riêng cháu, gần hai ký cám lứt loại tốt trộn với đường đen, chính tay cô thức gần suốt đêm rang cho cháu đấy, nhớ giữ cẩn thận mà ăn dần. Có thể nói, đây là thứ thuốc tiên chữa bá bệnh. Sau nầy cháu được tha, cô có ý kiến, không nên ở thành phố, đem vợ con lên Định Quán mà sinh sống, cô nghe miệt ấy có rất nhiều gỗ qúy, vợ chồng cô gần hết đời, trong nhà không có nổi một bộ bàn ghế bằng cẩm lai, gụ, để nở mặt mày với thiên hạ."

Ngừng lại để lấy thêm hơi, bà cô tiếp:

"Khi nào nhận được giấy tha, cháu nhớ về Hà Nội thăm cô, địa chỉ cô ghi sẵn đây. Đây không phải nhà cô mà nhà một người bạn, cô sẽ dặn họ trước. Cô với cháu là tình thâm ruột thịt, chính kiến có thể châm chước san bằng được, nhưng dượng là người dưng, biết cháu không đồng lý tưởng, sợ không niềm nở hay hai bên có những lời lẽ khiêu khích nhau, mất đoàn kết."

"Cám ơn cô, cháu hiểu rồi."

"Thế trong trại cháu làm gì?"

"Thưa cô, cháu chuyên khâu hủy phân..."

Bà cô quắc mắt, ngạc nhiên:

"Phân gì thế?"

"Dạ... bò."

"Bò của trại hay dân?"

"Trại nuôi mấy con, vỗ béo, tết nầy làm thịt."

"Ừ, tốt thôi. Bò là loài ăn cỏ nhai lại, phân của chúng không ngại. Chỉ sợ phân người. Ở trong ngành nông nghiệp lâu, cô biết rất rõ. Trong các động vật, phân người và loài khỉ vượn là đáng sợ nhất, vì cơ cấu đường ruột non, ruột già cầu kỳ, khúc chiết, làm cho chất cặn bã thoát chậm và xử lý qua nhiều dạng phức tạp trước khi thành phân thuần túy. Thôi, hết giờ thăm cháu rồi. Cô về. Cháu nhớ lấy mấy miếng đường lẻ cho hai em tù dìu cháu nhé. Ra năm, vợ con cháu ra thăm, nếu rảnh, cô cùng lên thăm luôn, bằng không cô cũng làm cho cháu vài ký cám rang nữa. Ngày về ghé thăm cô, ở lại chơi vài bữa, cô sẽ đem cháu ra hồ Hoàn Kiếm chơi, thuê thợ chụp chung vài tấm ảnh màu. À, cháu Vân nầy, khi nãy cô nói với cháu mà chưa hết ý, cô nhuộm tóc không phải là cưa sừng làm nghé đâu nhé. Cưa, là một động tác thời nào cũng... đau, cô không ngu gì."

Rồi người cô nắm lấy bàn tay lạnh buốt của anh:

"Cô đi đây. Cháu họ nhiều thế, coi chừng hai lá phổi."

Chờ bóng cô khất sau màn hoa chẩu trắng đục, Hoàng Vân quay lại, nhờ hai bạn tù hình sự dìu lên xe. Anh lại bật khóc, lần nầy khóc vì trong đời, anh đã có lần nói dối, mà lại nói dối với cô ruột mình.

*

Mấy ngày sau bệnh tình Hoàng Vân đã đến hồi nguy kịch, hết cơ cứu vãn, ban giám thị trại mới điều xe hơi quân đội chở ra bệnh viện thị xã Vĩnh Yên. Từ đó anh đi biệt không về nữa!...

Midway City, 11.1994 -
Lawrenceville, 11. 2003

(*) Đừng để cho người đời thấy lúc đầu bạc.

Vu Lan

TÔN NỮ THU NGA

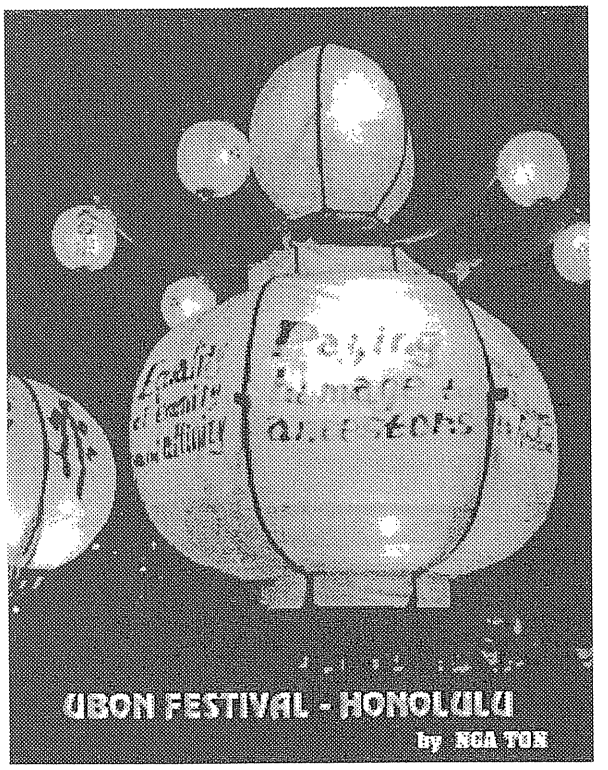

Rằm tháng Bảy hoặc ngày mười lăm tháng Tám dương lịch, tương tự như người Hoa và Việt, người Nhật Bản hành lễ Ubon, còn gọi là Bon hoặc Urabon. Trong dịp lễ này họ còn cử hành thêm lễ Toro Nagashi tức là lễ thả đèn trên sông để cầu nguyện cho kẻ quá cố.

Nguồn gốc của lễ Ubon hoặc Vu Lan phát xuất từ Phật Giáo Trung Hoa, truyền qua Nhật Bản từ đầu thế kỷ thứ bảy. Tôn giáo Á Đông tin tưởng rằng linh hồn của tổ tiên và người quá cố trở về nhà trong ngày hội Vu Lan. Thức ăn, hoa quả, nhang đèn được bày biện trước bàn thờ, danh từ Nhật Bản là Butsudan, để cầu nguyện cho sự an lạc thiên thu. Đèn giấy treo trước nhà hướng dẫn linh hồn về đoàn tụ. Trong khu vực Hiroshima, đèn màu thắp lên cạnh các nấm mộ lâu năm, đèn trắng dùng cho những người mới qua đời trong vòng một năm.

Ubon là một trong hai dịp lễ quan trọng trong năm đối với người Nhật. Hầu hết các cơ quan hành chánh và cơ sở thương mại đóng cửa nghỉ phép vào ngày mười ba đến mười lăm tháng tám. Nhiều người đi làm xa được chủ cho về thăm gia đình để cùng nhau trẩy hội Vu Lan.

Trong những ngày đầu, ngoài việc đi thăm mộ và cúng giỗ, người Nhật Bản còn có tục lệ nhảy múa gọi là Bon Odori để chào đón linh hồn tổ tiên. Nhiều nơi, vào ngày cuối của tuần lễ Ubon, vào mỗi hoàng hôn dân chúng thả đèn xuống sông hoặc biển, họ tin rằng linh hồn thân nhân sẽ đi theo ánh đèn về miền cực lạc.

Lần này đến Honolulu, tôi ngẫu nhiên khám phá rằng mình đang viếng Hawaii trong tuần lễ Ubon. Từ đầu tuần, bắt đầu sáu giờ rưỡi chiều, các vũ công Nhật bản mặc Kimono và Tabi, hát múa vinh danh tiền nhân trước khách sạn Hawaiian Regent. Đây là lần thứ bảy khách sạn này bảo trợ chương trình lễ Urabon. Vào đêm mười lăm tháng tám, tối chủ nhật, chương trình rước đèn hoa bằng thuyền độc mộc bắt đầu vào lúc tám giờ tối tại kênh đào Alawai. Tại đây, một ngàn cái đèn giấy sẽ được thả xuống nước.

Lòng tôi hân hoan mở hội, hy vọng được thấy một đêm Hawaii huyền diệu, bí ẩn với những ánh đèn lung linh trên dòng nước, được nghe tiếng Hạ uy cầm reo trong gió, tiếng lá dừa ngả nghiêng xào xạc và nhất là mùi thơm dịu dàng phảng phất của hoa sứ, một kỷ niệm của Hawaii tôi luôn luôn cưu mang lưu luyến. Năm ngoái, tôi về Huế, được đi thuyền trên sông Hương, nghe ca Huế và thả đèn hoa đăng, lòng còn mang nhiều kỷ niệm thật là êm đềm, nên tôi rất mong được hưởng thêm một kinh nghiệm mới.

Sáu giờ chiều, sau khi ăn tối thật nhanh tại International Market cho chắc bụng. Tôi vội vã vác ba lô máy ảnh lên lưng, băng qua ngả sau chợ, đi bộ tới kênh đào Alawai. Con đường tráng xi măng dọc theo bờ kênh rất tiện cho bộ hành dạo mát, trên lề đường hoa sứ trắng, hồng tỏa hương êm dịu theo làn gió thoang thoảng. Những cây dừa cao vút nghiêng bóng trên bờ nước và phượng vĩ vẫn còn hoa rực rỡ làm hồn tôi man mác nhớ những kỷ niệm thủa học trò áo trắng ngày xưa.

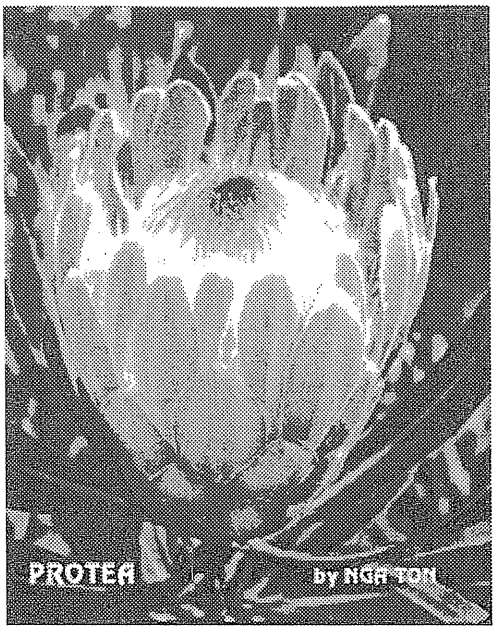

Đang tìm chỗ an tọa để chờ màn đêm rơi xuống, tôi chợt thấy một đoàn thuyền độc mộc từ hướng cầu McCully chèo ngược dòng kênh. Trên mỗi chiếc thuyền là một cái đèn giấy trang hoàng diêm dúa, gắn kỹ lưỡng trên một tấm ván lớn, đặt thăng bằng ngang lòng thuyền. Ba cô gái trẻ người địa phương chèo ngược dòng nhanh nhẹn. Thấy tôi chụp ảnh trên bờ các cô chậm tay nhìn lên. Tôi gọi:

- Cho tôi chèo thuyền với!

Cô nhìn tôi:

- Bà có mái chèo không?

Tôi lắc đầu, tiếc thầm bị cơ may đang dở. Mấy cô nói: sorry, và chèo thuyền đi mất. Từ địa điểm hành lễ, tiếng chiêng trống trỗi lên vang dội, kinh cầu bằng Nhật Ngữ và Anh Ngữ, mặc dù đây là đại lễ Phật giáo nhưng tôi có nhận ra thêm những lời kinh Công giáo. Khi đọc danh sách của tử sĩ tôi nghe lời cầu nguyện cho nạn nhân chiến cuộc trong các cuộc đại chiến, nhất là những linh hồn uổng tử tại Hiroshima, Nagasaki và Pearl Harbor. Sau nghi lễ tế bái, các đoàn vũ công múa trống, múa đèn. Tôi ở bên bờ sông đối diện, trời lại nhá nhem tối nên không thấy được tất cả những chi tiết hành lễ. Lúc này, tất cả các lồng đèn đều được thắp sáng trên các thuyền độc mộc, tụ tập phía tôi đứng. Bên kia sông, cả ngàn cái đèn giấy đã lung linh ánh nến. Biết rằng phải chụp ảnh đêm, không đèn chớp nên tôi dùng loại phim nhậy sáng, thay đổi tốc độ và khẩu độ khác nhau để hy vọng có tấm hình đẹp. Tôi miệt mài bấm hết ba mươi sáu tấm để rảnh tay thực hiện mưu đồ mới của mình.

Chụp hình xong, cất máy gọn gàng vào ba lô, tôi quan sát các chiếc độc mộc quanh mình. Các anh chị chèo đò lúc này đang nghỉ ngơi, uống nước và ăn tối. Biết rằng nếu tôi kiếm được cái mái chèo thì cơ hội lên ghe của tôi sẽ trăm phần hy vọng. Nhìn thấy một chiếc thuyền đôi chở cái đèn lồng màu hồng thật lớn, chèo bởi sáu anh chàng Hawaiian da đen bóng, sau thuyền họ dắt thêm mấy cái mái chèo. Tôi mon men bước đến làm quen và xin chèo thuyền với họ. Sau vài phút ngẫm nghĩ, một anh gọi qua chiếc thuyền bên cạnh xin phép giùm cho tôi được lên thuyền vì thuyền này chỉ có hai tay chèo và anh ta đưa tay rút mái chèo cho tôi mượn. Anh chèo đò trên chiếc thuyền mới hỏi tôi:

- Bà có biết chèo không?

Tôi do dự chả biết trả lời như thế nào nhưng đánh bạo nói dối:

- Tôi rất thông minh, cần vài phút thực tập là tôi chèo được ngay!

Anh đưa tay chỉ tấm ván giữa thuyền.

- OK, bà ngồi đây.

Bây giờ nhìn kỹ lại thấy chiếc thuyền sao mỏng manh quá làm bụng tôi bắt đầu đánh lô tô. Biết rằng với tấm thân bồ tượng này, nếu tôi trèo không khéo thế nào cũng lọt xuống sông, làm lật thuyền và làm trò cười cho cả ngàn du khách đang ngồi hai bên bờ . Sau vài giây ngẫm nghĩ, biết rằng sông không sâu lắm, tôi lội đại xuống sông, mang cả giày, trù tính rằng nếu rủi ro tôi có bị lật thuyền thì trước sau cũng ướt, chi bằng bị ướt chút chút trước cho quen. Nước bên hông thuyền chỉ ngang đùi, tôi chỉ sợ cho túi máy ảnh đầy phim và dụng cụ đắt tiền nên nâng lên cao, đặt cẩn thận trong lòng thuyền trước khi nhảy vào thuyền. Người đàn ông trung niên ngồi đầu mũi thuyền tên là Sandy, thấy tôi cầm mái chèo, anh cười khì bảo rằng tôi cầm ngược. Da mặt tôi rất dầy từ khi trở thành nhiếp ảnh gia nên tôi không cảm thấy

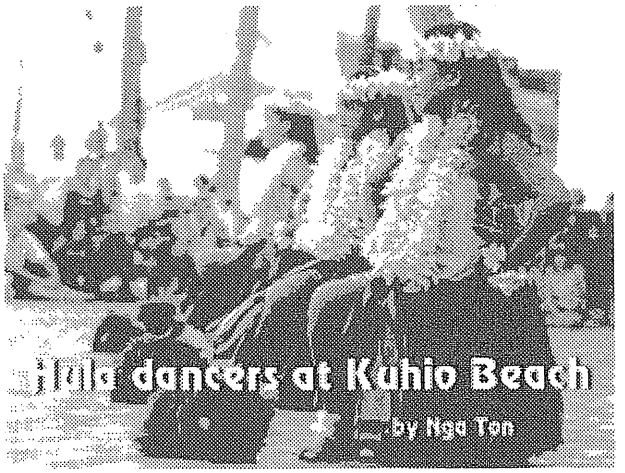

ngượng ngùng chi cả, tôi bảo anh:

- Anh dạy cho tôi cách chèo cho đúng để tôi khỏi làm lật thuyền nhé.

Anh ta chỉ tôi cách cầm chèo và cách vận động các bắp thịt vai và hông, cách chuyển hướng thuyền rồi bảo:

- Khi nào tôi chèo bên phải thì bà chèo bên trái.

Thì ra chèo thuyền còn dễ hơn là đạp xe đạp, mấy hôm trước, ngày nào tôi cũng đi bơi mà chẳng thấy tay chân mỏi mệt chi cả nên hôm nay tôi cảm thấy khỏe và tự tin. Cuối thuyền, cậu thanh niên trẻ mới mười sáu tuổi tên Mike, người Mỹ trắng, sinh tại Hawaii nên da cũng ngăm ngăm đen vì hay đi trượt sóng. Mike muốn qua học đại học Colorado sau khi tốt nghiệp trung học. Sandy đã hơn năm mươi tuổi, mang dòng máu Hawaii và Trung Hoa, ngày xưa khoảng năm 1970 anh ta đi lính qua Việt Nam. Hai người tỏ ra rất thân thiện, tử tế và vui vẻ.

Bên bờ công viên, buổi tế lễ kết thúc, một hàng ca sĩ và vũ công mặc quốc phục Nhật Bản bước sát bờ nước, hai tay cầm đèn, múa lòng vòng và hát lên những lời ca thật trầm buồn êm dịu. Tiếng ca như làn gió nhẹ mơ hồ trên mặt nước, như cánh bướm lượn trên hoa, như tiếng mẹ ru ơi hời buổi trưa hè vắng...

Từng chiếc độc mộc bắt đầu lìa bến, đến phiên thuyền chúng tôi di chuyển, thấy Sandy dùng mái chèo đẩy thuyền tôi cũng bắt chước anh. Chúng tôi chèo thuyền qua bờ sông đối diện, các vị có nhiệm vụ buộc đèn lội ra, cột vào đuôi thuyền một hàng đèn giấy, ít nhất là năm mươi chiếc. Một anh nhìn sát mặt tôi cười:

- A, có một du khách!

Trong cuộc lễ này, các người chèo thuyền thường là người bản xứ nên anh ta có vẻ ngạc nhiên thích thú khi thấy khuôn mặt lạ. Tôi cười và đáp:

- Một du khách can đảm, vì đây là lần đầu tiên tôi được chèo thuyền!

Anh đẩy thuyền ra dòng và nhắn:

- Have a good time!

Tôi sung sướng cười vui vẻ cám ơn anh ta và chèo ra giữa dòng.Tay tôi cầm cái bơi chèo, khuấy dòng nước mát, bên tai gió hiu hiu thổi, tiếng ca vương vấn trầm bổng trong không gian đưa thuyền nhè nhẹ trôi. Trên trời trăng lưỡi liềm, tinh tú long lanh vằng vặc, giải Ngân Hà chia phôi tình Ngưu Lang Chức nữ. Trước mặt tôi, thành phố Honolulu đã lên đèn, nhìn những cửa sổ cao ốc đèn sáng, tôi liên tưởng đến những cái đèn lồng, không khác mấy những ngọn đèn vuông vức chạy theo chúng tôi sau lưng thuyền.

Bờ kênh phía đường Alawai du khách đứng ngồi ngổn ngang chiêm ngưỡng cuộc diễn hành, đôi khi chúng tôi bơi gần bờ, du khách vỗ tay vang dội để khích lệ, tôi khoái chí cười toe toét đưa mái chèo lên vẩy giống như một quán quân vô địch làm Mike cười như nắc nẻ. Qua một đoạn khác, phía sân golf, một bầy thanh nữ hát hò cổ võ vang lừng có vần có điệu thật là vui.

Gần cầu McCully du khách bắt đầu thưa thớt, chúng tôi im lặng chèo qua khúc kênh tối, chợt tôi nghe tiếng kinh tụng trầm bổng rì rào phát ra từ bờ cỏ. Tiếng kinh dìu dặt thê lương, buồn như tiếng niệm ngâm nga cầu cho linh hồn về miền cực lạc. Một cụ già tay cầm tràng hạt, cúi đầu miên man tụng niệm. Lòng tôi chợt cảm thấy dày vò bởi một nỗi ai oán khó tả, không khác với nỗi buồn khi tôi đứng trên đài tưởng niệm Arizona, nghĩ đến những chiến sĩ trẻ bằng tuổi con mình đã hy sinh vì tổ quốc. Tôi cũng thì thầm một lời cầu nguyện cho những linh hồn quá cố được trôi về một cõi bình an, như những chiếc đèn lồng lặng lờ trôi về bến mới.

Thuyền cập bến, sau khi giúp Sandy và Mike kéo mũi thuyền lên bờ, tôi cám ơn và từ biệt. Vòng qua cầu Mc Cully, tôi lên phố để về lại Kuhio Beach, lòng cảm thấy đầy sinh khí và vui sống. Nhìn quanh, so với cả mấy chục ngàn du khách tôi cảm thấy mình thật may mắn vì được trải qua một kinh nghiệm thật thích thú. Trong đêm nhiệt đới thơm nồng hương hoa sứ, tôi thả bộ trên hè phố Honolulu, ngửa mặt lên trời đón nhận những giọt mưa ngâu đang nhẹ nhàng rơi./.

BÍ QUYẾT HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

NGUYỄN ÁI NHÂN

Sau một lần cãi nhau, cả hai vợ chồng chúng tôi cùng nhượng bộ bằng cách lờ đi và coi như không có chuyện gì xảy ra. Hôm đó, nhân lúc vui vẻ cả hai cùng giảng hòa và đưa con đi chơi phố. Mọi chuyện có vẻ bình thường. Người đi đường nghĩ chúng tôi là một gia đình hạnh phúc. Đến gần ngã tư Phố Huế và Tràng tiền chúng tôi đi ngang qua một tiệm pizza. Ở Hà Nội không có nhiều các tiệm Pizza, nói đúng hơn tôi chưa nhìn thấy tiệm nào khác ngoài tiệm chỗ này. Vợ tôi đứng lại, suy nghĩ và đề nghị: *"Hôm nay không nấu cơm nữa, đi ăn pizza để thay đổi một chút đi."*

"Có chắc ăn được không đã. Không phải ai cũng ăn được pizza đâu. Nhiều người không quen, không thấy ngon," đẩy xe chở con đi trước vài bước chân, tôi dại dột chân thành phản ứng và hỏi lại.

Tôi chỉ nói vậy thôi, mà vợ tôi nổi xung và lên giọng gay gắt: *"Vâng, chỉ có anh là biết ăn pizza, thấy ngon ... Chỉ anh là biết văn hóa 'Âu Châu' còn tôi không biết... Làm gì mà coi thường người khác thế!"*

Tôi vừa bực, vừa thấy buồn cười và cố gắng giải thích nhưng... vô tác dụng.

Những lúc như thế này không thể giải thích và dùng logic với phụ nữ được.

Vợ tôi giận dữ, mặt hầm hầm và quay đầu bỏ về nhà. Còn tôi cũng nổi cáu và tiếp tục kéo con đi chơi. Nhưng chưa đi được bao xa, chưa kịp hết tức giận tôi lại nghe tiếng vợ tôi gọi giận dữ phía sau. Nàng không có chìa khóa về nhà và gọi bằng giọng trống không: *"Chìa khóa... nhà. Đưa chìa khóa nhà đây."*

Không một lời, tôi cầm chùm chìa khóa quăng cho vợ và bực tức đi tiếp.

Chúng tôi lại cãi nhau. Lần này lại có vẻ nghiêm trọng hơn những lần trước, gia đình chúng tôi lại trên bờ vực thẳm của sự tan vỡ. Có lẽ không gì có thể ngăn lại được. Giọt nước cuối cùng làm tràn li là chiếc pizza. Nói đúng hơn, giọt nước đó bắt đầu từ chuyện vợ tôi muốn đi ăn pizza.

Khi con người đã ghét nhau thì mọi chuyện đều dễ dàng trở nên xấu và khó chịu.

*

Trong gia đình nào mà không có mâu thuẫn. Nếu ai bảo gia đình họ không có mâu thuẫn và hòa thuận tuyệt đối thì chắc hẳn họ nói dối hay họ không biết mà thôi. Tôi không tin là có gia đình nào đó, ở một nơi nào trên quả đất này lại không có mâu thuẫn. Sự khác nhau giữa các gia đình chỉ ở cách giải quyết những mâu thuẫn đó mà thôi. Chúng ta cũng đừng ảo tưởng về các gia đình truyền thống kiểu Việt Nam ngày xưa là hoàn hảo. Để trả giá cho sự hoàn hảo thấy bên ngoài, để trả giá cho sự vẹn toàn êm ấm của gia đình là thân phận thê thiếp, ăn sau, ăn dưới bếp v.v. của người đàn bà. Một chị người quen đã nói mãi, nói rất nhiều lần mỗi khi nhìn thấy sự băn khoăn của tôi: *"Phụ nữ Việt Nam sinh ra để hầu hạ chồng con mà, biết làm sao được..."*

Trong gia đình tôi cũng vậy, không có gì khác. Cách đây vài năm, chúng tôi lấy nhau sau một chuyện tình đẹp mà rất nhiều người ghen tị. Ngày đó, nếu chúng tôi không lấy nhau chắc chắn cả hai vợ chồng chúng tôi khi về già sẽ kể cho con cháu nghe về một câu chuyện tình đẹp chưa kết thúc và không bao giờ kết thúc. Luật đời là vậy, cái gì chưa kết thúc đều đẹp vì con người còn có mong muốn và ao ước... để nó kết thúc đẹp. Nói đúng hơn, khi đó ai nghĩ thế nào cũng được.

"Ôi, chuyện cảm động quá, họ rồi sẽ lấy nhau và sống hạnh phúc với đàn con cho đến cuối đời như trong bao chuyện cổ tích...," người mơ mộng sẽ kêu lên như vậy.

Còn kẻ bi quan sẽ lắc đầu: *"May mà không kết thúc. Ít nhất còn có kỷ niệm đẹp mà sống. Lấy nhau rồi sớm muộn cũng cãi nhau, chán nhau và bỏ nhau thôi. Hoặc ít ra cũng sẽ phải chịu đựng nhau, hay ho gì!"*

Sự kết thúc không hoàn hảo là nỗi sợ hãi và nỗi ám ảnh nhiều người. Nói cách khác, rất nhiều người sợ, ngại lập gia đình chỉ vì sợ gia đình sẽ tan vỡ và họ sẽ bất hạnh. Đặc biệt, nỗi sợ hãi đó rất dễ thấy trong thời nay. Anh Trần, sống ở Mỹ, đã ngoài 40 tuổi và không xa nữa sẽ cập kè "đầu năm" nhưng vẫn dứt khoát và chưa dám lấy vợ. Anh có đủ tất cảnhững gì một người chồng cần có: nhà, xe, công việc, tiền v.v. Anh là người tốt và có rất nhiều tính truyền thống kiểu "Việt Nam." Anh Trần thanh minh đủ điều khi giải thích cho việc chưa chịu lấy vợ. Nào là anh còn ham chơi, ham sống chưa muốn chịu trách nhiệm, chưa thấy được chuẩn bị, chưa gặp người hợp v.v. và v.v. Nhưng bản chất thật của sự việc rất đơn giản, anh sợ. Anh sợ, lấy vợ không bao lâu rồi sẽ lại li dị. Anh sợ, vì anh nhìn tất cả bạn bè xung quanh, ai lấy vợ, có con rồi đều "khổ nhiều, vui ít" và phần lớn không hạnh phúc.

Đó là một sự thật mà các bà, các cô cũng nên suy nghĩ trong những lúc rảnh rỗi, không nấu ăn, đi chợ hay đi mua sắm. Một ai đó đã nói, nguyên nhân của mọi cuộc li dị chính là tờ giấy đăng ký kết hôn. Có lý! Các bạn có thể tưởng tượng: chuyện gì sẽ xảy ra nếu tất cả các tờ giấy đăng ký kết hôn ngày mai bỗng biến mất. Chỉ khi đó, những cặp vợ chồng, những gia đình nào dù họ đã cãi nhau, không cãi nhau mà vẫn muốn tiếp tục chung sống, vẫn cảm thấy cần có nhau mới là những gia đình, tình yêu thật sự. Nhưng, nhưng... tôi sợ rằng sẽ rất nhiều người vui và lắm kẻ buồn. Rất nhiều các gia đình tan vỡ.

*

Sau một thời gian sống ấm áp và hạnh phúc những ngày đầu sau khi cưới, giữa chúng tôi bắt đầu xuất hiện những khác biệt lớn nhỏ, những mâu thuẫn và rạn nứt. Những khác biệt này đã có từ trước nhưng cả hai đều nghĩ rằng: *"Chuyện nhỏ, sẽ vượt qua được thôi mà! Chỉ cần thương yêu nhau thật sự."* Nhưng không, cả hai chúng tôi đều nhầm. Khó lắm, khó vô cùng! Chỉ những người trong cuộc mới hiểu và hiểu nổi. Không phải vô cớ, người đời nói: "Kinh nghiệm không thể dạy được."

Chuyện phức tạp và mâu thuẫn đầu tiên bắt nguồn từ sự ngu dốt và một thói quen xấu của tôi: Tính hơi thật thà. Chỉ mới hơi thật thà, nhiều khi nghĩ sao, nói vậy mà đã gây bao nhiêu phiền toái và rắc rối lắm rồi. Tôi rất thông cảm, những kẻ ngu khác bị tật nguyền và cứ nói thật hoài thì khốn khổ làm sao?

Tôi tốt nghiệp đại học một nghành kỹ thuật. Nhưng trong nhiều năm sau đó tôi không làm trong ngành chuyên môn nên kiến thức của tôi rơi vãi, mất mát nhiều. Sau vì chuyện cơm áo, tôi phải quay lại làm đúng ngành học. Tất nhiên, tôi không thể giỏi hơn và tự cảm thấy mình kém nhiều đồng nghiệp trong công ty. Tôi tâm sự điều này với bố mẹ trong những bữa cơm ở nhà. Tôi ngây thơ nghĩ rằng, với bố mẹ mình thì có thể tâm sự thật lòng. Sai lầm, một điều ngu xuẩn vô cùng! Bố mẹ tôi nhanh chóng hiểu theo cách riêng và nhanh chóng đánh giá: *"Thằng con mình dốt hơn người khác."*

Với họ, bố mẹ tôi, điều phát hiện mới này là

sự thất vọng nhưng cũng là sự đắc thắng vô tình. Sau đó, họ nhấn nhủ với vợ tôi (tất nhiên khi tôi không có mặt) là chồng cô, con trai chúng tôi, chẳng tài cán gì đâu. Cô nên tự lo liệu đi và vì thế cũng đừng tự hào quá, nên ngoan ngoãn, biết điều. Các bậc cha mẹ Việt Nam thường có niềm hãnh diễn, tự hào về con cái nên khi nói vậy hẳn phải có chuyện gì. Thế nên, vợ tôi cũng nhanh chóng hiểu ra tình hình và cũng bắt đầu nhanh chóng tập suy nghĩ khác về chồng, là tôi, theo nhận thức mới: *"Bố mẹ anh ấy còn chẳng coi anh ra cái gì, làm sao tôi có thể coi trọng anh được. Đừng có nghĩ mình là ai ghê gớm lắm..."* Vợ tôi đã tiết lộ và phản ứng như thế trong một lần chúng tôi cãi nhau. Thế đấy, cũng nhờ cãi nhau nên tôi thỉnh thoảng biết được rất nhiều điều bất ngờ về bản thân. Cãi nhau, gây căng thẳng trong gia đình là một điều cũng nên làm, nên có. Theo ý tôi, chỉ như thế bạn mới biết được nhiều sự thật về bản thân mình, dù đôi khi rất cay đắng.

Chuyện khó khăn thứ hai trong gia đình tôi không có gì lạ, nó xảy ra trong hầu hết các gia đình: Mâu thuẫn mẹ chồng- con dâu hay ngược lại. Vấn đề chỉ đơn giản là cần làm rõ: Ai giỏi hơn ai? Nhà không thể có hai người cùng giỏi như nhau! Đây là chuyện vô cùng khó khăn và không bao giờ giải quyết .

"Từ trước đến nay, mẹ chưa hề biết nó - 'con dâu'- là ai. Thậm chí, chưa bao giờ cho nó một cái kẹo, tự nhiên bắt nó về nhà và bắt nó gọi mình là mẹ, bắt cư xử như con. Làm sao không khó," mẹ vợ tôi lúc cao hứng đã nói rất đúng từ kinh nghiệm của bản thân bà về quan hệ con dâu – mẹ chồng.

Nói được vậy, nhưng bà cũng không giải quyết được mâu thuẫn với những con dâu của bà. Nói đã khó, làm thì còn khó hơn, hay như theo anh Tuấn, bạn tôi thì không thể giải quyết được mâu thuẫn Mẹ chồng – con dâu. Anh Tuấn lấy vợ, có một cô con gái nhỏ và cũng đã li dị vợ.

Quan hệ giữa vợ tôi và mẹ tôi cũng vậy. Không ai chịu nghĩ mình kém hơn và người kia đúng. Ai cũng đòi là nhất, là đúng và điều khó khăn nhất là họ đòi tôi phải lên tiếng, không thể đứng trung lập được. Thật ra, hai người ghét nhau dù bề ngoài luôn vẫn kiềm chế và đối xử lịch sự. Nhiều khi tôi chỉ muốn bỏ đi khỏi thế giới này, thế giới của họ để muốn tìm sự yên thân. Con gái chúng tôi sau này nên lấy người nước ngoài để đỡ phải dính vào chuyện mâu thuẫn muôn đời: Mẹ chồng-con dâu. Tuy nhiên, vợ tôi sẽ phản đối và không bao giờ đồng ý để con gái chúng tôi lấy người dân tộc Á Châu khác, lấy người Ả Rập, Phi Châu. Tóm lại, con gái chúng tôi chỉ có thể lấy người da trắng vì họ văn minh hơn và lịch thiệp hơn người Việt Nam. Chuyện người không phải là da trắng mâu thuẫn, ghét nhau thì nhiều lắm, nếu tôi kể hết ra thì chẳng biết đến khi nào, nên tôi sẽ không kể ra để tránh đau đầu cho quý vị. Mà quý vị chắc hẳn đã biết, đã nghe hay đã từng trải qua rồi. Tôi không tin trong gia đình quý vị không có chuyện đó, trừ khi con quý vị lấy người ngoại quốc... da trắng.

*

Nguyên nhân của tất cả những chuyện đó ở đâu? Xét ra, xã hội loài người bắt đầu phức tạp, rối ren từ khi con người bắt đầu biết tham lam (biết nghĩ) và biết nói. Những vấn đề đó các nhà khoa học giải thích rất nhiều, đến nay họ vẫn tin vậy và làm rất nhiều người khác tin theo. Một trong những thành kiến rất nhiều người tin và vẫn tin đến ngày nay là: *"Ngôn ngữ sinh ra vì nhu cầu trao đổi của loài người khi chuyển sang giai đoạn cuộc sống mới, cao hơn. Ngôn ngữ sinh ra như phương tiện trao đổi trong công việc."* Tóm lại, họ tuyên bố là ngôn ngữ sinh ra vì khi làm việc con người cần trao đổi. Nhưng theo một nhà thông thái huyền thoại của người Séc, ông Cimarman (giống như Trạng Quỳnh, Trạng Lợn v.v. của Việt Nam) thì ngôn ngữ sinh ra chỉ để đáp ứng nhu cầu nói "phét" của con người. Ông Cimarman giải thích, con người cần ngôn ngữ để nói "phét", đặc biệt trong những đêm dài thời cổ xưa khi loài người chưa có vô tuyến để xem! Xét trên quan điểm này, ngôn ngữ sinh ra như một phương tiện giải trí, sau đó nó bị lạm dụng và gây ra nhiều phản tác dụng với mọi hình thức ghê gớm nhất của nó giống như những thứ đồ giải trí khác.

Tôi có quen biết gia đình bà Marquenez, người Mỹ gốc Việt ở California. Gia đình bà rất hạnh phúc. Họ đã sống ở Mỹ trên 20 năm. Gia đình khá bền vững. Bà là người Việt Nam, chồng bà là người Mexico nên sau khi lấy chồng bà đổi họ theo chồng. Bà cũng nghĩ như thế là hợp lý vì "nhập gia tùy tục." Bà nói tiếng Anh không giỏi, chồng bà nói tiếng Anh không giỏi. Nhưng chồng bà buộc phải học ít nhiều tiếng Việt để hiểu bà. Con của hai ông bà sinh ra và lớn lên ở Mỹ nên nói tiếng Anh tự nhiên như người Mỹ. Chúng còn phải tự học tiếng Việt để nói chuyện với mẹ và

học cả tiếng Tây Ban Nha để nói chuyện với bố. Nhưng chúng nói chuyện với bố bằng tiếng Anh nhiều hơn tiếng Tây Ban Nha vì bố chúng biết tiếng Anh nhiều hơn. Còn với mẹ, chúng phải học nói tiếng Việt. Nhờ bàMarquenez Nhu không giỏi tiếng Anh nên các con bà lại giỏi tiếng Việt.

Chồng bà Marquenez Nhu rất tin tưởng ở bà, luôn đưa hết tiền lương cho bà quản lý. Ngược lại, bà cũng rất thương chồng, bao giờ cũng lo mọi chuyện, quan tâm đến chồng. Hàng ngày bà dậy từ 4 giờ sáng, chuẩn bị đồ ăn sáng, cà phê cho chồng bà đi làm sớm rồi mới ngủ tiếp. Sau đó bà nằm nhà hay đi shopping và kêu ca mọi chuyện trên trời dưới nước.

Chồng bà may mắn hơn anh Đức, bạn tôi, rất nhiều. Cách đây bảy năm, hôm đó, chúng tôi có công chuyện phải đi xa rất sớm. Trên suốt chặng đường đi anh Đức cứ thắc mắc, băn khoăn lo lắng không hiểu chuyện gì xảy ra với vợ anh. Anh lo làm tôi lo theo.

"Không hiểu có chuyện gì mà hôm nay tự nhiên vợ tôi lại dậy sớm pha li cà phê cho tôi. Bọn tôi lấy nhau hàng chục năm, chưa bao giờ có chuyện đó, thậm chí bà suốt ngày than phiền về chuyện cà phê, cà pháo, bạn bè bia rượu vô bổ và mất thời gian của tôi," anh giải thích sự băn khoăn của mình khi thấy tôi lo lắng quan tâm chuyện gì đã xảy ra.

Tôi vô cùng ngạc nhiên và thấy buồn cười. Anh Đức không lo cho công chuyện quan trọng chúng tôi sẽ phải làm mà lại đi lo nghĩ những chuyện vớ vẩn như thế ! Kể vậy để các bà vợ cũng nên rút kinh nghiệm, đừng làm điều gì bất thường.

Vợ chồng bà Marquenez cũng cãi nhau. Đầu tiên họ lời qua tiếng lại một chút bằng tiếng Anh. Rồi sau đó bà Marquenez nổi cáu, nhiều khi không hiểu chồng nói "xấu" gì mình và tuôn ra hàng tràng tiếng Việt thậm tệ lẫn với vài từ tiếng Anh. Ông chồng bà không hiểu gì và lại cố gắng giải thích, thanh minh bằng tiếng Anh. Bà vợ vẫn không hiểu và vẫn bực tức. Họ giận nhau một thời gian sau đó, nhưng không kéo dài lâu vì thực ra không ai hiểu người kia nói gì. Gia đình bà vẫn bình thường dù bao nhiêu gia đình, người quen bạn bè của bà đỗ vỡ hay trong tình trạng "chiến tranh lạnh" hoặc "bằng mặt, không bằng lòng." Bà luôn so sánh chồng bà hiện nay với ông chồng Việt Nam cũ của ba. Bà nói, ông chồng hiện nay không giỏi, không giàu bằng chồng cũ nhưng bà thấy hạnh phúc hơn rất nhiều, yên tâm hơn rất nhiều với ông.

*

Bà Marquenez kể cho chúng tôi rất nhiều chuyện vui. Ngay hôm ngày cưới, rất nhiều ông, bà, bạn bè người Việt ở Mỹ cứ thắc mắc: Bà lấy chồng ngoại quốc, tiếng Anh không giỏi thì chuyện "ấy trên giường" rồi làm sao? Bà cười phá lên: *"Trời ơi, chuyện ấy cần gì phải biết tiếng. Cứ tắt đèn đi là tự khắc tìm được."* Tôi quả thật đã chứng kiến những lần bà nói chuyện với chồng, ví như: *"I told you rồi mà. Don't đi trái, It's not ở đó..."* Ông Marquenez tâm sự với tôi: *"Thực ra, trong nhiều chuyện, tình cảm quan trọng hơn ngôn ngữ. Chúng tôi hiểu nhau, nhưng may mắn nhất là khi quá tức giận vì hạn chế ngôn ngữ nên chúng tôi cũng không bao giờ xúc phạm nhau quá mức được. Chính điều đó giúp cho gia đình tôi còn tồn tại đến ngày nay."*

Nhiều bạn bè tôi khi cãi nhau, vì cùng ngôn

ngữ nên họ xúc phạm nhau. Sau mỗi lần như vậy, vô tình hay cố ý người chồng và vợ đã làm tổn thương người kia rất nhiều. Những vết thương lòng rất khó xóa, nhiều người mang theo những tổn thương do bị xúc phạm như vậy suốt đời, và không quên được. Ông Marquenez đã nghĩ , đã thấy và cảm nhận được điều quan trọng đó.

Nhưng ông cũng không vui dù ông rất quý người Việt Nam. Ông kể với chúng tôi: Ông làm bốc vác ở một công ty có nhiều người Việt Nam khác cùng làm. Họ rất ghen tị và ghét ông chỉ vì ông khỏe hơn họ và làm được nhiều hơn họ. Chưa hết, những người hàng xóm nhà ông đối xử với ông khác và không thân mật khi biết ông là người Mexico. Thậm chí, trong một lần nói chuyện, một người hàng xóm còn nói với ông là họ nghĩ người Việt Nam tất nhiên phải hơn Lào, Cam bốt, Thái Lan và Mexico. Chẳng qua do điều kiện nước chưa cho phép nên tạm còn khổ và vất vả như bây giờ mà thôi. Ở Mỹ, người Việt Nam không đánh giá cao người Mexico, có chút gì giống thái độ đối với người Di Gan ở châu Âu.

Chúng tôi không được may mắn như ông bà Marquenez. Đúng như ông Marquenez tâm sự, chúng tôi trong lúc tức giận, vì cùng ngôn ngữ, và cả hai đều biết sử dụng nó thành thạo, nên đã xúc phạm đến nhau ghê gớm. Chuyện đó không chỉ xảy ra một lần, đã xảy ra nhiều lần. Vợ tôi không bao giờ quên những điều đó và tôi cũng không. Vợ tôi luôn muốn tôi phải "cao thượng" không thèm chấp để cô nói, xúc phạm tôi thoải mái. Tôi đã cố gắng rất nhiều, nhưng quả thật, điều gì cũng phải có giới hạn. Khi vượt qua giới hạn nhất định thì mọi sự cố gắng nằm ngoài sự kiểm soát của con người. Tôi là một kẻ bình thường. Sau đó tôi hiểu một điều, để tránh xung đột, nên hạn chế nói chuyện. Nhưng đấy không phải là lựa chọn tốt, mà là đi vào ngõ cụt khác.

Bí quyết để hạnh phúc tiếp theo là chúng ta không nên biết nhiều. Hay tốt hơn, chúng phải biết tin vào những chuyện mù quáng. "Chuyện kể, ngày xưa có ông bà già sống với nhau mấy chục năm nhưng luôn cãi nhau và tưởng như gia đình đã tan vỡ nhiều lần. Ông già rất buồn. Một hôm ông nghe tin và tìm đến một ông thầy nổi tiếng trong vùng và được ông này cho chai nước thánh. Cứ mỗi khi cãi nhau, nổi cáu ông phải hớp một ngụm nước thánh và không được nhổ ra. Làm được thế, sẽ bảo đảm gia đình hạnh phúc. Ông làm vậy và đúng là chai nước thánh giúp cho ông và bà hòa thuận hơn rất nhiều."

Thật không may, tôi đã lớn, hiểu và không tin vào nước thánh. Hơn thế, được người ta dạy ở trường về hiệu ứng tâm lý của câu chuyện trên nên càng không tin. Nhiều lần tôi đã ngậm nước chè hay gì đó để làm theo gương ông già trong chuyện nọ, nhưng vì tâm không tin nên khi vợ nói gì quá mức tôi lại nuốt ngay ngụm nước và... hết tác dụng. Một lần, tôi đã phải cam kết với vợ cả những điều ngu xuẩn như: *"Không bao giờ nói xấu người Việt Nam v.v?"* Nhưng ngay sau đó, vợ tôi lại là người bắt đầu nói những câu như: *"Đúng là người Việt Nam thế này, thế khác v.v."* Tôi lại không kiềm chế được, lên tiếng đồng ý theo và thế là chúng tôi lại cãi nhau.

Chuyện định vào quán ăn pizza là giọt nước cuối cùng làm tràn đầy li.

Sau đó chúng tôi hạn chế tuyệt đối không nói chuyện. Tôi cũng cảm thấy mệt mỏi, cố gắng tránh khỏi phải nhìn thấy vợ trong trạng thái giận dữ.

Chúng tôi rơi vào tình trạng khó xử và gia đình căng thẳng.

*

Mệt mỏi và bế tắc, tôi tìm gặp anh Thắng, người tôi quen từ khi đi học đại học. Hiện nay anh đã là Tiến sĩ và đang giảng dạy ở một trường đại học. Chúng tôi gặp nhau ngoài quán bia, gần sân vận động nơi anh hay chơi bóng mỗi buổi trưa.

"Kệ nó, đợi một thời gian nữa xem sao. Chẳng qua chỉ là tại mày ngu nhiều quá. Toàn làm chuyện ngu xuẩn không hợp với văn hóa truyền thống Việt Nam gì cả," anh nói vậy sau khi nghe xong chuyện của chúng tôi.

Anh Thắng giải thích thêm vì biết tôi không hài lòng với những điều anh vừa nói: *"Ở đây có vài chuyện em nên nhớ và ngẫm nghĩ nếu có thời gian,"* anh ngừng lại giơ hai ngón tay gọi thêm hai cốc bia và tiếp tục: *"Thứ nhất tâm lý các bậc cha mẹ Việt Nam là vốn thích khoe con. Dù nghe người khác khen con thì rất thích nhưng vẫn phải tỏ vẻ khiêm tốn nói những câu như 'các bác, các cô cứ quá khen cháu. Cháu làm gì được giỏi như vậy...' Chuyện tiếp theo, không nên mệt đầu suy nghĩ chuyện mẹ chồng-con dâu làm gì. Không bao giờ giải quyết được. Thứ ba: Không nên biết nhiều quá, phải có lòng tin vào gì đó nhất là những chuyện mù quáng, không cần logic càng tốt. Thứ tư, phải luôn nghĩ rằng mình là con Rồng, cháu Tiên, người Việt Nam là gần nhất thiên hạ, chỉ tạm kém dân Tàu và dân da trắng một chút mà*

thôi. Và điều cuối cùng, nếu sau này không may bỏ vợ hay bị vợ bỏ và có yêu lại, lấy vợ lại thì chỉ chọn phụ nữ ngoại quốc vì ngôn ngữ sẽ không đủ giỏi để xúc phạm lẫn nhau. Tốt nhất, không nói cùng thứ tiếng càng hay, sẽ bảo đảm hạnh phúc gia đình nhiều hơn."

Trước bộ mặt ngơ ngác, ngờ vực của tôi, anh khẳng định thêm bằng ví dụ: *"Như nhà ông bà Marquenez mà em quen biết và đã kể cho anh nghe, họ rất hạnh phúc vì họ không hiểu nhau, không thể cãi nhau và xúc phạm gây tổn thương cho nhau quá mức được."*

Anh Thắng là Tiến sĩ nhưng cũng không giúp tôi giải quyết được chuyện khó khăn trong gia đình. Anh làm tôi càng rối loạn hơn. Nhưng ít nhất, anh khuyên một điều rất chân thật mà tôi thấy đúng: *"Để thời gian giúp, để thời gian trả lời. Đừng đặt bất kỳ điều gì thành vấn đề hay chuyện đã xong rồi. Nếu thời gian không giúp được thì chuẩn bị tìm cách giải quyết hậu quả. Khi không kiểm soát được tình hình thì đành chịu thôi."*

Không chỉ anh Thắng, anh Trần cũng làm tôi bất ngờ và thêm đau đầu suy nghĩ. Dù rất sợ lấy vợ và đã gần "đầu năm" nhưng trong một lần về chơi Việt Nam, anh Trần tâm sự với tôi: *"Anh nghĩ kỹ rồi, anh sẽ đặt vấn đề nghiêm túc với cô bạn Nhật Bản lâu năm của anh về chuyện gia đình."*

"Tại sao lại cô bạn Nhật, anh tính 'Việt Nam' vậy và có bao nhiêu cô Việt Nam rất hay mà!" tôi ngạc nhiên.

"Cũng không hiểu tại sao, chỉ thấy các cô Việt Nam có gì đó không... hợp. Cũng có thể câu chuyện của ông bà Marquenez gây ảnh hưởng đến tiềm thức của anh... Không biết nữa! " anh Trần buồn rầu thanh minh.

"Không nói cùng ngôn ngữ có lẽ tốt hơn..." anh mung lung và tỏ vẻ hoài nghi chính bản thân.

Trong trường hợp của anh là sự thất bại của các cô gái, phụ nữ Việt Nam. Tôi hiểu những điều anh băn khoăn vì biết anh đã từng yêu nhiều các cô gái Việt Nam và cũng đã được nhiều cô gái Việt Nam yêu.

Những điều anh Thắng nói, ám ảnh mãi trong đầu tôi. Dù sao anh cũng là Tiến sĩ, ắt phải thông hiểu nhiều điều, tôi hy vọng vậy. Bạn đọc cũng nên suy nghĩ, có lẽ anh ấy đúng. Nếu muốn hạnh phúc chúng ta cần phải hy sinh nhiều thứ. Nghe lời anh, tôi đợi thời gian giúp. Gia đình chúng tôi trên bờ vực thẳm của sự tan vỡ, nhưng chưa tan vỡ./.

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Về Trễ

(nhớ lại chuyện cũ)

Tôi về
thăm lại Xóm Chùa
Ngang qua Đồi Thượng
ướt mưa Tháng Mười
Trong mưa
gió lướt như cười
Xối trăm ngàn hạt
buốt người thấu tim
Nhà quen dưới dốc
rừng sim
Tôi vừa vào ngõ
mưa im, gió dừng.
Em đâu?
sao chẳng ra mừng
Thay chàng trai lạ ngập ngừng,
chào tôi...
- Thoáng từ hiên giậu mồng tơi
Mắt nàng thiếu phụ nối trời nhỏ mưa.

Phố Hội Của Tôi

PHẠM THÀNH CHÂU

Khoảng giữa thập niên 50, tôi bắt đầu đến trường. Tôi học tiểu học ở đình Ông Voi, trên đường Lê Lợi, cách bờ sông Hội An, đường Bạch Đằng ba bốn trăm mét. Trường gồm ba lớp học, thẳng góc nhau, cộng với phần ngai thờ với nghi trượng, đối liễn... là phần chính của đình tạo thành bốn mặt kín, giữa là sân nhỏ, lát đá, mỗi bề khoảng vài chục mét, được xem là sân chơi. Phần ngai thờ luôn luôn đóng cửa, khi có tế lễ mới mở ra và chúng tôi được nghỉ học. Tưởng tượng đó là một ngôi đình, bị xây bít phía trước để làm lớp học, chỉ chừa lại hai lối đi nhỏ hai bên hông. Trước trường là một sân đất rất rộng. Giờ ra chơi, học trò ra sân trước đùa nghịch, chạy nhảy cho được tự do, thoải mái. Trên sân rộng nầy có tượng hai con voi bằng vôi hay xi măng gì đó, to cỡ con voi con. Bọn nhóc tụi tôi, nghịch phải biết, nhưng chẳng đứa nào dám héo lánh đến gần tượng hai Ông Voi. Sợ ngài vật sặc máu. Chúng tôi cứ đồn nhau rằng trước đây, có thằng chơi nghịch, leo lên tượng Ông Voi, ngài vật xuống nằm dưới bụng Ông Voi, và ngài đè ói máu suýt chết.

Tôi còn nhớ được vài chuyện về các bạn học của tôi thời tiểu học. Năm đầu tiên vào học lớp năm, tôi ốm yếu và còn rất khờ khạo, trong khi tụi bạn thì vui vẻ, nhanh nhẹn hơn nhiều. Một lần ra chơi, trời lại mưa, cả bọn đứng vơ vẩn trước hiên nhìn mưa rơi. Tôi đang đứng một mình thì một thằng từ phía sau, nhảy phóc lên lưng tôi, bắt tôi cõng đi. Đó là thằng nghịch nhất lớp, chuyên ăn hiếp những đứa khác. Tôi bị nó ngồi trên lưng, nặng muốn xính vính, đi sao nổi! Tôi bèn cúi xuống thật thấp, như người ta tập thể dục, vậy là nó lộn mèo qua đầu tôi, té cái ịch về phía trước, nằm ngay trong vũng nước. Từ đó nó không bao giờ động đến tôi. Hình như nó tên Răng. Nó có tài bắn bi thần sầu. Có đứa để hòn bi sau cục gạch nhỏ, khó thấy được, vậy mà không biết cách nào, chỉ nghe cách một tiếng là hòn bi nó đã nằm vào chỗ hòn bi đối phương. Hòn bi kia thì văng

tuốt đằng xa. Đứa nào bắn bi với nó thì coi như nạp mạng. Trước khi bắn bi, nó đòi kiểm soát bi đối phương. Bi phải mới tinh, không trầy, nó mới chịu chơi. Mỗi lần nó đổ mấy bị bi của nó ra đếm thì tụi tôi chỉ biết lé mắt mà trầm trồ. Thời đó đã có loại "bi chai," làm bằng thủy tinh. Ở Mỹ, hiện nay cũng thấy bày bán loại "bi chai" đó, không biết để làm gì, vì trẻ con Mỹ đâu có biết chơi bắn bi?! Có điều lạ là từ đó đến nay, đã hơn năm mươi năm mà hòn bi chai vẫn vậy. Vẫn cỡ bằng lóng tay, trong suốt, giữa ruột có nhân như trái khế màu xanh, vàng, đỏ rất đẹp. Lúc đó tôi bắn bi rất dở nên không dám chơi ăn bi, chỉ có mấy viên mới tinh, rất đẹp, thỉnh thoảng đem ra ngắm rồi cất vào hộc bàn.

Lớp tôi còn một thằng bạn học nữa, tên thằng Thương. Học "dốt tổ mẹ" nhưng lại có tài chùi xe đạp của thầy Cam láng bóng. Trường Ông Voi bấy giờ có thầy Trợ Cam. Đứa nào đã học thầy Cam là coi như suốt thời tiểu học chỉ học thầy Cam thôi. Thầy dạy từ lớp năm, sang năm, học trò của thầy lên lớp tư, thầy cũng dạy lớp tư, cũng bọn đệ tử đó, cứ thế lên đến lớp nhất, khi bọn đệ tử lên trung học, thầy bắt đầu lại lớp năm với lũ học trò mới. Vì thế thầy biết rõ gia cảnh, tính tình, tư chất từng đứa một. Thầy Cam có chiếc xe đạp Bờ Rô (Peugeot), khi đến trường thầy dựng ở cửa lớp. Đến giờ trả bài (học trò lên đọc lại bài học hôm qua) thầy gọi thằng Thương đi chùi xe, vì thầy biết nhà nó nghèo, đi học về, nó phải phụ cha mẹ làm việc rất vất vả, tối đến, mệt mỏi quá, nó ngủ khò, làm một giấc đến sáng, dậy ôm vở đi học. Thằng Thương có bộ đồ nghề chùi xe, lúc nào cũng thủ sẵn trong túi quần. Đến giờ trả bài, nó ra cửa chùi xe cho thầy. Có bữa thầy quên ra lịnh, nó vẫn cứ tự động ra chùi xe. Tôi ngồi gần cửa, thấy nó chùi rất lành nghề, nhanh nhẹn như mấy đứa đánh giày, nhưng rắc rối hơn. Trước hết nó dùng cái que xủi đất dính phía trong dè xe, rồi lại dùng cây cọ quét đất cát còn dính trên bánh xe. Nó quây bánh xe nghe tách tách nho nhỏ vừa rà cái cọ trên bánh xe cho thật sạch rồi mới moi nùi giẻ dưới yên xe ra lau dè xe. Chỗ nào còn dính dơ, nó "phịt" nước miếng vào đó và chùi là sạch ngay. Riêng bộ căm xe, nó lấy miếng giấy nhám từ túi quần ra, kẹp cái căm giữa miếng giấy và vuốt lên vuốt xuống, chỉ một lát là cây căm xe láng bóng như mới. Những buổi chiều thầy đạp xe trên đường phố, ánh mặt trời chiếu những cái căm xe lấp la lấp lánh như có gắn kim cương. Không ai hiểu sao thầy Cam lúc nào xe cũng mới tinh? Có lẽ thời tiểu học, chỉ thằng Thương là sướng nhất, vì không bao giờ phải trả bài. Riêng tôi thì ở trường hợp đặc biệt. Tôi và một vài đứa nữa có tài nhớ bài ngay khi chép xong trên bảng đen. Thường mỗi khi có bài học mới thầy viết lên bảng cho học trò chép vào vở. Tôi vừa chép bài vừa lẩm nhẩm đọc. Thầy viết câu nào là tôi thuộc câu đó. Thầy viết vừa xong, tôi cũng vừa thuộc hết cả bài. Chờ đến khi cả lớp chép xong, thầy hỏi "Đứa nào lên đọc bài?" là tôi xung phong lên đọc ngay, thầy cho điểm, thế là hôm sau tôi khỏi phải lên trả bài vì bài đó tôi đã có điểm rồi. Có thằng Nguyễn Hồng Hà cũng thuộc bài kiểu đó. Năm nào tôi với nó cũng tranh nhau phần thưởng nhất nhì. Hai đứa tôi đều mồ côi cha mà trường chỉ cấp một học bổng nên chúng tôi chia hai học bổng đó, mỗi đứa một nửa.

Dưới tiểu học đứa nào cũng ham chơi, nên trừ bọn con gái và vài đứa con nhà gia giáo, đa số, giỏi lắm thuộc lõm bõm. Cho nên giờ trả bài là giờ đau tim của bọn nhác học. Hễ thầy giở sổ điểm ra là không khí căng thẳng bao trùm cả lớp. Đứa thuộc thì nhơn nhơn chường mặt cho thầy thấy, hi vọng thầy kêu lên kiếm điểm. Đứa không thuộc tìm cách núp sau lưng bạn, cứ tưởng mình không thấy thầy tất thầy cũng không thấy mình. Nhưng trông bộ dạng núp lén, cổ rụt, lưng khòm, cố sao cho mình càng nhỏ lại càng tốt, thầy biết ngay. Bị kêu lên thì mặt mũi xanh lè, ấp a ấp úng, nhớ được câu đầu là cùng, vậy là thầy cho hột vịt lại bắt đứng sang bên cạnh chờ thầy phạt chứ chưa được về chỗ ngồi. Sau khi xong vụ trả bài thầy mới quay sang làm việc với mấy cậu ăn hột vịt lộn. Thầy Cam có lối phạt học trò rất kỳ lạ, xưa nay chưa ai làm. Thầy bắt học trò nhảy cóc trong cái sân vuông nhỏ ở giữa các lớp, thành thử các lớp khác cũng thấy, cái đó mới đáng mắc cỡ. Mấy đứa bị phạt ngồi chồm hỗm một dọc, hai tay chống xuống đất và nhảy như con cóc. Cả đàn cóc cứ thế nhảy vòng quanh sân nhỏ từ năm đến mười vòng. Bấy giờ lớp tôi có anh chàng, không biết mấy tuổi mà to lớn như người lớn, anh ta nhảy cóc rất tài, chỉ phóc mấy cái là xong một vòng. Anh ta cứ qua mặt bọn nhóc, giống như đua xe hơi mà có một chiếc chạy với tốc độ gấp hai các xe khác, cứ vù vù qua mặt đối thủ. Khoảng mươi phút là anh ta thi hành xong, đứng lên mặt vẫn không đổi sắc trong khi bọn kia cứ lệch bệch mãi vẫn chưa xong. Nhảy vài vòng đã có đứa làm như bò bốn chân chứ không nhảy!

Thầy Cam còn một hình phạt nữa, cũng không

giống ai. Thầy bắt những đứa không thuộc bài đứng thành vòng tròn, rồi đứa đứng sau kí đầu thằng đứng trước, thằng đứng trước kí đầu thằng đứng trước mình, cứ thế, cho đến khi thầy bảo thôi mới ngưng. Vì hễ kí nhau nhẹ, thầy bắt kí mãi. Có đứa nào ghét thằng đứng trước mình thì cứ nghiến răng nện một phát vào đầu hắn, hắn không quay ra sau trả thù được nên cũng ra sức nện thằng trước mặt dù thực tâm đâu có oán thù gì nhau. Vậy là thằng bị kí đau lại chơi thằng đứng trước một phát xính vính, cứ thế, giáp một vòng, đến ngay thằng gây ra chuyện máu lửa. Đúng là vòng "luân hồi"!

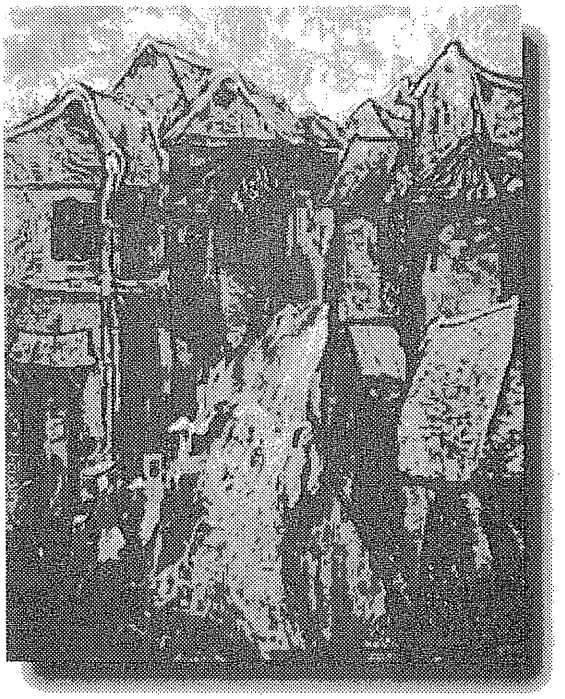

Thầy Cam rất sùng đạo Phật, thầy thường lên chùa tụng kinh. Nhà thầy cũng có bàn thờ Phật. Giờ thủ công, có khi thầy bắt học trò vót đũa, thầy lựa những đũa đẹp đem lên chùa. Đến gần Tết, thầy bắt làm những cái vòng giống như vành nón, nhưng đều nhau, đứa thì làm những cây cọc nhỏ như chiếc đũa nhưng dài hơn. Thầy đem lên chùa làm cọc cho mấy chậu bông kiểng. Bông cúc, bông thược dược...

Trường Ông Voi có thầy hiệu trưởng người Bắc di cư. Thầy đọc chính tả, học trò viết trật bậy cả. Rượu thầy đọc thành riệu, hươu thành hiêu... Khó nhất là dấu phết thầy đọc là phảy. Ví dụ: "Các em đi học phải ăn mặc sạch sẽ, đến trường đúng giờ" Học trò viết thành "...phải đến trường đúng giờ." Trong trường có ông phu trường tên Cửu. Mỗi khi đến giờ ra chơi hay hết buổi học thầy hiệu trưởng kêu lên "Ông Kiểu, Ông Kiểu, cho tiếng kỏng!" (đánh kẻng, gõ mạnh vào một miếng sắt lớn thay cho đánh trống).Nghe câu đó là chúng tôi thở phào nhẹ nhỏm, xếp sách vở. Cô thầy coi bộ cũng vui lây, nhưng làm nghiêm.

Thời tôi học tiểu học còn có thầy hiệu trưởng trường nam tiểu học, lúc trước ở Chùa Bà Mụ, sau dời xuống gần trường trung học Trần Quí Cáp. Thầy hiệu trưởng tên Lê Tự Tháo. Lúc đó còn Đệ Nhất Cộng Hòa, học trò phải hát bài Suy Tôn Ngô TổngThống, có câu "Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống. Ngô Tổng Thống, Ngô Tổng Thống muôn năm." Bọn học trò đến câu đó hát "Học sinh trường nam nhớ ơn ông Lê Tự Tháo. Ông Lê Tự Tháo, Ông Lê Tự Tháo muôn năm." Tôi không học trường đó nhưng nghe bọn bạn thường hát nghêu ngao như vậy, bây giờ vẫn còn nhớ. Trí óc trẻ con như trang giấy trắng, dính một vết nhỏ là không bao giờ phai mờ!

Một buổi sáng chủ nhật, có đứa phải đến nhà thầy Tháo nộp sổ điểm hay làm gì đó. Hắn rủ, không đứa nào dám đi theo. Tôi không học trường của thầy Tháo nên tôi đâu ngán. Tôi theo hắn đến nhà thầy. Thấy tôi, thầy chỉ mặt bảo "Mầy đi học, đứng ít ra cũng hạng mười trở lên." Lúc tiểu học thì tôi có đứng nhất lớp thật, nhưng lên trung học, có khi tôi phải thi lên lớp vì "đút vở bụi tre" (trốn học) nhiều quá. Vì thời tiểu học tôi không phải học bài ra rả như mấy đứa khác nên lên trung học tôi quen thói lười biếng, bị đội sổ (đứng hạng bét) hoài. Chỉ đến năm đệ nhị và đệ nhất, tôi sợ thi tú tài rớt mới chịu khó gạo bài mà thôi. Nhưng tôi có khiếu làm thầy tướng số. Nhớ thời đi sĩ quan Thủ Đức, các sĩ quan huấn luyện, hễ ra bãi tập, là gọi tôi đến xem chỉ tay, chữ ký, trong khi bọn bạn cứ bò lết, xung phong, đội hình tác chiến, phục kích, phản phục kích... hò hét, chạy nhảy phờ người.

Trở lại thời tiểu học, tôi còn có một thằng bạn nữa, nó tên Nguyễn Ngọc Thích. Lên lớp nhất là nó nghỉ học vì ba nó là lính tử trận, nhà đông anh em, nó là con lớn phải nghỉ học để đi bán cà rem. Nó chở hai bên xe đạp hai bình cà rem, sáng sớm lên tiệm nước đá Thái Sơn lãnh cà rem, đạp về vùng quê bán, chiều về. Có những buổi chiều, tôi lên nhà nó chơi, nó đem cà rem ế ra cho tôi ăn. Nó nhỏ mà rất "hoang," tôi kém nó vài tuổi

nhưng coi nó như đại huynh. Nó là tên đầu têu làm ô nhiễm tâm hồn trong trắng của những thằng còn học lớp nhất như tụi tôi. Nghĩa là nó dạy tụi tôi "mê gái" và "chọc gái"! Nó tả cô con gái tiệm nước đá Thái Sơn, tên cô Kín, người Tàu, rất đẹp. Tụi tôi đến đấy, thấy quả thật cô đẹp như Lý Lệ Hoa, nữ tài tử Hồng Kông, trong phim "Ánh Sáng Đô Thành." Từ đó hễ có đồng nào là chúng tôi rủ nhau đến tiệm Thái Sơn, chờ cô Kín ra trông hàng là vào, cả bọn, có khi chỉ mua một cây kem thôi. Thằng Thích còn chỉ cho chúng tôi một cô khác, cũng người Tàu, con chủ tiệm tạp hóa Vạn Hòa, cũng đẹp lắm. Hắn rủ tụi tôi, buổi tối đến trước tiệm Vạn Hòa, ngồi xuống lề đường, phía đối diện, chờ cô ta ra trông hàng để ngắm. Một lần hắn bảo cả bọn theo hắn vô tiệm để mua hàng. Bốn năm đứa chúng tôi theo hắn một cách long trọng, giống như khách sộp. Hắn đi trước, đến bảo cô ta "Bán cho tôi một sợi giây" Cô ta hỏi "Giây đờn hả?" Hắn nói "Dây lưng!" Rồi phóng chạy mất tiêu, trong lúc tụi tôi đứng ngớ ra một lúc mới chen nhau chạy "thoát thân." Từ đó tôi không bao giờ dám đi ngang qua tiệm Vạn Hòa. Cho đến mấy năm sau, tôi đi thử, liếc vào tiệm, thấy cô ta không thèm nhìn tôi, tôi mới yên trí là cô ta đã quên tôi rồi.

Lúc nhỏ, khoảng trên mười tuổi mà tôi còn nhớ những người và sự việc kỳ lạ, đối với tôi. Trước chợ Hội An có chùa Ông, trong thờ tượng Quan Công, mặt đỏ, hai bên có hai tượng đứng hầu là tượng Châu Thương, ốm nhách, tướng dữ dằn và tượng Quan Bình hiền lành hơn. Tôi rất sợ mấy tượng nầy, không dám nhìn, chỉ ngày lễ của người Tàu, đông người tôi mới dám vào ngắm tượng mấy con ngựa và đao kiếm bằng gỗ để dưới ngai thờ. Trước chùa có mái hiên, là chỗ hành nghề của mấy ông thầy bói. Họ mang kiếng đen, ốm và vẻ mặt buồn bã, có lẽ ế khách và đói bụng. Ngày lễ, người ta xin xăm, đem ra đọc thầy nghe, nhờ thầy đoán, lúc đó thầy mới có tiền. Thỉnh thoảng cũng có người đến hỏi thầy về chuyện gia đạo. Tôi với mấy thằng bạn "mất dạy" đứng phía xa kêu lên "Cầu gia đạo, cạo da đầu" mà không sợ vì biết các thầy không làm gì được chúng tôi. Nhưng hễ đi một mình, tôi làm bộ hiền lành, lân la đứng nhìn thầy gieo quẻ. Thầy thảy hai đồng xu xuống một cái dĩa, nghe lách cách nho nhỏ, rồi thầy mò mẫm tìm hai đồng xu trong dĩa, lấy ngón tay miết trên đồng xu để biết chẵn, lẻ. Thầy lại gieo nữa, cứ thế vài ba lần thầy mới phán cho thân chủ quẻ ứng ra sao. Tôi nghe thầy nói rất trôi chảy, như đã thuộc bài trước. Giọng thầy khề khà nhưng nghiêm trang. Lúc đầu toàn những lời dọa dẫm khiến thân chủ sợ hãi, sau đó thầy mới bày phương cách để trừ tai họa. Thân chủ thường là các bà lớn tuổi, người quê mùa, kính cẩn nghe lời thầy phán. Khi năn nỉ thầy điều gì phải kèm theo tiền để thầy "cải mệnh trời" mà cứu nhân độ thế. Tôi đứng nhìn và phục thầy quá! Không hiểu làm sao thầy biết được gia cảnh của thân chủ mà phán chính xác đến độ thân chủ vừa phục vừa sợ... Có một lần, tôi thấy một thầy bói mù đi tiểu. Thầy lần theo vách bức tường trước chùa Ông, mà đi. Đến chỗ góc tường của chùa, có lẽ thầy "đoán" là bụi cây hay đường hẻm, nên thầy vạch chim ra. Thầy không biết rằng, vách tường đó lại nằm trên một đường khác, ngay trước chợ, càng đông người hơn nữa. Lúc đó có mấy cô nữ sinh đi học về. Các cô nghiêng nón che mặt. Dĩ nhiên phải thấy cái gì mới nghiêng nón chứ!

Ngồi chung với các thầy có một ông ăn xin. Thực ra ông ta không xin, ai cho gì ăn nấy. Ông ta để tóc dài, quần áo tả tơi, trông giống mấy kiếm khách trong phim Nhật "Giặc Nữ Đa Tình" đang chiếu lúc bấy giờ. Rạp chiếu phim là cái nhà ngang, phía sau chùa Ông, ngăn ra để làm chỗ chiếu phim. Ông ăn xin nầy để móng tay dài, cũng vài phân tây. Ông ta ngồi im, bó gối, cú rũ, không buồn không vui. Ai thấy tội nghiệp, bỏ tiền vào người ông (trên đùi), ông ta cũng không nói tiếng nào. Nhưng đến chiều, ông ta gom tất cả tiền người ta cho, đem lên nhà bưu điện, gần Chùa Cầu, bỏ tiền đó vào thùng thư!

Còn một ông nữa, cũng tàng tàng, nhưng có gia đình chăm sóc, nuôi nấng, ăn mặc sạch sẽ, lịch sự thường đi lang thang suốt ngày trên đường phố. Ông ta cứ lặng lẽ đi, miệng lẩm bẩm tiếng Tây. Người ta bảo ông "cuồng chữ." Ông có một tật lạ khiến tôi thường đi theo sau để xem. Hễ thấy ai đi giữa đường một mình, ông ta chạy tới thật nhanh và nhảy phóc qua đầu người ta như trong phim kiếm hiệp, khiến người đó thất kinh hồn vía!

Hội An bấy giờ còn có một nhân vật nữa là bà Lợi Điên. Bà ta còn trẻ, khoảng trên ba mươi. Bà ta cầm một cành cây, vừa đi vừa lẩu bẩu một mình, đôi khi nổi điên lên bà ta rượt đánh người đi đường, nhất là đàn ông, miệng chửi mắng, rồi đứng khóc "Sao anh bỏ em? Để em bơ vơ. Em nhớ anh!..." Người ta bảo bà ta thất tình. Nghe nói là có một cậu học trò nghèo, cha mẹ bà ta gả bà cho cậu ta còn nuôi nấng tử tế để cậu ta đi

học, sau gửi cậu qua Pháp học tiếp. Khi học thành tài cậu ta ở luôn bên Pháp, lấy vợ Pháp, không chịu về Việt Nam nữa, bà ta thất tình thành người điên. Ít lâu sau nghe nói bà ta được đem gửi ra một căn nhà hoang gần chùa Chúc Thánh, vùng quê, cách Hội An vài cây số, để bà ta được nghe tiếng chuông mõ mà yên tĩnh tâm thần. Thế là trong những ngày nghỉ học, chúng tôi có thêm một thú vui nữa, là ra chùa Chúc Thánh chọc ghẹo bà Lợi Điên. Chúng tôi đứng từ xa kêu lên "Bà Lợi Điên! Bà Lợi Điên!" Bà ta đuổi đánh. Chúng tôi vừa chạy vừa cười vui. Có khi gọi mãi mà bà ta không rượt đuổi, chúng tôi từ từ đến gần hơn. Miệng vẫn kêu "Bà Lợi Điên! Bà Lợi Điên!" mà tinh thần rất căng thẳng và hồi hộp. Thế là thình lình bà ta vùng đứng lên, tay cầm roi rượt đánh. Những lần như thế chúng tôi chạy không kịp thở vì gần quá lại bất ngờ nữa. Nhưng như thế mới vui.

Trong thời gian ở tại ngôi nhà hoang, bà ta có một bà già săn sóc, lo cơm nước. Thế rồi một chuyện xảy ra. Có một anh lính ba trợn nào đó, tối nào cũng đến với bà Lợi Điên và tỉ tê "Anh là chồng em đây. Anh về với em..." ... và bà Lợi Điên có chửa. Nghe nói sau đó anh ta chạy làng, nghĩa là trốn biệt. Chuyện đến chỗ nầy thuộc loại người lớn, tôi không còn để ý đến.

SƯƠNG MAI

Qua Phố

Tôi về qua phố người ta
Mà nghe lòng dạ xót xa vô bờ
Tôi về qua phố bơ vơ
Nha Trang biển động từng giờ trong tim

Tôi về qua phố một đêm
Bước chân du khách chợt mềm nhớ nhung
Thoáng nghe vị đắng trong lòng
Hạt mưa rớt vội lạnh lùng phố khuya

Đành thôi giây phút chia lìa
Nhớ thương rồi cũng cách chia đôi đường
Tôi về qua phố cô đơn
Nha Trang phố biển dập dồn sóng xô

Muốn quên lòng lại thẩn thờ
Yêu người tôi biết bến bờ nơi đâu?

Ngoài chuyện chọc bà Lợi Điên, chúng tôi còn một thú vui nữa là bắn chim. Chim nhiều nhất là ở các chùa. Chúng tôi thường chui rào vào chùa bắn xoài và bắn chim. Chúng tôi dùng ná cao su, bắn đạn là những viên gạch, đá nhỏ. Thế nên, hễ nghe tiếng lóc cóc của mấy viên sỏi lăn trên mái chùa là các chú tiểu cầm roi rượt. Các chú nầy đều lớn hơn chúng tôi nhiều nên rượt rất nhanh. Có lẽ mục đích dọa cho chúng tôi sợ hơn là đánh đuổi. Nhưng các chú tiểu rượt rất lâu khiến chúng tôi chạy xanh mặt, quay lại vẫn thấy "ông thầy chùa" còn cách mình chỉ năm ba mét! Đuổi càng gần, các chú dậm chân càng mạnh, chúng tôi càng quýnh quíu chạy muốn hụt hơi. Đến khi chú tiểu dừng lại, chúng tôi vẫn cứ chạy, cả mấy trăm thước mới nằm lăn ra đất và thở. Ấy vậy mà hễ chùa có vía Phật hay lễ gì đấy, thiện nam, tín nữ ra vào tấp nập là làm gì chúng tôi cũng giả bộ hiền lành, vào chùa với vẻ kính cẩn, mộ đạo lắm. Mục đích để được chùa cho ăn chay. Đến giờ trưa, chùa dọn cơm chay ra, ai muốn ăn thì ngồi vào, của chùa mà! Bây giờ, nhớ lại tôi vẫn còn thèm cơm chay của chùa. Ngon hơn cơm chay tiệm rất nhiều.

Hội An là một thị trấn nhỏ, mọi người lại biết nhau, nên xảy ra một chuyện gì nhỏ nhặt, chỉ năm phút sau là "Thượng Chùa Cầu, hạ Ông Bổn" (hai đầu của thị xã) biết hết. Có một bà đi chợ về dọc đường rêu rao "Có dị nhân xuất hiện dưới

chợ." Tôi chạy xuống xem. Hóa ra là có một ông, không hiểu người xứ nào, Trung Đông, Ả Rập gì đấy, lạc vào Hội An. Người ta xúm quanh ông ta, đứng nhìn sa đà. Tôi cũng chen vào xem. Ông ta cũng là người thường, nhưng khi người ta mời ăn cơm với cá, thịt, ông ta lắc đầu. Ông ta chỉ đòi ăn bánh mì với củ cải trắng và uống bia. Ông ta không nói được tiếng Việt, đối với dân Hội An đã là rất quái dị, lại thêm chuyện ăn uống không giống ai, người ta đồn nhau đến xem cũng đúng thôi. Hội An như một cái túi, bị lãng quên từ lâu, ánh sáng văn minh không đến được nên bọn trẻ cũng thành lạc hậu. Một lần, có chiếc xích lô máy chạy vào Hội An, vậy là mọi người rùng rùng đi xem, nhất là để nghe tiếng xích lô nổ máy ầm ầm "Hắn kêu răng mà nghe điếc óc, điếc tai!" Họ chưa bao giờ thấy chiếc xích lô máy. Có chăng là trên bìa mấy quyển vở, có hình chiếc xích lô máy với người chạy xe trông rất giống ca sĩ Chế Linh.

Hội An thời tôi còn nhỏ, khoảng đệ thất, tôi còn nhớ được một chuyện khác là về con chó của ông chủ tiệm thuốc tây Đức Phú trên đường Lê Lợi. Đó là con chó Bẹt rê (berger?) rất to. Con chó nầy thường cột sau nhà, nhưng ai vào mua thuốc tây, nó ở nhà sau sủa lên "gầu! gầu!..." nghe đã khiếp, thành ra tiệm ế khách. Một lần có ông nhà quê đi ngang qua, nó sủa, ông ta đứng lại, dòm vô nhà và nói "Mầy ngon ra đây! Tao bắt làm thịt cho rồi." Ông ta cứ đứng nói như thế mãi. Ông chủ tiệm giận quá mới bảo "Ông bắt được thì tôi cho ông. Nhưng nó cắn thì ông ráng chịu. Dám không?" Ông nhà quê trả lời "Khó chi! Ngày mai tôi ra đây, có đem sẵn cái bị, ông thả chó ra, tôi bắt về làm thịt ăn chơi." Tưởng nói giỡn, không ngờ hôm sau ông nhà quê đến với thằng con trai. Ông ta đứng trước cửa vỗ vỗ tay khiêu khích, con chó sủa rân trời. Ông Đức Phú mới mở dây xích, con bẹt rê trong nhà phóng ra, nhào lên người ông nhà quê để cắn. Không ngờ bị ông ta khóa cổ, thằng con đứng sẵn bên cạnh, mở cái bao tải ra, ông ta bỏ con chó vào trong bao tải rồi hai cha con xách đi thẳng! Ông chủ tiệm chưng hửng!

Ông Đức Phú có hai người con trai. Thời tôi mới lên đệ thất thì hai anh nầy đã lớn, học trên tôi rất xa, có lẽ cũng đệ tứ, đệ tam là ít. Người anh thì hiền nhưng người em thì "hoang trổ trời." Có một giáo sư thường sai anh ta ra nhà ông phụ trường mua nước ngọt đem vô lớp cho thầy. Anh ta mua rồi uống trước và đổ nước lạnh vào cho đầy ly. Giáo sư uống cứ chê nước ngọt nhạc thếch chứ không biết đã bị anh ta uống bớt. Ông Đức Phú, là cha của anh thường bắt anh học bài rồi dò bài xem có thuộc không. Ông Đức Phú lãng tai, mỗi khi bị cha kêu ra, anh ta phải ngồi trước mặt và đọc bài trong khi cha anh ngồi trên ghế xa lông, cầm quyển vở có bài học của anh để kiểm tra xem có thuộc không. Ông ta không biết rằng người anh đã lẻn ra đứng sau lưng. Người anh cứ dòm vô bài mà cha anh đang cầm trên tay và đọc nho nhỏ, anh ta chỉ việc nhắc lại thật to. Cha anh lãng tai, không nghe người anh nhắc bài, tưởng anh ta thuộc bài rồi.

Nói đến Hội An là người ta nghĩ đến Chùa Cầu. Đó là biểu hiệu của Hội An cũng như chợ Bến Thành là biểu hiệu của Sài Gòn vậy. Lịch sử Chùa Cầu thì sách vở có nói nhiều, nhưng những người không đọc sách và bọn nhỏ tụi tôi thì có một lịch sử khác. Rằng bên Nhật thường bị động đất, nhà sụp người chết, năm nào cũng xảy ra. Thầy địa lý Nhật bảo rằng, động đất là tại vì con cù (rồng đất) thường quẩy đuôi. Muốn cho nó khỏi quẩy đuôi, phải ếm cái đầu, không cho cục cựa. Mà cái đầu nó lại nằm tại Hội An trong khi cái đuôi lại nằm bên Nhật!? Mấy ông phù thủy Nhật đến Việt Nam xây cái chùa trên đầu con rồng, còn ếm thêm một cây gươm dưới đất cho con rồng hết đường cục cựa. Vậy là bên Nhật không còn động đất nữa. Chúng tôi tin lắm. Tuổi trẻ con, những chuyện truyền kỳ đó, đương nhiên phải là có thật. Thế nên, thỉnh thoảng chúng tôi rủ nhau xuống dưới lạch nước, dưới Chùa Cầu lấy cây thọt khắp nơi, hi vọng thấy được lưỡi gươm. Nhưng thọt mãi, chỉ thấy rác rến hôi thối, gớm ghiếc!

Lên trung học tôi hết tin chuyện con cù, nhưng Chùa Cầu giúp tôi một dịp được một đứa con gái ôm. Số là một buổi tối, tôi đi lang thang gần đến Chùa Cầu thì thấy một cô bé cứ đứng thập thò chỗ cột điện mà không dám qua cầu. Khi tôi đi đến thì cô ta đi theo sau lưng. Trong cầu tối lù mù như động ma lại thêm mấy cây nhang khi mờ khi tỏ trước tượng mấy con khỉ, con chó càng thêm rùng rợn... Khi đến giữa cầu, tôi bỗng dừng lại và kêu lên "Ma kìa!" Vậy là cô ta nhảy tới ôm tôi cứng ngắt. Tôi cũng ôm lại cô để dìu cô qua cầu. Khi ra khỏi cầu cô bỏ chạy mất. Lần đầu trong đời, được một đứa con gái ôm, tôi về khoe tùm lum với tụi bạn, đứa nào cũng suýt soa rằng tôi gặp may. Tôi không biết mặt mũi cô bé đó ra sao, nhưng vẫn còn nhớ đến bây giờ.

Hội An có một thú vui nữa là lội nước lụt. Sau

nầy lớn lên đi làm việc ở Huế, năm nào Huế cũng có lụt mà chẳng thấy cô cậu học trò Huế nào lội nước lụt như bọn nhóc tụi tôi ở Hội An. Hàng năm, đến mùa đông mưa dầm là chúng tôi cầu cho nước lụt. Bọn trẻ con chúng tôi đâu có nghĩ đến nỗi khổ của người dân thôn quê mỗi khi có thiên tai. Trẻ con ở Mỹ mỗi khi có bão tuyết cứ mở TV ra là biết mình được ở nhà. Lúc xưa ở Hội An, chúng tôi biết chắc là được nghỉ học vì nước lụt nhưng vẫn phải đến trường, cô thầy cũng phải đến trường. Sáng đó thầy hiệu trưởng cho người lên ty tiểu học nhận chỉ thị cho nghỉ học hay không mới về trình lại thầy hiệu trưởng. Lúc đó mới thông báo từng lớp biết. Buổi sáng đó chúng tôi đến trường, vào lớp ngồi chỉnh tề, có cô thầy nhưng ai cũng ngóng chờ tin, chẳng học hành, bài vở gì cả. Chúng tôi rủ rê, bàn tán nhau chuyện lội nước lụt. Đến khi nghe tin cho về là học trò cả trường la ó, ùa ra khỏi lớp, mặt mày sáng rỡ. Đa số chúng tôi không về nhà vì sợ cha mẹ cấm lội nước lụt vừa nguy hiểm vừa có thể bị cảm lạnh. Nguy hiểm vì có cậu học sinh ngồi trên thuyền vừa đánh đàn vừa hát với chúng bạn rất là nên thơ, thình lình thuyền bị lật úp mà cậu không biết bơi nên chết chìm! Nhưng đó là chuyện hi hữu. Tai nạn chúng tôi thường gặp là bước hụt chân từ trên lề xuống lòng đường, nước ngập đến ngực. Đa số chúng tôi thường lận vở vào bụng, thế là vở bị ướt mem, nhòe nhoẹt hết cả! Đường ngập nước chúng tôi thường lội là đường Nguyễn Thái Học, nước không chảy xiết lại tấp nập thuyền và người nên rất vui. Những đứa có tiền thì thuê thuyền chèo lên chèo xuống dọc đường phố. Những người ở hai bên đường đứng trên lầu thòng những cái giỏ nhỏ, trong có tiền, xuống cho những người bán quà rong bằng thuyền, lấy tiền và bỏ hàng vào giỏ, người trên lầu kéo lên... Chúng tôi cứ lội nước như thế cho đến trưa mới về nhà ăn cơm.

Tôi có thằng bạn tên Trần Ngọc Lợi, kể chuyện nước lụt rất hay. Nhà nó trước bờ sông Bạch Đằng. Bờ sông Bạch Đằng thì thuyền bè cũng không dám héo lánh nói gì người ta. Nước chảy rất xiết mà sông thì cuồn cuộn, mênh mông, lênh láng. Nhà cửa bên kia bờ sông (Cẩm Nam?) ngập đến nóc, cây cao nhất cũng chỉ lú cái ngọn. Thằng Lợi ở chỗ như thế nên nó có quyền kể những chuyện mà không ai kiểm chứng được. Mà mùa lụt nào nó cũng có một vài chuyện hấp dẫn để kể cho tụi nhóc chúng tôi nghe. Tôi chỉ còn nhớ được vài chuyện mà đến bây giờ tôi vẫn còn thấy thú vị, huống gì lúc còn bé.

"Hôm nước lụt ngập cả tầng dưới, cả nhà tao phải dọn hết lên lầu, nhưng vẫn để cửa ra vào ở tầng dưới cho cá vào tránh nước lụt. Cá nhiều lắm, tao ngồi ở thang lầu câu một lúc là đủ cá ăn cả ngày. Một buổi sáng, tao cầm cần xuống cầu thang thì thấy một con rết, to bằng cái đòn gánh, nằm khoanh tròn trên tam cấp cầu thang. Tao lấy cái thúng úp lên rồi kêu ba tao xuống coi. Ba tao lấy cái thùng sắt bự, bỏ con rết vô nhốt lại. Tụi bây biết không? Tối đến, cái thùng sáng trưng như có thắp đèn. Ba tao bảo con rết nầy đã tu thành chánh quả nên có ngọc..."

Tụi tôi nóng ruột, hỏi "Sao không giết đi mà lấy ngọc?"

"Đâu có được! Giết con rết thì ngọc tiêu ra nước ngay. Tụi bây chả biết gì! Ba tao lấy một cái rổ thưa, đặt trên một cái lu, trong lu có nhiều nước rồi làm thịt con gà, bỏ trên rổ và bắt con rết cho vô rổ. Rết rất thèm thịt gà, nó phải nhả viên ngọc đang ngậm trong miệng ra để ăn thịt gà, vậy là viên ngọc lọt xuống dưới rổ rơi xuống nước, con rết chịu thua, không cách gì lấy lại viên ngọc vì đã chìm xuống đáy lu rồi. Ba tao giết con rết và lấy viên ngọc."

Tụi tôi nhân đạo "Giết nó chi cho tội nghiệp!"

"Không giết, nó cắn chết người giữ ngọc để lấy lại viên ngọc. Tụi bây biết viên ngọc nầy dùng làm gì không? Người nào lận nó trong người thì nghe hiểu được các loại côn trùng, súc vật, chim chóc nói chuyện với nhau. Trước trận lụt vừa rồi, ba tao nghe bọn kiến nói với nhau "Hai mươi âm lịch nầy, nước sẽ dâng cao, chúng ta phải mau mau đưa trứng và lương thực lên lầu gấp." Nghe được như thế, ba tao ra lệnh phải lo dọn đồ đạc lên lầu. Đúng ngày hai mươi, tao ngủ dậy, thấy nước đã vô nhà. Sang năm tao sẽ báo trước cho tụi bây biết ngày nước lụt để chuẩn bị nghỉ học, lội nước lụt..."

"Bộ mầy nghe được tiếng bọn kiến chuyện trò à?"

"Không! Ba tao nghe. Tao có xin mượn ba tao viên ngọc, nhưng ba tao không cho vì tao nhỏ tuổi, nghe tiếng súc vật sẽ giảm thọ."

Lần khác nó kể chuyện Long Vương lấy súc (cây gỗ lớn).

"Bữa đó nước lên rất cao, tao đi ngủ sớm. Đến khuya, tao bỗng nghe ngoài sông có tiếng trống đánh và tiếng hò hét như đang có chiến trận. Tao mở mắt ra thì thấy ba tao đang đứng ở cửa sổ nhìn ra sông. Tao chạy đến nhìn thì thấy ngoài sông đèn đuốc sáng rực, binh tôm tướng cá ngồi trên những súc gỗ to tướng, vừa hò reo, vừa chèo. Nước chảy đã nhanh mà gỗ trôi càng nhanh hơn, cứ vùn vụt như tàu thủy. Mỗi súc gỗ có một con rồng nhỏ đứng chỉ huy, có lẽ đó là các con của Long Vương. Năm nào Long Vương cũng cho binh tướng ngược giòng nước lũ, lên rừng đốn gỗ về biển Đông xây cung điện dưới thủy cung."

"Nhưng tôm cá làm sao chèo được?"

"Tôm cá lúc đó cũng có tay chân như người thường vậy, nhưng mặc đồ đẹp lắm. Họ mặc đồ xưa giống trong hát bội."

Những chuyện nó kể là vào thời tiểu học, lên trung học, tôi biết là nó xem chuyện cổ tích và chuyện tàu, tranh tàu mà phịa ra. Nhưng lúc còn nhỏ bất cứ chuyện cổ tích nào cũng làm cho trí tưởng tượng của chúng tôi bay bổng đến những thế giới thần tiên và chúng tôi tin những chuyện đó là có thật. Bây giờ thì hết tin rồi và chắc là bạn cũng không tin. Nhưng hiện nay, vùng thôn quê dọc hai bên sông Thu Bồn ở Quảng Nam, người ta vẫn coi chuyện đó là đương nhiên, họ còn xác nhận với bạn "Chính mắt tôi thấy rõ ràng. Mấy súc gỗ đó trôi giữa giòng nước lũ, không ai dám vớt vì trên đó có mấy con rắn thần to tướng trấn giữ. Ban đêm các ngài binh tôm tướng cá mới hiện ra chèo mấy súc gỗ đó về biển Đông..." Nước lụt thì rắn rết, chồn cáo, chuột bọ... phải bám vào cây cối trốc gốc trôi nổi để tị nạn là chuyện thường.

Thằng Trần Ngọc Lợi nầy đã làm một chuyện động trời. Đó là năm đệ tứ, nó đã tò tí với cô Xuân Lan, bạn học cùng lớp, cô ta có chửa và nó cưới làm vợ.

Nó là đệ tử ruột của ông võ sư Năm Sửu. Ông ta truyền nghề võ cho nó nên ở Hội An, nó là tay trừ gian diệt bạo. Cô bồi, du đãng mà hó hé, nó kêu ra dợt cho một trận là êm re. Thằng Lợi, tuy có vợ, có con mà vẫn ham chơi như tụi tôi. Vợ chồng nó sống bám vào cha mẹ, nên nó vẫn thế.

Chúng tôi lên trung học lại có một trò bất lương là bắt gà trộm nấu cháo ăn. Cứ chạng vạng tối là tôi đi rảo khắp các xóm, dòm ngó xem mấy con gà nhà người ta đi ngủ chỗ nào. Đến tối, thằng Lợi chở tôi đến bằng xe đạp, tôi leo rào vào, ôm gà ra và nó đạp như gió cuốn. Chúng tôi rất thú vị với trò nầy, vừa hồi hộp vừa sợ, giống như lúc nhỏ chọc ghẹo bà Lợi Điên hay bắn chim trong vườn nhà chùa vậy. Tôi bắt gà rất tài, không con nào kêu cả. Tôi lòn tay dưới bụng con gà và nâng nhẹ lên, con gà chỉ kêu cúc cúc nho nhỏ chứ không vùng vẫy, kêu la gì cả. Khi nào không tìm thấy gà người ta để bắt trộm, tôi về trộm gà ở nhà, của má tôi nuôi, đem lại nhà thằng Công nấu cháo. Khi bị mất gà, má tôi chửi thôi, bể làng bể xóm, chửi khơi khơi chứ có biết ai ăn trộm gà đâu? Tối thứ bảy mất gà, sáng chủ nhật, điểm danh mấy con gà, thấy vắng mặt một con là má tôi chửi. Tôi đang ngủ phải vùng dậy bỏ đi!

Khi nào không có gà thì thằng Mạc Phi Hoàng rủ tôi lên lầu nhà nó bắt bồ câu để tối đem đến nhà thằng Công. Bồ câu già nấu hoài vẫn dai nhách, nuốt không vô! Nhưng có cháo để xì xụp với nhau là vui rồi.

Thằng Công là nhân vật tôi đã kể ở mấy chuyện khác. Ba nó đi làm xa, chỉ có mẹ ở nhà. Bà ta rất hiền và thương con, tụi tôi đến làm gì mặc kệ. Nó có mấy đứa em, thằng em trai tên Bổn, sau thành nhà thơ Tần Hoài Dạ Vũ. "Dạ Vũ" không phải là ca nhạc nhảy đầm như ở Mỹ mà có nghĩa là đêm mưa. Thằng Công chỉ biết có một bài hát duy nhất, từ tiểu học đến trung học cũng chỉ bài đó "Anh ơi, tôi lên đường phố cũ tìm anh chiều hẹn hò. Trao nhau niềm vui cuối tuần. Vì hơn mấy lần... Ai quen ai khi bàn tay trót nằm trong bàn tay rồi..." Trong lớp học, hễ giảng bài xong, còn dư mấy phút, thầy cô thường bảo "Ai

biết hát, lên hát một bài." Vậy là tụi tôi đẩy nó lên"Công! Lên hát Anh ơi tôi lên đường phố cũ đi!" Cũng có một thằng khác tên Vương Tử Hoàng, cũng chỉ một bài, hát hoài, từ tiểu học lên trung học "Đêm dâng với ngọn triều. Dô tà dô kéo thuyền nhổ neo. Vi vu buồm lên cao. Dô tà dô sóng reo dạt dào.." Hai đứa hắn hát mãi như thế khiến cả lớp đều thuộc lòng. Về sau, lớn lên, lang bạt khắp nơi, nhưng mỗi lần nghe lại những bài hát đó, đứa nào cũng nhớ Hội An, nhớ bạn bè, nhớ hai thằng ca sĩ "chỉ biết một bài duy nhất." Như tôi đã kể trong vài chuyện khác, thằng Công thường bị bạn bè trong lớp đem ra làm nạn nhân để chọc ghẹo nữ giáo sư mới, trong mỗi đầu niên học, (Với nam giáo sư thì chúng tôi không thấy vui). Đó là khi cô kêu thằng Công lên trả bài là chúng tôi thưa "Công ngủ rồi cô!"...

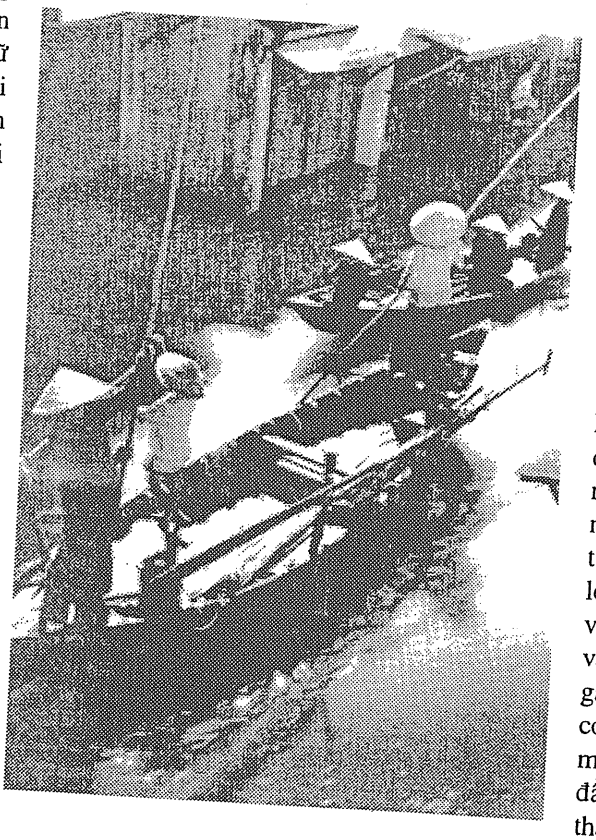

Đối với nữ giáo sư, tôi chẳng ngán. Đến giờ trả bài, tôi thường không thuộc bài, nên lẻn xuống cuối lớp, ngồi thụp, sau lưng bạn, im re. Khi giáo sư kêu tên tôi lên trả bài, các bạn biết "hoàn cảnh" tôi, nên thưa là tôi vắng mặt. Hết giờ trả bài, tôi lại về chỗ cũ mà ngồi. Giáo sư có thấy, hỏi sao lúc nãy đi đâu? Thì tôi thưa "Em không thuộc bài nên em trốn dưới gậm bàn." Có giận thì cho hột vịn lộn, còn hơn lên bảng mà ấm ớ, mất mặt nam nhi!

Thằng Công có mấy đứa em gái, rất hiền, chuyên môn lúc thúc dưới bếp nấu cháo gà. Chúng tôi ở trên lầu tán phét chờ ăn cháo. Có một chuyện bắt gà trộm mà tôi vẫn nhớ mãi. Một thằng bạn khác hình như tên Bòng, rủ tôi đi bắt gà trộm. Tôi chỉ nó cách bắt gà nhưng nó chê, bảo rằng cách của nó ngon hơn "Cứ nắm cổ gà cho thật chặt, rồi ôm chạy, ai biết được?" Thế rồi tôi theo nó. Nhiệm vụ tôi đứng ngoài rào, canh chừng, nó leo rào vào... Một lần, nó vào sau hè nhà người ta, lát sau đi ra. Tôi không thấy nó ôm gà mà cầm vật gì trong tay, cứ đưa ra phía trước và đi hối hả ra đường. Tôi đi theo, ra ngoài đường chính, có ánh đèn điện. Trời đất quỉ thần ơi! Nó cầm trong tay đầu một con rắn. Mình con rắn quấn quanh cánh tay nó. Tôi hoảng kinh, đứng đằng xa mà nhìn chứ không biết làm sao cứu nó. Thế rồi nó ngồi xuống lề đường, dưới trụ điện, bắt đầu mài đầu con rắn xuống mặt đường nhựa. Thì ra có một loại rắn, gọi là rắn rồng hay gì đấy, thường vào nhà bắt chuột hoặc ăn trộm trứng gà trong các ổ gà. Con rắn cứ nuốt nguyên trứng gà vào bụng, chỉ một lát sau là ói cái vỏ trứng dẹp lép ra, tròng trắng, tròng đỏ đã tiêu hóa hết cả rồi. Vì con rắn cũng đang rình, tìm cách ăn trộm trứng gà của con gà mái đang ấp. Con rắn đang ngóc đầu chờ dịp thuận tiện bên cạnh ổ gà. Vậy là thằng bạn tôi tưởng là đầu gà, cứ nhè đầu rắn mà chộp lấy. Khi biết chộp phải con rắn, nó không dám buông ra và cứ nắm chặt đầu rắn mà đi. Nó ngồi mài mãi, con rắn đã chết, thân hình đã buông lỏng, không còn quấn vào cánh tay nó nữa, nó vẫn cứ mài. Khi tôi đến gần, thấy thế bảo nó là con rắn đã chết rồi, nó mới ngừng tay. Tôi thấy đầu con rắn mòn hết thâm đến thịt da tay, nó vẫn mài. Lớp thịt tay nó, chỗ ngón cái và ngón trỏ bị mòn, chảy máu tùm lum mà nó không biết. Sáng hôm sau, đi học, tay nó băng vải, không chép bài được. Từ đó nó không dám bắt gà trộm nữa.

Bây giờ tôi xin nói chuyện tình yêu. Người Pháp có câu "Người mà không có tình yêu như quả đất không có mặt trời." Tôi không hiểu rõ câu đó, nhưng quả thật, tuổi mới lớn mà không có người để yêu thì chán hết sức. Khổ nỗi, yêu thì được, nhưng làm thế nào để tỏ tình? Đâu phải thời đại văn minh bây giờ, mới nứt mắt đã bồ bịch tùm lum. Lại thêm cái computer là phương tiện để các cô, các cậu "chat" thoải mái. Đôi khi

còn cho nhìn những bí mật của nhau nữa. Thời tụi tôi thì vô phương, lại thêm thành phố nhỏ, hơi chút là thiên hạ ầm ỹ ngay. Chỉ trường hợp thằng Lợi với cô Lan là thiên hạ chịu thua, chúng giữ kín bưng, bạn học ngồi bên cạnh cũng không biết! Sau nầy tôi hỏi thằng Lợi. Nó kể, đại khái, hai đứa viết thư cho nhau rồi bỏ trong quyển vở, sau buổi học, giả vờ mượn vở để về chép bài...Khi tình đã "lên men giấm" nó rủ rê em đi tắm biển Cửa Đại. Mà đi vào buổi tối, chẳng ai thấy. Bãi biển cửa đại, có rừng dương liễu, kéo vào đó thì như vào "đám lá tối trời," lại vào ban đêm thì đất cũng tối thui! Cô Lan, gia đình ở dưới quê, lên Hội An trọ học, chẳng ai "quản lý," mới ra nông nỗi! Tụi nó mới đệ tứ, khoảng mười lăm, mười sáu mà thành vợ chồng, trong khi bọn tôi đã học đệ nhị mà vẫn cứ vác quả tim cô đơn, cà lơ thất thểu trên đường phố, mà chẳng thấy người đẹp nào chịu đưa bàn tay ra đón nhận. Hình như bọn con gái cũng thế, coi bộ còn khó khăn hơn. Không lẽ thương ai, mình là con gái, lại đi tỏ tình trước! Mà có ngỏ ý cũng vô ích. Bọn con trai chỉ để ý đến người chúng thích thì có vác loa mà chõ vô tai nó hét lên "Em yêu anh!" nó cũng phe lờ. Bởi vậy mới có tình yêu đơn phương. Gì chứ những mối tình đơn phương thì tôi thiếu khối. Tôi cứ chọn những cô đẹp nhất, dễ thương nhất trường mà yêu. Yêu một chiều, chẳng làm phiền ai, nên nhiều cô không biết. Tôi xin kể sau đây, một trong những mối tình đơn phương đó, kể ngắn thôi, để bạn khỏi chán.

Năm đó tôi học đệ tam. Trường Trần Quí Cáp, Hội An, vì thiếu phòng học nên một phòng giành cho hai lớp. Buổi sáng một lớp, chiều lớp khác. Tôi học buổi sáng. Là vua trốn học nên thỉnh thoảng tôi và vài đứa nữa, leo cửa sổ, chui rào (lúc đó trường chưa xây tường) chạy đi chơi. Cứ tưởng tượng chui khỏi rào, đứng nhìn các lớp học lặng trơ, tụi bạn phải trả bài, làm bài, còn mình thì thảnh thơi, mới thấy cái thú trốn học. Chúng tôi thích nhất là đi tắm sông. Bơi lội, hò hét, đùa nghịch cho đến chán thì mặc áo quần, trở lại trường, lại chui rào, vào lớp học tiếp. Thân thể mát mẻ, tinh thần thỏa mái, học thêm mấy giờ nữa là tan trường!

Một lần, tôi với thằng bạn trốn học, xuống phía chùa Sư Nữ tắm sông. Khi chúng tôi chuẩn bị lên bờ thì có hai chị đàn bà ôm áo quần xuống bến giặt giũ. Không biết hai chị tâm sự gì mà cứ nói mãi, chúng tôi không thể lên bờ mặc áo quần được. Vì bến sông đó thuộc vùng quê, thường xuyên vắng vẻ, nên chúng tôi tuy đã học đến đệ tam mà vẫn cứ tắm theo kiểu ông Adam, nghĩa là không mặc đồ lót, sợ ướt lây qua quần dài, vào lớp thì kỳ cục. Thế là chúng tôi cứ lội lên, lội xuống mãi cho đến trưa, hai chị đàn bà ra về, mới lên mặc đồ, vội vã đến trường, thì đã đến giờ của lớp buổi chiều. Sáng hôm sau đi học, thấy trong hộc bàn, sách vở vẫn còn nguyên, nhưng có thêm một mảnh giấy nhỏ, trên đó có mấy câu, chê rằng đi học mà đút vở bụi tre, không biết xấu hổ. Thấy nét chữ chân phương, tôi đoán là chữ con gái nên để ý xem cô nào đã ngồi chỗ của tôi. Hóa ra đó là cô Lê Thị Thanh học lớp đệ ngũ. Cô nầy có biệt danh là Thanh Móm, chiếc miệng móm khiến cô trở thành cô bé có duyên nhất trường. Đôi môi cô hồng tự nhiên như mím lại, dễ thương hết sức! Tóc cô nhiều, phủ đầy lưng, đôi mắt thông minh, sáng trưng... Được một người đẹp như thế ngồi chỗ của mình, tôi dại gì mà không viết thư bỏ hộc bàn! chẳng phải thư mà chỉ là mảnh giấy nhỏ. Tôi viết bằng tiếng Anh, khi làm thơ tặng cô thì tôi viết tiếng Việt. Tôi học đệ tam, ban C (văn chương) mà tiếng Anh, tôi viết xong, về nhà giở tự điển ra mới thấy trật bậy, trong khi cô trả lời, có những chữ tôi không hiểu! Tôi làm thơ tỏ tình thì cô nói sang chuyện học hành, đại ý muốn cô trả lời thì phải chăm học, không được trốn học nữa... Cứ cách vài bữa, tôi tặng cô một bài thơ, có khi chỉ vài câu, toàn thơ con cóc. Suốt một năm như thế, (được một bầy cóc!) nếu chép ra, chắc cũng phải một tập thơ dày.

Cô Thanh học rất giỏi, năm nào cũng lãnh phần thưởng nhất lớp, đôi khi còn thêm phần thưởng hạnh kiểm toàn trường nữa. Năm nào, lễ phát phần thưởng, tôi cũng đến dự để được ngắm cô yểu điệu lên lãnh thưởng. Cô còn nhỏ nên đôi khi ôm phần thưởng lớn, che cả mặt, không thấy đường, tôi rất hồi hộp và thương cô vì sợ cô vấp ngã.

Hết năm đệ tam thì tôi không còn ngồi chung chỗ với cô Thanh nữa. Nhưng buổi tối, tôi thường đi ngang nhà cô, để được thấy cô ngồi học ở một bàn nhỏ trong phòng khách. Từ năm đệ nhị, tôi phải gạo bài để thi tú tài, nên tối nào tôi cũng thức khuya. Đang học bài, tôi thường buông sách vở, lang thang ngoài đường phố một lúc cho thảnh thơi tâm trí, để về học tiếp. Dù đi đâu, tôi cũng phải vòng xuống phía chợ, ngang qua nhà cô Thanh một lần. Đôi khi, cô đang học, nhìn ra, thấy tôi, cô đứng dậy, bước ra cửa để tôi được

gặp. Chúng tôi chỉ nói vơ vẩn mấy câu, độ năm mười phút, rồi cô bảo "Về học bài đi! Sắp thi rồi." Nghe thế, tôi ngoan ngoãn đi về, lòng sung sướng lắm, học bài mau thuộc!

Thời đó, khoảng thập niên sáu mươi, có phong trào học trụ điện. Nghĩa là ban đêm, vắng vẻ, bọn học trò đem sách vở ra ngoài các trụ đèn đường, ngồi học bài cho đỡ buồn ngủ, lại có thêm bạn bè, thỉnh thoảng trò chuyện cũng vui. Chúng học đến gần sáng mới vào nhà ngủ. Bọn con gái không ra trụ đèn học bao giờ. Tôi cũng thế. Tôi có cách học riêng. Mỗi ngày tôi tự ra lịnh cho mình học đủ tám tiếng (ở nhà). Ví dụ đang học, chỉ mới mươi phút, buồn ngủ, tôi lăn ra ngủ, nhưng ghi rõ mười phút, dậy học tiếp độ hai giờ, buồn tình, tôi buông sách đi chơi, tôi ghi thêm hai giờ nữa... Miễn sao ngày đó phải đủ tám tiếng. Thế nên bọn học trụ điện cứ thấy tôi, đêm khuya còn lang thang ngoài đường, vậy mà thi tú tài vẫn đậu?!

Thế còn chuyện tình của tôi với cô Lê Thị Thanh đi đến đâu? Thì tôi đã nói trước, đó là tình yêu đơn phương, làm sao có chuyện éo le, gay cấn để kể ra!

Từ năm tôi học đệ tam đến năm đệ nhất, thi xong tú tài hai, tôi và cô Thanh chỉ gặp nhau vào buổi tối, nói với nhau vài câu... Suốt mấy năm, cũng chỉ có mấy câu chào hỏi đó thôi. Tôi không biết cách nào tỏ tình, mà cô thì, có lẽ xem tôi như người bạn hay người anh, nên hai đứa không tiến thêm một chút thân tình nào. Có duy nhất một lần. Tối đó, tôi đến để từ giã cô vào Sài Gòn học đại học. Cô ra cửa, đứng cạnh tôi. Vô tình, tay cô chạm vào tay tôi. Chạm nhẹ thôi. Vậy mà tôi sung sướng đến ngẩn ngơ. Ngẩn ngơ mãi.

Chuyện tình yêu của tôi chỉ chừng đó! Nhưng suốt đời, tôi coi như "một mối tình" vì sau đó, tôi chẳng yêu ai và cũng chẳng ai yêu tôi cả!

Đọc đến đây, chắc bạn đã chán ba chuyện yêu quái lẩm cẩm của tôi rồi. Tôi xin kể qua chuyện tôi về lại Hội An, sau mấy chục năm xa thành phố cổ đó.

Tôi từ Mỹ đi máy bay về Sài Gòn, rồi đón xe về Hội An.

Hội An vẫn thế, nhưng nó đã mất cái hồn, mất cái tình đối với tôi rồi. Tôi như người ngoại quốc đến một xứ lạ, cứ đi lơ ngơ, nghiêng ngó mà không gặp được một người quen. Trước giờ vẫn thế. Tuổi trẻ Hội An, lớn lên là như con chim xa tổ. Đứa nào cũng nghĩ đến một phương trời khác, thế là chúng đi biệt. Sau năm bảy lăm đổi đời, chúng bay còn xa hơn, đến cả phương trời tây. Đứa bị kẹt lại cũng tìm cách ra khỏi Hội An. Vô Sài Gòn, ra Đà Nẵng, chí ít cũng Tam Kỳ, Tiên Phước...

Buổi tối, gần về khuya, mọi người đều rút vào nhà. Đường phố hẹp, vắng tanh trong ánh đèn vàng vọt, khiến con đường hun hút, âm u như đường hầm. Tôi lang thang ngang qua nhà các bạn cũ. Tôi nhớ các bạn tôi nhưng chúng không còn ở đấy nữa! Tôi đi theo các con đường mà trước đây, tôi thường đi. Tôi cũng vòng xuống ngã chợ, nơi nhà cô Thanh. Vẫn mái hiên nơi cô và tôi thường đứng chuyện trò, nhưng cô đã đi rồi! Nếu còn, cô cũng đã lớn. Cô nữ sinh bé nhỏ ngày xưa đã hoàn toàn đi vào quá khứ!

Hội An đã lạ, tôi càng lạ hơn. Cậu học sinh năm xưa, tâm hồn trong trắng, tự tin nay đã thành một người lớn tuổi, chán ngán sự đời. Bãi bể nương dâu. Công danh sự nghiệp như phù vân. Ngẫm lại, chỉ thấy thời đi học là thần tiên hơn cả.

Tôi về lại Sài Gòn, tìm thăm một người bạn, tên Châu Đình Khôi. Anh ta là anh rể của cô Lê Thị Thanh, cho biết cô Thanh, nay đã là góa phụ, có hai con, học hành nên người. Tôi ngỏ ý muốn đến thăm cô. Người bạn đưa tôi đến nhà cô, gần ngã tư Bảy Hiền.

Cô Thanh vẫn thế, tuy có vẻ chững chạc hơn. Môi vẫn hồng duyên dáng, mắt vẫn sáng, thông minh. Gặp tôi, cô mừng rỡ lắm. Cô nhìn tôi với ánh mắt triều mến.

Mục đích tôi đến thăm cô là để xin lỗi cô về những bài thơ, câu thơ tỏ tình, đã làm phiền cô. Vì lúc đó cô còn nhỏ quá, học đệ ngũ, khoảng mười bốn, mười lăm, đâu biết gì! Thế nên tôi mới nhắc chuyện cũ.

- Thanh còn nhớ? Lúc Thanh học đệ ngũ, anh học đệ tam. Hai đứa ngồi cùng một chỗ, anh thường viết cho Thanh, để trong hộc bàn...

- Anh để trong hộc bàn còn quí! Có khi lấy phấn vẽ mũi tên, chỉ lòng vòng, chỗ nầy, chỗ kia, nhét dưới chân ghế, chân bàn...Làm Thanh phải đi tìm...

- Anh còn làm thơ con cóc...

Cô nhìn tôi cười.

- Để đó mà con cóc! Thanh không quên đâu. Anh gửi cho Thanh những câu như thế nầy... Và những câu nầy nữa... câu nầy nữa...

Cô đọc mãi, đọc mãi, những câu thơ, bài thơ con cóc của tôi, (Ôi! Cả một bầy cóc, ngày xưa!) tôi đã gửi cho cô, có lẽ không sót câu nào.

Tôi ngồi lặng người, nhìn sững cô./.

CÂU CHUYỆN ÂM NHẠC

SƠN DIỆM VŨ NGỌC ÁNH

(Xin đọc từ số 181)

Trở lại câu chuyện Phát Diệm là tiền thân của nhạc đạo Việt Nam.

Tôi không rõ nhạc đạo Pháp được du nhập vào Phát Diệm từ hồi nào. Có lẽ khi Phát Diệm được lập làm giáo-phận (1901), các cố Tây thuộc dòng Les Missions Étrangères de Paris theo Đức Cha Marcou Thành về phục vụ giáo-phận đã dạy người Phát Diệm hát nhạc đạo Pháp.

Do đó, như tôi đã trình bày ở trên, ngoài một số rất ít những bản theo điệu nhạc cổ dân tộc hoặc chant grégorien, các bài vãn đều là những bài hát lời Việt theo điệu một số các bài hát đạo Pháp (gọi là cantiques) và nếu như tôi không lầm, trong bao nhiêu năm, chỉ có một cuốn sách hát Pháp được dùng mà thôi, đó là cuốn "Cantiques de la Jeunesse."

Nếu nói là chỉ có thế mà thôi chưa chắc đã là đúng hẳn, bởi vì, ngoài việc sáng tác cả lời lẫn nhạc cho một bài "vãn mới," bố tôi đã làm một chuyện tầy đình khác mà chẳng có người Phát Diệm nào khám phá ra.

Hồi đó quân Nhật mới sang chiếm đóng Việt Nam, nên ngoài nhạc Pháp và nhạc Mỹ, nhạc mới của Nhật và Trung Hoa bắt đầu được lưu hành tại Việt Nam. Nổi tiếng nhất là những bài như *Xuân nhật bất tái lai, Sakura! Sakura!, Shina no yoru, Khimiga yume noni v.v...* Có lẽ bài "Shina no yoru" (Nuit de Chine) tức "Tô-châu dạ khúc" do cô đào Hồng-kông mới nổi tiếng lúc đó là Lý Lệ Hoa hát (trong một cuốn phim tuyên-truyền cho quân-đội Nhật cùng tựa đề) là bài hát Nhật bà con ta ưa chuộng nhất. Không hiểu vì lý do gì (có lẽ cũng chỉ vì muốn có một cái gì mới lạ) mùa dâng hoa năm đó bố tôi cho đoàn hát vãn họ Rosa hát một bài vãn điệu rất lạ. Có người gặng hỏi thì bố tôi cho biết là của một người bạn ở Hà Nội mới đặt ra. Thực ra thì bài hát vãn đó theo điệu bài "Tô châu Dạ khúc."

Cho tới nay tôi vẫn không hiểu tại sao năm đó bố tôi không tự sáng tác một bài vãn mới như ông cụ đã từng làm trước đó mấy năm mà lại đi mượn điệu Nhật trên đây. Có lẽ cũng như nhiều người Việt chúng ta lúc đó bố tôi đã rất mê bài hát có nhiều mầu sắc Á-đông mới lạ này. Năm sau, có lẽ để đền bù lại chuyện "bậy bạ" năm trước, bố tôi đã dạy cho ban hát vãn họ Rosa một bài hát thiệt trứ danh: bản "Ave Maria" của Schubert, lời Việt do ông cụ tôi soạn. Có lẽ đó là bài *Ave Maria* tiếng Việt đầu tiên và có lẽ đó cũng là một bản nhạc cổ-điển Tây phương đầu tiên được đặt lời Việt. Thực ra thì bảy, tám năm trước đó, một ông cậu ruột của tôi đã phỏng theo lời Pháp đặt lời Việt cho bài hát nổi tiếng "Serénata" mà tôi còn nhớ mấy câu đầu như sau:

Hỡi em hãy lại đây
Chiều tà giây phút êm đềm
Hỡi chiếc bóng thướt tha
Lại đây trông kìa
Bóng tối đương lan khắp trời...

Ông cậu tôi học Sarraut, là người Phát Diệm đầu tiên đậu tú-tài Pháp (Bac métro, 1935), khá đẹp trai, qua đời năm 29 tuổi, lúc chưa lấy vợ rất bay bướm, hình như có nhiều cô mê cũng là nhờ bài hát với lời ca tuy đơn sơ nhưng rất diễm tình kể trên. Thực ra thì bài *Sérénata* chưa hẳn là cổ-điển thuần-tuý mà thuộc loại "nhạc nhẹ" (musique légère) mà thôi.

Theo ý tôi, bài hát Tây lời Việt đầu tiên được phổ biến tại Phát Diệm có lẽ là bài "Vân, Kiều thuở xưa, đôi xuân nữ thắm tươi như hoa" theo điệu bài hát lính tẩy "La Madelon" (rất thịnh hành bên Pháp và Âu-châu trong thời kỳ Đại-chiến thứ nhất). Tuy nhiên, ai đặt lời, và bài hát từ đâu tới, thực sự tới nay tôi vẫn chưa rõ nhưng chắc chắn là bài này ra đời trước tới gần hai chục năm những bài hát Tây lời Việt của Năm Châu và bà Ái Liên thường hát xen lẫn với vọng cổ trong các vở kịch cải lương có đề tài xã hội mới. Đã có một thời tôi

rất mê nghe bà Ái Liên hát các vở cải lương loại này tại rạp ngõ hàng Bạc, Hà Nội. Có lẽ không phải mê tuồng mà là bà Ái Liên và những bài Tây lời Việt bà Ái Liên hát và diễn xuất mà theo ý riêng của tôi lúc đó rất là có duyên.

Phát Diệm xưa còn có một bài hát khá hay mà ngày nay tôi chỉ còn nhớ phần nào điệu hát mà thôi. Về lời ca, tôi chỉ còn nhớ lõm bõm mấy câu:

Hồi nhớ công ơn Người hằng chăm sóc

Bày con em chúng ta, chúng ta bao ngày gắng công đèn sách

Nhớ ơn người sớm hôm giúp bày trẻ thơ

.....

Không biết điệu nhạc xuất xứ từ đâu, chỉ biết là bài hát đã xuất hiện vào một dịp học trò trường Thày dòng (tức sư-huynh dòng Lasan) Phát Diệm tưởng-niệm thày Marcel, sư-huynh hiệu-trưởng đầu tiên người Pháp qua đời vào kỳ nghỉ hè của niên học đầu tiên của nhà trường (1933). Có người nói rằng điệu nhạc bài này phỏng theo điệu bài "Chiêu hồn nước" là bài ca chính thức của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Nếu đúng là như vậy, bản *Chiêu hồn nước* này cùng với bài *Tựa văn phòng* theo điệu hành vân có lẽ là hai bài ca ái-quốc VN đầu tiên. Sự thực không biết có đúng như thế không, nhưng cung điệu bản nhạc này quả có chứa đựng một cái gì thiệt trầm hùng và cảm khái. Căn cứ vào sự cấu tạo rất đặc-biệt của nét nhạc, tôi nghĩ rằng có thể đây là một điệu nhạc dân tộc thuần túy Việt Nam mà tôi không biết rõ tên và xuất xứ, mong các vị chuyên về nhạc cổ-truyền Việt Nam chỉ giáo. Hiện tôi đã có ghi điệu nhạc này dựa theo trí nhớ của tôi (quý vị nào thích thú xin vui lòng liên lạc).

Người Phát Diệm được sống trong một bối cảnh thực thuận lợi, nên thường có khiếu về âm nhạc nhưng rất tiếc, vì hoàn cảnh, không có thày tốt, một số tự học mò nên không được trau dồi luyện tập đúng phương pháp, do đó , ngoài một số rất ít nhà soạn nhạc và nhạc sĩ được đi học tới nơi tới chốn như Nguyễn Khắc Cung, Phương Linh, Chung Quân v.v. Phát Diệm không có nhiều nhân tài về âm nhạc, cùng lắm là đủ khả năng gia-nhập các đội quân nhạc hoặc các ban nhạc nhẹ vũ-trường mà thôi. Hơn nữa, ngoài các đội kèn, các đội bát âm cổ truyền, người biết chơi các loại đàn giây cũng rất hiếm, và cũng chỉ loanh quanh mấy thứ đàn như mandoline và banjo mà thôi. Tôi còn nhớ là mãi tới năm lên 10 tôi mới có dịp được nhìn thấy cây đàn violon đầu tiên. Đúng ra là hai cây đàn, bởi vì hè năm đó, có một hôm hai người Phát Diệm đầu tiên chơi đàn violon là các anh N.Đ. Th. và Đ.X. Ph. đem đàn tới chơi tại nhà cụ giáo Huệ, hội-trưởng hội hát xứ Phát Diệm. Anh Ph. (mới qua đời tại quận Cam cách đây mấy năm) chắc không có khiếu nên bỏ tập đàn ngay sau đó. Anh Th. kiên gan hơn, cố tự học và chơi đàn cho tới khi anh qua đời khoảng năm 1950. Tuy chơi không có mấy khá vì học "ô-tô-đi-đất," nhưng những bản như Sérénade, Sérénata, Ave Maria, Méditation de Thais v.v của anh nghe cũng có đượm đôi chút tình cảm. Sau đó Phát Diệm có thêm một số người chơi vĩ cầm nhưng vì không có thày nên cũng chẳng nên cơm cháo gì, trừ trường hợp Nguyễn Khắc Cung. Tôi không biết anh Cung nhiều nên không rõ anh học vĩ-cầm với ai. Lần đầu tiên tôi được nghe anh đờn cho nghe vào một dịp anh về nghỉ hè tại ngôi biệt thự kiểu Việt Nam của cụ thân sinh (cụ bố-chánh Nguyễn Lập Lễ) ở phía đông bờ hồ nhà Thờ Lớn Phát Diệm. Năm đó thân mẫu anh mới qua đời, bản đầu tiên anh đàn cho mấy anh em nghe là bản *Souvenir*, bản nhạc mẹ anh lúc sinh thời rất thích nghe anh đàn, nên mỗi lần nhớ mẹ anh thường chơi bản nhạc này. Vào mấy năm 44, 45 tôi thấy anh Cung thường chơi vào buổi tối tại mấy phòng trà Hà Nội, nên nhờ đó tôi có dịp được nghe anh Cung thêm mấy lần nữa và répertoire của anh lúc đó cũng chỉ luẩn quẩn mấy bài như *Souvenir, Sur le marché persan, Rêverie, Meditation de Thais, Le beau Danube bleu* v.v. Vả lại trình độ thưởng thức nhạc cổ-điển của chúng tôi thời bấy giờ cũng chỉ tới mức đó mà thôi. Sau khi anh đi du học trở về, rất tiếc là tôi không có dịp nào được nghe lại tiếng đàn chắc chắn đã điêu luyện hơn xưa của anh. Nguyễn Khắc Cung là một trong số mấy vĩ cầm gia, đồng thời cũng là nhạc trưởng, nổi tiếng của miền Nam Tự-do trước 1975.

Vào thời xa xưa đó, ngoài một số rất ít người nổi tiếng như Nguyễn Khắc Cung, Duy Linh, Chung Quân v.v. Phát diệm còn có một số thuộc loại tài tử như ba anh em Lê Văn Giáp (accordéon), Lê Như Khôi (clarinette), Lê Hữu Mục (Saxo), Nguyễn Gia Huân (violon), Quang (Saxo), v.v. Về phương diện chơi nhạc, Phát Diệm có một nhân vật khá đặc biệt tôi tưởng cũng nên nói tới ở đây cho vui. Đó là anh Trần Văn Mẫn, bào huynh của linh-mục học giả chữ nôm Trần Văn Kiệm. Anh Mẫn thực ra chẳng chuyên một thứ đàn gì, nhưng về các loại đàn giây hầu như cái gì anh cũng thử "cò ke, kéo co" chút ít cho

vui. Năm đó (1949), tôi, Đoàn Văn Cầu (tức cựu NS Cừu) và Đỗ Thế Phiệt nổi hứng cùng nhau tổ chức một cuộc trình diễn nhạc cổ-điển tại Phát Diệm, có thể nói là độc nhất vô nhị trong suốt mấy năm kháng chiến tại miền Bắc. Hưởng ứng tới tham dự với chúng tôi có Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Anh Thường (dương cầm), Lương Ngọc Châu, Nguyễn Văn Hướng (vĩ cầm), Nguyễn Quý Lãm (trung vĩ-cầm), Đỗ Anh Tuấn, Đỗ Đình Toại (flute), Đỗ Đình Thiều (clarinet), Nguyễn Văn Quỳ, Đỗ Thiếu Liệt (guitare) v.v. Chương-trình gồm có các bản hoà tấu như *Marche militaire* (Schubert), *Marche Turque* (tức Le Calife de Bagdad của Boeldieu), *Le beau Danube bleu* (J. Strauss), *Les flots du Danube* (Ivanovici) v.v. độc tấu hay đơn ca như *Romance en Fa* của Beethoven (Đỗ Anh Tuấn, độc tấu flute), *Romance et boléro* (Đỗ Thế Phiệt, độc-tấu vĩ cầm), *Invitation à la danse* (Nguyễn Văn Hiếu, độc tấu dương cầm), *Sérénade, Come back to Sorento* (lời Việt do Đoàn Minh đơn ca) v.v. Chúng tôi cũng không quên nhạc Việt Nam nên chương-trình có thêm một vài bản nhạc Việt rất thời trang lúc đó như *Anh tới thăm em một chiều mưa* của Tô Vũ, mới ra lò, do Đoàn Minh đơn ca (anh Minh là em của Đoàn Tòng, một giọng ca tài tử khá nổi tiếng tại Hà Nội trước 1945), *Nhớ người thương binh* (Phạm Duy, hợp ca, do một số anh chị em ca sĩ tài tử từ Thái Bình sang tham dự) v.v.

Nếu chỉ có thế thì không có gì rắc rối cả nhưng tới khi tập tới cái đinh của chương-trình là Hoà tấu khúc số 8 tức *Symphonie inachevée en Si mineur* của Schubert, anh em mới nhận thấy là ban nhạc thiếu một tay trung hồ-cầm (cello) để chơi câu mở đầu của bản nhạc. Đàn thì lúc đó tại Phát Diệm có hai cây, có thể mượn dễ dàng, nhưng người có thể chơi được với ban nhạc thì hầu như vô phương. Lúc đó tôi quýnh quá bèn tìm anh Trần Văn Mẫn cầu cứu. Như tôi đã nói ở trên, anh Mẫn trước đó thực ra có tập chơi violon nhưng không mấy khá nên đã bỏ từ lâu. Anh đề nghị với anh em là cho anh tập thử ở nhà một vài ngày, sau đó có thế nào sẽ trả lời. Hôm sau nữa anh tới xin chơi thử cùng với anh em. Anh chơi tuy không hay nhưng tạm đủ để trám vào chỗ không thể thiếu được của bản nhạc, và ai nấy đều hết sức mừng rỡ vì nhờ anh mà chúng tôi có thể duy trì được bản Symphonie số 8 trong chương-trình. Mặc dầu anh Mẫn không phải là một kỳ tài, nhưng thành tích đáng nể trên đây của anh đã trở thành một giai-thoại của Phát Diệm cách đây trên nửa thế-kỷ. Năm 1954, anh và gia-đình gồm bà vợ trẻ và một bầy con không vào Nam mà ở lại Hà Nội chỉ vì tiếc một cây đàn dương cầm Moultrie rất tốt của một người bạn đi di cư để lại với một giá rẻ mạt. Câu chuyện này kết cục thế nào, vui hay buồn, anh Mẫn và gia-đình nay ra sao, tới nay tôi vẫn chưa rõ. Dẫu sao đó cũng là một câu chuyện liên quan phần nào đến âm nhạc và người Phát Diệm, và cũng là giai-thoại thứ 2 về anh Mẫn và cái nghiệp-dĩ của anh. Đó cũng là cái mốc cuối cùng của một dĩ vãng mà ngày nay chẳng có mấy người còn nhớ, một dĩ vãng tuy không phải là vàng son nhưng cũng không phải là không có những ngày vui và hạnh-phúc, đã kết thúc bằng những ngày máu lửa đầy kinh hoàng cách đây nửa thế kỷ.

Những chuyện về âm nhạc ở trước đây nửa thế-kỷ

Nhân đã nói tới vụ tổ-chức trình diễn nhạc cổ-điển tại Phát Diệm cách đây trên năm mươi năm, tôi nghĩ cũng nên nói qua những gì tôi biết và còn nhớ về một số anh em tham-dự mà tôi đã có cơ duyên được thưởng thức phần nào tài-nghệ, vì tài nghệ của mấy anh em đó có thể nói là sự biểu hiện trình độ âm nhạc của Việt Nam chúng ta cách đây trên nửa thế-kỷ.

Trước 1945, tại Hà Nội, khi nói tới nhân tài về âm nhạc (cổ-điển Tây phương) người ta thường chỉ nói tới hai người : Nguyễn Văn Hiếu đàn dương cầm và Nguyễn Văn Giệp, vĩ cầm. Anh Hiếu người thấp nhỏ, hiếu động, hay nói, gần như láu táu. Vì bàn tay nhỏ nên anh đã vâng lời ông thầy cắt các kẽ ngón tay để dễ bề chơi đàn hơn. Anh Giệp tương đối cao lớn, khá mập mạp, dáng điệu đường bệ và chững chạc, nhưng khi anh trình diễn, chiếc vĩ cầm được xử dụng một cách thực lẹ làng khéo léo như một món đồ chơi nhỏ ở trong đôi bàn tay thô mập và chắc nịch của anh. Chị Giệp là người buôn bán nhưng cũng có chơi vĩ cầm. Anh chị Giệp là chủ nhân một lò bánh mì khá lớn ở giốc hàng Giò (Bánh mì Gia-long) và nghề đàn đối với anh Giệp chỉ là một thứ đam mê văn-nghệ mà thôi khác hẳn với tính cách chuyên-nghiệp của anh Hiếu. Đã khác nhau về thể chất lại thường trình diễn cặp đôi với nhau nên người ta thường ví hai anh với cặp hề hài hước Laurel và Hardy. Sau cách-mạng Việt Minh, tôi thường được nghe các anh trình diễn tại hội Khuyến Nhạc Hà Nội (số 3 phố nhà Chung), nhà Hát lớn và nhất là về sau này, vào mỗi buổi tối tại phòng trà Quán Nghệ

Sĩ ở một góc phố phía bắc bờ hồ Hoàn Kiếm (gần rạp chiếu bóng Philarmonic ở phía bên kia đường Bờ hồ, con đường xưa có cái tên Tây là Avenue Francis Garnier). Tuy được nghe các anh trình diễn nhiều lần nhưng phần nhiều là những bản nhạc Việt rất được bà con yêu chuộng lúc bấy giờ, chẳng hạn như *Thiên Thai, Con thuyền không bến, Đêm thu* v.v. kể cả các bài ca ái quốc của Thẩm Oánh, Văn Cao, Đỗ Nhuận v.v. rất thịnh hành lúc đó, thỉnh thoảng lắm mới được nghe các anh chơi những bản nhạc nhẹ như *Rêverie, Méditation de Thais, Clair de lune, Sérénade, Fur Elise* v.v Vì lúc đó là thời "cách mạng," nên không biết đối với hai anh có phải là một chuyện miễn cưỡng hay không, nhưng đối với những người yêu nhạc mong muốn được nghe các anh trình bày những bản nhạc giá-trị thực sự cổ điển thì đó là một sự mất mát rất lớn. Nhưng dẫu sao, buổi tối khi trời trở lạnh, ngồi nhâm nhi tách cà-phê hoặc chocolat nóng (mới xuất hiện trở lại sau năm năm chiến tranh dài đằng đẵng) tại Quán Nghệ sĩ nghe cặp Hiếu, Giệp chơi đàn quả là một hạnh-phúc. Cho tới nay tôi chỉ nhớ lờ mờ là về phương diện nghệ-thuật hai anh chơi thiệt xuất sắc, nhưng mỗi khi trình diễn nhạc cổ điển, nếu không được yêu cầu chơi những bản đặc biệt, các anh thường chọn những sonatas, variations, suites, nocturnes v.v nói tóm lại, thường là những khúc nhạc không tựa đề, nặng về kỹ-thuật, nghe rất khó đối với những người trình độ nghe nhạc cổ-điển còn thấp kém là chúng tôi lúc đó. Có lẽ chính vì thế mà có nhiều người nói tiếng đàn quá điêu luyện của hai anh, nghe hay thì thực hay, nhưng thiếu tình cảm, thiếu cái chất "ướt át." Riêng tôi, tôi rất thích bản *Invitation à la danse* và một số tác-phẩm của Chopin anh Nguyễn Văn Hiếu thường độc tấu theo lời yêu cầu của các thính giả ái mộ anh như *Etude en Mi (Tristesse), Military Polonaise, Rondo all Turco* v.v. Ngoài hai nhân vật "thượng thặng" kể trên, vào những năm này, rất nhiều người trong giới trẻ biết tiếng những William Chang, Nguyễn Văn Quỳ, Đoàn Chuẩn v.v. (đều chơi guitare, loại đàn rất thịnh hành thời đó), nhưng ngoài giới âm nhạc với nhau, hầu như không mấy ai biết tới Lương Ngọc Châu, Nguyễn Anh Thường hay Nguyễn Khắc Cung. Tiếc rằng tới khi các nhân tài mới này bắt đầu được thiên hạ chú ý thì cũng là lúc họ lần lượt theo nhau xuất ngoại. Trở về nước sau này tôi thấy hình như chỉ có Đỗ Thế Phiệt, Nguyễn Khắc Cung và Nghiêm Phú Phi. Vì được giao giữ những chức vụ quan-trọng như nhạc-trưởng hay giám-đốc trường Quốc gia âm-mhạc nên các anh ít có dịp trình diễn độc tấu, do đó tôi đã không có cơ hội được thưởng thức tài nghệ của các anh sau khi đi du học về. Thiệt đáng tiếc.

Năm 1969, tôi và Đoàn Văn Cầu có dịp gặp lại Lương Ngọc Châu tại Paris. Tôi còn nhớ nhà anh chị Châu ở banlieue, một căn nhà cổ, đơn sơ, có vườn rộng cạnh một con sông nhỏ, phía bên kia là khu rừng phong, về mùa thu cảnh thiệt là thơ mộng (lúc đó tôi mới được biết chị Châu, tức Phạm Thị Hoàn, là ái nữ cụ Phạm Quỳnh). Vì không có nhiều thì giờ, tôi chỉ được nghe Lương Ngọc Châu chơi một vài bài lặt vặt, nên tôi có cảm tưởng tài nghệ của anh thua sút những năm xưa rất nhiều.

Người mà trước kia tôi có dịp được nghe nhiều nhất là Đỗ Thế Phiệt. Phiệt tiến bộ rất mau là nhờ ông thày người Nga (vì lâu ngày nên tôi quên tên) lúc đó là nhạc trưởng đồng thời cũng là người chơi vĩ cầm của ban tứ cầm (Quatuor) chơi hằng đêm tại quán rượu Taverne Royal trong hành lang cao ốc Crédit foncier (góc đường Bờ Hồ và Tràng Tiền).

LƯU TRỌNG TƯỞNG

Cúi Mặt

Ngày mai ta ra đi
Sao núi sông vẫn mãi còn biên giới?

Chân bước lên đồi cao,
Trời sâu, mây dầy đan chặn lối.
Nghe tiếng suối lao xao
Lá rừng, chim muông nghiêng cánh mỏi.
Tình tự cùng cỏ hoa,
Ái ân chập chùng thung lũng tối.

Cúi mặt nhìn vũng nước bên đường,
Mắt môi, ngàn nếp nhăn tội lỗi.

Chán chường mùi trần tục
Lên mở cửa thiên đàng
Tìm nguồn an lạc mới.
Ôi, duyên tiên giới
Huyền diệu lạ lùng:
Thiên thần cánh xuôi
Quỳ mỏi gối!

Thôi,
Ta đành quay về.
Trần thế vẫn ngu ngơ
Đâu có gì thay đổi.
Dĩ vãng vây quanh
Dịu dàng và gian dối.
Hiện tại dửng dưng
Không một lời mời gọi.
Và tương lai,
Một cơn dài hấp hối
Vẫn chưa đủ để ta nói
Nửa lời.
Dù là nửa lời trăn trối!

26-3-1985

Tôi tình cờ gặp lại họ Đỗ tại hội chợ Núi Voi (Phượng-trì, Yên Mô) rồi từ đó cứ mỗi lần từ Thanh Hoá ra khu III Đỗ Thế Phiệt thường tới thăm tôi, có khi ở lại chơi cả tuần, thường khi rảnh rỗi chơi đàn cho cả gia đình tôi nghe. Theo như sự hiểu biết rất giới hạn của tôi, mặc dầu Đỗ Thế Phiệt rất trẻ, nhưng tiếng đàn của anh lúc đó đã khá điêu luyện, kỹ thuật cao, rất mực ngọt ngào, ấm áp, đầy tình cảm và nhất là như chứa đựng một cái gì thiệt là lãng mạn và trẻ trung. Đối với thời đó ở Việt Nam, (tức trước đây trên 50 năm), répertoire của Đỗ Thế Phiệt có thể nói là phong phú, vì gồm có cả những tác phẩm hiện đại, đặc biệt là những tác phẩm của vĩ cầm gia Kroestler, mà tôi nghĩ rằng anh đờn rất xuất sắc. Trong số những bản nhạc này, thiên hạ thích nhất bản *Romance et Boléro*, vì với bản nhạc này, anh vừa có thể thi thố được kỹ thuật điêu luyện, vừa có thể diễn tả được những tình cảm nồng ấm trần trề trong bản nhạc.Từ ngày sang ở Hoa Kỳ, tôi cố tìm mua đĩa nhạc của bản độc tấu vĩ cầm Romance et Boléro của Kreisler nhưng tìm không đâu ra.

Hai bản *La chanson triste* và *Chanson de Solvejg* tuy đơn sơ, không cần phải sử dụng nhiều kỹ-thuật mà anh chơi cũng thiệt là hay, người nghe ai nấy đều xúc động, nhất là đối với những người mới biết nghe âm nhạc cổ điển. Chẳng hạn như Mẹ tôi, một bà cụ già Việt Nam, chẳng biết gì về nhạc cổ điển, thế mà cụ rất thích nghe Đỗ Thế Phiệt chơi bản *Chanson de Solvejg* (Edvard Grieg). Những người thích loại nhạc tả cảnh rất phục những bản độc tấu của họ Đỗ như *Sur le marché persan, Danse macabre, Chanson de Solvejg* và nhất là khúc Mùa Đông, một trong bốn phần của *Les quatre Saisons* (Vivaldi). Có thể nói tiếng đàn cũa Đỗ Thế Phiệt gắn liền với đoạn đời trai trẻ vô tư, lãng mạn, rất mực văn-nghệ của tôi cách đây trên nửa thế-kỷ. Năm 1970, anh đã vội vàng vĩnh viễn ra đi trong khi tôi vắng mặt Sài Gòn. Tôi rất ân hận là đã không được gặp lại anh trước đó. Về phương diện âm-nhạc cổ điển, đối với giới trẻ ở vùng

kháng chiến (vào những năm cuối thập niên 40)) những Lương Ngọc Châu, Đỗ Thế Phiệt, Nguyễn Anh Thường v.v. quả là những thần tượng.

Nhưng rồi một ngày kia những thần tượng này bỗng chợt khám phá ra là mình chẳng qua cũng chỉ là những con ếch ngồi đáy giếng mà thôi. Số là hồi đó nghe tin chúng tôi tổ chức trình diễn nhạc cổ-điển anh em nghệ sĩ tới thăm cổ võ rất đông, kể cả những bậc trưởng thượng như cụ Bảng Kỷ, cụ Hà Lương Tín, cụ Vi Huyền Đắc, cụ Lê Trọng Quỹ v.v. Trong số các bậc lão thành này có một vị dược-sĩ thuộc họ Nguyễn Khoa (tôi lâu ngày quên tên, hình như là Nguyễn Khoa Phước, sau có mở tiệm thuốc Tây bên hông chợ Tân Định, Saigon) vừa ở Pháp về, trước có chơi violoncelle. Vị dược-sĩ phê bình là chương-trình buổi trình tấu của chúng tôi quá nặng về loại nhạc nhẹ (musique légère). Ông hỏi tại sao ngoài hòa tấu khúc Symphonie số 8 chúng tôi không cố chơi thêm một bản concerto hoặc symphonie, chẳng hạn như *Symphonie No 5 en Ut mineur* hiện rất phổ biến bên Pháp và Âu châu. Đỗ Thế Phiệt muốn biết rõ hơn, hỏi bậc đàn anh: "Bản No 5 gì đó là bản nào, chúng tôi thiệt không biết?" Ông dược sĩ họ Nguyễn Khoa có vẻ ngạc nhiên phá lên cười hỏi ngược lại: "Các cậu thiệt tình không biết sao? Bản nhạc này là một trong mấy Symphonies của Beethoven được hậu thế yêu thích và phổ biến nhất và có lẽ cũng là bản symphony nổi tiếng nhất trong lịch sử âm-nhạc cổ-điển." Sau đó cụ cho biết thêm là trong thời kỳ Đại-thế chiến II vừa qua, đối với dân chúng Anh và các lực lượng kháng chiến trên khắp lục địa Âu-châu bản Symphony số 5 được coi như là biểu hiệu niềm hy-vọng và lẽ tất thắng sắp tới của quân đội Đồng-minh. Ngoài ra còn có một sự trùng hợp khá lạ lùng là theo số La-mã thì số 5 là chữ V, chữ đầu của Victory (thủ tướng Churchill mỗi khi xuất hiện thường dùng hai ngón tay xòe thành hình chữ V để chào dân chúng). Hơn nữa theo lối đánh điện báo Morse thì chữ V được biểu hiệu bằng ba tiếng ngắn và một tiếng dài tiếp theo, đúng hệt nhịp điệu của các nét nhạc chính trong đoạn mở đầu Allegro con brio của Đại-hoà tấu khúc số V. Chính những người đồng thời cũng thường thắc mắc về ý-nghĩa của bản nhạc nên hình như Beethoven đã có lần trả lời rằng: "Quý vị không thấy sao? Đó là tiếng gõ cửa của Định mạng." Ngay sau khi trận chiến Normandie kết thúc khúc hòa tấu này lại càng được được phổ biến và yêu thích đến độ mấy thằng nhãi vagabond hay phu quét rác ở Paris cũng biết huýt sáo miệng mấy câu mở đầu của bản nhạc để khiêu khích mỗi khi chạm trán với lính hoặc bọn SS của Đức quốc xã lúc đó đương sửa soạn rút lui khỏi thủ đô Paris.

Câu chuyện ông dược sĩ mới ở Tây về kể nghe thật lý thú nhưng lúc đó hình như mấy nhà "đại nhạc sĩ" của chúng ta có vẻ ngượng và rất sượng sùng. Tối hôm đó anh em đều buồn bã không ai buồn ăn, bàn tán mãi tới khuya về cái kiến thức âm nhạc quá nông cạn của mình. Quý vị thử nghĩ coi, các nhạc sĩ tài danh của Việt Nam chúng ta lúc đó chẳng những chưa bao giờ được nghe hoặc chơi Tấu khúc số 5 (vì Việt Nam chúng ta thời đó chưa bao giờ có ban nhạc đại hòa tấu, trong khi ngành truyền thông và kỹ thuật phát thanh của chúng ta lúc đó còn rất lạc hậu và ấu trĩ) và hình như cũng chẳng được biết là trong kho tàng âm-nhạc cổ điển Tây-phương có một khúc hòa tấu gọi là Symphonie No 5 en Do mineur do Beethoven sáng tác. Cho nên bà con ta hồi đó phước đức lắm thì cũng chỉ được nghe loanh quanh hết *Sur le marché Persan* lại đến *Méditation de Thais*, hết *Le* beau Danube bleu lại đến Sur les flots du Danube, hoặc cùng lắm là Invitation à la danse, *Romance et boléro, Romance en Fa* v.v mà thôi. Thực ra thì kể từ sau cách mạng mùa thu 1945, ngoài ban nhạc "tạp nhạp hầm bà làng" của Hội Khuyến Học Hànội, đất ngàn năm văn vật của chúng ta chưa bao giờ có một ban nhạc hòa tấu cổ điển Tây phương tạm đủ để chơi những bản nhạc lớn thuộc loại symphonie hoặc concerto. Và có lẽ, theo như tôi nghĩ, cuộc trình diễn nhạc cổ điển năm đó tại Phát Diệm là một cuộc trình diễn chưa từng có trong vùng kháng chiến cũng như ở Việt Nam trước đó, mặc dầu ban nhạc của chúng tôi chỉ là một ban nhạc thuộc loại bỏ túi, chỉ đủ khả năng chơi loại nhạc nhẹ (musique légère) hoặc loại thính phòng (musique de chambre) mà thôi, đâu có thể so sánh với các ban nhạc thực sự là đại hòa tấu (orchestre symphonique).

(Còn tiếp)

Trả lại sự thật cho lịch sử

SỰ NGỤY TẠO TÀI LIỆU LỊCH SỬ CỦA THỰC DÂN PHÁP

NGUYỄN QUỐC TRỊ

Ngụy tạo, bỏ sót và bóp méo tài liệu trong việc bôi lọ Nguyễn Văn Tường

A. Vua Hàm Nghi mạt sát Nguyễn Văn Tường qua "Chiếu Cần Vương 2"?

Trong chiến dịch chống quan lại Việt chống Pháp, người thực dân có thể đã không ngần ngại sử dụng tư liệu ngụy tạo để ly gián và bôi lọ hai ông phụ chánh Tường và Thuyết. Đó là trường hợp bản "Chiếu Cần Vương" đề ngày 11 tháng 8 năm Ất Dậu [19-9-1885], thường được gọi là "Chiếu Cần Vương 2." Theo Giáo sư sử học Trần Viết Ngạc, văn kiện này được tác giả Capitaine Ch. Gosselin ghi chú trong phần phụ lục của cuốn *Le Laos et le protectorat francais* [Paris, 1990, 320-326], với nhan đề "Bản tuyên cáo được nhân danh vua Hàm Nghi phát đi trong nước Nam, sau khi vua dời khỏi Huế" [Proclamation lancée en Annam au nom du roi Ham-Nghi après son départ de Huế]. ("Có hay không 'Chiếu Cần Vương' đề ngày 11 tháng 8 Ất Dậu." Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 2[36].2002, 127). GS Ngạc đã khảo chứng tư liệu này, và đưa ra nhiều nhận xét rất tinh tường về tính cách giả mạo của nó: "Gosselin không nêu xuất xứ nguyên bản cũng như không cho in nguyên bản chữ Hán" (Ibid., 128); Bản văn chứa đựng nhiều sai lầm về hình thức mà một "chiếu" phải tuân theo, như chiếu thì chỉ có thể là của vua, chớ không thể do ai viết nhân danh vua; Bản văn dùng danh từ 'An Nam,' chứ không phải Đại Nam để chỉ quốc hiệu, và mở đầu với ngày tháng ban hành, trái với thông lệ là ngày tháng để ở cuối. Về nội dung, bản chiếu mắc phải nhiều sai lầm không thể chấp nhận được trong một văn kiện long trọng như vậy của vua, như thời điểm Pháp chiếm các tỉnh miền Tây Nam kỳ là 1862 thay vì 1867; Việc thiêu hủy cái ấn vua Tàu xảy ra nhân hiệp ước 1883, thay vì 1884; Quân Pháp đóng ở Hoàng thành, thay vì ở một góc của Kinh thành; Vua Hàm Nghi không thể dùng chữ 'tiên đế' để chỉ vua Tự Đức; Bản văn kết thúc với những cụm từ không đúng với thông lệ trong một chiếu; Bản chiếu không hề được nhắc nhở đến trong cuốn L'Empire d'Annam, mà chính tác Gosselin xuất bản bốn năm sau, 1904, nơi mà đáng lý một văn kiện quan trọng như vậy phải được bàn tới; Các nguồn tư liệu quen thuộc khác như Đại Nam thực Lục, Hạnh thục ca, Về thất thủ kinh đô, Đại loạn năm Ất dậu đều không hề đề cập đến bản chiếu này. (Ibid., 127-131) Và GS Ngạc kết luận:

"Một tư liệu rất quan trọng lại chỉ do một nguồn thông tin cung cấp một bản dịch, không ghi rõ xuất xứ, không trưng ra nguyên bản, có quá nhiều sai lầm cả hình thức lẫn nội dung và chính người công bố lại không công bố bốn năm sau đó trong một cuốn sách đáng ra phải công bố, đủ để cho chúng ta khẳng định rằng tư liệu đó không đáng tin chút nào." (Ibid., 131)

Nội dung bản chiếu, ngoài việc kêu gọi nhân dân giúp vua chống Pháp xâm lăng, nói là Hội đồng Cơ mật có trù liệu là sau khi tấn công Pháp, nếu thắng thì NVT sẽ đón vua ra Nghệ An, Hà Tĩnh còn Tôn Thất Thuyết thì ở lại diệt hết luôn người đạo, bằng nếu thua thì cùng ra với vua mưu đồ khôi phục; nhưng NVT đã phản phúc, lén vào Nhà Thờ Kim Long, rồi đánh lừa dụ vua về... Chiếu cũng cho biết thêm là hiện vua ở Ấu Sơn, Hương Khê. Chiếu được công bố gần hai tuần sau khi NVT đã bị đi đày, và gần một tuần sau khi tin vua Đồng Khánh lên ngôi đã được công bố, và vua đã được đưa vào Cung chờ làm lễ tấn tôn, mà không đả động gì đến các biến cố quan trọng này cả. (Xem bản chiếu đăng trong Việt - Sử của Tăng Xuân An, 81-2, do Võ Đức Hạnh dẫn, op. *cit.*, 1404; hay Phan Trần Chúc, Vua Hàm Nghi. Nhà Xuất bản Thuận Hóa, 1995, 120-123) Vì vậy, cũng theo sử gia Ngạc, chiếu Cần Vương giả hiệu nói trên "hình như chỉ có một mục đích là thóa mạ hết lời, hết chữ Nguyễn Văn Tường"

và gọi ông là "tên yêu quái, tên gian giảo, hèn mạt và giả dối, phản phúc!" (Ibid., 129, NQT nhấn mạnh) LM Delvaux đã có khai thác bản chiếu này để mạt sát hai ông Tường Thuyết, nhưng cũng có vẻ không tin gì lắm ở xác tính của nó, vì chính tác giả có đặt câu hỏi rằng, trong lúc vua đang bị lùng bắt mà chiếu lại nói vua hiện ở Ấu Sơn, thì có phải đó là "một sự khiêu khích để khinh miệt phe địch, hay là một sự khôi hài để phá hỏng cuộc truy nã của họ?" ("Quelques précisions..." *BAVH, Ibid.*, 283, 293). Gần đây Devillers có đề cập đến chiếu đó, viện dẫn từ sách của Tướng Prud'homme (Devillers, op. *cit.*, 308), nhưng chỉ lưu ý đến khía cạnh kêu gọi chống Pháp mà thôi. Tính cách ngụy tạo của bản chiếu càng thể hiện rõ hơn nữa, khi chính tác giả Gosselin trong cuốn sách ra sau bốn năm, không những đã không nhắc nhở gì đến cái chiếu này, trong đó nói NVT có nhiệm vụ đưa vua đi Nghệ An theo quyết định của Viện Cơ mật, mà còn nói mình không biết rõ NVT nghĩ gì sau khi từ giã Đức Cha Caspar ở Nhà Thờ Kim Long:

"Thật rất khó cho chúng tôi đưa ra một tài liệu, văn kiện gì để yểm trợ cho giả thuyết của chúng tôi, và chúng tôi rất ngần ngại đưa ra một ý kiến chính xác hơn, bởi vì tố cáo một người ở địa vị như vậy là đã phản lại vị vua của mình, mà chức chưởng của mình làm mình có bổn phận bảo vệ, là một chuyện rất hệ trọng." (Gosselin, L'Empire, op. cit., 208).

Một điểm đáng lưu ý nữa ở đây là cuốn *Le Laos et le protectorat francais* của Gosselin trước đó đã được Hàn Lâm Viện Pháp khen thưởng [couronné], mà nay công nhận là nó có chứa đựng một văn kiện giả mạo thì cũng khó ăn , khó nói, chi bằng 'phớt lờ' đi thì tiện hơn. Mặc dầu không 'ăn khách' lắm, bản chiếu giả hiệu ấy đã có ảnh hưởng tai hại đến uy tín của NVT, vì nó có thể đã làm cơ sở để một số sử gia cho NVT là tham lam, gian xảo, phản phúc. Việc tai hại hơn nữa là sử gia ta sau này thường lầm lẫn chiếu Cần Vương giả hiệu này, đề ngày 11-8 Hàm Nghi 1 (19-9-1885) với một dụ đề ngày 2-6 năm Ất Dậu (13-7-1885) của vua Hàm Nghi ban hành từ Tân Sở, Quảng Trị khoảng một tuần sau ngày thất thủ kinh đô. Văn kiện thực này được chính sử xác nhận là dụ 'thiên hạ cần vương' (ĐNTL, XXXVI, 221, 225), nhưng nguyên văn bản dụ không được đăng ra, như hai dụ gởi NVT và hoàng tộc, có lẽ vì nội dung chống Pháp quá mạnh mẽ và lộ liễu của nó. Nguyên văn chữ Hán của dụ thiệt này, theo GS Ngạc, *"chỉ do một nguồn tư liệu duy nhất cung cấp là Trung Pháp chiến tranh tư liệu, tập 7. Chu Thiên dịch và in trong cuốn Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX với nhan đề 'Hàm Nghi đế chiếu.' [ ] Cũng từ nguồn tư liệu trên, một bản dịch khác của Lê Thước, nhan đề 'Chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi' in trong phần phụ lục cuốn Bài ngoại liệt truyện [bản dịch] của Phan Trọng Mưu." (Ngạc, Ibid.*, 127)

Sự lẫn lộn đó có thể khiến cho một số sử gia vô tình tố cáo NVT là phản vua Hàm Nghi dựa trên một văn kiện giả mạo mà không biết. Thật vậy, việc chính tác giả Gosselin đã mặc thị phủ nhận tính cách trung thực của dụ Cần Vương II đã không ngăn cản biết bao sử gia đã dùng nó để mạt sát NVT phản vua, phản nước. Sự chêm vào sử những tư liệu ngụy tạo như vậy cũng đưa đến hậu quả là sự tiền hậu bất nhất, lúc khen lúc chê NVT, trong những sử sách viết theo cách chắp nối, tài tử, thiếu sự phối kiểm cũng như sự phân tích, tiêu hóa và tổng hợp tài liệu.

B. Dụ Vua Tự Đức "khâm phục Công giáo"?

Văn kiện giả mạo nói trên có thể đã được các viên chức Pháp thực dân, phụ trách việc phản gián, ngụy tạo ra để ly gián hai ông Tường, Thuyết, hay ly gián triều đình ở lại và triều đình lưu vong. Ngoài ra, thời điểm văn kiện ngụy tạo được tung ra, non hai tuần sau khi NVT bị đưa đi đày, cũng có thể nói lên dụng ý bôi lọ NVT là phản vua Hàm Nghi, hầu giảm bớt phản ứng bất lợi trong dân chúng cho phía Pháp. Liền sau khi NVT bị bắt đưa đi thì ngày 10-9-1885, báo *Avenir du Tonkin* của phe Đức Cha Puginier cũng đăng tin là vua Hàm Nghi bị đau nặng, hay đã bị đầu độc chết, hầu làm dễ dàng việc đưa vua Đồng Khánh lên ngôi. (Delvaux, 'Quelques précisions...' BAVH, Ibid., 277) Trong một cuộc chiến dai dẳng hàng chục năm trời, dùng mọi loại phương tiện, quân sự cũng như chính trị, sự ngụy tạo văn kiện do phe thực dân thực hiện, để vu cáo, hay đánh lạc hướng đối phương, không phải là một biệt lệ. Các ông Brière de l'Isle và Silvestre trong 'nhóm Hà Nội' đã từng sử dụng phương tiện này, dưới nhiều hình thức, để buộc tội hai ông phụ chính vi phạm hiệp ước, như dùng một cái văn kiện cho trưng thu gạo có ấn triện của Triều đình, để chứng minh là Triều đình mật thông với quân Tàu. (S.O.M. A0 [72] 2/1885, dẫn do Fourniau, Annam-Tonkin, op. *cit.*, 29, ct. 31). Ngoài ra, cũng có trường hợp tính cách giả mạo

của một tư liệu được nhận định tương đối dễ dàng hơn.

Sử gia Mỹ Mark W. McCleod (The Vietnamese Response, op. *cit.*, 89-95), chẳng hạn, đã nêu ra trường hợp một bản dụ do tác giả LM Phan Phát Huồn viện dẫn để chứng minh rằng vua 'Tự Đức ca tụng lòng trung thành của người công-giáo và công nhận là người công-giáo đã bị vu oan." (Phan-Phát-Huồn c. SS. R, *Việt-Nam Giáo-Sử*, Quyển I [1533-1933]. Saigon: Cứu Thế Tùng Thư, 1965, 513). Vị linh mục kể rằng, sau khi một vụ loạn Văn thân bị diệt, thì có tin đồn rằng vua Tự Đức lên Kim Long rửa tội, vô đạo Công giáo và sẽ giết tất cả những người không theo đạo. Rồi tác giả đưa ra khẳng định nói trên về sự thay đổi căn bản trong thái độ của vua Tự Đức đối với đạo Ky Tô. Sự thay đổi thái độ đó đã được suy diễn ra từ những đoạn sau đây trong một dụ của Vua Tự Đức:

"Cách đây vài năm Pháp và Tây-Ban-Nha đã đến chiếm cứ đất đai của chúng ta, để kháng cự lại, chúng ta tất cả đã phải chịu bao nỗi khó khăn, các quan tâu với Trẫm rằng: 'Chính bọn Công-giáo vì không được tự-do giữ đạo đã cầu cứu hai nước ấy' do đó, các ông bảo phải phân sáp, phải giam tù tất cả những người công-giáo để tránh một tai họa lớn lao. ***Vì báo cáo sai lầm và đầy mâu thuẫn tình thế lại bấp bênh, Trẫm không biết đâu là sự thật, không biết phải nghe ai, nên Trẫm và các quan đại thần đã dùng những biện pháp nghiêm ngặt."*** *(Phan Phát Huồn, op. cit.,* 510-1, NQT nhấn mạnh; người viết dẫn nguyên văn của tác giả Huồn, thay vì dịch đoạn Anh ngữ từ sách của McCleod, t. 90); hoặc:

"Phần các người công-giáo, Trẫm nhận rằng: Công-giáo ở vào một tình thế đau đớn, nhưng dù sao sự trung thành của công-giáo đối với Đạo và luật nước làm Trẫm hết sức khâm phục." (Phan Phát Huồn, op. cit., 512)

Theo McCleod, không ai có thể phủ nhận sự đúng đắn của khẳng định đó của vị linh mục, nếu bản dụ nói trên có thật. Tuy nhiên, tính cách xác thực của văn kiện đó rất đáng nghi ngờ. Vì những tư tưởng nói trong dụ đó không phải là tư tưởng quen thuộc của vua, trước cũng như suốt thời chiến tranh với Pháp, tưởng linh mục tác giả có bổn phận tiết lộ nguồn gốc xuất xứ của bản dụ đó. Nhưng việc đó, vị linh mục đã không làm, ngay cả ngày tháng dụ được ban hành cũng mù mờ: 'sau lúc khám phá được âm-mưu của Văn-Thân' (Huồn, op. *cit.,* 510) tức, theo linh mục, có thể là sau vụ nổi loạn của thí sinh kỳ thi năm 1864 ở Huế. Một số từ ngữ lạ lùng, khác thường và các mâu thuẫn văn hóa càng làm cho sự xác thực của bản dụ đáng nghi ngờ hơn. Thật vậy, vào cuối thế kỷ 19, vua Tự Đức không thể dùng chữ 'Công giáo' để chỉ Ky Tô Giáo La Mã, và 'người Công giáo' để chỉ người Việt theo đạo này. Danh từ này mới được dùng về thời đại sau này, do chính người theo đạo Ky Tô đặt ra, với ý nghĩa rằng đó là một đạo của mọi người, đón nhận tất cả mọi cá nhân, đoàn nhóm, quốc gia chớ không phải chỉ dành cho một đoàn thể, quốc gia nào riêng biệt. Ý nghĩa đó đi ngược lại quan điểm của vua quan Việt Nam hồi thế kỷ 19, coi đạo Ky Tô như là 'tà thuyết' [heterodox doctrine] riêng rẽ của các nước Tây phương, và liên kết chặt chẽ với cuộc xâm lược quân sự của họ chống lại Việt Nam. Về phương diện triết lý, một hoàng đế Việt Nam của thế kỷ 19 không thể dùng danh từ *công giáo* để chỉ đạo này, mà không thừa nhận nguyên tắc tôn giáo đa nguyên. Mà làm như vậy có nghĩa là phủ nhận sự bất khả phân giữa đạo đức Khổng Mạnh và quyền lực chính trị, cái nguyên tắc chính trị làm nền tảng căn bản cho vương quốc. Như vậy, gán vào miệng một vị vua Việt Nam của thế kỷ 19 danh từ *công giáo* là một sự bất hợp thời thật phi lý. (McCleod, op. *cit.,* 90-1). Quan điểm của sử gia McCleod về vấn đề danh vị này được chính sử nhà Nguyễn xác nhận, vì sau đó, vào gần cuối năm 1874, vua Tự Đức:

"Chuẩn cho ***dân đi đạo đổi gọi là giáo dân,*** *dân đi lương đổi gọi là bình dân. [Từ trước đến nay, dân theo đạo, hoặc gọi là dữu dân, hoặc gọi là tả - đạo, từ khi bỏ cấm, bỏ các chữ dữu, chữ tả chỉ gọi đơn giản bằng chữ đạo. Gần đây cứ lời khâm sứ đóng ở kinh nói rằng: lương, đạo đều gọi, chưa khỏi sĩ nhục giáo ấy. Đã chuẩn cho quan ở nha Thương bạc đem nghĩa hai chữ ấy trả lời, nói: lương là an thường thủ phận, không làm gian ác. Đạo là khuyên người làm lành, không làm bất chính hai chữ đối nhau, văn nghĩa giống nhau, lại tốt xấu gì, đạo gọi là đạo mà lương không gọi là lương thì gọi là gì? Rồi sứ ấy đã biết chữ lương không thể bỏ được, lại yêu cầu phàm những người theo giáo ấy gọi là nghĩa dân, đức dân, quan ở nha Thương bạc cho là sứ ấy đã nói nhiều như thế, xin gọi là giáo dân. Vua y cho, nhân chuẩn cho dân lương cũng đổi gọi là bình dân]". (ĐNTL, XXXIII, 122-3, NQT nhấn mạnh)*

Sử gia McCleod viết tiếp rằng, như vậy, cái dụ, nói là của vua Tự Đức, có thể là:

...một bản dịch ra tiếng Việt, do tác giả Huồn thực hiện, của một văn kiện gọi là sắc dụ được công bố trong bản dịch ra tiếng Pháp của Annales de la propagation de la Foi, tập XXXVIII, 1865. Cái văn kiện được công bố trong đó được trích từ một bức thơ của Linh Mục Bernard gởi cho Đức Cha Sohier vào tháng 9 năm 1864. LM Bernard không cung cấp ngày tháng chính xác hay một bản chính của bản dụ để so sánh với bản dịch của ông. Dù sao, ***đặt tin tưởng vào sự xác thật của bản văn kiện tiếng Việt, do Phan Phát Huồn đưa ra như là một sắc dụ do vua Tự Đức sáng tác, quả là một chuyện nguy hiểm.*** (McCleod, op. *cit.*, 91, NQT dịch và nhấn mạnh)

Thật vậy, nội dung hai đoạn trích dẫn nói trên của LM Huồn nằm trong bản dịch tiếng Pháp [trang 326 và 328] của 'Sắc dụ của Tự Đức ưu ái giáo dân' [ÉDIT DE TU-DUC EN FAVEUR DES CHRÉTIENS] kèm theo thơ ngày 17-9-1864 của LM Bernard gởi Đức Cha Sohier. Sắc dụ dài cả 10 trang, từ trang 325 đến 334, chỉ gồm bản văn mà không nói đến bất kỳ chi tiết gì khác cho phép phối kiểm được xuất xứ của nó. Bức thư dài tám trang (t.318-325) cũng không cho biết gì thêm về sắc dụ này, ngoài việc nói rằng, sau vụ nội loạn:

"*Nỗi sợ hãi của vua không kéo dài lâu, và được thay thế bằng một sự phẫn nộ mà kết quả đầu tiên là cái sắc dụ mà tôi gởi cho ngài. Đó là một văn kiện quan trọng, có thể được xem như là một sự công bố tự do tôn giáo: nó đã có một tác dụng vô cùng to lớn trên mọi tâm khảm, và ngài cần cho phổ biến. Tôi gởi nó cho ngài bằng tiếng An Nam; xin ngài thân hành dịch nó ra tiếng Pháp." (Annales de la Propagation de la Foi, Tome trente-septième, 1865, 323-4, NQT dịch).*

Ngoài ra, bức thư của Cha Bernard còn chứa đựng khá nhiều tin tức dựa vào lời đồn đãi và tưởng tượng hơn là sự thật. Thật vậy, trong lúc chính sử nhà Nguyễn kể rằng trong vụ loạn Hồng Tập này do vị linh mục tường thuật, Phủ Doãn Thừa thiên là NVT và Phủ Thừa là Nguyễn Hữu Dương vì "biết trích phát ra bọn gian, đều thưởng gia một cấp và cho mỗi người một cái nhẫn nạm vàng khảm hạt pha lê lóng lánh," (ĐNTL, XXX, 156) thì thơ LM Bernard lại nói ngược lại: Rằng vua "trách mắn gắt gao các ông ở phủ Thừa thiên [gourmanda vertement ces messieurs de la préfecture] vì đã không nghe theo các khiếu nại của tôi, và vì đã không biết gì đến vụ âm mưu, và vụ này sẽ không được ai hay biết nếu không có lời kêu nài của tôi"; và vua "cách chức viên phủ doãn vì đã không báo cáo gì cho ngài biết cả" (Il cassa le préfet [le phu doan] pour ne l'avoir averti de rien); còn "viên phủ thừa [sous-préfet], thuộc vào hàng ngũ phản động, mất chức và nhận 15 roi: bây giờ con người này mà, năm ngoái, đã chất vấn Đức Cha, sẽ chết trong ngục." Rồi sau khi tường thuật việc trừng phạt các hoàng thân và quan lại đã âm mưu với Công Tử Hồng Tập để diệt đạo và giết các quan đóng vai quan trọng trong việc ký kết hiệp ước 1862, vị thừa sai Pháp kết luận :

"Sự sợ hãi đã trở qua với người tà đạo; chúng nói rằng Trời có uy quyền mạnh, rằng người đạo Ky tô được vua thương mến, rằng vua muốn rửa tội và giết chúng như đã giết người đạo vậy; chúng lo sợ, và để cho chúng ta yên." [La peur a passé chez les paiens; ils disent que le Ciel est puissant, que les chrétiens sont aimés du roi, que le roi veut se convertir et les tuer comme il a tué les chrétiens; ils craignent, et nous laissent tranquilles.] (Annales, ibid., 320, 324-5, NQT dịch).

Mặt khác, về phía Việt Nam, không thấy một văn kiện nào của vua Tự Đức, trong *Đại Nam Thực Lục*, *Tự Đức Thánh chế văn tam tập*, hay *Hợp tuyển thơ văn yêu nước* của Chu Thiên, có nội dung tương tự như bản sắc dụ của LM Bernard. Trái lại, đúng như McLeod đã xác nhận sau khi phân tích các dụ ban hành về sau vào các năm 1874 và 1875 của Tự Đức, nhà vua không có thay đổi ý kiến đối với bên đạo, mà vẫn chia xẻ với giới văn thân mối tin tưởng rằng đạo Ky Tô là một 'tà đạo.' Nhưng nhà vua bị bó buộc phải diệt những người sát đạo là vì Triều đình có bổn phận thi hành hiệp ước 1862 mà mình đã ký với Pháp cho phép hành đạo. (McLeod, op. *cit.*, 91-5)

Dù sao đi nữa, những văn kiện như loại đã kể có thể góp phần không nhỏ vào việc ly gián vua Tự Đức và giới Văn thân, làm cho giới này đánh giá một cách nông nổi chánh sách của nhà nước, và càng thêm tin tưởng sai lầm rằng Triều đình đã đầu hàng Pháp với những khẩu hiệu như "Phan Lâm phản quốc, Triều đình khi dân." Mặt khác, căn cứ vào những tin tức như vậy, nhiều sử gia đã ngay tình phê phán rằng nhà vua chỉ thích văn chương thơ phú, còn về việc trị nước thì chỉ biết 'đánh võ rừng' chứ không có đường lối, chánh sách gì để giữ nước cả. (Về sách lược chống Pháp của vua, xin xem bài 'Nguyễn Văn Tường và sách lược chống Pháp dưới Triều Nguyễn' đã dẫn)

Trong vụ này, những kẻ 'chủ chiến' trong hoàng tộc, Triều đình, và dân gian, vì lòng yêu nước bồng bột, đã nổi loạn vì không thấu hiểu được lý do thầm kín tại sao vua đã bị bó buộc phải cho ký Hiệp ước 1862. Những việc làm sau đây chứng tỏ rằng vua Tự Đức không phải là một ông vua nhu nhược, hay ngây ngô, bất tài vô tướng như sử sách thực dân đã mô tả. Việc đại quân của ta tập trung ở quanh vùng Sài Gòn dưới quyền của vị tướng tài ba nhất là Nguyễn Tri Phương đã thất bại trong việc giữ đất, và đồn Kỳ Hòa xây dựng với biết bao công của đã thất thủ, chứng tỏ rõ rệt ta không còn hy vọng gì đánh lấy lại các tỉnh miền đông bằng phương tiện quân sự. Với sự chiếm đóng các tỉnh miền đông, người Pháp đâu có để cho ta yên. Họ phong tỏa các cửa biển, ngăn cản đường trạm, việc thông thương, và chuyên chở tài nguyên trù phú, nhứt là lúa gạo, từ miền đông cũng như miền tây Nam kỳ ra Trung và Bắc. Đồng thời, loạn Lê Duy Phụng, do các giáo sĩ Y Pha Nho yểm trợ, bành trướng rầm rộ và dữ dội ở miền đông Bắc Kỳ. Tình hình an ninh toàn quốc đã trở nên bi đát, hăm dọa đến cả sự tồn vong của quốc gia và triều đại. Sau khi ngầm để cho hai ông Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp ký Hiệp ước 1862 để tạm hòa hoãn với Pháp, vua phủ nhận việc làm của hai vị đại thần này về bề ngoài để thoa dịu phe chủ chiến, nhưng nhân đó cho kéo đại quân của Nguyễn Tri Phương từ Nam Kỳ ra dẹp loạn ở Bắc. Đại quân của Triều đình đã phải vất vả nhiều năm mới bắt được Lê Văn Phụng, đem lại trật tự cho đất nước, và giữ vững được chế độ. Đồng thời vua cho thương thuyết với Pháp xin chuộc lại các tỉnh đã mất. Cuộc điều đình đã đưa đến kết quả khá khả quan với tạm ước Aubaret. Theo tạm ước đó, Pháp bằng lòng trả lại các tỉnh đã chiếm, và Việt Nam thỏa thuận dành cho Pháp quyền tự do thông thương buôn bán trên các sông Sài Gòn, mở một số hải cảng cho tự do thương mãi, bồi thường chiến tranh, và cho tự do hành đạo. Giới thực dân và một số lớn các thừa sai Pháp đã mở một chiến dịch sâu rộng và quyết liệt để phản đối tạm ước này, nên Hoàng Đế Nã Phá Luân đệ Tam đã thay đổi ý kiến và không phê chuẩn nó. Aubaret, người đã cùng ông Phan Thanh Giản soạn thảo tạm ước, tin tưởng chân thành rằng nó sẽ cho phép phía Pháp thực hiện mọi mục tiêu của mình một cách hòa bình, không phải tốn kém tài sản và nhân mạng: đem lại ánh sáng văn minh của người da trắng qua việc trao đổi thương mãi, và đem lại ánh sáng phúc âm cho người Việt với sự tự do hành đạo. Mặc dầu Aubaret là một người Công giáo nhiệt thành, muốn đem lại một sự hợp tác thân hữu thật sự giữa hai dân tộc Pháp Việt có lợi ích cho cả đôi bên, ông ta đã bị giới thực dân, và nhứt là các giáo sĩ Pháp, mạt sát thậm tệ vì việc làm này. Ông Phan Thanh Giản, một vị đại thần đã 'chấp nhận vai trò phạm nhân' để giúp nước nhà thoát qua cơn hiểm nghèo, mặc dầu về sau đã tuẫn tiết để tỏ lòng trong trắng và trung nghĩa của mình, vẫn bị sử sách phê phán một cách oan nghiệt là chủ bại, đầu hàng, bán nước. (Về vấn đề này, xin xem chi tiết ở Fourniau, Việt Nam, op. *cit.*, 91-160; và McCleod, op. *cit.*, 41-59)

C. Vừa đánh giặc ở đất Bắc, vừa bị giáng chức vì dân kiện ở Thừa Thiên?

Từ năm Tự Đức 21, 1868 đến Tự Đức 26, 1873, NVT được điều động đánh giặc dẹp loạn ở Bắc. Năm 1868, khi đang làm bang biện Thành Hóa, NVT được cử sung chức tán tương quân vụ đi theo ba đoàn quân, do Đô Thống Đoàn Thọ tiết chế, ra Bắc dẹp loạn quân nhà Thanh bên Tàu tràn sang cướp phá. Tán tương là một "Chức quan được bổ nhiệm đến một đơn vị quân sự để hợp đồng thực hiện mệnh lệnh khẩn cấp của cấp trên, có nhiều trường hợp như phái viên Nhà nước, nhưng cũng có nhiều khi ở luôn đơn vị ấy với tư cách tham mưu." (Trần Thanh Tâm, *Quan chức nhà Nguyễn*. Nhà xuất bản Thuận Hóa, 1999, 252) Khoảng đời quân vụ này của NVT không được sử sách Pháp Việt thời Pháp thuộc biết đến. Thay vì tường thuật những đóng góp, thành công và thất bại quan trọng của ông trong nhiệm vụ dẹp loạn liên hệ đến vận mạng đất nước, sử sách hầu hết chỉ nói như là ông đang đền tội, sau khi bị dân kiện, như thực dân đã dựng ra; hay là đền tội sau khi bị cách chức phủ doãn vì vụ loạn Chày Vôi, với nhiệm vụ bang biện, thấp hơn tri huyện, ở Thành Hóa, nơi ma thiêng nước độc; hoặc làm một việc gì khác, không rõ ràng và đáng kể, hay bị cho về vườn. Đây cũng là một trường hợp cách biệt giữa hai cách viết sử: một, dựa vào tài liệu thứ ba, thứ tư của người Pháp thực dân, hai, dựa vào tài liệu gốc hoặc sát gốc, như thơ văn, tấu sớ của chính nhân vật lịch sử đó, hay bộ *Đại Nam Thực Lục*, chính sử của nhà Nguyễn, cái triều đại mà chính nhân vật lịch sử đã phục vụ suốt đời mình. Vì vậy, quãng đời quân vụ của NVT, mà rất ít người biết đến, sẽ được trình bày sau đây, rồi so sánh với những gì sử sách quen thuộc, bị

thực dân chi phối, thường nói để tỏ rõ sự thiên lệch, cố ý bôi lọ, của nền sử học thực dân.

Được vua Tự Đức cử ra Bắc với chức tán tương, NVT đã phục vụ khắp nơi ở chiến trường đông bắc, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên, và Bắc Ninh. Có khi thì ông cầm quân ra trận, khi thì bàn định kế hoạch quân sự trong bộ tham mưu của các đô thống Đoàn Thọ, Võ Trọng Bình, Hoàng Kế Viêm, khi thì tiếp xúc với quân tướng nhà Thanh lúc ở đất Tàu, lúc ở đất Việt theo lệnh vua Tự Đức, để cùng hoạch định mưu lược dẹp quân phản loạn Trung Hoa, biến thành giặc cướp, từ Lưỡng Quảng tràn sang. Khi thất trận, NVT đã từng bị khiển trách, cách chức, rồi khi thắng trận lại được khai phục và khen thưởng, cũng như hầu hết mọi đồng nghiệp của ông. NVT luôn luôn chấp nhận sự thưởng phạt như là một phương lược cần thiết để khích lệ sự cố gắng hầu thực hiện mục tiêu công ích, như ông đã trình bày lên vua là 'sấm sét hay mưa móc thảy đều ngụ ý sinh thành (Bản tấu lên Tự Đức ngày 17 tháng 6 nhuận năm Tự Đức 26, 1873). Giai đoạn lịch sử này, mặc dầu chính sử chỉ tường thuật các sự kiện một cách khô khan, rời rạc, và vắn tắt, có thể được xem như là một bằng chứng hùng hồn cải chính mọi luận cứ xuyên tạc bôi lọ của phe thực dân về sự bất lực, hèn nhát của quan quân Việt. (ĐNTL, XXXI, XXXII, passim) Thật vậy, chỉ kể sau vài năm chiến đấu, vào mùa xuân năm Tự Đức thứ 23, 1870, lúc tướng nhà Thanh là Phùng Tử Tài [chỉ huy quân Tàu được phái sang để cùng dẹp giặc Cờ Đen, Cờ Vàng, và Cờ Trắng . . .], rút quân về cửa quan vì tình hình đã tạm yên, quân đội Việt có thể đã chết đến độ hai mươi lăm phần trăm [25%], giống như quân đội Tàu được phái sang, (ĐNTL, XXXII, 32) gồm khá nhiều quan lại văn võ cao cấp, trong quân thứ do Triều đình cử ra cũng như tại địa phương, chưa kể những kẻ bị thương tích hay bệnh hoạn. Số quan lớn hy sinh tính mạng không phải là hiếm, có người chết vì đánh trận, như Tổng thống Đoàn Thọ ở Lạng Sơn (Ibid., 61), Tri phủ Nguyễn Thận ở Hưng Hóa (ĐNT L , XXXI, 330), Phó Lãnh binh Vũ Văn Phùng ở Bắc Ninh (XXXII, 46), Phó Vũ học Hoàng Hữu Tài (Ibid., 94), người thì tự tử sau khi bị bắt mà không chịu đầu hàng giặc, như Đề đốc Phan Bân (Ibid., 11), Án sát Hoàng Tạo ở Cao Bằng (Ibid, 46), Lãnh binh Lê Văn Dã ở Lạng Sơn (Ibid.I, 61, 72). Thật là bao nhiêu anh hùng vô danh mà đáng lẽ sử sách ngày nay phải đề cao!

Trong bối cảnh loạn lạc, đầy nguy biến, bất trắc suốt năm năm ở miền biên giới Việt Bắc, NVT đã chiến đấu với tất cả bầu nhiệt huyết của một kẻ sĩ ý thức đầy đủ nhiệm vụ của mình với vua, với nước. Lòng trung quân ái quốc của ông đã được biểu lộ trong một số bài thơ bằng chữ Hán mà các tác giả Trần Viết Ngạc, Trần Đại Vinh, và Vũ Đức Sao Biển đã sưu tầm, phiên âm, và dịch. (*Kỳ Vĩ Quận Công Nguyễn Văn Tường Thi Tập*. Tài liệu đánh máy trình bày ở HNNVTDHSP96; Hoàng Liên, "Một cuốn thơ" *Văn Học*, số 129 & 130, 22-32). Trước nỗi cơ cực của đồng bào đất Bắc vì nạn cướp bóc lúc đó, NVT đã than thở: *Bốn thành cỏ lúa sờn kêu khóc*. Rồi ông nhận thức ngay nhiệm vụ của mình khi mới vừa đến Lạng Sơn là lo cho dân chúng khỏi bị áp bức:

Tuy nhiên lòng chó sói,
Há để kề bên hông.
Bọn ta thẹn ngồi không
Kẻ nào đáng hưởng lộc
Nguyện cùng nhau lo toan
May dân khỏi bức bách.

Cũng ở Lạng Sơn, hồi tưởng lại chuyến du hành vừa qua vào Gia Định đàm phán với Pháp, ông mơ ước diệt hết quân xâm lăng:

Diệt hết lũ cừ khôi,
Khỏi ô uế bờ cõi.
Dẹp loài ranh khác tộc,
Nam bắc cùng một mối.

Vốn lạc quan và đầy nhiệt huyết, ông khao khát chiến thắng cuối cùng:

Bao giờ sông núi ghi công đó
Chẳng phụ giang sơn mấy nỗi niềm.

Sau năm năm lặn lội trên một chiến trường gian nan và bế tắc ở miền biên giới Việt-Hoa, nơi giặc cướp lúc ẩn lúc hiện, ông đã nhận định nhiệm vụ phức tạp và khó khăn của mình:

Năm năm bảy lượt trẩy sông Xương,
Cam chịu gian truân mấy đỗi đường,
Cứu hiểm chẳng rành tài sông nước,
Lái cầm chưa vững cột buồm rung.
Việc đời cuồn cuộn vời con nước,
Bế tắc lòng tôi đọng tợ sương.

Sau đây là một vài chiến trận thử thách khả năng quân sự của một người gốc là văn quan như NVT. Vào mùa thu năm Tự Đức thứ 23, 1870, thành Lạng Sơn bị giặc họ Tô đánh úp ban đêm. Lãnh binh Lạng Sơn Lê Văn Dã, và Tổng thống đạo quân thứ Thái Nguyên Đoàn Thọ bị giặc giết. Tổng thống đạo quân Lạng, Bằng Võ Trọng Bình

cùng Tuần vũ Lạng Sơn Đặng Toán và Tham Tán NVT vượt qua thành chạy, bơi qua sông đến họp với Tán lý Ông Ích Khiêm và Án sát Lạng Sơn Hoàng Tướng Hiệp. Hai ông Khiêm và Hiệp mới dẫn quân về đến Kỳ Lừa, sau khi đem đại binh đánh sào huyệt giặc ở Nà Dương rồi nghe tin thành Lạng có biến. Mất thành, Võ Trọng Bình bị vua Tự Đức cách chức, tạm cho hàm hồng lô tự khanh, NVT bị giáng xuống hàm trước tác, Đặng Toán xuống làm Thị độc, đều được giao cho tổng đốc Bắc Ninh tùy nghi sử dụng. Sau đó, NVT được vua chuẩn cho quyền sung chức Tán tương, và sai viết quốc thư trao cho Tuần phủ Quảng Tây và Đề đốc Phùng Tử Tài, yêu cầu trợ giúp đắc lực hơn. (ĐNTL, XXXII, 61-2) Vào cuối thu năm ấy, đầu mục giặc Tô Quốc Hán, theo lời phủ dụ của quan quân ta, xin ra hàng và trả lại thành Lạng Sơn. Thống đốc quân vụ đại thần Hoàng Kế Viêm và NVT cùng Nguyễn Bính và Nguyễn Huy Kỷ, vì có công chiêu dụ, đều được vua khen thưởng, cho gia cấp, và tặng mỗi người một đồng kim tiền. (ĐNTL, XXXII, 81) Vào đầu năm sau, giặc đã ra hàng rồi, lại nổi lên lại, vây thành Lạng Sơn và quấy nhiễu Bắc Ninh. Phó Vũ học Hoàng Hữu Tài, đo quân thứ phái, đánh nhau với giặc và bị chết trận. NVT được Thống đốc Hoàng Kế Viêm ủy cho đem hơn hai ngàn quân, hợp lại cùng với quân thủ dõng của Bố chánh sứ Bắc Ninh là Phạm Thận Duật, đánh nhau với giặc ở xã Tiên Dược, huyện Kim Anh. Bọn giặc tan vỡ. Sau chiến thắng khá lớn này, NVT được vua cho khai phục hàm Quang lộc tự khanh; Hoàng Kế Viêm và Phạm Thận Duật được thưởng quân công. (ĐNTL, XXXII, 94) Vào cuối xuân năm Tự Đức thứ 25, 1872, NVT cùng phó Đề đốc Trần Mân, Tham tán Ông Ích Khiêm dẹp tan giặc trốn từ Trung quốc sang ở đồn Thanh Dã, Thái Nguyên, và được thăng thưởng. (ĐNTL, XXXII, 189)

Tinh thần hợp tác, cũng như khả năng và nhiệt tâm chiến đấu của NVT, đã được vua và các đồng nghiệp nhìn nhận. Thật vậy, sau khi đoàn quân thứ đến đất Bắc được ít lâu, và NVT đang giữ chức tham tán quân thứ Tuyên Quang, thì được vua y cho ở lại quân thứ Lạng Sơn để bàn tính kế hoạch, theo lời xin của Thống đốc Võ Trọng Bình. (ĐNTL, XXXI, 325) Tổng đốc Sơn, Hưng, Tuyên Nguyễn Bá Nghi cũng tâu vua rằng Tán tương quân thứ Tuyên Quang Nguyễn Văn Tường giỏi giang hiểu biết, xin cất lên chức đốc phủ. (ĐNTL, XXXI, 330-1). Vua Tự Đức lại rất tin cậy vào tài giao thiệp của NVT nên đã ủy thác cho ông việc thương thuyết với tướng Tàu Phùng Tử Tài. Vào mùa thu năm Tự Đức thứ 22, 1869, tuân lệnh vua, Võ Trọng Bình và NVT bàn với họ Phùng gấp đem quân đến Thái Nguyên, Bắc Ninh, Sơn Tây, và Tuyên Quang để cùng đánh giặc thổ phỉ. (ĐNTL, XXXI, 357) Khi tướng họ Phùng mang quân đi Thái Nguyên từ nơi nghỉ quân là Bắc Ninh, Võ Trọng Bình và NVT, với sự chấp thuận của vua, đã tiễn đưa đến tỉnh Thái rồi mới về lại Bắc Ninh. Vào muà xuân năm Tự Đức thứ 23, 1870, vua sai Võ Trọng Bình cùng NVT yêu cầu tướng họ Phùng tiến quân ngay đến thành Tuyên Quang để cùng dẹp giặc, và họ Phùng đã sốt sắng nghe theo. *Vua ngợi khen Bình, Tường giỏi về ứng đối, đặc cách cho chuyên sung việc hộ dẫn, theo bàn mưu kế đánh dẹp vỗ về.* (ĐNTL, XXXII, 11) Được tin Tổng trấn Tàu Quan Tùng Chi đau chết, vua Tự Đức ủy cho NVT làm Khâm mạng phúng điếu bạc 200 lạng, và một số quí vật như trầm hương, quế Thanh, và 3000 lạng bạc cho các quân doanh nước Thanh. (ĐNTL, XXXII, 30). Sau khi quân Tướng Phùng rút về, vì tình thế đã tạm yên, NVT tâu vua công việc cần làm về sau là nên chọn lọc quan văn võ thanh liêm, mẫn cán bổ nhiệm vào các chức vụ tổng đốc và đề đốc ở mỗi tỉnh, và cấp cho 500 quân tinh nhuệ. Quan tốt và chính, theo NVT, thì dân kính nể và không có phản nghịch lớn. Ở Hà Nội thì ông thấy cần một kinh lược đại sứ, được cấp cho 2000 quân tinh nhuệ. Vị quan này phải là người có lòng công bằng, chính trực, và tài cai trị với uy vọng lớn như Nguyễn Tri Phương. (ĐNTL, XXXII, 31-2) Ý kiến này về sau được vua áp dụng cho thành Hà Nội. Nhưng không bao lâu thì tình hình sôi động lại tái diễn. Quân phiến loạn, lâu nay trốn về lại Tàu, hoặc ẩn núp trong vùng núi rừng, lại xuất hiện và cuộc chiến kéo dài.

Đầu năm Tự Đức 26, 1873, thống đốc Pháp ở Nam Kỳ gởi thơ yêu cầu lập hiệp ước mới, hầu hợp thức hóa việc nhượng giao ba tỉnh miền Tây. Đình thần cho là việc ấy chắc không phải do quốc trưởng Pháp quyết định, nên xin cho sứ bộ sang Pháp hỏi rõ rồi sẽ liệu biện. Vua y theo và, nhận thấy khả năng ngoại giao của NVT, cho triệu ông về Kinh đợi tham gia phái bộ, cùng với Kinh lược Lê Tuấn./.

Bài này là một thành phần của cuốn sách tác giả đang soạn về nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường. Mọi sử dụng, bất kỳ dưới hình thức nào, cần sự đồng ý của ông Nguyễn Quốc Trị./.

Đi Tàu

PHẠM XUÂN ĐÀI

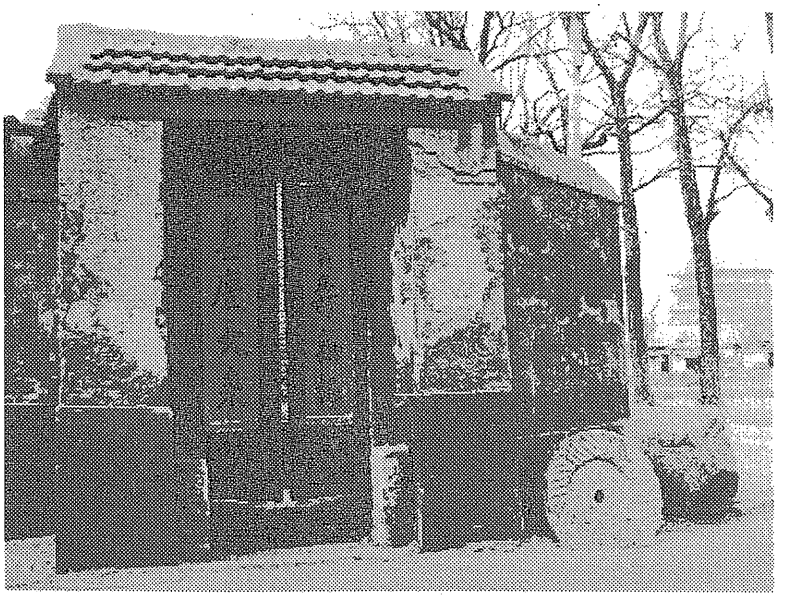

Người mình ngày xưa để chỉ việc đi ra thế giới, thường chỉ nói gọn ghẽ: "đi Tây đi Tàu." Thì ra cái rộng lớn của thế giới trong con mắt của người Việt Nam trước đây đơn giản thật. Chỉ cần hai nước Trung Hoa và Pháp, không Tàu thì Tây, là đủ. Ở Việt Nam mà đi Tây thì đương nhiên phải đi về hướng Tây, còn đi Tàu thì lên hướng Bắc. Nhưng nếu đã định cư ở Mỹ thì mọi chuyện phương hướng lại lộn tùng phèo. Muốn đi Tây thì bay về hướng Đông, qua Đại Tây Dương, còn đi Tàu, xứ sở lớn nhất ở phương Đông thì lại phải bay về phía Tây xuyên qua Thái Bình Dương.

Tuân theo truyền thống đi ra thế giới ấy của người Việt Nam, tôi đã đi Tây cách đây mấy năm, và bây giờ thì đi Tàu. Dĩ nhiên là đi theo *Tour* du lịch, chứ xứ đó mình làm gì có bà con bạn bè, làm sao dám tự đi du lịch một mình. Xứ sở thì rộng lớn, lại chẳng biết tiếng Tàu, làm sao xoay xở.

Nước Tàu suốt ba thập niên đóng cửa làm cách mạng, nhìn thế giới với con mắt gờm gờm. Chuyện đi du lịch Tàu mới có rầm rộ khoảng một hai thập kỷ lại đây sau thời nước này mở cửa, chứ trước kia ai mà nghĩ đến chuyện này. Người Việt Nam lại càng không nghĩ đến, vì cảm thấy mình biết về Tàu nhiều quá rồi: chỗ nào trên đất nước Việt Nam mà chẳng có mấy chú ba Tàu đẩy xe mì tới, chỗ nào lại chẳng có chùa Tàu, người lớn trẻ con ai mà chẳng biết truyện Tam Quốc, Tây Du, Thuyết Đường, Thủy Hử... Truyện Tàu, kinh sách Tàu xây dựng tâm hồn và nhân cách, thi phú Tàu nuôi dưỡng đời sống tình cảm cho biết bao thế hệ người Việt từ xưa đến nay. Mình biết Tàu từ những thứ trừu tượng như triết học, văn chương đến cái cụ thể như thuốc men, thức ăn thức uống và cả ngôn ngữ nói và viết, biết nhiều đến độ khi nghĩ đến chuyện du lịch thế giới thì tự nhiên đưa đầu óc đến những nước Âu Mỹ vì ở đó mới nhiều cái lạ và văn minh tiến bộ mà mình chưa biết. Chưa biết mới đáng đi đến cho biết, chứ biết rồi thì đến làm gì?

Nhưng khi du lịch Trung Quốc được khai thác một cách quy mô thì thế giới bắt đầu chú ý đến cái tài nguyên vô cùng dồi dào phong phú của ngành này tại đây: một nền văn minh vào hạng cổ nhất thế giới. Điều đặc biệt là cái cổ ở đây không phải là cái đã hoàn toàn chết kiểu Kim Tự Tháp ở Ai Cập, trái lại dân tộc tạo ra nền văn minh ấy vẫn còn đang sống và tiếp tục tạo dựng nền văn hóa trên những gì tổ tiên của họ đã để lại từ ngàn xưa. Và người Việt Nam cũng khám phá ra rằng cái nước Tàu quen thuộc và có vẻ cổ lổ sĩ ấy thực ra là một kho tàng vô cùng giàu có để đến xem, và xem một cách thú vị, vì khác với người Tây phương, người mình có sẵn rất nhiều kiến thức về nước Tàu. Ngày xưa có lần nói chuyện với một ông thầy dạy nhạc, tôi nói nhạc lý thì chỉ cần cho người muốn thành nhạc sĩ, chứ đối với người chỉ nghe nhạc thôi thì chẳng cần học cũng vẫn thưởng thức được cái hay của nhạc như thường. Ông thầy cười, nói rằng vì anh chưa hiểu nhạc lý thì nói vậy, chứ hiểu rồi thì sự thưởng thức của anh sẽ được nâng lên một trình độ khác hẳn. Tôi ậm ừ, lòng không tin lắm lời nói đó, vì không hiểu nhạc lý tôi nghĩ là tôi vẫn thưởng thức

một cách rất trọn vẹn tiếng hát Thái Thanh trong bài Tình Hoài Hương, Tiếng Sáo Thiên Thai, hay giàn giao hưởng Tây phương hòa tấu bài Le beau Danube bleu, có sao đâu! Ăn thua mình cảm nhận cái hay là được, cần gì phải "hiểu," có khi hiểu nhiều quá lại làm giảm cái hay đi là đàng khác. Mãi lâu về sau, do những cơ duyên run rủi để hiểu biết nhiều hơn, tôi nhận là ông thầy nhạc nói đúng. Và khi đi đến Trung Quốc với một đám du khách người Mỹ thuộc nhiều nguồn gốc khác nhau, tôi thấy cách thưởng thức mọi cái ở đây của tôi thuận lợi hơn những người Mỹ trắng và người gốc Ấn Độ rất nhiều nhờ ở sự hiểu biết từ trước của tôi về văn hóa xứ này. Chưa đến chùa Hàn San ở Tô Châu mà tôi có cảm tưởng đã quen với nó, thậm chí đã nhiều lần nghe tiếng chuông nửa đêm của nó, bây giờ tôi như sắp tái ngộ một người bạn cố tri, trong khi đối với những người bạn Mỹ thì đó cũng chỉ là một ngôi chùa hầu như vô danh trong vô số ngôi chùa khác trên đất Trung Hoa này thôi.

Bay từ Los Angeles lên San Francisco để đổi sang chuyến bay khác tới Trung Hoa, người ta đã gặp "nước Tàu" ngay khi làm thủ tục ở Air China. Cả đời mình đã gặp không biết bao nhiêu là người Tàu, hồi nhỏ tôi ở ngay với người Tàu trong các phố của Hội An, có rất nhiều đứa bạn học người Tàu, lớn lên vào ra Chợ Lớn biết bao nhiêu lần, nhưng mình vẫn thấy họ là một phần Việt Nam. Bây giờ đứng trước quầy vé của Air China mà tôi biết là hãng máy bay của Trung Hoa lục địa, tự nhiên thái độ của tôi đổi khác: tôi đang tiếp xúc trực tiếp với Trung Cộng, tôi thấy hình như trong người mình đang trỗi lên một thứ phản ứng đối phó. Đây là Tàu thiệt, không phải Tàu Chợ Lớn, đại diện cho cái nước lớn phía Bắc đã bao đời xâm lăng và muốn đồng hóa Việt Nam, tệ hơn nữa, đây lại là Cộng sản, một trong những thứ cộng sản tệ hại nhất trên thế giới đã làm bao nhiêu trò kỳ quặc trên nước họ và lại dạy dỗ cho thằng đàn em là cộng sản Việt Nam cái trò đấu tố dã man cùng vô số các "bài học" khác. Hình như tôi nhìn các cô tiếp viên mặc áo đỏ không thiện cảm lắm, có thể với một con mắt gờm gờm, nhưng các cô vẫn không thấy gì, vẫn tiếp tôi một cách vui vẻ như bao người khác, và làm thủ tục một cách nhanh chóng. Hình như sau đó tôi thấy ngượng với chính mình, thấy hơi hố khi đưa tình cảm của mình tới một chỗ quá đáng, mọi chuyện trên thế giới đã thay đổi quá nhiều rồi trong khi mình cứ ngồi nhà và ôm mãi những định kiến cũ. Tuy nhiên tôi cũng nhủ thầm: đấy chỉ mới là các cô tiếp viên thôi, các cô được huấn luyện để cư xử theo nếp văn minh, chứ chính nước Tàu thì vẫn chưa yên với tôi đâu!

Khi vào ngồi trên chiếc Boeing 747 của Air China, thì chỉ vì chiếc báy bay này là máy bay Mỹ, chứ nếu do Tàu chế tạo thì tôi đã có cảm tưởng đã vào nước Tàu rồi. Quanh tôi toàn người Tàu, phi hành đoàn, nam nữ tiếp viên, tất cả các dòng chữ trên chiếc Boeing đều viết bằng hai thứ tiếng, Anh và Hán tự. Các nước cộng sản trong quá khứ khi ra với thế giới thì thường dốc sức biểu diễn những cái hay đẹp nhất của họ để tuyên truyền sự "ưu việt" của chế độ. Ở trong nước dân tình càng đói khổ thì các lãnh tụ càng có nhu cầu lấp liếm đi bằng những cái hào nhoáng giả dối đối với thế giới bên ngoài. Ngày xưa nước cộng sản nào cũng cùng một sách như vậy, vì thế tôi tưởng tượng chuyến bay Air China này cũng là một dịp quá tốt để tuyên truyền, nó phải mang trong nó tất cả sự chu đáo, hay ho, ngon lành có thể có được để trình bày lòng hãnh diện về một nước Tàu cộng sản. Nhưng không, không có một cái gì tương tự, nó chỉ là một chuyến bay bình thường với một sự cố gắng theo kịp tiêu chuẩn quốc tế về hàng không dân sự nhưng còn có vẻ hụt hơi. Tôi nghĩ thời còn khối cộng sản khép kín, lâu lâu biểu diễn một lần thì còn sức mà tạo ra một vài sự hào nhoáng giả tạo, chứ làm ăn thường xuyên với thế giới văn minh rồi thì mọi cái đều phải hiện hình rõ bản chất của mình thôi. Một nước ngập chìm trong sự cai trị độc đoán và lạc hậu, với một não trạng coi thiên hạ chỉ có ta là nhất còn lại toàn những thứ "cọp giấy;" loay hoay mấy mươi năm với một dân số ngày càng tăng khủng khiếp, với những lý thuyết công nghiệp hóa đất nước nhanh, mạnh bằng các phương pháp hoang tưởng nhà quê; đi chưa vững đã đòi nhảy, đòi vọt; đưa trí tuệ thụt lùi về thời thượng và trung cổ bằng các câu thần chú đọc từ các quyển sách đỏ; luôn luôn xáo trộn với âm mưu này đối phó âm mưu kia; người dân cả đời chỉ thụ động "nhờ ơn đảng"... một đất nước như thế mà tổ chức cho ra hồn một hãng máy bay hành khách theo tiêu chuẩn văn minh không phải là chuyện dễ dàng. Phải học, dĩ nhiên, nhưng gột rửa những thói quen giao tiếp theo lối cán bộ – dân chúng để biến thành người bán và khách hàng một cách cao cấp thì không thể một sớm một chiều mà xong được. Quyết tâm chuyển hóa thì cũng vài thế hệ.

Nhớ hồi mới từ trại cải tạo trở về, lần đầu tiên

sử dụng máy bay Hàng Không Việt Nam từ Sài Gòn đi Hà Nội năm 1989, tôi không khỏi khó chịu vì cung cách tiếp đãi của mấy chị tiếp viên hãng này. Nó phảng phất cung cách của nhân viên bán hàng trong mậu dịch quốc doanh, nó hơi vênh váo cửa quyền, mấy chị đó tự coi mình là người đang ban phát một cái gì chứ không phải đang làm một công việc có tính cách phục vụ người khác. Quốc doanh thì thế thôi, quen rồi, người khác phải quỵ lụy mình chứ mình việc gì phải chìu chuộng người khác. Có thể vào thời điểm ấy người ta còn thấy đường đường là nhân viên nhà nước mà phải ăn nói nhỏ nhẹ, lễ độ với người dân thì ngượng lắm, nhục lắm. Khách hàng là cái gì mà phải chìu, nhà nước tạo phương tiện cho họ hưởng là may mắn cho họ rồi, dù là dân phải trả tiền. Bao nhiêu năm trên đất Bắc có bao giờ có món máy bay dân dụng như thế này đâu, bây giờ được bay bổng nhanh chóng, không cám ơn đảng và nhà nước thì thôi, nhân viên nhà nước sao lại phải đi săn sóc, chìu chuộng? Tôi nghĩ não trạng của đám Hàng Không Việt Nam năm đó đúng là như vậy, từ người làm ở phòng bán vé cho đến tiếp viên trên máy bay, luôn luôn mang thái độ thi thố ân huệ cho dân chúng. Họ là sản phẩm của chế độ, tự nhiên thôi.

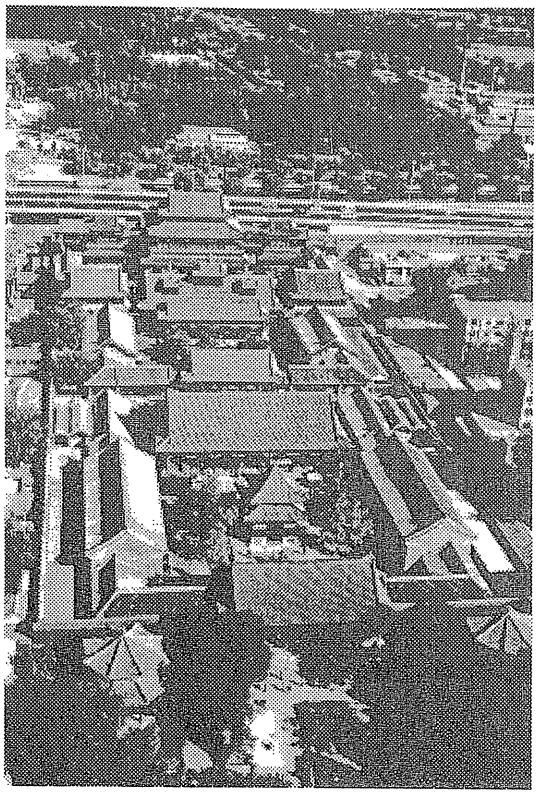

Cho nên chờ đợi một một chuyến bay tuyệt vời của Air China là sai. Chuyện làm ăn lâu dài không thể là những dịp biểu diễn được, biểu diễn hoài kham sao nổi! Phải hiện nguyên hình chân thật của mình thôi, và phải học hỏi và thay đổi liên tục. Thái độ của tiếp viên rất tốt, các cô hầu hết xinh đẹp, lễ độ và làm vui lòng khách, nhưng rõ ràng là không "pro" trong công việc như người Tây phương. Tiếp viên các hãng hàng không Mỹ chẳng hạn, ý thức trách nhiệm của mình đối với khách một cách rõ rệt, và làm rất tận tụy tất cả những gì mình có thể, không cần điệu bộ kiểu cách gì cả. Trong khi những cô Trung Hoa yêu kiều cũng làm đầy đủ nhiệm vụ tiếp viên (không đến nỗi mặt lạnh tanh "làm đầy đủ nhiệm vụ trên giao phó" như một cán bộ đảng) nhưng hình như không hoặc chưa sống thật trong vai trò của mình, không tạo được cảm tưởng tin cậy nơi khách. Hình như vào thế giới văn minh họ chỉ mới học được cái kỹ thuật của công việc mà chưa thấm nhuần được tinh thần của những nghề nghiệp mới trước kia không có trong xã hội của họ. Các cô gái này không bao giờ khinh khỉnh với khách như những cô Hàng Không Việt Nam thời điểm 1989 – họ đã qua thời kỳ đó lâu rồi, nhưng họ hành nghề ít nhiều như đóng một vở kịch, trong thâm tâm chưa có sự yêu mến thật sự công việc của mình. Một thời gian dài rất khốc liệt, đất nước họ cấm đoán tất cả những yêu mến như thế, để chỉ yêu và ghét theo chỉ thị của đảng, bây giờ tạo lại chất men thật của đời sống thì không chỉ một thời gian ngắn mà chất men có thể dậy được. Vả lại, bây giờ cái đảng vẫn còn nguyên đó, nó chỉ mới nới lỏng dây trói thôi chứ đã mở trói hẳn cho người dân đâu. Và Air China là một hãng quốc doanh!

Người Á châu phải học rất nhiều cách tổ chức theo khoa học của người Tây phương. Cứ nhìn một chuyến bay điều hành hoàn toàn bởi người Trung Hoa thì thấy sự khác biệt giữa Đông và Tây. Nếu nghệ thuật uống trà một cách tinh tế hoặc phương pháp tập tành dưỡng sinh sao cho khỏe mạnh sống lâu là những đặc điểm của nền văn hóa Trung Hoa thì việc tổ chức một hãng máy bay với những chuyến bay xuyên lục địa là sản phẩm hoàn toàn Tây phương, và khi người Đông phương muốn làm việc ấy thì phải học, và một khi học một cái gì không thuộc truyền thống của mình thì lâu thuộc bài lắm. Việc đẩy xe thức ăn đi mời khách dùng bữa vẫn còn những luộm

thuộm, không quan trọng lắm, nhưng tinh ý một chút thì thấy ngay; vào nhà vệ sinh sau khi đóng cửa cài then thì thông thường một cái đèn sáng hơn phải tự động bật lên, đằng này phòng vẫn chỉ một ánh đèn mờ mờ; màn ảnh lớn của 747 mà suốt chuyến bay 11 tiếng đồng hồ chiếu bao nhiêu là phim của Tàu, của Mỹ mà trước sau chỉ một màu đen trắng... Những cái không vừa ý lặt vặt như vậy đối với một hãng Tây phương thì không có quyền xảy ra, nhưng đối với Air China thì vẫn xảy ra. Vẫn biết là họ sẽ sửa chữa cái đèn, cái màn ảnh, nhưng vấn đề là họ cứ để đấy, không biết lúc nào thì bắt tay làm, và họ thấy những khiếm khuyết như thế trên một hay nhiều chuyến bay cũng không quan trọng gì. Đó là do thói quen ban phát cái gì thì dân được hưởng cái đó của đảng cộng sản; cũng có thể đó là cung cách luộm thuộm, đại khái, thiếu chính xác như là một bệnh di truyền nhiều đời trong máu của người Trung Hoa. Có lẽ cả hai. Sự toàn trị của đảng cộng sản trên đất Trung Hoa cho tới nay chưa dài lắm, nhưng vì tính chất khốc liệt của nó, một số thuộc tính cộng sản cũng có thể đã nhiễm thành một bản tính thứ hai của con người Trung Hoa rồi. Những người đã bay với China Airlines của Đài Loan và với Air China của Trung Cộng thì thấy rất rõ sự khác biệt của hai mẫu người Trung Hoa, một bên như là những người ở tỉnh thành đã lâu đời với một bên là những người nhà quê mới tập nhiễm thói quen của đô thị.

Tôi luôn luôn cảm động khi mình bước chân đến một đất mới trước giờ chưa hề biết. Máy bay đáp xuống Bắc Kinh vào buổi chiều giữa tháng Tư nắng ráo, tôi nhìn đất, nhìn cây bồi hồi tưởng nhớ đến bao trang sử đã qua của xứ này có liên quan đến Việt Nam, hoặc như tôi biết qua các "truyện Tàu." Quan cảnh phi trường không gây ấn tượng gì đặc biệt, ngoài việc máy bay đậu ở giữa sân, hành khách phải lên xe buýt chở vào phi cảng. Tôi hơi ngạc nhiên: đây có thể là một trong những toán du khách quan trọng đối với Trung Quốc ngày nay – đến từ Mỹ, một nước đang đưa nước Tàu đến chỗ giàu mạnh, trong đó lượng đô la của chính du khách Mỹ đến thăm xứ sở này hẳn phải chiếm một phần đáng kể, thế mà họ được đón tiếp khá luộm thuộm, không có được một "ống" tiếp nhận riêng để đi thẳng vào phi cảng cho thuận tiện hơn. Chiếc xe bus chạy quanh co giữa sân nắng chang chang và bỏ khách xuống ở một cái cửa ngách nào đó, từ đó khách lếnh thếch kéo nhau đi vào không một người chỉ dẫn, chỉ dựa vào những tấm biển chỉ đường mà đến dần khu lấy hành lý. Cảm tưởng đầu tiên của tôi là: phi cảng tồi quá. Sự đón tiếp này không xứng đáng với một nước có ngành du lịch đang nổi tiếng và số lượng du khách đang phát triển lớn lao. Con rồng Trung Quốc quá kềnh càng, không trở mình và cất cánh dễ dàng như những con rồng nhỏ khác ở Á châu. Kềnh càng nhất có lẽ vẫn là di sản của mấy mươi năm cộng sản bây giờ thật khó mà gột rửa hết được một cách nhanh chóng. Phi cảng xây từ lâu rõ ràng không thể đáp ứng với nhu cầu to lớn của ngày hôm nay, chưa nói đến khía cạnh mỹ thuật hầu như không có gì. Tuy nhiên cách tổ chức và điều hành thì khá tốt: lấy hành lý nhanh chóng, qua thủ tục công an và hải quan lẹ làng, nhân viên hãng du lịch đón tiếp đầy đủ và thân tình. Một điều đáng để ý: nhân viên làm việc, từ trên máy bay đến phi trường – công an, hải quan, du lịch - đều thuộc thành phần rất trẻ. Đây là một sự cố tình rất khéo: giới trẻ hầu như không mang nặng những căn bệnh của quá khứ cộng sản là vừa ngu dốt vừa cửa quyền, lại được đào tạo theo nếp văn minh mới, thạo tiếng Anh, chính họ thấy không xa lạ với những người đến từ phương Tây.

Bắc Kinh

Bắt đầu từ khi được nhân viên hãng du lịch mời lên xe bus để về khách sạn, chúng tôi không phải lo gì về những hành lý nặng của mình nữa. Các va ly lớn của cả nhóm được tập trung chở bằng một xe riêng, sẽ được đưa tận phòng cho từng người khách. Trong tương lai khi di chuyển đến những địa phương khác, khách cũng chỉ việc để các va ly ấy ngoài cửa phòng mình trước khi đi, sẽ có người lo lấy đi gửi máy bay hoặc xếp vào thùng xe bus, và sẽ giao ngay tại cửa phòng khách sạn sắp đến của mình. Sự chu đáo này là một ưu điểm rất lớn của tour du lịch, giúp khách đi chơi thoải mái, thích nhất là không bao giờ phải lo gửi hành lý tại các phi trường.

Xe vào thành phố Bắc Kinh trong ánh chiều tà sau gần một giờ chạy trên những xa lộ hai bên cây lá xanh tươi đầu xuân. Giống một số các thành phố thủ đô trên thế giới, Bắc Kinh không mang vẻ gì sinh động, xuất sắc. Một thế giới của công chức, của quan quyền. Cái khệnh khạng quan liêu của quyền lực giết chết sự tươi trẻ của một cuộc sống hồn nhiên. Dĩ nhiên những dấu vết quyền lực của quá khứ còn tồn tại cho đến ngày nay tại đây là điểm chính thu hút du lịch của thế giới.

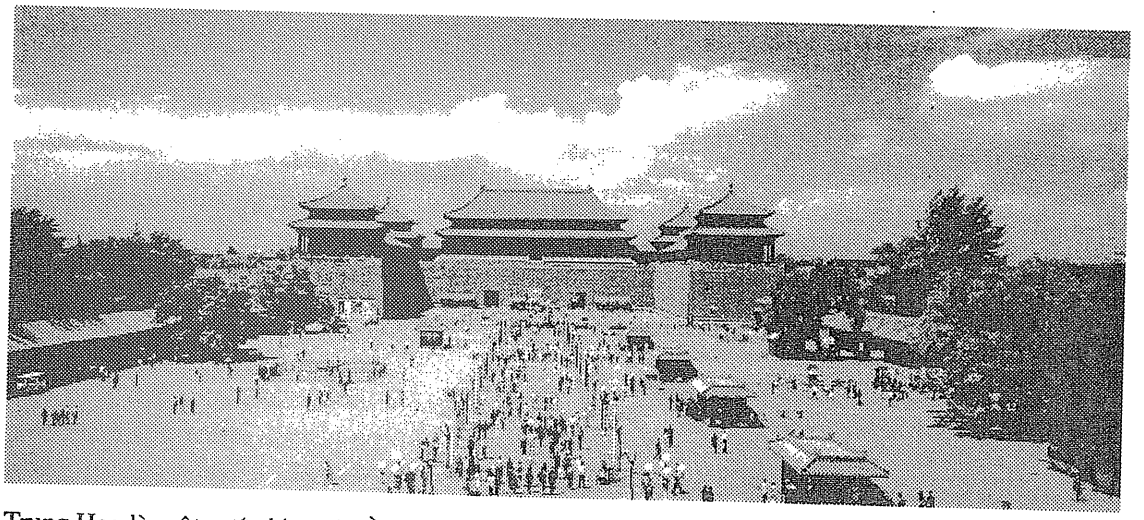

Trung Hoa là một nước lớn, có nền văn minh rất sớm, tổ chức triều đình phong kiến tại đây là một mẫu mực hoàn chỉnh nhất thế giới.

Ngày đầu tiên trên đất Tàu tôi thức dậy từ 5 giờ sáng, sau một đêm ngủ mê mệt vì chuyến bay dài, mặc dù có lúc thức giấc vì thay đổi giờ. Qua cửa sổ nhìn xuống phố thấy còn vắng tanh, bên kia đường có một bảng hiệu đề chữ Carefour to tướng, tôi ngờ ngợ, mãi một lúc sau mới nhớ đã nhìn thấy cái này ở Paris. Đó là tên một hệ thống siêu thị lớn của Pháp, không ngờ họ cũng qua đến xứ này mở hiệu làm ăn. Nhưng rồi lại nhận ra một hình ảnh quá quen thuộc khác ngay cạnh, đó là hiệu gà chiên KFC của Mỹ. Hiện tượng toàn cầu hóa đang bày ra ngay trước mắt. Nhưng tôi đến đây để xem nước Tàu chứ không cần các thương hiệu của thế giới, nên vội tập thể dục và tắm rửa để còn đi ăn sáng, trước khi bắt đầu chương trình thăm viếng ngày hôm nay.

Nhóm du lịch của tour chúng tôi ăn sáng miễn phí tại tất cả các khách sạn mà mình sẽ ở. Phòng ăn sáng của New Century Hotel ở Bắc Kinh rất rộng rãi và lịch sự, ăn theo lối buffet – nói nôm na là ăn bao bụng – thức ăn khá đa dạng, từ các món Tây phương như trứng chiên, các loại thịt hun khói, cereal, sữa và nước trái cây tươi v.v... đến các món Tàu như cơm chiên, mì xào, bánh bao, cháo trắng ăn với củ cải hay hột vịt muối... Đối với du khách người Mỹ gốc Việt hay gốc Hoa, thức ăn đông tây hỗn hợp như thế này rất tiện, vì thứ nào cũng là "gu" của mình cả. Ngồi trong phòng ăn này mới thấy nước Tàu dư thừa người, đội ngũ các cô "phục vụ" đông vô số kể, hầu như mỗi bàn một người, các cô chăm lo cho khách từng li từng tí, một cái đĩa vừa ăn xong là vội dọn đi, tách cà phê vừa vơi một chút là vội châm thêm. Hình như các cô không trông chờ tiền "tip" lắm, nhưng nhận được một đô la tiền tip của khách, các cô rất mừng rỡ và cảm động.

Thiên An Môn là một địa điểm có lẽ là nhạy cảm nhất nước Tàu bây giờ. Từ sau vụ thảm sát năm 1989, đó không những nổi tiếng vì là quảng trường lớn nhất thế giới – chỉ riêng khoảng sân ngay trước cổng Tử Cấm Thành đã có thể chứa một triệu người thong thả – mà còn là một thiên anh hùng ca về ước vọng tự do của thanh niên Trung Hoa. Từ thượng cổ, các hoàng đế nước Tàu – hoàng đế đây là chỉ chung tầng lớp cai trị – luôn luôn coi con dân như kiến cỏ, cho đến độ ông Mạnh Tử có gào lên: "Dân là quý lắm!" (Dân vi quý) nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Không vừa lòng cấp lãnh đạo là bị trừng phạt vô cùng thảm khốc, chế độ nào trên đất nước Trung Hoa cũng như vậy, có lẽ chỉ trừ chế độ Đài Loan vì ra một đảo nhỏ nên dễ bề dân chủ hóa hơn. Chúng tôi đi dọc theo con đường song song với chiều dài của Thiên An Môn để đến Tử Cấm Thành, thấy công an đứng dài dài, anh nào anh nấy đứng nghiêm, quay lưng vào quảng trường, mắt nhìn thẳng, nhưng chắc mỗi người phụ trách một đoạn có gì lộn xộn là can thiệp ngay. Tôi đi sát cô *tour guide*, định hỏi về địa điểm chính xác của cuộc thảm sát năm 1989, nhưng mới nghe tới mấy tiếng *students* với *demonstration* là cô đã xanh mặt, xua tay lia lịa: "Xin ông đừng hỏi những cái ấy, và cũng đừng nói chuyện riêng với tôi ở đây, nguy hiểm lắm!" Cảm tưởng thoải mái tôi có từ khi đến nước Tàu chiều hôm qua đến nay bỗng ngưng lại. Bề mặt cuộc sống ở đây hiện nay là một tấn kịch chăng? Những mở cửa, hiện đại hóa, toàn cầu hóa, tự do làm ăn kinh doanh... của xứ này phải chăng chỉ là những lớp sóng trôi nổi trên

mặt một đại dương vẫn giữ nguyên tính cách độc ác của sự toàn trị, khối nước bên dưới những làn sóng có vẻ lả lướt tươi đẹp phải chăng vẫn giữ một màu đen kịt như... mực tàu? Một du khách nước ngoài mà lại không có quyền hỏi người hướng dẫn du lịch về một sự kiện lịch sử của đất nước mình đến thăm thì thật là quá quắt, tình hình ấy cho thấy về một phương diện nào đó sự áp bức của chế độ lên người dân quả còn rất nặng nề. Người hướng dẫn du lịch tha hồ nói về các triều đại Trung Hoa ngày trước, về các di tích, các thổ sản, tha hồ pha trò cho khách cười..., nhưng có một ranh giới cấm kỵ mà ngay cả trong câu chuyện riêng tư cũng không được vượt qua. Hiện nay trên thế giới có lẽ tình trạng đó chỉ còn tại bốn nước Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Hàn và Cuba, là những nước theo chế độ cộng sản còn sót lại trên hành tinh này. Cung cách chính quyền các nước này đối với người dân lộ rõ tính cách *phản động* của họ đối với xu hướng tiến chung của cả thế giới. "Phản động," cái từ họ ưa dùng nhất từ khi xây dựng cách mạng vô sản để chỉ những thành phần mà họ không ưa, một vũ khí để tiêu diệt bất cứ ai không đồng ý với họ, bây giờ lại rơi vào chính họ, và chưa bao giờ nghĩa của hai chữ này lại đúng đến như thế. Một anh bạn tôi ở San Diego trước Tết 2004 vừa rồi có cùng gia đình về Việt Nam chơi, thuê riêng một *tour* đi từ Sài Gòn ra tận Hà Nội, Hạ Long. Chương trình ở Hà Nội có mục đi "thăm lăng Bác." Nhưng anh bạn của tôi, vốn đi cải tạo mười năm sau 1975, không muốn gặp bác tí nào, bèn thoái thác cái mục ấy, thì bị người hướng dẫn du lịch kỳ kèo một cách khác thường. Anh ta cứ năn nỉ ỉ ôi, chèo kéo mãi, làm như không thuyết phục được toán du khách Việt kiều vào lăng nhìn xác ông Hồ (chẳng biết là giả hay thật) sẽ là một thất bại chính trị lớn của Đảng mà anh ta là đại diện vậy. Thiệt là kỳ cục. Các hướng dẫn viên du lịch rõ ràng đã nhận được lệnh của chính quyền khuyến dụ càng đông người Việt từ nước ngoài về vào thăm lăng Hồ Chí Minh càng tốt. Để làm gì? Người ta hy vọng khi nhìn thấy cái xác của ông Hồ nằm đó thì người Việt kiều sẽ cảm động và sẽ có thiện cảm với đảng cộng sản Việt Nam hơn chăng? Hay là người ta sẽ tổng kết con số người vào thăm để phao truyền cho một ý đồ chính trị? Đó là một cái "mánh" trong muôn ngàn mánh lới mà cộng sản Việt Nam luôn luôn áp dụng từ xưa đến nay trong các mục tiêu xảo trá của họ. Có người hướng dẫn du lịch ở một nước nào mà lại năn nỉ, níu kéo cho bằng được du khách viếng thăm một nơi mà người ta không thích, dù là người ta đã trả tiền cho cả tour du lịch đó rồi? Trả tiền rồi mà không đi thăm thì mất tiền, người ta chịu lỗ, có gì mà phải níu kéo làm phiền khách như thế? Có một cái gì như là bị bó buộc, khó xử, trong thái độ của người *tour guide* bình thường rất là hoạt bát dễ mến ấy. Anh bạn tôi nhìn anh ta một cách thương hại, nhưng vẫn không thể chìu theo ý anh ta được. Giữa cô hướng dẫn du lịch của tôi ở Thiên An Môn với anh chàng đồng nghiệp ấy ở Hà Nội tuy xa cách và không quen biết nhau nhưng vẫn có một mẫu số chung, là khớp sợ cái cường quyền đang ngự trị trên đầu họ. Họ không thể ứng xử một cách tự nhiên với chức năng nghề nghiệp giống như bao đồng nghiệp khác trên thế giới: họ đang sống trong chế độ cộng sản.

Vụ thảm sát Thiên An Môn xảy ra vào ngày 4 tháng Sáu 1989, cách đây cũng đã 15 năm, thế mà hiện nay nhà cầm quyền Bắc Kinh vẫn có những biện pháp rất là phát xít đối với những ai dính líu tới vụ ấy. Trong tháng Năm năm nay (2004), Trung Cộng vẫn tích cực ngăn chặn bất cứ dấu hiệu nào muốn kỷ niệm biến cố ấy, vây nhà những người tranh đấu cho dân chủ, điện thoại của họ bị cắt hoặc nghe lén, Internet thì không dùng được, một số người được lệnh phải rời khỏi Bắc Kinh. Thậm chí nhà của thân nhân những người bị thảm sát cũng bị rình rập và đe dọa. Vừa rồi, bà Ding Zilin, một giáo sư về hưu 67 tuổi, có con trai bị giết trong vụ đàn áp, đã nói: "Với tư cách một người Trung Quốc, tôi cảm thấy rất đáng buồn. Đây là một chính phủ sợ sệt. Họ đã làm bậy, chẳng những họ không xin lỗi mà còn tiếp tục thi hành những điều sai quấy." Bà là phát ngôn nhân của nhóm "Những bà mẹ Thiên An Môn," cho biết từ trung tuần tháng Năm năm nay, công an đã canh gác bên ngoài căn chung cư của gia đình bà, và bà chỉ được đi ra ngoài để mua thực phẩm hoặc tới bệnh viện.

Tôi để ý thái độ của du khách đến Thiên An Môn, những toán người Tàu cũng như người các nước khác, đa số không còn vẻ vô tư của những kẻ đi chơi: họ mang một chút e dè, một chút trầm mặc, dường như oan hồn uổng tử của cả ngàn người trong cuộc "tứ lục vận động" mười lăm năm trước chưa tiêu tan khỏi nơi đây, khiến khách du không thể cười vui thoải mái được.

(Còn tiếp)

Ai là nhà văn
lớn nhất thế kỷ 20
của Việt Nam?

Người Việt Nam
đã sống qua
hai thế kỷ 20 và 21
phải biết về nhà văn ấy
trong một cuốn sách
đầy đủ nhất,
do THẾ KỶ xuất bản:

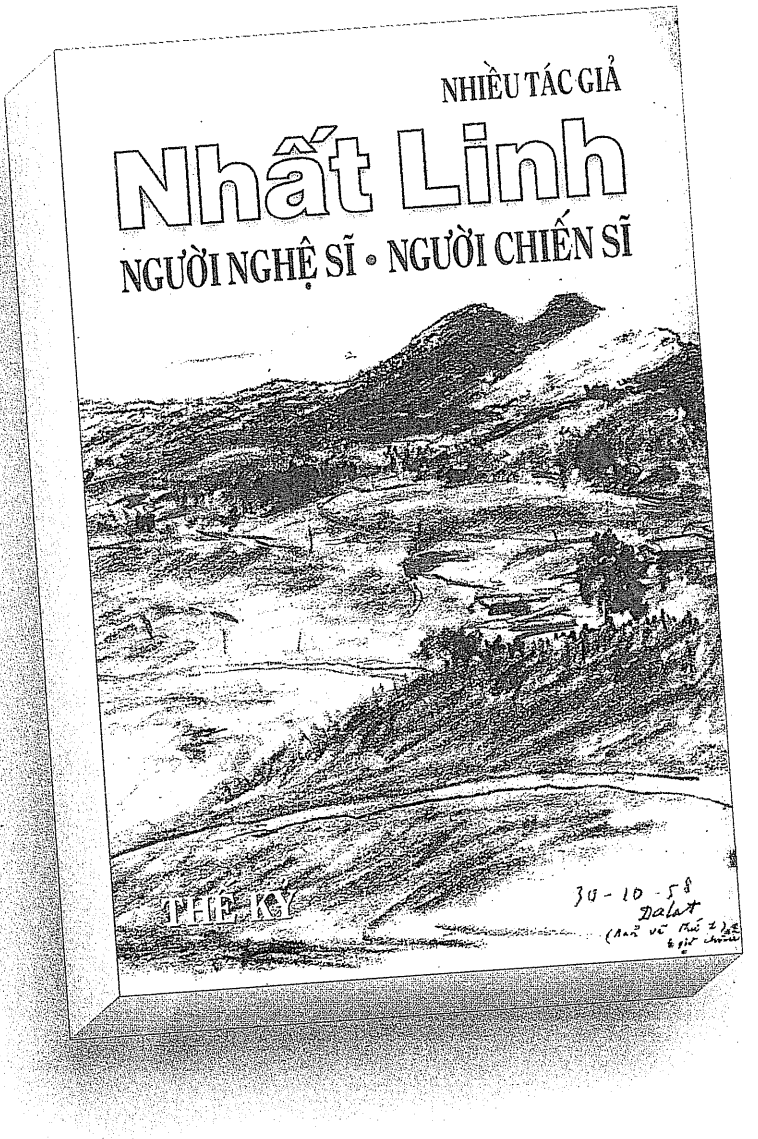

Nhất Linh

NGƯỜI NGHỆ SĨ • NGƯỜI CHIẾN SĨ

Bìa: tác phẩm hội họa của chính Nhất Linh. Trình bày: Nguyễn Đồng & Nguyễn Thị Hợp.

Gồm bài viết của: **Nguyễn Tường Bách, Trương Bảo Sơn, Võ Phiến, Đông Hồ, Nguyễn Thị Vinh, Thụy Khuê, Linh Bảo, Trần Thanh Hiệp, Trần Khánh Triệu, Tú Mỡ, Anh Thơ, Khoa Hữu, Bùi Bích Hà, Lê Đình Thông, Trương Kim Anh, Nguyễn Tường Thiết, Lưu Văn Vịnh, Phạm Phú Minh.**

Văn phẩm của **Nhất Linh** và **Hoàng Đạo.**

Rất nhiều tài liệu thuộc về cuộc đời của nhà văn Nhất Linh và nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam: hình ảnh, bản thảo, thủ bút, họa phẩm... **tất cả đều được in màu** để giữ lại các giá trị nguyên bản.

Sách phát hành vào đầu tháng Bảy, 2004. Giá 30 Mỹ kim.

Quý vị đặt mua sách trong tháng Sáu, sách sẽ được gửi ngay đến quý vị vào đầu tháng Bảy 2004 **không tính cước phí**. Chi phiếu, bưu phiếu xin đề:

Thế Kỷ 21
14781 Moran Street
Westminster CA 92683 USA

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim